

MỤC-LỤC

V.H.N.S. SỐ 38 THÁNG 1 VÀ 2 NĂM 1959

Số trang

I— Văn-hóa Việt-Nam

- Chính-sách giáo-dục tại Việt-Nam (diễn-văn của Ông Bộ-Trưởng. Q.G.C.D) . . . 1
- Hiện-tình Văn-hóa Việt-Nam (*Tân-Việt-Điền*) . . . 1
- Tinh-thần Việt-hóa (*Nguyễn-Đặng Thục*) . . . 12
- Trĩnh-Sâm và Tâm-thanh tồn duy-tập (*Thị-Phổ-Nhất*) . . 31
- Truyệu Thúy-Kiều với người ngoại-quốc (tiếp theo và hết) — (*Vũ Đắc-Trình*) . . . 39
- Người và Ta trong lý-thuyết Không-Mạnh (*Tổ-Nguyễn*) . 44
- Nền giáo-dục mới với Hiệu-đoàn học-sinh (tiếp theo) — (*Phạm-Xuân-Độ*) . . . 50
- Thích-viên-Thành (*Bửu-Cầm*) 57
- Truyện cổ Việt-Nam (tiếp theo và hết) (*Phạm-văn-Diêu*) . . 61
- Thần lửa (*Nguyễn-Khắc-Ngũ*) 67
- Hoàng-kế-Viên (*Nguyễn-Quang*) 75
- Trĩn-lâm Hội-hợp, mùa xuân Kỹ-Hội (*Đoàn-Thêm*) . . . 82
- Cỗ-tích dân-tộc Việt-Nam (tiếp theo) — (*Tu-Trai*) . . 103
- *Thi ca* : Kỷ-niệm Hai Bà (*Đông-Xuyên*) 106
- *Sầu* (*Phạm-văn-Diêu*) . . 107
- *Đề ảnh* (*Đông-Xuyên*) . . 107
- *Tiểu một thanh trắng* (*Hoàng-ngọc-Mỹ*) 108
- *Xuân về* (*Ngọc-Lũ*) . . . 109

Số trang

- Sự tích « *Trầu cau* » (*Hồng-thiên nữ-sĩ*) . . . 110
 - Tiếng địch đồng quê (*Mai-Oanh nữ-sĩ*) . . 113
 - Đềm mưa (*Xuân-Việt*) . 113
 - Tiếng đàn (*Thơ Việt và bản dịch Anh-văn của Vũ Đắc-Trình*) 114
 - Tặng hữu thi trùng Tam-nguyên (*Đạm-Nguyễn dịch*) 116
- ## II. — Văn-hóa Thế-giới
- Đạo-đức-kinh quốc-văn giải-thích (tiếp theo) — (*Nghĩem-Toàn dịch thuật*) 117
 - Người Việt-Nam đầu tiên đã tới nước Mỹ (*Hương-Giang*) 122
 - *Lược-khảo về truyện Tàu* : Những tích ngựa hay (*Vương-hồng-Sơn*) . . . 133
 - *Chiều thứ tư của vũ trụ* (*N.T. Trương*) 138
 - UNESCO và việc thăm-dịnh hồ-tương giá-trị Văn-hóa Đông-Tây (*Thiện-phước dịch-thuật*) 150.
 - *Thơ dịch* : Cầm sắt (*Tô-Nam dịch*) 157
- ## III. — Tin-tức văn-hóa
- Tin trong nước 158
 - Tin ngoài nước 164
- ### Tranh ảnh trong số này
- Quang-cảnh buổi diễn-thuyết về « Chính-sách giáo-dục tại Việt-Nam » tổ-chức ngày 9.3.59 tại tòa Đờ-sánh Sàigon.
 - *Đền thờ Thần Kim-Quy* (tại Cù-Loa, Phúc-Yên)



CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC TẠI VIỆT-NAM (I)

Thưa quý Vị,

Trong thế-giới ngày nay, cũng như trong bất cứ thời-đại nào, giáo-dục đều đóng một vai trò thiết-yếu đối với sự sinh-tồn và phát-triển của một quốc-gia.

Từ xưa, Đức Khổng-Tử đã xác-định rõ rệt vai trò đó. Trong cuộc đàm-thoại với ông Nhiễm-Hữu, khi đi ngang qua nước Vệ, Ngài đã quan-niệm giáo-dục như một yếu-tố căn-bản của chính-sách trị quốc an-bang của Ngài: « Thủ-chi, Phú-chi, Giáo-chi »: làm cho dân đông-đức, giàu có và sau cùng nâng cao trình-độ văn-hóa của dân hàng giáo-dục.

Tiếp lời Đức Khổng, ta có thể thêm rằng có một mối tương-quan mật-thiết giữa trình-độ kinh-tế và trình-độ văn-hóa của một dân-tộc: dân có sự ấm-thu thì mới giáo-hóa được, nhưng đàng khác, dân có giáo-dục văn-hóa thì nền kinh-tế mới đủ điều-kiện phát-triển.

Công-cuộc khai-thác tài-nguyên của một quốc-gia không phải chỉ tùy thuộc ở những yếu-tố kinh-tế, mà còn tùy thuộc những yếu-tố nhân-bản: đó là khả-năng

(1) Diễn-văn của Ông **TRẦN-HỮU-THẾ**, Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-dục, đọc chiều ngày 9-3-1959 tại Phòng Khánh-liết tòa Đô-Sàn Sài-gòn trong khuôn khổ những cuộc nói chuyện hàng tháng do liên-đoàn Công-chức Cách-mệnh Quốc-gia tổ-chức.

chuyên-môn và tinh thần phục-vụ của tất cả những người tham gia vào đời sống kinh-tế. Khả-năng và tinh-thần đó chỉ có thể thực-hiện nhờ giáo-dục. Nói cách khác, nước càng giàu mạnh thì dân càng có văn-hóa, và dân càng có văn-hóa thì nước càng giàu mạnh.

Trên một phương-diện khác, sâu-xa hơn, giáo-dục là điều-kiện của văn-minh. Văn-minh là kết quả của những cố gắng cộng-đồng và liên-tục của con người trong lịch-sử để nhĩa-hóa thiên-nhiên và nhĩa-hóa chính mình. Nhưng sđt con người có một lịch-sử, sđt mỗi tđt-hệ của chúng ta được thừa hưởng kinh-nghiệm của tất cả thế-hệ trước hầu có thể tiến xa hơn, đó là nhờ giáo-dục.

Giáo-dục là mối dây nối liền các thế-hệ, bảo-đảm sự trường-tồn và phát-triển của văn-minh. Và nếu con người chỉ thực-hiện bản-chất của mình trong văn-minh, thì khi bảo-tồn văn-minh, giáo-dục cũng bảo-tồn bản-chất vĩnh-cửu của con người.

o o o

NHIỆM địn' rõ-rệt tầm quan-trọng của giáo-dục, ta mới nhận thấy sự cần-thiết của một chính-sách giáo-dục.

Vấn đt' chính-sách không phải là một vấn-đt' trừu-tượng, lý-thuyết, xa thực-tế. Nó là vấn-đt' căn-bản của giáo-dục.

Thật vậy, con người Việt-Nam ngày mai sẽ như thế nào, là tùy ở công-kuộc đt'y-đt' con em chúng ta ngày nay. Và công-kuộc đt'y-đt' đó tùy thuộc chính-sách giáo-dục của chúng ta.

Một chính-sách phải bao gồm những mục-tiêu tổng-quát mà ta muốn thực-hiện trong một phạm-vi nào đt'. Dựa trên những mục-tiêu này, ta mới có thể quyết-đt'nh những nguyên-tắc và những phương-tiện thích-nghi, htu thống-nhất hành-động của ta theo một đường lối duy-nhất. Chính-sách là điều kiện cốt-yếu của thành công.

Trong phạm vi giáo-dục, vấn đt' chính-sách lại quan-trọng hơn bất cứ phạm vi nào. Vì ở đây, chúng ta hoạt-động trên con người. Con em mà phụ-huynh sẽ giao-phó cho ta trong mười mấy năm trường, ta sẽ biến chúng

nó thành gì. thàn' những con người như thế nào, theo những kiểu-mẫu, lý-tưởng nào ?

Con người mà chúng ta xây-đựng sẽ thực-hiện được sứ-mệnh lịch-sử của nó, đồng-thời thực-hiện được bản-chất vĩnh-cửu của nó hay không ?

Đó là những câu hỏi mà chúng ta phải trả lời trước khi hành-động và phải luôn luôn tự đt' cho mình trong khi hành-động.

Cất trường, xây lớp, đào-tạo giáo-chức chuyên-môn là những vấn-đt' quan-trọng, nhưng tùy thuộc quan-niệm của ta về cứu-cánh của giáo-dục.

I. — MỤC-TIÊU TỔNG-QUÁT CỦA NỀN GIÁO-DỤC VIỆT - NAM

NHƯ vậy, trước hết, ta phải tìm hiểu giáo-dục là gì ?

Tôi nói giáo-dục, tôi không nói « dạy học ». Dạy học là truyền lại một số kiến-thức. Giáo-dục là một công-trình sâu rộng, nhằm nhĩa-hóa toàn diện đời sống con người.

Cái ưu-điêm của nền giáo-dục cổ-truyền của ta, theo tôi nghĩ, chính là cái tính cách nhân-bản của nó. Khi xưa dạy là dạy làm người và sđt đi anh học-trò phải tôn kính vị thầy hơn người cha là vì ơn sinh-thành không bằng ơn giáo-dục.

Vậy giáo-dục là dạy cách làm người, là làm sao cho con em chúng ta trở thành người, với tất cả ý-nghĩa của nó. Thành người chứ không phải chỉ thàn' một chuyên-viên hay đầu-đt'ra hơn nữa một dụng-cụ sản-xuất. Trong thế giới ngày nay, khi cái họa độc-tài chưa tiêu-diệt, tôi thiết-tưởng cần phải nhĩa-mạnh hơn bao giờ hết rằng con người là một cứu-cánh chứ không phải một phương-tiện.

Nhưng con người là gì ? Sđt đi từ xưa đến nay, người ta không bao giờ đt'ng ý trên cái đt'nh-nghĩa con người, là vì con người là tự-đt'. Con người có một bản-chất vĩnh-cửu, nhưng bản-chất đó không có tính cách tđt-đt'nh. Con người có

thể chấp-nhận và thể-hiện nó, cũng có thể phủ-nhận và hủy-diệt nó bằng hành-động của mình. Chính cái khả-năng lựa chọn này là nền-tảng của giá-trị nhân-sinh.

Con người là tự-do, và chỉ thực-hiện được bản thân trong tự-do. Như vậy mục-đích của giáo-dục là đào-tạo những con người tự-do.

Nhưng con người chỉ tự-do thật-sự khi trở thành một nhân-vị, ý-thức được sứ-mệnh của mình và đủ điều-kiện tinh-thần để nhận lãnh sứ-mệnh đó.

Tự-do không phải là một sự bất định tâm-linh, khiến ta có thể muốn làm gì thì làm, hay là lưng chừng không làm gì cả, cũng không phải cái khả-năng quyết-định tuyệt-đối không tùy thuộc một hoàn-cảnh thực-tế hay một giá-trị phổ-biến nào, khiến cho ta có thể từ chối mọi bó-buộc, phủ-nhận mọi định-luật.

Tự-do thật sự là tự chủ, là trách-nhiệm lấy đời sống mình. Ta chỉ có thể làm chủ được đời ta khi cuộc đời ấy không còn là một sự nối-tiếp những khoảnh giây đứt-đoạn, những tác-động riêng-rẻ, để trở thành một giọng thời-gian liên-tục, duy-nhất trong đó tất cả hoạt-động đều quy về một hướng : thi-hành sứ-mệnh của ta.

Con người vươn lên đời sống nhân-vị khi ý thức được tự-do của mình, nhưng chỉ tự-do thật sự khi đem hết thân mình ra trả lời sự kêu gọi của sứ-mệnh và quyết tâm thi-hành sứ-mệnh đó.

Chính sự dẫn thân này sẽ đưa con người vào một cuộc « phiêu-lưu vô hạn », phiêu-lưu trong sự sáng-tạo chính mình, và chính sự dẫn thân đó sẽ soi sáng và thống nhất các hành động của con người, đem lại một ý-nghĩa cho cuộc sống và ban cho nó một tính-chất độc nhất, không thể thay thế được.

Vậy mục-tiêu đầu-tiên của giáo-dục là tạo cho con người đủ điều-kiện tinh-thần để nhận-định và thi-hành sứ-mệnh của mình.

Sứ-mệnh đó là một sứ-mệnh vừa ở ngoài lịch-sử, vì con người là một tinh-thần siêu-nhiên, vừa ở trong lịch-sử, vì con người là một tinh-thần nhân-thế. Nhưng con người là một, nên hai sứ-mệnh đó cũng là một : Con người thực-hiện sứ-mệnh siêu-nhiên bằng cách thực-hiện sứ-mệnh lịch-sử của mình.

Sống là trước hết sống trong trần-gian, với người khác trong một giai-đoạn lịch sử nhất-định. Kẻ khác cũng là những nhân-vị tự-do và cũng như ta, mang trong mình một sứ-mệnh siêu-việt. Do đó, sự tương-giao giữa tha-nhân và ta, phải là một tương-giao bình-đẳng và phổ-biến, không phân biệt màu da, chủng-tộc. Nhưng, tha-nhân gần nhất với ta là những người cùng một huyết-thông, cùng thừa hưởng một di-sản văn-hóa, cùng chịu đựng một số phận : những kẻ ấy là dân-tộc của ta.

Dân tộc, quốc-gia là cái khung cảnh tự-nhiên trong đó con người có thể thực-hiện sứ-mệnh lịch-sử của mình. Sứ-mệnh này, nếu muốn có chân trong thực-tế phải là một sứ-mệnh ăn khớp với những đòi hỏi của giai-đoạn lịch-sử, với những nhu-cầu hiện đại của dân-tộc.

Như vậy, mục-tiêu thứ hai của giáo-dục là cung-cấp cho con người đủ điều-kiện trí-thức và chuyên-môn để có thể, tùy theo năng-khieu, góp phần vào sự giải-quyết những vấn-đề chung mà lịch-sử đặt ra cho dân-tộc.

Tóm lại, giáo dục là cố-gắng làm bộc-phát những nhân-vị tự-do, trách-nhiệm cuộc đời mình, ý-thức được sứ-mệnh mình và đủ khả-năng thi-hành sứ-mệnh đó trong lịch-sử, trong sự thông-cảm và đoàn-kết với đồng loại.

Một nền giáo-dục chân-chính phải vừa thỏa-mãn những đòi hỏi vĩnh-cửu của con người, vừa trả lời thích đáng những nhu-cầu của quốc-gia và của giai-đoạn lịch-sử.

II — NHỮNG NGUYÊN-TẮC CĂN-BẢN CỦA NỀN GIÁO-DỤC VIỆT-NAM

DỰA trên mục-tiêu tổng-quát đó, ta có thể xác-định những nguyên-tắc căn-bản của nền giáo-dục Việt-Nam.

Những nguyên-tắc này, chắc quý Vị còn nhớ, đã được một Hội-đồng Sơ-bộ nghiên-cứu tỉ-mỉ và được Đại-Hội-Nghị giáo-dục toàn quốc chấp-thuận trong năm vừa qua :

I. — Nền giáo-dục Việt-Nam phải là một nền giáo-dục nhân-bản : tôn-trọng giá-trị thiêng-liêng của con người, lấy chính con người làm cứu cánh và như vậy, nhằm mục-đích phát-triển toàn diện con người.

Phát-triển toàn diện con người. Các nền giáo-dục độc tài bao giờ cũng là những nền giáo-dục một chiều, sản-xuất những dụng-cụ theo một kiểu-mẫu nhất định, nhằm phục-vụ chế-độ.

Một nền giáo-dục tự-do, trái lại, là một nền giáo-dục khoáng-đạt, trong đó mọi khuy-nh-hướng chính-đáng của con người đều được khuyến-kích, trong đó con người có đủ điều-kiện so-sánh, suy-nghĩ để tự vạch cho đời mình một lối đi, trong đó cái Chân, cái Thiện, cái Mỹ không phải là những công-thức học thuộc lòng mà là những cái giá-trị linh-động mà con người phải tìm kiếm, kinh-nghiệm và thể-hiện trong cuộc sống.

Mặt khác, một nền giáo-dục quá chuyên-môn, hay chuyên-môn quá sớm cũng là một nền giáo-dục hẹp-hòi, không thể phát-triển toàn diện con người được.

Chính nhờ tính-cách toàn diện của nền giáo-dục mà ta có thể tiêu-diệt hay giảm bớt phần nào cái nạn ham chuộng văn-bằng và căn-cứ giá-trị con người trên mảnh bèo. Học để có đủ điều-kiện tinh-thần và văn-hóa, chứ không phải chỉ để đoạt một mảnh bèo. Và mảnh bèo chỉ là một chứng-nhận chuyên-môn. Nó không phải là một kết-liệu, mà là một khởi đầu; con em của ta phải thấu suốt được sự thật đó.

2. — Nền giáo-dục Việt-Nam phải là một nền giáo-dục dân-tộc :

Tôn trọng giá-trị truyền-thống, mật-thiết liên-quan với những cảnh huống sinh-hoạt như gia-đình, nghề-nghiệp, đất nước và đảm-bảo hữu-hiệu cho sự sinh-tồn, phát-triển của quốc-gia.

Tôn-trọng giá-trị truyền-thống : truyền-thống là cái di-sản văn-hóa đã xây-dựng nên con người của chúng ta.

Tôn-trọng truyền-thống là tôn-trọng cái hình ảnh con người đã xuất-hiện trong truyền-thống đó, tôn-trọng những giá-trị chân-chính và tiền nhân đã trực-giác được và đã truyền lại cho ta.

Với sự chạm trán với Tây-phương và qua thời kỳ lệ-thuộc, các giá-trị đó, tuy vẫn còn sống mạnh trong tâm hồn quần-chúng, hầu như đã bị các giới trí-thức bỏ quên và cần phải phục-hưng.

Nhưng phục-hưng không phải là bảo-thủ. Phục-hưng là trở về với nguồn sống lịch-sử, để từ đó, vượt đến những chân trời mới mẻ. Các giá-trị chân-chính của ngàn xưa không phải là những thực-tại tinh-thần hoàn-hảo, vĩnh-cửu bất-phỷ trong một bầu trời bất biến, mà chỉ là những viên đá đọi chò, những mẫu phác-họa chưa hoàn-thành, những bước đầu tiên trên con đường thực-hiện nhân-vị.

Các giá-trị ấy phải được xét lại dưới ánh-sáng của những vấn-đề cùng những nhu-cầu của thời-đại và đặt vào một hệ-thống chung với một ý-nghĩa mới.

Chính cuộc xét lại này là nhiệm-vụ của giới trí-thức Việt-Nam nói riêng cũng như của giới trí-thức Á-đông nói chung, như NGÔ TỔNG-THỐNG đã có dịp nhấn-mạnh trong bài diễn-văn đọc tại Viện Đại-Học Hán-Thành :

« Tôi thiết tưởng rằng, với một sự cố-gắng văn-hóa có phương-pháp hơn, thì những ý-niệm truyền-thống như ý-niệm siêu-tính của linh-hồn con người mà học thuyết Ấn-độ đã nhìn thấy, ý-niệm bình-đẳng giữa mọi người mà Phật-Giáo, đã giảng-truyền, ý-niệm tự-do xuất-phát từ cái bản-thể của quan-niệm Lão-Giáo, ý-niệm những đức-tính vừa thuộc riêng về cá-nhân, vừa phụ-lực vào sự chu-chuyển của vũ-trụ, tức là « nhân » của Khổng-Tử và « kiêm ái » của Mặc-Tử sẽ được hướng-dẫn và thúc đẩy đến những kết quả hợp lý cùng tột của chúng, nghĩa là đến cái thực-thể của nhân-vị tự-do và sáng-tác, cứu-địch của mọi thứ chuyên-chế và mọi hệ-thống độc-đoán ».

Trở về nguồn gốc lịch-sử để từ đó vượt đến cái phổ-biến, đó là đường lối duy-nhất có thể phát-huy một nền văn-hóa dân-tộc và nhân-bản.

Do đó, nền quốc-học của ta phải được chỉnh-đốn và đặt vào một địa-vị xứng-đáng để có thể trở thành một sức mạnh tinh-thần, ảnh-hưởng thật sự đến đời sống thanh thiếu-niên.

Có như vậy, ta mới tránh được nạn vong bản, ta mới lấp được cái hố sâu thường phân chia trí-thức và quần-chúng. Có như vậy, các thế-hệ tương-lai mới mong hoàn-thành sứ-mệnh lịch-sử của mình là xây-đắp một nước Việt Nam mới, cương-quyết hướng về tương-lai nhưng không tách rời nguồn gốc lịch-sử.

Nhưng, các giá-trị truyền-thống của ta có thật sự ảnh-hưởng đến thanh

thiếu-niên hay không, đó không phải tùy ở những câu văn giả-tạo, nhưng khẩu-hiệu đặt sẵn trước mà tùy ở sự cố-gắng bền-bì của chúng ta để phân-tách rõ rệt-nội-dung các giá-trị đó, đem lại cho chúng những bổ-túc cần-thiết và một hình-thức hợp với tâm-lý và nhu-cầu của thời-đại. Đó là một công-trình trí-thức lâu dài, nghiêm-trọng và sâu-xa, phải được thực-hiện trong thành tâm và nhân-nại.

3.- Nền giáo - dục Việt - Nam phải có tnh - cách khai-phóng : tôn-trọng tinh-thần khoa-học, phát-huy tinh-thần dân-chủ và xã-hội, thái-thái tinh-hoa các nền văn-hóa thế giới.

Dù muốn dù không, thế-giới hiện nay là thế-giới của khoa-học và kỹ-thuật và dù muốn dù không, sự sinh-tồn của các dân-tộc hiện-đại phải lệ-thuộc phần nào vào hai yếu-tố này. Khoa-học và kỹ-thuật là những phương-tiện do con người sáng-tạo để am-hiểu và chinh-phục thiên-nhiên. Như vậy, tự nó, khoa-học đã có một giá-trị nhân-bản.

Nhưng vì là phương-tiện, khoa-học có thể dùng để thực-hiện những cứu-cánh trái ngược với cái ý-hướng nguyên-thủy của nó : thay vì phục-vụ con người, nó có thể biến thành một khí-cụ tinh-xảo nhất để chà đạp, nô-lệ-hóa, tiêu-diệt con người.

Do đó, khoa-học và kỹ-thuật phải được hướng-dẫn bởi đạo-lý và trên phương-diện tập-thể, được kiểm-soát bởi những chế-độ dân-chủ mới mong góp vào việc xây-đắp hạnh-phúc chung.

Gây dựng cho con em chúng ta một tinh-thần khoa-học đứng-dẫn, một tinh-thần dân-chủ thật-sự là giúp cho họ những điều-kiện thiết-yếu để giải-quyết những vấn-đề trọng-đại và khẩn-cấp nhất mà lịch-sử đang đặt cho tất cả chúng ta.

Muốn được như vậy, ta cần phải mở rộng cửa đón tiếp các tinh-hoa của văn-hóa Tây-Phương, vì chính Tây-phương là nơi phát-nguồn của khoa-học cũng như của phong-trào dân-chủ.

Cái động-cơ căn-bản của nền văn-hóa Tây-Phương, là tư-tưởng thườn

lý Hy-Lạp liên-kết với nền đạo-lý Thiên-Chúa-Giáo. Đạt đến cái động-cơ đó, ta mới có thể am-hiểu tường-tận Tây-Phương và nhận thấy rằng trên rất nhiều phương-diện, văn-hóa Tây-Phương có thể đem lại cho ta những bổ-túc cần-thiết và những giải-pháp thích đáng.

Đừng nói chỉ đến tư-tưởng, triết-lý, ngay trong phạm-vi văn-chương, số-dĩ chữ nghĩa của ta, cách hành-văn của ta ngày nay có phong-phú, rõ-rệt, mạch-lạc hơn thuở trước, một phần nào là nhờ cuộc chạm trán và tiếp-xúc với Tây-Phương.

Như vậy, song song với việc tu đắp nền quốc-học, ta phải khuyến-kích sự học ngoại-ngữ, nhất là những ngoại-ngữ có tính-cách phổ-biến, để cho thanh thiếu-niên có đủ phương-tiện đi sâu vào các nền văn-hóa Tây-Phương.

Cần-thiết trong lãnh-vực văn-hóa, việc học ngoại-ngữ càng cần-thiết và khẩn-cấp hơn trong lãnh-vực khoa-học và kỹ-thuật.

Nước ta, cũng như những nước trong vùng Đông-Nam-Á, là một nước chậm tiến. Như một nhân - vật lỗi-lạc Á-Châu có nói, chúng ta đã trải hai cuộc cách-mạng : cuộc cách-mạng kỹ-nghệ hồi thế-kỷ XIX và cuộc cách mạng nguyên-tử hiện nay. Chính sự chậm-trễ này là nguyên-nhân chánh của tình-trạng hiện tại của nền kinh-tế nước ta.

Do đó, vấn-đề căn-bản là cố-gắng làm sao đuổi kịp trào-lưu tiến-bộ của thế-giới trong lãnh-vực khoa-học và kỹ-thuật, điều-kiện thiết-yếu để hiện-đại-hóa nền kinh-tế.

Nhưng ta không thể, và cũng không đủ thì giờ để tự mình đi lại tất cả khoảng đường mà các nước tiên-tiến đã đi qua. Ta chỉ có thể thấu-thập những gì mà họ đã làm rồi, đã tìm ra rồi, hầu rút ngắn nhanh chóng khoảng cách-biệt giữa ta và họ.

Như vậy, ngoại-ngữ là một phương-tiện cần-thiết để bổ-túc cho nền văn-hóa dân-tộc, đồng-thời góp phần vào sự giải-quyết những vấn-đề căn-bản của quốc-gia, mà trước tiên là vấn-đề kinh-tế.

III — KẾT - LUẬN

Thưa quý Vị,

NHÂN-bản, dân-tộc và khai-phóng, đó là 3 đặc-tính của nền giáo-dục thất sự phục-vụ con người, giúp con người thực-hiện được cái bản-chất vĩnh-cửu của nó, đồng-thời hoàn-thành sứ-mệnh lịch-sử của nó.

Một nền giáo-dục như thế, không phải một ngày một tháng mà chúng ta có thể xây-dựng nên. Nó cần dùng nhiều thời-gian, nhiều cố-gắng, nhẫn-nại và hy-sinh.

Nhưng ngay bây giờ, chúng ta đã có thể thấy nhiều hứa hẹn. Chỉ trong vòng 4 năm, từ ngày **TỔNG-THỐNG** chấp-chánh, nền giáo-dục Việt-Nam đã có những cơ-sở vững-chắc để có thể tiến-triển mạnh, từ bậc Tiểu-học lên tới Đại-học.

Hiện nay, ta có 1.121.000 học-sinh Tiểu-học, 132.780 học-sinh Trung-học công và tư, 7.237 sinh-viên Đại-học và 3.956 sinh-viên kỹ-thuật. Trong năm qua, 39.863 học-sinh đã thi Trung-học Đệ-nhất-cấp và 16.467 học-sinh thi Tú-tài, kể cả 2 khóa. Với đà tiến-triển đó, ta phải dự-trù, trong năm nay, độ 65.000 thí-sinh Trung-học Đệ-nhất-cấp và 37.000 thí-sinh Tú-tài. Trường sở mọc lên như nấm ở khắp nơi, nhờ ngân-sách quốc-gia, nhờ sự đóng góp nhiệt-thành của nhân-dân, nhờ sự viện-trợ của các nước bạn. Chương-trình và phương-pháp giáo-khoa đã được cải-tổ ở bậc Trung-học. Các trường Sư-phạm ráo-riết đào-tạo giáo-chức. Các Hiện-đoàn, phong-trào văn-ngệ, thể-thao, xã-hội học-sinh hoạt-động sôi-nổi. So với 4 năm về trước và hơn nữa, so với thời-kỳ tiền chiến, ta mới nhận thấy khoảng đường đã đi qua.

Như vậy, có thể nói rằng trong một thời-gian kỷ-lục, nền giáo-dục của ta đã kiện-toàn cơ-sở, đập tan những hoài nghi, mang lại niềm tin-tưởng cho thanh thiếu-niên. Đó chỉ là bước đầu. Việc còn lại, là mỗi ngày mỗi cải-thiện nội-dung của nền giáo-dục đó, để thực hiện cái lý-tưởng cao quý mà chúng ta đã nhận-định trong cuộc nói chuyện hôm nay.

TRẦN - HỮU - THÉ

Bộ-Trưởng Quốc-gia Giáo-dục



HIỆN-TÌNH VĂN-HÓA VIỆT-NAM

TÂN-VIỆT-ĐIỀU

1. — ĐỊNH-NGHĨA VĂN-HÓA.

Hai chữ « Văn » và « Hóa » đã được ghi trong Kinh Dịch : « quan thiên văn dĩ sát thời biến, quan nhân-văn dĩ hóa thành thiên hạ » 觀天文以察辰變觀人文以化成天下 nghĩa là nhìn hiện tượng trên trời để xét sự biến đổi của thời tiết, nhìn hiện tượng của người ta trong xã hội để sửa đổi thiên hạ.

Lấy riêng từng chữ mà giải thích thì ; 文 Văn là nét vẽ, nghĩa là cái thể hiện xinh đẹp ra bề ngoài. Nói đến văn, người ta nghĩ ngay đến sự trau chuốt, thanh tao, điều hòa và tinh tế. Trái với Văn là Chất 質 nghĩa là cái gì còn để tự nhiên, chưa trau chuốt, chưa gọt dũa.

Hóa là biến đổi cho tốt đẹp hơn. Nói đến Hóa, người ta nghĩ đến sự cố gắng, sự cải cách, sự tiến bộ.

Như thế, Văn là một trạng thái Tĩnh, còn Hóa là một trạng thái Động. Tuy nhiên, hai chữ ấy ngày xưa không thấy dùng liền nhau như một thành ngữ. Trái lại, chỉ thấy danh từ văn minh 文明 trong kinh Lễ : « Tinh thâm nhi văn minh » 精深而文明, nghĩa là lòng cảm-động càng sâu thì bề ngoài càng sáng tỏ. Trong Kinh Dịch, ở quẻ kiền có câu : « Hiện long tại điền, thiên hạ văn-minh » 見龍在田天下文明 (Rồng hiện ra ruộng thì vẻ ngoài của thiên hạ sáng rõ).

Tiếp xúc với văn-học Âu tây, người Nhật, người Tàu gặp danh từ « culture » (hay KULTUR của Đức), thấy mình không có danh-từ tương-đương, phải lấy chữ « Văn » chữ « Hóa » ghép lại mà dịch danh-từ kia của Tây-phương. Danh từ văn-hóa khai sinh từ đó.

Theo các sách Từ-điền của Tàu như Từ-hải, Từ-nguyên thì : « Văn-hóa là cái tổng-hợp những thành-tích cố-gắng của xã-hội loài người tiến từ dã man đến văn-minh ; những thành-tích ấy biểu hiện dưới những hình thức khoa-học, nghệ-thuật, tôn-giáo, đạo-đức, pháp-luật, phong tục, tập-quần ».

Chúng ta nhận thấy trong đời sống hằng ngày của loài người có những hoạt động về đủ các phương diện : chánh-trị, khoa-học, kinh-tế, nghệ-thuật, đạo-đức, tôn-giáo v.v. Văn-hóa chính là não-tủy, là cái tinh-thần đã sáng tạo ra các trạng thái và sự kiện ấy, và cũng vì năng-lực sáng tạo ấy mà nó có sức hướng dẫn, ảnh-hưởng và chi phối rất chặt-chẽ đến đời sống và mọi hoạt-động của con người, bao trùm cả phương-diện tinh-thần lẫn vật-chất, nhưng nó không phải là bản-thân của những trạng thái và sự kiện ấy.

Nói tóm lại Văn-hóa gồm có hai ngành chính là :

Văn, tức là Văn-Học 文學 (Les Lettres) và Nghệ-thuật 藝術 (Les Arts), nói chung lại là Văn-ngệ.

Hóa, tức là và Khoa-học 科學 (Les sciences) và Kỹ-thuật 技術 (les techniques).

Văn-học 文學 đưa ta đến Thiện 善 (le bien)

Nghệ-thuật 藝術 đưa ta đến Mỹ 美 (le beau)

Khoa-học 科學 đưa ta đến Chân 真 (le vrai)

Kỹ-thuật 技術 đưa ta đến Tiến 進 (le progrès)

Muốn áp dụng khoa-học vào đời sống phức tạp với thiên hình vạn trạng của nó ; người ta đã phát minh ra kỹ-thuật. Nói một cách khác kỹ-thuật là cái thể hiện của khoa-học trong đời sống.

Văn nghệ thuộc về phạm vi tình cảm (sentiment) ; còn khoa-học và kỹ-thuật thuộc về phạm vi lý trí (raison) ; cho nên khoa học không biết tình cảm và trái lại tình cảm cũng không đi đôi với khoa học.

Muốn sinh hoạt, loài người cần phải điều-hòa, thích ứng với hoàn cảnh địa lý, khí hậu, với xã-hội, với lịch sử, phải sáng chế ra những phương-tiện, điều-kiện ; như muốn có nơi ẩn núp nắng mưa phải tạo ra nhà cửa, muốn chống với rét phải tạo ra y-phục, muốn truyền đạt ý tưởng phải tạo ra ngôn ngữ, văn-tự, muốn sống chung một cách yên ổn, hòa nhã phải tạo ra pháp-luật, đạo-đức, lễ nghĩa v.v.... Chính văn-hóa đã hướng dẫn loài người trong các việc sáng tạo ấy.

BRUNSCHWIG, một học giả Pháp, đã dựa trên các sự kiện ấy mà định nghĩa văn-hóa như sau : « Văn-hóa », theo nghĩa đen, là cái gì bồi bổ cho bản tính tự-nhiên đề nâng loài người lên trên trình độ cảm thú. Ấy là sự tinh-tế trong phong-tục, sự thanh cao trong tinh-thần, lòng hiếu mỹ và trí thâm mỹ, tóm lại là hết thảy những cái gì có lẽ không làm cho bản-năng vị kỷ của chúng ta hao hụt đi mà chỉ muốn làm cho sự sinh hoạt thêm phần khoái lạc, mục đích đem lại trong giao-tế xã-hội cái hứng-thú và sự dịu dàng ».

Công cuộc sáng tạo Văn-hóa đòi hỏi ở nhân-loại những hoạt động của trí-thức, của tình-cảm, của ý-chí, và những cuộc phấn đấu không ngừng đề chế ngự, chỉ huy hoàn-cảnh, đề khắc-phục những thế-lực tự-nhiên ở ngoại-giới, ở nội tâm và theo ba mục tiêu Chân, Thiện, Mỹ, đề thực hiện con người đầy đủ, con người chí thiện, sống trong một nhân-loại thái hòa. Ấy là những điều cảm thú không thể làm được, nên cảm thú không có văn-hóa.

Văn-hóa đã là sản phẩm của nhân-loại đề thích ứng với hoàn-cảnh thì xã-hội nào cũng có Văn-Hóa vì nó có thích ứng với hoàn cảnh mới tồn tại được. Duy văn-hóa các xã-hội văn-minh thì trình-độ cao, văn-hóa các bộ lạc hậu tiến thì thấp kém mà thôi.

II.— ĐẶC-TÍNH CỦA NỀN VĂN-HÓA VIỆT-NAM.

Nước Việt-Nam, vì vị-trí địa-lý, trước kia đã điều-hòa hai nền văn-hóa cổ-điền vĩ đại của thế-giới là văn-hóa Ấn-độ và văn-hóa Trung-quốc. Vậy văn-hóa Việt-Nam là kết tinh và là kết-quả của sự phối hợp tinh-thần văn-hóa phương Bắc (tình cảm tích cực) và tinh-thần văn-hóa phương Nam (tình cảm tiêu cực). Tiếp xúc với văn-hóa phương Tây từ vài trăm năm lại đây, nó đã thu thối những yếu-tố căn bản của Lý trí biểu-dương bằng khoa-học và kỹ-thuật đề thích ứng với nhu-cầu mới và cùng thế-giới tiến triển.

Từ khi chánh-thê Cộng-hòa thành lập, một đường đi rõ ràng đã được vạch ra cho văn-hóa. Trong huấn-từ của Ngô Tổng-Thống ở lễ khai mạc Đại-

hội Văn-hóa toàn quốc ngày 7-1-57, vị Quốc-trưởng nước Việt-Nam đã nói :
« Một nền văn-hóa đương vươn lên là thước đo sinh-lực dồi-dào và trình-độ tiến-triển của một dân-tộc bất khuất.

... Căn cứ vào lịch-sử dân-tộc và những thành tích của quốc-gia trong giai-đoạn vừa qua, có thể nói mà không sợ sai lầm là *tính-chất của phong-trào là dân-tộc-tính, Á-Đông tính, hướng tiến của phong trào là con đường nhân-vị và sự đồng tiến của toàn dân*. Vậy dân-tộc tính là những đặc-tính mà trong sự phục hưng ngày nay, văn-hóa Việt-Nam phải có, và nhân-vị là con đường nó phải noi theo.

Vì nhận xét dân-tộc-tính Việt-Nam và Á-Đông-tính đều dựa trên một nền tảng duy-linh, nên trong đoạn mở đầu bản Hiến-pháp của Việt-Nam Cộng-hòa có ghi rõ :

« *Tin tưởng ở sự trường tồn của nền văn-minh Việt-Nam, căn-cứ trên nền tảng duy-linh mà toàn dân có nhiệm-vụ phát huy, tin-tưởng ở giá-trị siêu việt của con người mà sự phát triển tự-do điều-hòa và đầy đủ trong cương-vị cá-nhân cũng như trong đời sống tập thể phải là mục-đích chính của mọi hoạt-động quốc-gia* »

Tóm lại, từ khi nước nhà thu lại quyền độc-lập, từ nhà cầm quyền cho đến giới trí-thức và nhân-sĩ toàn quốc, ai nấy đều chủ trương một cuộc phục hưng văn-hóa toàn diện bằng sự phát huy những giá-trị cổ-truyền của Việt-Nam và của Á-Đông, tổng hợp những giá trị mới, dung hòa văn-hóa Đông-phương và văn-hóa Tây-phương, tình cảm và lý-trí và trên con đường đưa đến những giá-trị vĩnh cửu là Chân, Thiện, Mỹ, phải lấy « Đạo-lý » làm tiêu-chuẩn, và nhân-vị làm tôn-chỉ. Điều sau đây rất quan trọng, chúng ta cần phải đặc biệt lưu-tâm, vì trong văn-hóa, nếu gạt bỏ, khinh thị yếu-tố luân-lý, đạo đức thì xã-hội có thể tiến về văn-minh hơn, nhưng phải thoái về văn-hóa. Ấy là nguyên-nhân của cuộc khủng hoảng mà nhân loại hiện đang trải qua : tiến bộ rất nhanh về kỹ-thuật, nhưng thiếu tình-thương, thiếu bác-ái, thiếu lòng nhân-nhượng lẫn nhau, nên kỹ-thuật ấy đã đem dùng để tranh giành và giết hại lẫn nhau.

III. — HIỆN-TÌNH VĂN-NGHỆ VIỆT-NAM

Là một dân tộc giàu tình cảm, tò-tiên chúng ta đã kiến tạo và để lại cho chúng ta một nền văn hiến khá phong phú. Danh từ *văn-hiến* 文獻 (獻) đã từng thấy trong sách Luận ngữ :

Hạ lễ ngô năng ngôn chi, khi bất túc trung dã ; Ân lễ ngô năng ngôn chi Tống bất túc trung dã. *Văn hiến* bất túc, cố dã. Túc tắc ngô năng trung chi hi. Châu tử chú: *Văn*: diên tịch dã, *hiến*: hiên dã (夏禮吾能言之杞不足徵也殷禮吾能言之宋不足徵也文獻不足故也足則吾能徵之矣朱子註文典籍也獻賢也).

Sách Luận ngữ : Lễ nhà Hạ ta nói được, nhưng nay nước Khi là con cháu nhà Hạ không đủ bằng chứng. Lễ nhà Ân ta nói được, nhưng nay nước Tống là con cháu nhà Ân, không đủ bằng chứng. Vì 2 nước ấy không đủ Văn-hiến vậy, nếu có đủ thì ta lấy đó để chứng lời nói của ta. Châu-Tử chú giải : *Văn* là sách vở vậy, *Hiến* là người hiền vậy.

Các từ diên : từ hải, Từ lâm, Từ nguyên cũng giải thích như vậy. Duy có Từ Uyên thì giải thích là sách vở, văn-chương, chế-độ của một thời đại. Như vậy là trong Văn hiến có văn-ngệ và hiến chế, nói một cách khác Văn-hiến gồm có văn-ngệ phẩm (productions littéraires et artistiques) và hiến-chế (institutions politiques et sociales).

Riêng về phạm vi văn-ngệ, chúng ta nhận thấy sách vở, báo chí đủ loại, phổ biến rất nhiều, tạo nên một bộ mặt mới mẻ, phong phú, trong vườn văn-ngệ nước nhà. Các loại sách khảo luận, nghiên cứu, giải trí đều có mặt, nhưng sách giáo khoa và tiểu-thuyết chiếm đa số. Đoàn thiên tiểu thuyết sáng tác rất nhiều, đăng rải rác trên các báo, tạp-chí, các tiểu-thuyết có quy mô và ít thấy những giá trị lỗi-lạc.

Đề khuyến khích các nhà văn, Bộ Thông-Tin và Bộ Quốc-gia Giáo-Dục hàng năm có mở cuộc thi văn-chương toàn quốc, để tuyển lựa những tác phẩm có giá trị.

Nói đến nghệ-thuật, 藝術 chúng ta cần phải phân loại các thứ nghệ-thuật :

— *Nghệ thuật tự do* (arts libéraux) là những nghệ thuật dùng nhiều về trí óc hơn là bàn tay, như 7 nghệ thuật do Trường Alexandrie (Ai-Cập) chủ trương : Văn phạm (grammaire), Mỹ-từ-pháp (Rhétorique), Triết lý (Philosophie), Toán học (Arithmétique) Âm nhạc (Musique), Hình học (géométrie) và Thiên văn học (Astronomie).

— *Nghệ thuật thủ cơ* (arts mécaniques) gồm những nghệ thuật dùng tay và máy móc nhiều hơn trí óc.

— *Nghệ thuật trang trí* (arts décoratifs) cũng gọi là nghệ-thuật thực hành

(arts appliqués), như kiến trúc, nghề làm bàn ghế, nghề đúc kim khí (forge et fonderie), nghề đồ sành đồ sứ (céramique), nghề dệt thảm và vải (tapisserie et tissage).

— *Nghệ thuật hứng thú* (arts d'agrément) như âm nhạc, hội-họa, khiêu vũ, được xem như là những phương tiện giải trí xinh đẹp.

— *Đại nghệ* (arts majeurs) và *tiểu nghệ* (arts mineurs); ngày xưa ở nước Cộng-hòa Florence (Ý-Đại-Lợi) để phân biệt những nghệ-thuật của thượng lưu (gồm có 7 nghề) và những thủ công nghệ của bình dân (gồm có 14 nghề).

— *Nghệ thuật tạo hình* (arts plastiques) gồm những nghệ-thuật nắn, vẽ hình tượng như điêu khắc (sculpture), kiến trúc (architecture) và hội họa (peinture).

— *Mỹ-nghệ* (beaux arts) gồm có 7 ngành là :

音樂	Âm nhạc	(musique)
舞調	Vũ điệu	(chorégraphie)
繪畫	Hội họa	(peinture)
雕刻	Điêu khắc	(sculpture)
建築	Kiến trúc	(architecture)
歌劇	Ca kịch	(théâtre)
電影	Điện ảnh	(cinéma)

Hết thảy các nghệ thuật kể trên, không ít thì nhiều, chúng ta đều có cả ; duy có 7 mỹ-nghệ sau cùng là đáng được chú ý hơn cả.

1) *Âm nhạc*.— Âm nhạc Việt-Nam gồm có cổ nhạc và tân nhạc. Hiện nay, tân nhạc có vẻ phát triển hơn cổ nhạc và người ta thấy một số ca khúc được sáng tác đứng-dẫn, trong đó phần nghệ-thuật được tôn trọng, nó gợi lên được tình thương yêu đất nước, nổi cảm hơn vì xử số chia đôi, kích thích động bào trong công cuộc phục hưng, kiến thiết. Tuy vậy, bên cạnh số nhạc phẩm đứng dẫn, nhưng ít ỏi ấy, người ta thấy một số đồng nhạc sĩ vì muốn chạy theo thị hiếu của đồng bào, đã có một quan-niệm về nghệ thuật, về sáng tác quá dễ dãi nên đã cho ra những tác phẩm mà nhạc điệu quá nghèo nàn, những bài ca phương phát giống nhau.

Ngoài ra, các hình thức cổ nhạc, như cổ nhạc Trung-Việt, cổ nhạc Bắc-Việt, cổ nhạc Nam-Việt, là những thứ nhạc thuần túy của dân-tộc, và có những tác dụng gợi cảm rất sâu sắc, các hình-thức cổ nhạc ấy vẫn được duy trì và được phổ biến trong các buổi phát thanh và trên sân khấu. Nhưng cổ nhạc cần được khuyến-kích hơn nữa, để xứng với khẩu-hiệu « phục hưng văn-hóa cổ-truyền » mà chúng ta đang chủ trương.

Tuy vậy, về đại-thể, chúng ta phải vui mừng mà nhận thấy hiện nay các mầm non nhạc-nghệ, tân cũng như cổ, đã có nơi học hỏi, trau dồi nghệ thuật là trường Quốc-gia âm-nhạc với rất nhiều nhạc sư danh tiếng trong nước, hoặc tốt nghiệp tại các Nhạc-viện quốc-tế tận tâm dìu dắt. Nếu có dự thính các buổi hòa tấu của các lớp nhạc-sinh ấy, ta mới nhận thấy sự tiến tới mau lẹ của những tài hoa tương lai đầy hứa hẹn.

2) *Vũ điệu*.— Ngành này không phát triển mạnh mẽ như ở các nước láng giềng, vì giáo lý cổ truyền của ta không hề khuyến-kích hoặc cho phép trai gái được gần nhau (nam nữ thọ thọ bất thân ; nam nữ hữu biệt), và quan niệm rằng vũ điệu thường phải đi đôi với ca-nhạc mà xướng ca thì vô loại. . .

Chịu ảnh hưởng của Tam giáo, dân tộc Việt-Nam ưa sống về nội tâm, luôn luôn trầm tư mặc tưởng, không thích phô trương tình cảm ra ngoài bằng những cử chỉ mà các cụ cho là lỗ lăng.

Vì thế, vũ điệu không phát triển và phổ biến trong đại chúng. Vũ điệu chỉ giữ tính cách lễ nghi ở chốn Triều đình hoặc trong những khi lên đồng bóng mà thôi.

Hiện nay, vũ điệu cổ điển của chúng ta còn giữ được ít nhiều với ban « ba vũ » (Ballet rythmique) ở Huế, do các triều đại ngày xưa còn truyền lại, và thỉnh thoảng còn đem ra trình diễn trong nước và ở ngoại quốc.

Ngoài ra, với sự xâm nhập của nền văn minh Tây phương, nhiều vũ điệu đã đến với đám thanh niên, có phần là lời (tango, slow), hoặc quay cuồng (valse) hoặc nhộn nhịp (rumba, samba, mambo) hoặc dật gân (như swing, calypso, be bop và hu la hup).

Đề nghị chế một phần nào sự xâm nhập của các vũ điệu nói trên và đồng thời thức tỉnh tinh-thần dân tộc rất cần trong giai đoạn kiến quốc hiện tại, Viện Quốc-gia Âm-nhạc đang trù tính một chương-trình dạy ba-vũ (dances rythmiques)

và các vũ điệu cổ điển (dances classiques) dung hòa kim cổ, Đông Tây để theo kịp trào lưu tiến hóa của nhân loại.

3) *Hội họa*.— Ngành này phát triển mạnh mẽ, vì người Việt nói riêng và người Á Đông nói chung có nhiều hoa tay. Trải qua mấy chục thế kỷ, người Việt cũng như người Tàu chuyên môn vẽ chữ Hán (chứ không phải viết, vì mỗi chữ hán là cả một bức họa); thành thử năng khiếu hội họa đã có sẵn trong huyết thống: đến khi ngọn bút lông chuyển qua ngòi bút sắt người Việt vẫn giữ được danh tiếng là viết chữ mỹ lệ nhất trên thế giới, vì vậy mới có thành ngữ viết như « rồng bay phượng múa ».

Họa sĩ Việt-Nam đã được đào tạo tại các trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Hà-nội và Gia-định. Ngoài ra, chúng ta còn có các trường Mỹ-nghệ thực hành ở Gia-định chuyên về hội họa, ở Biên-hòa chuyên về đồ sành sứ, ở Thủ-đầu-một chuyên về sơn mài.

Các mỹ nghệ phẩm, nhất là sơn mài, đã được trưng bày khắp nơi trên hoàn cầu và được các giới đặc biệt chú ý và ca tụng xứng đáng.

4) *Điêu khắc*.— Ngành điêu khắc cũng có phần phát triển nhờ sự huấn luyện của các trường Mỹ-nghệ Gia-định, Biên-hòa và Thủ-đầu-một. Tuy nhiên, nghệ sĩ Việt-Nam ít chuyên chú về ngành này, có lẽ vì thị trường kém sút, ngoài trừ những tác phẩm điêu khắc có tính cách tôn giáo.

Ngay bây giờ, thiết nghĩ nên khuyến khích ngành điêu khắc, bằng cách mở những cuộc thi đúc nặn tượng các anh hùng liệt nữ, dựng trưng bày ở các công viên hầu kích thích tinh thần yêu nước của các thế hệ hiện tại và mai sau.

5) *Kiến trúc*.— Ngành kiến trúc phát triển mạnh mẽ khắp nước, nhất là ở các đô thị, đó là một triệu chứng tốt, vì khi nhà cửa xây dựng thì mọi việc đều tiến triển (quand le batiment va, tout va). Kiến-trúc-gia Việt-Nam có sẵn óc thẩm mỹ, nên những công tác phần nhiều đều xinh đẹp, tuy chưa được nguy nga đồ sộ như ở các cường quốc tân tiến.

Về việc bảo tồn cổ tích, có hai cơ quan là Viện Khảo-cổ (thuộc Bộ Quốc-gia giáo-dục) và Sở Bảo tồn cổ tích (thuộc Tổng Nha Kiến-thiết) chuyên lo.

6) *Ca kịch*.— Ngành ca kịch phát triển nhất về môn cải-lương. Nhưng có lượng mà thiếu phẩm, vì kịch-sĩ một phần thiếu huấn luyện, một phần phải

chịu thị-hiếu rất nặng cạn và phức-tạp của quần chúng để mà sinh sống. Các soạn giả thì nhau sáng tác; các đoàn mới thành lập càng ngày càng nhiều; họ đi diễn tận các miền quê và có lần xuất ngoại nữa. Từ khi nước nhà thu hồi độc-lập, bộ môn sân khấu cũng như các bộ môn khác trong ngành văn-hóa, đã chuyển hướng. Các soạn giả, từ mấy mươi năm nay bị cấm đoán phát biểu mọi điều cảm nghĩ, nay được cởi mở, nói lên hết nguyện vọng của dân-tộc. Các vở tuồng chống xâm-lãng như Đê-Thám, Nguyễn-thái-Học v.v... ra đời. Các vở tuồng đã sử ca ngợi những chiến công oanh liệt của tiền bối, tuồng có tính cách xã-hội cũng khá thịnh, hoặc diễn qua làn sóng điện, hoặc ở sân khấu.

Tuy vậy, nói bộ môn này có tiến bộ là tiến bộ về lượng, về tiêu xảo, về cách tổ chức bề ngoài mà thôi, chứ thực ra chúng ta chưa thường thức được một vở nào có thể so sánh với các vở của Vi-huyền-Đắc, Đoàn-phủ-Tứ trình diễn cách đây 20 năm.

Trên đường phục hưng văn nghệ, thiết nghĩ cũng nên mở ra một trường dạy diễn xuất và ca kịch (Ecole d'Arts dramatiques) để thu dắt những mầm non, trau dồi huấn luyện những kịch sĩ, đáng xứng đáng với vai trò của nghệ thuật thứ sáu.

7) *Điện ảnh*.— tức là nghệ thuật thứ bảy (7^e Art), hiện đang phát triển khả quan. Điện ảnh làm sống lại sự thật, cho ta thấy mọi khía cạnh của xã-hội, của con người, không chỉ ở phần ngoại cảnh mà cả phần nội tâm nữa. Một cuốn phim cảm xúc chúng ta một cách dễ dàng. Ngoài ra, điện ảnh có thể làm tăng kiến thức của chúng ta, có thể làm các dân-tộc đầu khác phong-tục, khác ngôn-ngữ, cũng hiểu nhau, thông cảm nhau một cách nhanh chóng. Trong các công cuộc xây dựng cũng như đã phá, điện ảnh có một hiệu lực lớn lao, mạnh mẽ. Vì vậy, có thể dùng điện ảnh để cải tạo xã-hội, xây dựng con người, bởi lẽ nó phơi bày cái đẹp, cái xấu một cách rõ ràng, truyền cảm mau lẹ và mạnh mẽ.

Sau một thời-gian thài nhếch vào mấy năm trước, sau trận đại-chiến thứ hai, năm 1953, người ta mới thấy một phim Việt-Nam, do người Việt-Nam thực hiện, được ra mắt khán giả, ấy là phim « Một trang nhật ký ». Phim này kỹ thuật còn thô sơ, nhưng nó ảnh hưởng lớn, vì chính nó mở màn cho phong trào quay phim thịnh lên ở Việt-Nam. Sau phim « Một trang nhật ký », người ta thấy xuất hiện những phim khác như Kiếp-hoa, Bến cũ, Nghệ-thuật và Hạnh phúc, Ngày về, của các nhà sản xuất Kim Chung và Alpha-Films. Sau đó mới thấy xuất hiện các hãng Tân-Việt-Nam phim, Hợp-lực phim, Việt-phim, Mỹ-Vân, Mỹ-phương, Việt-Thanh, Liên-hiệp v.v....

Nên nhắc lại những phim có tính cách xã-hội, dã sử hoặc thần-thoại, như những phim người ta thường nói đến là Giả-hạnh-phúc, Hồn trinh nữ, Trai thời loạn, Vì đâu nên nỗi, Phạm-công Cúc-hoa, Cô gái Việt, Cha con nghĩa nặng, Đâu là hạnh phúc, Phụ-tử tình-thâm, Không một mái nhà, Tình quê ý nhạc, Lòng nhân đạo, Tình-hận, Tấm Cám, Chúng tôi muốn sống v.v....

Các phim trên đã được dư-luận hoặc khen ngợi diễm này, hoặc chỉ trích diễm khác, nhưng ai cũng phải công nhận rằng đó là những cố gắng đáng khen, và nền điện ảnh Việt-Nam ngày nay còn ấu-trĩ nhưng nếu biết tổ-chức, biết rút kinh nghiệm thì rồi cũng có thể theo kịp các nước đàn anh.

Vì lẽ đó, Chính-phủ đã giao Bộ Thông-Tin mở một Trung Tâm Điện Ảnh và Trường huấn luyện điện ảnh, để đào tạo chuyên viên điện ảnh. Trung-tâm này đã sản xuất vài cuốn phim tài liệu và phóng sự đáng được khuyến khích.

Tuy nhiên, muốn cho phần diễn xuất được thông thạo hơn, chúng ta phải trở lại vấn đề nên mở một trường dạy diễn xuất và ca kịch (Ecole d'Arts dramatiques), hầu kiện toàn nghệ-thuật thứ bảy, để rồi một ngày gần đây chúng ta sẽ đường hoàng tiến đến nghệ thuật thứ tám là vô tuyến điện thị (Télévision).

IV.— TÌNH HÌNH KHOA-HỌC VÀ KỸ-THUẬT.

Phải thẳng thắn mà công nhận rằng : khoa-học và kỹ-thuật Việt-Nam còn đang ở thời kỳ tổ-chức. Sở dĩ chúng ta chậm tiến như vậy là vì Văn-hóa cổ truyền chỉ chuyên chú về Tâm Linh và Tử Chương, theo Khổng Mạnh, không thích ăn sung mặc sướng (君子食無求飽居無求安. 士志於道而耻惡衣惡食者未足與議也) quản tử thực vô cầu báo cư vô cầu an. Sĩ chí ư đạo nhi si ác y ác thực giả, vị tức dữ nghị dã, không chịu phân chất vì quan niệm với Phật Thích Ca rằng mọi sự vật sẽ hoàn lại cát bụi và hoà nhập Hư không (sắc tức thị không), không muốn như Lão-Trang bận rộn tâm trí, để mà thực hiện « vô vi, thanh tĩnh » (無為清靜).

Khi người Tây Phương đến nước ta, mang theo chiếc đồng hồ có quả lắc, có kim chạy vòng quanh, lúc bấy giờ chúng ta mới thức tỉnh, khi thấy người tài giỏi hơn mình mới nhận định con đường canh tân, cho người xuất ngoại xem kỹ thuật phương Tây, như xe hai bánh, ngọn đèn không dầu và vòi nước chảy ngược.

Trong thời kỳ tiếp xúc với Tây Phương, kể từ vài trăm năm nay, chúng ta có học hỏi được ít nhiều kỹ-thuật mới mẻ. Gần đây, các thanh niên tuấn tú xuất ngoại học hỏi đã trở thành những chuyên viên và kỹ-thuật gia thông thạo. Đồng thời các trường Cao đẳng khoa-học, các trường kỹ-thuật đã được mở nhiều nơi trong nước, nhất là từ khi nước ta thu hồi quyền độc-lập. Đáng kể hơn hết là Trung tâm khoa học thực hành Phú-Thọ đang đào tạo những kỹ-sư và kỹ-thuật-gia cho tất cả các ngành công-kỹ-nghệ, cần thiết cho sự phục hưng nền kinh tế quốc-gia độc-lập.

Nhờ những sự cố gắng nói trên, khoa-học Việt-nam hiện tại tương đối chiếm được một địa vị khả quan, so với các nước Đông Nam Á, với số 500 bác sĩ 300 kỹ-sư, 400 dược-sư, với sự hiện diện của các nhà thông thái Việt-nam trong các hội-nghị khoa-học quốc-tế, như hội nghị bài trừ bệnh ung thư họp tại Tokio, hội-nghị áp dụng nguyên tử lực vào công cuộc hòa-bình, họp vừa rồi tại Genève.

Với ý chí ấy, Chính-phủ Cộng-hòa đã quyết định thiết lập một Trung Tâm Nguyên tử lực tại Đalat, đặt dưới quyền điều khiển của nhà bác học Bửu-Hội, để khai thác những mỏ quặng vô tận và quý giá của miền Cao-nguyên. Cứ cái đà ấy mà tiến, chúng ta tin rằng nền khoa-học và kỹ-thuật Việt-nam sẽ tiến triển một cách khả quan.

Trên kia, chúng ta đã phác họa những nét đại cương về hiện tình Văn-nghệ, khoa-học và kỹ-thuật, là hai ngành rộng lớn của Văn-hóa. Nhưng còn một ngành thứ ba nữa không kém phần quan trọng là ngành Giáo-dục (Education), cả ba ngành họp lại dưới danh hiệu UNESCO, tức là cơ quan Văn-hóa của Liên-Hiệp-Quốc (United Nations Education Sciences Culture Organization). Vậy chúng ta hãy kiểm điểm tình hình Giáo-dục hiện tại của nước Việt-Nam tự-do.

(Xem tiếp cùng
trong số này)

DANH - NGÔN

- Lương-diễn vạn khoán, bất như bạc-nghệ tùy thân.
- Có oạn thừa rượu tốt, không bằng có nghề mọn trong tay.

Nhan-thị giả-ngã

H. V. dịch

TINH-THẦN VIỆT-HÓA

NGUYỄN-ĐĂNG-THỤC

Tinh thần nghệ-thuật Việt-Nam nằm ở trong cái vũ-trụ-quan truyền-thống của dân-tộc. Cái vũ-trụ-quan ấy thuộc về cái vũ-trụ-quan truyền-thống Á-Châu mà dân-tộc Việt-Nam đã Việt-hóa theo dân-tộc-tính của nó. Vì trước khi thái-hóa của người, thì tự nó đã ý-thức được nó là một đơn-vị nhân-loại sinh-hoạt sống động trong một khung cảnh địa-tý khí-hậu riêng biệt. Câu tuyên bố của vị anh-hùng nhà Lý: chính là biểu-lộ công-khai cái ý-thức dân-tộc ngấm-ngấm, nó muốn sống độc-lập vậy.

Nam-Quốc sơn-hà Nam-Đế cư

Cái ý-thức ấy đã sớm nảy nở suốt trong thời-kỳ Bắc-thuộc với họ Trưng họ Triệu.

Một dân-tộc đã có một lịch-sử tranh đấu quật-cường để bảo-vệ cuộc sống độc-lập của mình, chứng tỏ một đoàn thể có cá-tính vững-chắc, luôn-luôn biểu-hiện ra trong hoàn-cảnh khif-hậu của mình qua đời kiếp nghiệp lai cha truyền con nối, dân-tộc ấy tất phải ý-thức được rõ rệt mình-bạch một quan-niệm vũ-trụ nhân-sinh thích ứng cho sự phát triển và tồn tại của mình. Vũ-trụ-quan là cái khuôn-khở, cái lược đồ của người ta đã quan-niệm trước hành-động. Khuôn-khở ấy bao gồm tất cả phạm-vi hoạt-động của con người về đường trí-thức, tình-cảm.

Có thể có những trình-độ khác nhau tùy theo cá-nhân hay đoàn-thể. Có cá-nhân hay đoàn thể phát-triển mạnh về đường trí-thức mà nhẹ về đường tình-cảm. Nhưng dù sao đó là một đơn-vị nhân-loại tự ý-thức được mình, không ai có thể để cho một trong ba tác-dụng của con người đầy đủ là trí-thức, tình-cảm và ý chí đến khiếm-khuyết hẳn được. Và hạnh-phúc của một cá-nhân hay một đoàn thể là làm sao thực-hiện được thể-quân-bình hòa-diệu của một nhân-bản toàn-diện. Đây là ý-nghĩa của sự sống, lý-tưởng của nhân-sinh.

Cái lý-tưởng nhân-sinh ấy, cái vũ-trụ-quan truyền-thống của dân-tộc Việt ấy đã được nhà thi-hào Nguyễn-Du xác-định vào hai câu thơ êm-ái:

Trăm năm tình cuộc vương tròn,

Phất dờ cho đến ngọn nguồn lạch sông.

Vương, tròn là hai cái hình-tượng-trung bao hàm ý-nghĩa sâu rộng. Trước hết chúng là Mẹ đẻ ra các hình-tượng của sự vật trong không-gian, và thời-gian nghĩa là trong vũ trụ. Dù tạo-hóa có thiên-hình vạn-tượng đến mấy đi nữa, chung-quai cũng xuất phát từ ở hai cái hình gốc là yếu-tố khởi thủy, hình Vương và hình Tròn. Tất cả sự vật hiện-hữu đều nằm trong Cái khuôn-khở Vương, Tròn, tức Trời Đất tức là vũ-trụ vậy. Cái vũ-trụ của nhân-dân nông-nghiệp vốn sinh-hoạt trong khung-cảnh các đồng-bằng phì-nhiều thảo-mộc sừng-mộu tùy theo vớ-i quá-trình của thời-tiết Xuân sinh, Hạ trưởng, Thu liễm, Đông tàng, tuần-hoàn không bao giờ hết như cái vòng tròn không có đầu không có cuối vậy. Chính cái vòng tròn lưu-hành thời-tiết bốn mùa ấy nó quyết-định cho cuộc sinh-hoạt nông-nghiệp, căn bản là cấy cấy mùa màng của nông-dân. Sống cũng ở đây, chết cũng ở đây. Cho nên vòng tròn thời-tiết có một ý-nghĩa trọng yếu đặc-biệt cho xã-hội nông-dân.

Nhưng thời-tiết chưa đủ. Có thời-tiết mưa thuận, nắng hòa mới chỉ có được một trong hai điều-kiện căn-bản sinh-hoạt. Điều-kiện thứ hai lại còn phải có ruộng đất màu mỡ, khai khẩn thành những thửa ruộng, điền-địa phải quân-phân. Điền-địa quân-phân tất phải theo hình-thái phức-tạp vô cùng, nhưng bắt đầu từ hình vương mà ra cả. Vậy vương là ruộng đất. Trời tròn, Đất vương, chính là cuộc vương tròn của dân-tộc Việt ngày xưa, ngụ ý đất ruộng và thời-tiết. Thời-tiết điều-hòa luân-chuyển có thứ-tự điều-lý đi đôi với sức này nở của thóc lúa trên mặt ruộng phì-nhiều, đây là đặc-tính của cái vũ-trụ-quan Việt-Nam. Sống có hòa-diệu.

Ngoài thì là lý nhưng trong là tình.

(Kiêu)

Muốn ngược tìm đến ngọn nguồn lạch sông của quan-niệm vũ-trụ nhân-sinh của dân-tộc Việt, chúng ta phải trở về cái tinh-thần văn-hóa truyền-thống Á-Châu, như ở Ấn-độ và Trung-Hoa cổ-diễn. Cũng như tinh-thần văn-hóa La, Hy là nguồn gốc của tư-tưởng các dân-tộc Âu-Tây.

Như trên kia đã nói tinh-thần nghệ-thuật Ấn-Độ và Trung-Hoa, nay chỉ cần chứng minh tinh-thần Việt-hóa của dân-tộc, bằng cách so-sánh một vài tài-liệu văn-nghệ Ấn, Hoa, Việt,

Trong thư tịch cổ truyền của văn chương Ấn, chúng ta thấy quan niệm vật linh vạn vật nhất thể được biểu lộ ra rất sớm ở kinh Bạch-Đa Nhu Phê-Dà (Yajurveda blanc). Đây là một bài thơ cầu tụng Thực Phâm. Nguyên lý tối cao, nguồn sinh lực sáng tạo của vạn vật biểu hiện ra ở trạng thái Thực Phâm (Anna). Thực Phâm là mẹ tạo vật, vừa là nguồn gốc, vừa là thể chất của vạn vật.

Ta là con đầu lòng của bản-thể thần-linh.

Có trước cả thần-tiên chư-vị hiện hình.

Ta là ngọn nguồn của sự bất-tử trường sinh.

Ai giao ta người khác, thì chính nó giữ ta cho mình.

*Ta là Thực-Phâm, sống bằng Thực-Phâm và kẻ ăn
Thực-Phâm.*

Thực-Phâm chứa tại thiên-đường chót vót.

Được chư thần-tiên tở canh gác.

Tất cả thức ăn vào biến đổi, phân hóa thành lễ cúng dâng.

Tổng cộng lại không bằng.

Một phần trăm thân-thể ta hợp lại.

Hai chiếc thuyền vĩ-đại chuyển chở.

Là Trời, Đất.

Được Bò-Cái sức-sờ chứa đầy một giòng sữa chảy không hết.

Nhân-loại thành-tin uống đi không làm cho hao kiệt.

Chẳng sút đi, chẳng hơn lên, luôn luôn phong-phủ.

Thực-Phâm là sinh-khí thở ra.

Thực-Phâm là sinh-khí hút vào.

Thực-Phâm là chết đi.

Thực-Phâm cũng là sống lại.

Dân Bà-La-Môn gọi là xuy-bại.

Và là sự sinh-tồn giòng-giới.

Sống bằng Thực-Phâm không ích lợi, ấy là kẻ điên khùng.

*Ta nói thật Thực-Phâm đem lại cho nó đường cùng
Vì nó chẳng đem nuôi bạn.*

Chẳng nuôi người đồng chủng.

Giữ lấy cho riêng mình, nó phạm tội lúc ăn đi.

Ta, Thực-phâm, ta là mây mưa, là sấm sét.

Chúng-sinh sống vì ta.

Ta sống bằng tất cả.

Ta là bản-thể thực của vũ-trụ bất-diệt.

Cả bầu trời tinh-tú nhờ sức ta mà sáng tỏ.

(Taittiriya Brahmana 11. 8.8)

Qua lời thí tụng trên đây, Thực Phâm là vật chất nuôi sự sống, nhưng tự nó không phải là cứu cánh của sự sống, cho nên đã được thần linh hóa bằng một thái độ tinh thần cung kính. Nhờ sức cung kính của tinh thần tư tưởng mà vật chất được siêu hóa. Đây là nguyên lý siêu nhiên biểu hiện ra ở thiên nhiên. Vật chất hay Thực Phâm tự nó không xấu, chỉ do thái độ của người sử dụng xấu hay tốt. Xấu là khi nào người ta vi-kỷ tư-hữu, riêng cả Thực-Phâm cho mình, tốt là khi nào người ta đem ra cho người khác. Lễ vật dâng lên thần-linh cũng vậy, không phải tự lễ vật có quý hay tiện, nhiều hay ít mà vì lòng thành tín của người làm lễ. Đây là tinh-thần văn-hóa Bà-La-Môn nhìn thiên nhiên hữu tình vật chất như là nằm ở bên trong một nguyên lý siêu nhiên, thần linh bao phủ, cho nên dân Bà-La-Môn có một thái-độ tôn-giáo đối với tất cả sự vật chung quanh họ.

« Tôi còn quỳ bái, và luôn luôn trước thần linh.

Ở tại ngọn lửa.

Ở tại giòng nước.

Thấm nhuần tất cả thế-giới.

Ở tại mùa màng hàng năm.

Cũng như ở tại ngọn cỏ lá cây»

(Upanisad trong Sadhana)

Đây cũng nhắc nhở ta cái thái-độ năng Kiêu của Nguyễn-Du :

Trông ra ngọn cỏ lá cây.
Thấy hiu-hiu gió thì hay chị về.
Hồn còn mang nặng lời thề.
Nát thân bờ liễu, đềm nghì trúc mai.
(Kiều)

Bởi vì trong cái vũ-trụ-quan truyền thống văn-hóa Ấn-Độ :

Tất cả tạo vật đều phát-xuất tự
Trong nguồn sống trường-cửu.
Và nếu rung động nguồn sống
Vì « Nguồn sống thì vô hạn ».

(Upanisad)

Các vũ-trụ-quan Nguồn Sống linh-thiên ngầy, Nguồn-Sống vô-hạn vô biên ấy, « Chu lưu lục hư, sinh sinh bất tức ấy », ở cở-điền Trung-Hoa, sớm trọng đường nông-nghiệp định-cư, bỏ cách sinh-hoạt du-mục, người ta diễn tả bằng đồ biểu tượng-trung của những hàng con số như ở Hà-Đồ, Lạc-Thư. Các con số không phải là những con số để đếm của toán-học mà là những tượng-trung có giống trống, giống mái, có thứ-tự cha con hay mẹ con và anh chị em. Bởi vậy mà số lẻ thuộc giống trống, số chẵn thuộc giống mái, Số ba (3) là thiên số, là hình tròn « Thiên-Viên », và số hai (2) là địa số, hình vuông « Địa-Phương ». Và Thiệu-Ưng giải thích rằng :

Tròn là hình sao, số của lịch kỷ có lẽ gây từ đó chăng ?
Vuông là hình đất, những cách chia Châu, đặt Tinh () có lẽ phỏng theo đó chăng ?

Bởi vì tròn là số của Hà-Đồ, vuông là nét của Lạc-Thư, cho nên Vua-Hy, Vua-Văn nhân đó mà làm ra Kinh-Dịch.

Vua-Vú, ông Cơ theo đó mà làm ra thiên Hồng-Phạm.

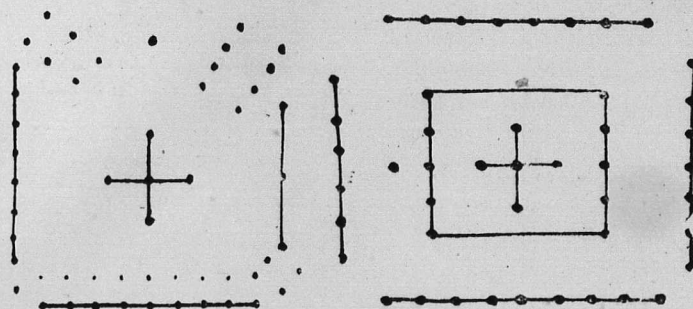
Các số lúc đầu chỉ là một Âm một Dương mà thôi. Tượng của Dương tròn tròn thì đường kính 1 phần, chu-vi ba phần 1/3, Tượng của Âm vuông, vuông thì đường kính một phần, chu-vi bốn phần 1/4. Chu-vi ba phần thì lấy số 1 làm « một bản-vị ». Cho nên nhân với một Dương thành ra (3).

Chu-vi bốn phần thì lấy số 2 làm « một bản-vị », cho nên nhân với một Âm thành ra (2).

Hoàng-Miến-Trai chưa thêm rằng:

Dùng một (1) cạnh mà vận cho tròn thành ra ba (3) cạnh ; thế là số một (1) cùng cực thì thành số ba (3). Dùng hai (2) cạnh mà bề cho vuông thì thành số bốn (4) cạnh, thế là số hai (2) cùng cực thì thành số (4).

(Trích Kinh-dịch, bản dịch của Ngô-Tất-Tố, Mai-Linh xuất bản 1944 tại Hà-Nội. Tr. 16-17-18)



Trên đây là vũ-trụ-quan-Âm Dương phiếm-thần của dân Trung-Hoa, dùng thuật-số có tính-cách ma-thuật để trình bày công-độc sinh-thành sáng-tạo của thế-giới. Tựu-trung cũng chỉ là cái quan-niệm Vuông-Tròn của thời-gian, không-gian, nhìn một cách quá ư thần-bí.

Dân-tộc Việt-Nam cũng sẵn có quan-niệm Vuông-Tròn diễn-tả theo cách thần-thoại phổ-thông dân-chủ nhân-bản thực-tiến như sau :

CHUYỆN BÁNH CHƯNG BÁNH DÀY

Vua Hùng-Vương thứ sáu (6) đã phá giặc Ân rồi, muốn truyền ngôi cho con, bèn hội hai mươi hai (22) Quan-Lang lại bảo rằng :

Các con, con nào tìm được trân-cam mỹ-vị để cuối năm tế Tiên-Vương cho hết đạo hiếu, thì ta truyền ngôi cho.

Các con thi nhau đi tìm của ngon vật lạ. Duy người con thứ mười-tám (18) tên là Tiết-Liêu, vì mẹ mất sớm không ai giúp đỡ, ngày đêm lo lắng không biết làm thế nào, bỗng nằm mộng thấy thần-nhân đến bảo rằng : Vật trong trời đất không gì quý bằng gạo, gạo là thức ăn sống người. Nên lấy gạo nếp làm bánh hoặc làm tròn, hoặc làm vuông, để tượng hình Trời Đất. Lấy lá bọc ngoài, đặt nhân trong ruột để tượng hình Cha-Mẹ sinh-thành ».

« Ông Tiết-Liêu tỉnh dậy nghĩ ra cả mừng nói : Thần giúp ta rồi ». Bèn chọn gạo nếp thật tốt, gói làm bánh Vuông, để tượng hình Đất, bỏ chó chửng chín gọi là Bánh-Chưng. Lại giã sôi làm bánh Tròn, để tượng hình Trời gọi là Bánh-Dầy ».

« Đến hẹn các ông Quan-Lang đều đem cỗ đến, sơn-hào hải-vị không biết bao nhiêu mà kể. Duy ông Tiết-Liêu chỉ có Bánh-Dầy và Bánh-Chưng ; Vua lấy làm lạ hỏi. Ông đem thần-mộng tâu Vua. Vua nếm Bánh thấy ngon, khen ngợi hồi lâu, bèn truyền ngồi cho Tiết-Liêu ».

« Từ đó năm nào Tết đến cũng làm Bánh-Chưng Bánh-Dầy cúng tế. Dân gian bắt chước, cho đến ngày nay trong nước dầu dầu cũng làm « Bánh-Chưng Bánh-Dầy cúng tế ».

(Theo Việt-sử Đại-Toàn, bản dịch của Trúc-Sơn Mai-Đặng-Đệ Duy-Minh Thư-Xá 1944).

Câu truyện sự-tích trên đây đã giải-thích tục-lệ thờ cúng tổ-tiên của dân tộc Việt từ thời tối cổ, trước khi chịu ảnh-hưởng của văn-hóa Hán-Tộc, như Không-giáo chẳng hạn. Cái tục lấy thực phẩm bằng ngũ-cốc là kết-quả của lao-công nông-dân, trên đất ruộng phù sa của sông Hồng-Hà gặp thời-tiết mưa thuận nắng hòa, dễ dàng lên tiên tổ trong ba ngày Tết, trước khi phân chia cho con cháu đồng đều vui-vầy cảnh gia-đình ấm-cúng, cũng là một tục cổ xưa. Sách « An-Nam chí nguyên » của Cao-Hùng-Trung viết :

« Sách Giao-Chi Thống-Chí rằng : Đất man-dã dân đi đất chân không, chỉ người quý-phái mới đi giày da hay đi võng. Mỗi năm Nguyên-Đán ba ngày đều đủ cỗ bàn để cúng tổ-tiên, trai-gái chai giới thắp hương lễ Phật ».

An-Nam Chí-Nguyên trang 111
do Viễn-Đông Bác Cổ xuất bản,

Theo câu truyện thần-thoại. Nhà vua đã không truyền ngôi cho con trưởng như nguyên-tắc Không-giáo, mà truyền cho con út là Tiết-Liêu, vì đã thâm hiểu cái ý-thức-hệ của dân-tộc nông nghiệp. Cái ý-thức hệ ấy là cụ-thể hóa tất cả vũ-trụ Vương Tròn, vừa tượng hình Trời Đất, lại vừa tượng hình Cha-Mẹ Tờ-Tiên, linh hồn bất-tử. Trời là Trời Thời, tức là vòng thời-tiết, Xuân-sinh. Hạ trưởng, Thu liếm, Đông tàng, của bốn mùa trong một năm. Đất là Đất lợi, những thửa ruộng vuông vẫn đem lại hoa-lợi của lao công chân lấm tay bùn. Và Người với linh-hồn bất-tử cùng Giang-Sơn Xá-Tắc, với Hồn Nước linh-thiên đời kiếp nghiệp-lai, cha truyền con nối đứng giữa thế-gian, đầu đội Trời, chân đạp Đất đóng vai chủ-dộng để thực-hiện thế quân-bình.

Trời thời, Đất lợi lại Người hòa

(Phan-thanh-Giản)

nhờ cái :

Mảnh tình riêng ta với ta.

(Thanh Quan)

mong-manh tế-vi nhưng linh-dộng bất tuyệt ở tại trong đây thâm thiêng-liêng của tâm-hồn cá-nhân nó duy-trì thích hợp với hòa-diệu đại-dồng :

Linh khâm bảo hợp thái hòa

(Nguyễn-công-Trứ)

Vậy Bánh-Chưng Bánh-Dầy là cụ-thể hóa cả một ý-thức-hệ tổng-hợp của tinh thần văn-hóa truyền thống Á-Châu, ứng-dụng vào điều-kiện địa-lý sinh-hoạt của dân-tộc Việt. Ở đây chúng ta thấy cái ý nghĩa tâm linh hóa thực-phẩm của khuynh-hướng tôn-giáo Bà-La-Môn ở Ấn-Độ, nhưng dân Việt đã xác-định cho thực-phẩm ấy là ngũ-cốc, là lúa gạo, món ăn của nhân-dân nông-nghiệp, và nó đã tâm-linh hóa bằng một cử-chỉ cung kính dâng lên cho tổ-tiên, để biếu-dương cái nghĩa :

Công Cha như núi Thái-Sơn,

Công Mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

và để thực-hiện cái triết-lý phổ-thông đại-chúng này :

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,

Uống nước phải nhớ đến nguồn vậy.

Bánh-Chưng Bánh-Dầy cũng lại diễn-tả một cách sống động cái vũ-trụ thời-không trừu-tượng mà nhân-dân Trung-Hoa đã biểu diễn bằng những hàng số ma-thuật, tối-tâm, chứa đựng sẵn những mâm bói toán quyền năng để đưa đến thái-độ tức-mệnh. Như thế tục Bánh-Chưng Bánh-Dầy với câu chuyện thần-thoại trên đây, sau khi so sánh với tinh-thần văn-hóa của Ấn-Độ và Trung-Hoa chúng ta đã thấy được cái thiên-tài thâm-hóa và tổng-hợp của dân-tộc Việt. Muốn thâm-hóa và tổng-hợp rút lấy cái hay của người mà gạt bỏ cái dở, trước hết một dân-tộc hay một cá-nhân phải tự mình ý-thức lấy mình, ý-thức mình là một thực tại, ngõ hầu thâm-định giá-trị của người, vì chúng ta bao giờ cũng phải xét người qua nơi mình. Có như thế sự thâm-hóa tổng-hợp mới không thành một mô vay mượn hỗn độn gây ra xung đột phá hoại mất quân-bình của sự sống. Vì sự sống của một dân-tộc cũng ví như của một tâm-hồn là cả một cái dòng Duy-Nhất sáng tạo, một nguồn thuần nhất sống-động, bề ngoài thì biến-hóa vô cùng mà bên trong thì miên-tục bất-phân. Đây là tâm-linh, là hồn Sông-Núi vô-hình bằng-bạc mà linh-nghiệm.

NGÀY XUÂN ĐÔI HOA THÀNH PHÚC

Một thầy đồ Trung-quốc tính ưa hài hước, giữa đêm trừ-tịch, viết một đôi liễn xuân dán lên cột như sau :

Phước vô trùng chí,
Hoạ bất đơn hành.

(Nghĩa là : Phước không đến hai lần, hoạ không đi một mình).

Dưới 2 vế đối này, thầy đồ ta để chừa trống một khoảng, ai đọc cũng giật mình và cho là quái gở, còn cười thầm anh ta muốn tự rước những trụyện tai-họa vào mình chẳng !

Thầy đồ cười xoà, song đến sáng sớm, gọi vợ dậy mài mực cho khai-bút và ung-dung thêm vào sau mỗi vế 3 chữ nữa :

... Kim chiêu chí ;
... Sợ nhật hành.

(Nghĩa là : Sáng nay lại đến, Hôm qua đã đi.

Cả đôi câu liễn nghĩa là :

Phước không đến hai lần mà sáng nay lại đến ! Hoạ không đi một mình mà hôm qua đã đi rồi !

Thế là, do ngọn bút hoạt-kê rất tài-tình của thầy đồ, gặp hung hoá cát, lời dữ hoá lành ngay từ buổi đầu năm, còn gì may mắn hơn nữa.

H. Văn

HIỆN TÌNH VĂN-HÓA VIỆT-NAM

(Tiếp theo trang 11)

TÂN-VIỆT-ĐIỀU

V.— HIỆN TÌNH NỀN GIÁO-DỤC MỚI

1) Đặc tính của nền giáo-dục mới.

Giáo-dục là ngành tối quan trọng của Văn-hóa. Trường học là lò đào tạo những cán bộ của văn-hóa. Xem tình trạng giáo-dục một nước, không những người ta biết trình độ văn-hóa của nước ấy, mà còn được biết tinh-thần của dân-tộc và tương-lai của quốc-gia ấy.

Từ khi Việt-Nam thu hồi chủ-quyền độc-lập, ai nấy đều mong mỗi ngành giáo-dục được cải tổ, về chương trình, về sách giáo-khoa, phương pháp giáo-dục cho xứng hợp với một quốc-gia độc-lập.

Lên nhậm chức Bộ-Trưởng Quốc-gia giáo-dục, ông Trần-hữu-Thế liền cử các phái đoàn đi về các tỉnh quan sát tại chỗ tình-hình giáo-dục, thấu thập nguyện vọng rồi ông đã triệu-tập một Hội-nghị Giáo-dục toàn quốc để giải quyết các vấn đề khẩn cấp, cải tổ chương-trình và trừ định kế hoạch tương lai.

Kết quả, chương trình đã được cải tổ và đem thi hành, bắt đầu từ niên khóa 1958-59. Muốn biết chương trình cải tổ ấy dựa trên những nguyên-tắc căn-bản gì, chúng ta hãy nghe ông Bộ-Trưởng Quốc-gia giáo-dục trình bày sau đây trong dịp lễ phát phần thưởng ở một trường Trung-học tại Saigon : « ... Nhưng thái độ hợp lý là thái độ trung dung, hòa hợp tân và cựu, dựa vào dĩ vãng để xây đắp tương lai. Vì chúng ta sống trong một thời-gian không gián-đoạn, vì dĩ-vãng không phải là một cái gì đã chết đi, mà vẫn luôn luôn tồn tại trong tâm hồn mỗi chúng ta. Vì thế, như quý vị đã biết, trong công cuộc cải tổ chương-trình Trung-học vừa qua, nguyên tắc căn bản đã được ấn định là : nền giáo-dục Việt-Nam phải có tinh-cách nhân-bản, dân-tộc và khai phóng, lấy con người làm cứu cánh, tôn trọng những giá-trị cổ-truyền nhưng đồng thời, cũng mở rộng cửa đón tiếp một tinh-hoa của văn-hóa bốn phương »

2) Những kết quả cụ thể đã thu hoạch.

Từ khi Chính-thể Cộng-hòa thành lập, giáo-dục là một trong những ngành được khích-lệ và chăm chú nhất. Những trường-học, học-sinh, giáo-sư, từ Tiểu-học, Bình-dân giáo-dục, qua Trung-học, lên Đại-học, và các trường kỹ-thuật mỗi năm được tăng-gia. Ta hãy xem những con số so sánh sau đây, ta sẽ thấy sự tăng gia ấy quan-trọng chừng nào.

Về Tiểu-học công-lập

Niên khóa 1956-1957 có :

— 2.766 nhà trường, 571.019 học sinh, 11.203 giáo-sư

Niên khóa 1957-1958 có :

— 3.219 nhà trường, 723.113 học sinh, 13.589 giáo-sư

Về Trung-học công, tư, bán công,

Niên khóa 1956-1957 có :

— 190 nhà trường, 72.020 học-sinh, 3.220 giáo-sư

Niên khóa 1957-1958 có :

— 270 nhà trường, 105.039 học-sinh, 3.751 giáo-sư

Về đại-học.

Niên-khóa 1956-1957 có :

— 3.823 sinh-viên, 165 giáo-sư

Niên-khóa 1957-1958 có :

— 5.756 sinh-viên, 258 giáo-sư

Về Kỹ thuật, thực-nghiệp

Niên-khóa 1956-1957 có :

— 7.319 sinh-viên, 455 giáo-sư

Niên-khóa 1957-1958 có.

— 10.583 sinh-viên, 592 giáo-sư

Hai trường Đại-học Huế, Đalat mới thành lập để thỏa mãn nhu cầu của giới thanh niên hiếu học mỗi năm mỗi tăng. Đồng thời, một số *Tu Thư, Dịch*

thuật và ấn loát đã được thiết lập để soạn dịch các sách giáo Khoa. Chúng ta cũng không quên nhắc đến hội *Văn hóa bình dân* là một hội do tư nhân thành lập từ năm 1954 với mục đích nâng cao trình độ học vấn của quần chúng, phổ-biến văn-hóa, giáo-dục bình-dân. Trường Bách-khoa bình dân của hội này dạy ban đêm, không lấy tiền, mỗi khóa là 4 tháng rưỡi. Trường có 50 lớp, chia làm 2 ban, ban Thực-nghiệp và ban Văn-hóa, đến nay đã mở được 8 khóa, trung bình mỗi khóa rèn luyện được 1.500 học-viên. Hội Văn-hóa bình-dân cũng có mở một ban Tiểu-học, dạy ban đêm, ở các trường ốc công lập. Đến nay sau 3 năm hoạt động, ban này tính ra đã mở 451 lớp học và giúp ích cho 19.239 đồng bào. Ngoài ra, còn hội *Khuyến học bổ túc* cũng không kém phần hoạt động.

3) Hoạt động giáo-dục và văn-hóa Việt-Nam ở ngoại quốc.

Những hoạt động này càng ngày càng phát triển ở ngoại-quốc, nhờ sự bành trướng của nền ngoại giao Việt-Nam.

Đại khái, người Việt-Nam hoạt động về văn hóa ở ngoại quốc nhờ những Sĩ-Quán thiết lập từ mười năm nay tại các nước bạn như : Huê-kỳ, Anh-Cái Lợi, Pháp, Ý Đại Lợi, Tây Đức, Bỉ, Tây Ban Nha, Nhật Bản, Đại Hàn, Phi Luật Tân, Đài Loan, Mã Lai, Nam Dương, Thái Lan, Lào, Cao Mên, Miến Điện và Ấn-Độ, để thắt chặt tình thân hữu giữa các nước trong Thế giới Tự-do, trao đổi Văn-hóa và bảo vệ quyền lợi của Việt kiều ở rải rác khắp các nước trên thế giới.

Đi đến nơi nào, Việt kiều cũng có một nếp sống riêng biệt ; họ vẫn cố giữ những tập quán đặc biệt Việt-Nam và có khi truyền bá nghệ thuật nước nhà cho người bản xứ, như trường hợp Việt kiều ở Thái-Lan từ đầu thế kỷ thứ 19 đã truyền lại nghề múa quạt và múa đèn cho ban ca vũ hoàng gia Thái-Lan.

Ngoài ra, từ nước nhà gửi đi nhiều phái đoàn để tham dự các hội-nghi quốc-tế có tính cách văn-hóa, khoa-học và giáo-dục ; hoặc là những nghệ-sĩ đi biểu diễn ba vũ hoặc kịch nhạc như em bé Thơ Thơ, bà Thái-thị-Lan, đi triển lãm họa phẩm và sơn mài của Lê-văn-Đệ, Thành-Lễ, Lê-Thy, v. . . .

Ấy là chưa kể một số đồng sinh-viên và công-chức được học-bằng hoặc tự túc đi học ở các nước Âu-Mỹ, Á-Úc, càng ngày càng nhiều và đi đến đâu cũng mang theo chí hiếu học và một trí nhớ lạ-lùng đã bao phen làm cho người ngoại quốc phải công khai khen ngợi.

Ở giữa thời đại năm châu họp chợ, bốn biển một nhà, nhờ địa thế nước ta thuận tiện cho những sự gặp gỡ giữa Đông và Tây, vì từ xưa đến nay nước ta vẫn là ngã ba đường cho các cuộc di dân quốc tế (carrefour des migrations internationales), chúng ta sẵn sàng đón tiếp các luồng tu-tướng mới, các hệ thống văn hóa có tính cách xây dựng và tiến bộ, vì vậy chúng ta đã mở cửa rộng lớn để nghênh tiếp các nền văn-hóa quốc-tế.

VI.—CÁC HỘI VĂN-HÓA QUỐC-TẾ HOẠT-ĐỘNG TẠI VIỆT-NAM

1') *Hội Việt Mỹ (Vietnamese American Association)*, thành lập ngày 18-5-1955, nhằm mục-đích khuyến-khích sự hiểu biết giữa người Việt và người Mỹ bằng cách phổ biến văn-hóa Việt và Mỹ. Sự phổ-biến này đã thực-hiện bằng cách dạy sinh-ngữ, văn-chương hoặc những món khác bằng vô-tuyến truyền thanh, hàm thụ, bằng những buổi nói chuyện, triển-lãm, hòa nhạc, chiếu bóng hoặc bằng nhiều phương-tiện khác. Hội có xuất-bản cứ ba tháng một tạp-chí lấy tên là «Việt Mỹ» gồm có nhiều bài khảo-luận bằng tiếng Việt và tiếng Mỹ rất có giá-trị.

2') *Phù Luân Hội (Rotary Club)*.—Tổ-chức này thành-lập tại Chicago (Mỹ Quốc) vào năm 1905, do sáng-kiến của Luật-sư P. Harris, nhằm mục-đích đoàn kết các nhà doanh thương và các nghề tự do, với ý-niệm thắt chặt tình thân ái giữa các hội viên, góp sức vào công-cuộc mở mang thị xã, phát triển những đức tính thanh liêm cần mẫn tận tâm với nghề nghiệp, trao-đổi văn-hóa, tăng-cường sự hiểu biết quốc-tế cùng thiện-chí yêu chuộng hòa-bình. Sở dĩ đặt tên là Phù-Luân Hội vì lúc đầu khi mới thành lập, các hội-viên luân chuyển nhóm họp tại các phòng giấy làm việc của mỗi hội-viên.

Dần dần Phù-Luân Hội được thành-lập khắp nơi trên thế-giới. Sau 53 năm hoạt động, ngày nay, Hội đã có 9.115 chi-hội tại 99 nước trên thế-giới với 431 ngàn hội-viên trong số đó có cả Việt-Nam.

Phù-Luân Hội Saigon thành-lập vào hồi tháng 3 năm 1952 và gia-nhập Phù-Luân Hội quốc-tế ngày 25-1-1953. Trong buổi họp của Hội Phù-Luân, thường có một số nhân sĩ trong giới chính-trị, hành-chánh, thương mại, khoa học, kỹ nghệ, văn hóa được Hội mời tới như quý-khách để nói chuyện (guest speaker) về các vấn-đề thuộc sở trường của mỗi người và có liên quan tới sự tiến triển của thế giới hiện tại.

3') *Thanh Thương Hội (Jaycee)* thành lập năm 1915 tại Saint Louis (Hoa Kỳ), sau 43 năm hoạt động, nay đã có 3.650 chi hội trong 80 quốc gia với nửa triệu hội viên. Riêng Á-châu có tới 194 chi hội Thanh Thương tại 15 quốc-gia, cùng nhau đem hết năng lực để xây dựng tinh-thần bác-ái, liên-kết các thanh-niên từ 20 đến 40 tuổi đủ các nghề-nghiệp, để tạo nên một thế-giới tốt đẹp bằng cách khuyến-trưng các trung tâm xã hội văn-hóa trong thị-xã, xúc-tiến các chương-trình kinh-tế, thanh-niên và giáo-dục trong vùng hoạt động của mỗi Chi-hội.

Thanh-Thương Hội Việt-Nam thành-lập từ năm 1951 đã phát-triển mạnh-mẽ, từ một Chi-hội Saigon nay đã có 11 chi-hội đặt khắp các tỉnh lớn ở Việt-Nam. Hội đã không ngớt hoạt-động để thực-hiện tình huynh-đệ, bảo-tồn tự-do, tôn-trọng nhân-vị, gây cho thế-hệ thanh-niên thấu triệt trách-nhiệm về nghề-nghiệp và tăng cường tình tương thân tương ái giữa các quốc-gia trên thế-giới. Hội luôn luôn cố gắng làm sáng tỏ các phương-châm hoạt-động của Hội là :

— Kho tàng quý nhất trên đời là nhân-phẩm con người (le plus précieux des trésors de ce monde, c'est la dignité humaine).

— Phục-sự nhân-loại là công-tác tốt đẹp nhất của con người (Servir l'humanité est la plus noble des missions).

4) *Alliance française* tức là Hội Đồng-minh Pháp-văn, thành-lập tại Ba-Lê từ năm 1884, đặt chi-nhánh tại Việt-Nam vào năm 1946. Hội này có mục-đích phổ-biến Pháp-văn, trao-đổi văn-hóa giữa các nước để tăng cường sự hiểu biết và tình thân-thiện giữa các dân-tộc yêu chuộng văn-chương, nghệ-thuật. Hội tổ-chức những buổi nói chuyện, chớp bóng, để nâng cao trình độ văn-hóa của các hội viên, làm thành một diễn đàn tự do để tranh luận về các vấn đề không có tính cách chính trị. Hội cũng có một tủ sách khá phong phú và một phòng đọc sách rộng rãi, thuê nạp một số đông độc giả và sinh viên, công chức hiếu học.

5) *Hội nghiên-cứu Đông Dương (Société des Etudes indo-chinoises)*, thành lập năm 1865, là một Hội Bác học xưa nhất còn tồn tại. Hội này gồm một số trí thức đủ các quốc tịch, chung sức nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến các nền văn-hóa đã và đang tiếp diễn trên bán đảo Đông-Dương.

Ngày trước, Hội có thu-thập nhiều đồ cò ở Nam-Việt và đến năm 1929 thì Hội cúng cho Viện Bảo-tàng Nam-Việt. Hội chỉ giữ lại một thư viện rất phong-phú về các vấn đề Á châu nói chung và Việt, Miên, Lào nói riêng. Hội xuất bản một tạp chí tam cá nguyệt tên là « Bulletin de la Société des Etudes indochinoises » được các giới trí thức đặc biệt lưu ý. Thành thạo Hội có tổ chức diễn thuyết, chiếu bóng và du ngoạn danh lam cổ tích, cho các hội viên và những thân hữu hằng quan tâm đến các vấn-đề văn-hóa quốc-gia và quốc-tế.

6.) *Hội Văn-hóa Á-châu (Asian Culture Association)* đã được phép thành lập ngày 21-10-1957 tại Saigon, với mục đích « đứng ở ngoài các đảng phái chính trị để nghiên cứu một cách khách quan những quan hệ văn hóa giữa dân tộc Việt-Nam với các dân-tộc Á-châu và thế-giới cùng tình hình văn-hóa của các dân tộc ấy, ngõ hầu góp phần xây dựng vào cái ý thức hệ cơ sở của một dân tộc tự ý thức mình là một dân tộc thống nhất và độc lập » (Nguyễn Đăng Thục).

Hội đang xúc tiến thành lập một phòng diễn thuyết để làm nơi diễn đàn công cộng và một thư viện. Hội đã xuất bản hàng tháng một tập kỷ yếu lấy tên là « Văn-hóa Á-châu », cứ hàng 3 tháng thì góp lại và phiên dịch những bài có giá trị ra Anh văn, Pháp văn và Hán văn. Các tập kỷ yếu này được các giới trí thức trong nước và ngoại quốc đặc biệt chú ý.

7.) *Nhóm Việt-Bút (Pen Club)* do một nhóm văn-sĩ kịch-sĩ, thi-sĩ, nhà báo lão thành và có những thành tích văn nghệ trong nước đã thành lập ngày 17-8-1957, với sự khuyến khích của Hội Văn Bút quốc-tế.

Hội P.E.N Club là Hội của các thi sĩ (Poet), soạn giả (Playwriter), bình luận gia (Essayist), chủ bút và ký giả báo chí (Editor), khảo cứu và trước thuật văn-học và tiểu thuyết gia (Novelist). Trụ sở chính của Hội Văn Bút quốc tế đặt tại Ba-Lé. Tiếng Pháp và tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức trong các hội nghị. Văn-Bút xác nhận rằng :

1.— Văn chương dù xuất xứ có tính cách quốc gia nhưng không có biên giới và phải được trao đổi giữa các quốc-gia, mặc dầu các quốc gia đó trải qua nhiều cuộc thăng trầm về phương diện chính-trị hay quốc-tế.

2.— Trong mọi hoàn cảnh và nhất là trong thời chinh-chiến, không nên đề cho những phong trào quốc-gia hay chính-trị xâm phạm tới các tác-phẩm văn nghệ là tài sản của nhân-loại nói chung.

3)— Các văn gia có nhiệm vụ lúc nào cũng phải dùng hết ảnh hưởng của mình để làm tăng gia sự hiểu biết và sự tương trọng giữa các quốc-gia.

4.— Hội Văn bút chủ trương nguyên tắc tự do truyền-bá tư-tưởng trong mỗi quốc-gia và giữa các quốc-gia.

Dựa trên các nguyên tắc ấy, Hội Việt Bút thường có tổ chức những buổi hội họp có tính cách văn hóa, mời các nhân sĩ Việt và ngoại quốc diễn thuyết, tổ chức triển lãm họa phẩm, phiên dịch văn phẩm giá trị của ngoại quốc ra tiếng Việt và xuất bản một tập kỷ yếu bằng ba thứ tiếng, (Việt, Pháp và Anh) rất được các giới trí-thức tán thưởng.

8.) *Asia Foundation*, tức là cơ quan Viện trợ Văn-hóa Á-Đông, không có khuynh hướng chính-trị, do các tư nhân Mỹ sáng lập năm 1951 để giúp các nước Á-Châu tiến-triển về Văn hóa và Giáo-dục. Được chính thức công nhận tại xứ California, cơ-quan « The Asia Foundation » được nâng đỡ bằng các số tiền tặng của các người đã mất, các nghiệp đoàn, cơ quan bác ái và các tư nhân mong muốn thấy mục đích của cơ quan được thực hiện là :

1.— Làm cho các cá nhân và các đoàn thể Á-Đông hiện đương nỗ lực duy-trì hòa-bình độc-lập và tự-do cá nhân cùng phát-triển xã-hội, có thể nhận được sự ủng hộ của các tư nhân Mỹ.

2.— Khuyến khích và củng cố những công tác thành lập trên sự tương kính, tương đắc giữa các đoàn thể tình nguyện Á-đông, Hoa-kỳ và quốc-tế cùng chung mục-dịch và lý-tưởng.

3.— Trong một phạm vi nhỏ hẹp hơn, cộng tác với các tư nhân và cơ quan Mỹ khác để cho dân chúng Mỹ biết hơn về các dân tộc Á Đông về lịch sử, văn-hóa và giá-trị của họ.

Cơ quan « Asia Foundation », do ông Robert Blum làm chủ tịch, có đặt cơ sở tại 19 nước Á-châu. Tại Việt-Nam cơ quan ấy, do ông Edgar Pike đại diện, đã giúp đỡ rất nhiều bằng viện-trợ tài-chính, sách vở và dụng cụ cho các cơ quan văn hóa hoạt động tại Việt-Nam như : Viện Đại học Huế, Hội Văn Hóa Bình Dân Saigon, Huế và Đalat, Trường Quốc-gia âm-nhạc, hội Hướng Đạo, Viện Đại Học Saigon, Pen Club, hội Free Pacific Association, Thanh Thương hội, Tủ sách Quốc-Hội, Hội kỹ-sư và kỹ-thuật Việt-Nam, Trung-tâm Giáo-dục Căn-bản Tân-An, v.v...

9') U. N. E. S. C. O. là một tổ chức Liên Hiệp quốc về giáo dục, khoa học và văn hóa (đọc là Unesco do chữ Anh United Nations Educational Scientific And Cultural Organization). Tổ chức này nhằm mục đích « góp phần vào sự duy trì hòa-bình và an-ninh bằng cách siết chặt sự hợp tác giữa các nước trên lãnh vực giáo dục, khoa học và văn hóa để đảm bảo sự tôn trọng bao quát về công lý pháp luật, nhân quyền và những tự do căn bản cần cho mọi người, không phân biệt nòi giống, trai gái, ngôn ngữ hay tôn giáo mà hiến chương liên hiệp quốc đã thừa nhận cho tất cả các dân tộc »

Văn kiện thành lập Tổ chức Liên hiệp quốc về giáo dục khoa học và văn hóa đã được soạn thảo tại Luân Đôn do đại diện của 43 nước họp trong tháng mười một năm 1945, theo sáng kiến của hai Chính phủ Anh và Pháp đứng ra triệu tập. Tổ chức Unesco đã chính thức thành lập ngày 3 tháng mười một năm 1945, và gồm có lúc bấy giờ, 20 nước hội viên.

Nước Việt-Nam ta gia nhập UNESCO ngày 6-7-1951. Kê đến nay đã có 81 nước hội viên của Tổ-chức quốc tế nói trên.

Tại Việt-Nam, UNESCO có một cơ quan đại diện bên cạnh Ủy Hội quốc gia UNESCO (Commission Nationale pour l'Unesco). Ủy Hội này do ông Bộ Trưởng Quốc-gia Giáo-Dục làm chủ-tịch và đề làm liên-lạc giữa Chính-Phủ Cộng-Hòa và tổ-chức quốc-tế UNESCO. Còn vị Đại-diện UNESCO tại Việt-Nam là Bác-sĩ Marcel De CLERCK, có nhiệm vụ thay mặt Ông Tổng Giám-Đốc UNESCO tại Việt-Nam và đồng thời với tư-cách Trưởng phái đoàn Viện-trợ kỹ-thuật UNESCO, có nhiệm vụ đón đố công việc của Phái-đoàn tại Việt-Nam cùng giao-thiệp với Chính-Phủ Việt-Nam về những vấn đề liên-quan.

Hiện nay, những công cuộc thực hiện xứng đáng nhất của Ủy-Hội quốc-gia UNESCO với sự giúp đỡ của Phái-đoàn kỹ-thuật UNESCO là Trung-tâm giáo-dục căn-bản Khánh Hậu (Centre d'Education de base de Tân-An) và những lớp huấn luyện chuyên viên Á-Đông về hải học (Océanographie) tại Hải-học viện Nhatrang.

VII.— KẾT - LUẬN

Những kết-quả mà văn-ngệ-sĩ cũng như các nhà bác-học, và kỹ-thuật gia nước Việt-Nam tự-do đã thu-hoạch được sau mấy năm nỗ lực hoạt-động đã củng cố nền móng văn-hóa Việt-Nam. Văn-hóa này muốn bảo-tồn dân-tộc tích, cương-quyết thoát khỏi những ảnh hưởng ngoại lai trái với

bản chất và cổ truyền của dân-tộc, đồng thời có khuynh-hướng phổ-biến và khai-phóng, nghĩa là thâm nhập các tầng lớp dân chúng, và mở rộng ra để đón tiếp những cái hay, cái đẹp của thế-giới.

Văn-hóa Việt-Nam là kết tinh của ba nền văn-hóa phong phú nhất trên thế-giới :

— Văn hóa duy-tâm (Idéalisme) của Trung-Hoa.

— Văn hóa duy linh (Spiritualisme) của Ấn-Độ và Trung Đông.

— Văn-hóa duy-lý (Rationalisme) của Tây Phương.

Nhờ địa thế thuận lợi cho sự gặp gỡ Đông Tây kim-cô (Carrefour des civilisations), chúng ta đã tổng hợp ba nền văn-hóa ấy một cách thần diệu là :

— Nền văn-hóa *duy tâm* đã đưa ta đến *Mỹ*, với triết-lý của Khổng Mạnh.

— Nền văn-hóa *duy linh* đã đưa ta đến *Thiện* với Phật giáo và Gia tô giáo.

— Nền văn-hóa *Duy lý* đã đưa ta đến *Chân*, với triết-lý của Descartes và Leibnitz.

Ba nền văn-hóa ấy tuy đã đến với dân-tộc Việt-Nam lần hồi trong những thời kỳ khác nhau, nhưng đã khéo léo dung dưỡng thành một nhân bản chủ nghĩa (humanisme) trong ấy phần hồn (homo sapiens) quan trọng hơn phần xác thịt (homo faber). Chủ nghĩa nhân bản ấy đã giúp chúng ta xua đuổi chủ nghĩa duy-vật ra ngoài, nước ta không phải là nơi dung thân của chủ nghĩa duy vật.

Ở nước Việt-Nam tự-do của chúng ta, văn-ngệ-sĩ, giáo-sư, bác-sĩ và kỹ-thuật gia được tự do cảm nghĩ, tự-do trình-bày những tác-phẩm của mình, còn nhân dân thì trong mọi ngành sinh hoạt đương vươn mình lên chỗ cao đẹp đầy đủ hơn, nên chúng ta tin rằng chẳng bao lâu nền văn-hóa Việt-Nam dựa trên nền tảng dân-tộc nhân-bản và khai phóng sẽ phát triển đầy đủ, huy hoàng, xứng đáng với một quốc-gia độc-lập, một « Văn-hiến chi bang » mà quốc-hiệu đầu tiên là « Văn-lang ». nghĩa là người có văn-hóa và biết lễ-ngĩa.

Người ta đã gán cho Lão-tử mấy câu sau đây, để nhấn mạnh tầm quan trọng của Văn-Hóa.

- Làm thầy thuốc mà sai lầm thì hại một người.
- Làm thầy địa mà sai lầm thì hại một gia-dình,
- Làm chính-trị mà sai lầm thì hại một dân-tộc.
- Làm văn-hóa mà sai lầm thì hại muôn đời.

Vì văn-hóa có tính cách vĩnh viễn muôn đời, nên văn hóa còn quan trọng hơn văn-minh gấp bội. Văn-hóa là bề sâu mà văn-minh là bề mặt. Văn-hóa là phẩm mà văn minh là lượng. Văn-hóa cứ tuần tự tiến mãi (jamais un peuple n'est revenu à la sauvagerie), còn văn-minh có thể bị điều tàn khi đã lên đến cực độ, như các nền văn minh La-Hy, Angkor, Ai-Cập. Một dân-tộc với một trạng-thái văn-minh có vẻ sơ sài, nhưng có thể có một nền văn-hóa khá cao tuy chưa làm được phi cơ phân-lực, nhưng mỗi chú mục đồng đều có thể ngâm Kiều thời sáo, một sự kiện chưa từng thấy bao giờ ở các nước văn-minh trên thế-giới.

Văn hóa thường hướng về nội tâm, còn văn minh hướng nhiều về ngoại cảnh, vì thế người ta thường nói « mức văn-hóa » (niveau de culture) và « trình độ văn minh » (degré de civilisation),

Vì văn-hóa là muôn đời nên nhiệm-vụ của chúng ta ngày nay là phải bảo-vệ văn-hóa, phục-hưng văn-hóa và sáng tác văn-hóa. Mỗi người chúng ta đều sáng tác văn-hóa trong đời sống hàng ngày, nhưng không hề ý đó thôi, khác nào như hô hấp đề mà sống, người nghệ-sĩ cảm thấy mình sáng tác và mỗi tác động đều vận dụng cả con người và càng khó nhọc bao nhiêu càng làm cho khỏe mạnh bấy nhiêu (Tout homme crée sans le savoir comme il respire, mais l'artiste se sent créer, son acte engage tout son être, sa peine bien aimée le fortifie.— Paul Valéry).

Và cũng vì văn hóa là muôn đời mà mai sau dù có biến chuyển thế nào chăng nữa, Văn-hóa sẽ còn tồn tại mãi mãi khi người ta đã quên tất cả. (La culture c'est se qui reste quand on aura tout oublié. Edouard Herriot.) (1)

TÂN-VIỆT-ĐIỀU

(1) Đã diễn thuyết tại khóa Nghiên Cứu Huấn-luyện Ủy-viên Tuyên Nghiêu Huấn của Liên Đoàn Công-chức cách-mạng quốc-gia (22-12-1958)

TRỊNH - SÂM 鄭森

và Tâm thanh tồn duy tập 心聲存集

Bài của THI-PHỒ-NHỨT.

TRỊNH SÂM 鄭森 là con trưởng TRỊNH DOANH 鄭揆 (1740-1767) sinh ngày mồng chín tháng hai năm Kỷ mùi 1739 (1). Tháng mười năm Mậu dần 1758, thì được phong làm Tiết chế Thủy Bộ Chu quân Thái Úy Tĩnh quốc công, mở Phủ Lượng quốc. Bấy giờ những việc quốc sự quan trọng đều được cha ủy cho cả. Năm Đinh hợi 1767, TRỊNH DOANH mất, TRỊNH SÂM lên nối ngôi, tự phong làm Nguyên Soái Tổng quốc-chính Tĩnh đô vương 靖都王. Tháng 8 năm Kỷ Sửu 1769, lại tự tiến phong cho mình làm Đại Nguyên soái Tổng quốc chính Thượng sư Tĩnh vương (2). Tháng 10 năm Canh dần 1770, cho mình dày công đức, bèn giả mệnh vua LÊ mà tự tiến phong tước Đại Nguyên soái Tổng quốc chính Thượng sư Thượng phụ Duệ đoán Văn Công Vũ Đức Tĩnh Vương (3). Người ta thường gọi « TĨNH ĐÔ VƯƠNG » thì không được đúng, vì « TĨNH ĐÔ VƯƠNG » là tước phong lúc mới nối ngôi, mà nên gọi là Tĩnh-Vương là tước phong sau này.

Thời TRỊNH SÂM ở ngôi Chúa có lắm việc, có thể tóm lược thành những nét lớn như sau :

- 1.— Việc dẹp giặc ở Động MÃNH THIÊN (4)
- 2.— Việc đánh dẹp LÊ DUY MẬT ở Trấn ninh (5)
- 3.— Việc em TRỊNH SÂM là TRỊNH LỆ mưu giết TRỊNH SÂM bị bỏ ngục (6)
- 4.— Việc TRỊNH SÂM phế Hoàng Thái-Tử LÊ-DUY VÍ rồi giết đi (7)
- 5.— Việc TRỊNH SÂM sai HOÀNG NGŨ PHÚC đem quân Nam chinh năm 1774 xâm lấn Thuận-hóa, Chúa NGUYỄN

(1) Trịnh gia thế phả

(2) (3) (4) (5) (6) và (7) Khâm định Việt-sử thông giám cương mục, quyển 43.

PHÚC THUẦN (1765-1775) phải chạy vào Quảng-nam (8)

6.— Việc mở khoa thi « HUƠNG HỘI THỊNH KHOA ». bỏ lệ đưa bài thi cho vua LÊ duyệt (9)

7.— Việc TRỊNH SÂM truất con lớn là TRỊNH KHẢI đề lập con thứ là TRỊNH CÁN con người thị nữ ĐĂNG THỊ HUỆ. (10)

Thời cuối đời, TRỊNH SÂM lâm bệnh, hay sợ nắng gió, ở luôn trong thâm cung đến vài năm, và mất vào ngày 23 tháng 9 năm Nhâm dần 1782 niên hiệu CẢNH HƯNG thứ 43, thọ 41 tuổi (1) được truy phong làm THỊNH VƯƠNG (Lịch triều hiến chương chép là THÁNH TÒ THỊNH VƯƠNG). Sau khi TRỊNH SÂM mất rồi, quân Tam phủ nổi loạn phế TRỊNH CÁN lập TRỊNH KHẢI, ngày càng cậy công, sinh ra lộng hành những nhiều (2) và nghiệp Chúa đồ nát từ đó.

Về mặt văn chương, TRỊNH SÂM là một nhà thơ mà tài sản xuất rất phong phú, có làm nhiều thơ nôm chép trong các tập TÂM THANH TỒN DUY TẬP 心界存肄集, NAM TUẦN KÝ TRÌNH 南巡記程 TÂY TUẦN KÝ TRÌNH 西巡記程 là những tập thơ vừa chữ Hán vừa nôm.

Tiêu biểu cho thơ ông, có thể kể TÂM THANH TỒN DUY TẬP (3), Nhan sách có nghĩa là (2) (tâm thanh xuất xứ ở câu « Thi giả tâm chi thanh 詩者心之聲 nghĩa là thơ là tiếng tự nhiên của lòng, nhân đó chữ TÂM THANH 心聲 có nghĩa là thơ, TỒN 存 là chép để lưu lại, DUY 肄 là học tập kể cả là tiếng cõi lòng giữ gìn và luyện tập chép những áng thơ của mình sáng tác nên đề thỉnh thoảng xem lại mà rèn tập. TÂM THANH TỒN DUY TẬP có bốn quyển : quyển đầu gồm loại bài họa văn thơ của Vua LÊ, hoặc của TRỊNH DOANH như bài « VỊNH TÀI ĐỨC » VỊNH MỪNG MƯA PHẢI THỜI » « VỊNH PHONG CẢNH NÚI DỤC THÚY » quyển thứ hai gồm loại thơ ban cho các quan văn võ như thơ ban cho LIÊU QUẬN CÔNG mừng nhà mới. thơ ban cho KHUÊ QUẬN CÔNG về hưu ; quyển thứ

(8) Khâm định Việt sử thông giám cương mục, quyển 44.

(9) Khâm định Việt sử thông giám cương mục, quyển 45

(10) Khâm định Việt sử thông giám cương mục, quyển 45

ta là thơ gặp cảnh sinh tình như hai bài : « LĂNG NGÂM » : quyền thứ tư vịnh vật như bài « VINH CON VOI », bài « ĐỊNH MỔ HÒM ẮN ». Kề trong 4 quyển, tất cả được 134 bài. *thơ quốc-âm chiếm phần lớn*, và thường làm theo thể cách Đường thi bài 8 câu, mỗi câu 7 chữ, và cả lục ngôn thể. Thịnh thoảng có một vài bài chữ Hán, một vài bài thơ tứ-tuyệt. Có khi thấy trên đôi bài thơ quốc âm *lời chú dẫn bằng Hán-văn*. Nhìn chung, thì ý-điệu thơ văn của Ông rất cô-kính, và hùng kiện. *chuyên mô-tả sự quang-vinh, đài-các, kiêu-sức của nhà Chúa, những đức quý của hạng người quyền môn*, về đấng-liệt của nhà tướng binh các thú thưởng ngoạn cao-sang, và hàm nhiều chất-liệu thuần-tý cổ-điền, ảnh-hưởng của lối thơ chữ còn hay nặng-nề. Đó là loại thơ mang dấu-hiệu đặc-biệt của một giai-tầng, một thời-đại. Tuy thể-cách có giống như thơ NGUYỄN BÌNH KHIÊM, nhưng cú-điệu vẫn quá cô, có lẽ thơ nhà Chúa thiếu hẳn cái rung-cảm sâu xa và rộng-rãi của bậc hiền triết cao-ân đời MẠC chăng ? Dù sao, thì phần nhiều thơ ông, cũng như các văn-thần, không phải là nguồn gốc ở thi-hứng, mà là kết-quả của một sự trau-triã, học hỏi theo khuôn-khố mượn của Trung-hoa, nó đúc-kết ở sự *trầm-tư, suy-tưởng, hơn là cảm-hứng*.

Sau đây là phần trích-lục các thơ văn đã chỉ-dẫn ở trên để làm ví dụ :

VỊNH TÀI ĐỨC (quyển 1)

họa theo văn ngự-chế : đặc biệt là cả năm văn duy chỉ một chữ tài.

*Chữ đức sang, so khác chữ tài,
Tài hay giúp đức, đức nên tài.
Kiện cương trung chính tài là đức,
Trấp định kính luân đức ấy tài.
Tài có phục nhân vì tuấn đức,
Đức ra chế trị thực hùng tài.
Nhiệm mầu soi thấu bề tài đức,
Mừng đức tài gồm rất thánh tài.*

BÀI MỪNG MƯA PHẢI THỜI (quyển 1)

*họa theo văn ngự-chế
Xanh xanh cơ đã cảm phụ chưa ?
Khăn khăn lòng Thang, vậy trời mưa.*

Hón hón tôi con mừng chẳng xiết.
Ngày ngày tuôn dãi có thừa lưa.

VỊNH PHONG-CẢNH NÚI DỤC-THỨ

(quyển 1)

Ba nghìn thế-giói tót bầu trời,
Bông nhược này này góp một trời.
Xanh ánh mặt đào lồng đỉnh sực,
Biết râm da đá nhuộm doanh khơt.
Dấu tiên am phật còn rành rạnh,
Bút thánh câu thần mặc vẽ-vời.
Thanh tít một phen danh một rạng,
Cánh màu thêm cạy bức thư bày.

BÀI BAN CHO LIÊU QUẬN-CÔNG MỪNG NHÀ MỚI

(quyển 2)

Có bề phượng chính, có trung thành,
Xả-tắc danh thần đã đứng danh.
Túc-dạ trong nhiều công bồ-côn,
Phiên-tuyên ngoài xứng sức can-thành.
« Đồng hưu » khoán nợ dành sông núi,
« Phi dãi » niềm kìa vốn sắt danh.
Thần quyền càng ngày càng hậu quyển,
« Tư can » mừng ngợi chữ « Du ntnh »

BAN CHO KHUÊ QUẬN-CÔNG VỀ HỮU

(quyển 2)

Hội hợp rồng mây nẻo bấy lâu,
Trung thần một tiết vẹn xưa sau.
Cần lao khần-khần hăng ghi tạc,
Trước lộc láng láng biếng trác cầu.
Cong sáng thể quyền rành-rảnh dấy.

Thú màu sơn thủy hẹp-hòi đầu ?
Cầm toàn miễn chứa niềm đơn cũ,
Đỉnh Phụng thêm phong ý mặc đầu.

LĂNG NGÂM (1)

Bài thứ nhất (quyển 3)

Trước sau dự định lọ là thì,
Muôn đội cao xanh dốc hậu vi.
Mối nghĩa giềng nhân đành dạ tạc,
Đường tà nẻo kính mặc người đi.
Bon chen thói ấy cho hay vậy,
Đùm bọc lòng này xá hẹp chi.
Hiếu-đẽ vốn hàng thì khần-khần,
Phải chẳng đã có chúng khen chê.

LĂNG NGÂM

Bài thứ hai (quyển 3)

Làm người trung- hậu mới là người,
Bạc-hạnh gian-ngoan luống ở đời.
Trọng chồn có quyền tìm lửa lẩn,
Khinh nơi vắng mặt lánh xa xuôi.
Ghê lòng dáo-dở lòng thiên mẽch,
Gớm thói bon chen thói dãi bôi.
Xá kẻ thế-gian loài bất đức,
Miễn ra ngay thảo dãi cùng trời.

BÀI VỊNH VOI (quyển 4)

So trong muôn vật tốt hơn đời,
Bầm khí giao-quang thực báu đời.
Trọng đại uy-nghi này mới đức,
Giữ-giàng nha-chảo đã nên tài.

(1) Ngâm chơi

Bình Ngô thỏa sức xông pha nhẹ,
Canh lịch dầu lòng thủng-thỉnh chơi.
Đội lữ buông oai nhẹ bấp chuổi,
Tiếng đà lừng lẫy dậy vang trời.

BÀI VINH Ở HÒM ẮN (quyển 4)

Dung hòa vừa giữa tiết xuân-vinh,
Sự đã thành quy lại cử hành.
Sớm mở tú-phù trên tử-các,
Rộng ra chính lĩnh trước đơn-trì.
Lề nơi phép giữ thông muôn việc.
Mối phẳng giềng xong thỏa mọi tình.
Bốn bề ngóng trong đều dung-mệnh,
Vây nên phương-chính trị long bình.

VINH ĐỘNG TỬ-THỨC (quyển 4)

Giữa áng non thân mở động tiên,
So với thế-giới lát ba nghìn.
Cánh xiêm gấm kết đôi lần rủ,
Cờ áo rêu mài-mẩy bạc lên.
Mây hợp ò rờng phun nước,
Gió đưa khúc phượng vang lên.
Đấu xưa kỳ ngộ âu là đấy,
Giấy sạch trần ai chẳng bợn men.

Tựu trung, những bài thơ hay nhất trong **TÂM THANH TÒN DỤY TẬP** vẫn là những bài thơ tức cảnh, tả cảnh thú thiên-nhiên, như các bài :
TÂY-HỒ TỨC CẢNH.

TÂY-HỒ TỨC CẢNH (quyển 4)

Bài thứ nhất

Khắp chơi phong cảnh áng hương thành,
Ngoạn thưởng âu đây thích tình-tinh.

Phục tượng ngàn kia lồng bóng thỏ,
Ân ngư giòng nọ bắt tằm kình.
Lâm-râm xóm nhạn cây pha khố,
Lác-đác bướm ngư lá nổi doanh.
Tùng trái tiên-vương khi thường vịnh,
Thanh kỳ danh ấy đã nên danh

Bài thứ hai

Lọ là đồn hời chốn bồng doanh,
Này thú này âu cũng có tình.
Đôi dóa nhị hồng in dáng tía,
Một doanh nước biếc ánh trời xanh.
Lâu-lâu các nọ phong rèm nguyệt,
Văng-văng chiều kia đôi tiếng kình.
Lần trái nắng sương đà mấy tá,
Kim-ngư dấu trước hây rành-rành.

mà nhất là bài **CHƠI ĐỘNG HƯƠNG-TÍCH**
Thơ Chơi động Hương-Tích (quyển 4)

Trời vừa hé sáng, bước lên thuyền :
Khoan mái chèo lan, ghé bến tiên.
Phong-nguyệt thờ ở bầu ngọc đức,
Giang sơ bở-ngữ bức tranh in.
Kìa kìa qui phượng ngong kình bối,
Nọ nọ lân long lẳng giáo Thiên,
Cánh lạ thú màu khôn xiết kẻ ;
Thanh kỳ đệ nhất chốn Nam-thiên.

Người ta vẫn có thể nghĩ rằng nhà thơ vương-giả trước cảnh thực của thiên-nhiên, đã có những cảm-lung chân-thành hơn, nên những bài thơ trên mới thành xuất-sắc, và vượt bỏ hẳn cả thơ trong toàn tập. Bài « **CHƠI ĐỘNG HƯƠNG TÍCH** » vừa đặc-sắc vì tứ-diệu thanh-thoát, lại đặc-sắc vì từ ngữ « chèo lan, » « bến tiên, » « lân long, » « qui phượng »

tuy sáo-cũ, nhưng được xử-dụng đúng chỗ đặc-địa, và thành ra trau-tria thanh-quí, rõ là phong cách, lời lẽ của khách quyền - môn « Cục nhân-gian chi phẩm giá » Nhưng đó là trường hợp hân-hữu. Đến như 2 bài **HỒ TỨC CẢNH TÂY** thì tuy có khôi-sắc thực, nhưng vẫn còn những câu tầm-thường, nhạt nhẽo, nghèo cả về ý lẫn về lời như :

— Ngoạn thưởng âu đây thích tính tình.

— Này thú này, âu cũng có tình.

Xưa kia, cô-nhân từng chia thơ nôm ra làm 12 phái (1), trong ấy, các văn-nhân Chúa Trịnh đứng thành một nhà, có lẽ kẻ học thời trước cũng đã nhận rõ tính-cách khuôn-khò, sáo cổ và giáo-điều của một giai-cấp thống-trị, quân-phiệt, và hãnh-tiến chiếm cả quyền vua trong một thời dài.

(1) Xem *Văn-học Việt-nam sẽ ăn hành, Phần Nhập-môn.*

THẺ-LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng (5 số) : 120\$ — 1 năm (10 số) : 240\$

(Gửi bảo-đảm, mỗi số tính thêm 7\$00)

Ở ngoại-quốc, xin gửi thêm cước phí.

TÒA-SOẠN : Nha Văn-hóa (Bộ Quốc-gia Giáo-dục)

266 Đường Công-lý, Saigon — Đ.T. — 24.633

NHÀ IN : 149 Đường Yên-Đồ, Saigon.

Mua dài hạn V.H.N.S. xin gửi phiếu mua báo và ngân-phiếu về

Ô. GIÁM-ĐỐC NHA VĂN-HÓA (số 266 Đường Công-Lý, Saigon)

Bài soạn đăng tạp - chí, xin gửi về **ÔNG CHỦ BÚT VĂN-HÓA**

NGUYỆT-SAN (số 266 Đường công-lý, Saigon).

TRUYỆN THÚY-KIỀU

VỚI NGƯỜI NGOẠI-QUỐC

(tiếp theo V.H.N.S. số 37)

ĐIỂM V

VŨ ĐỨC TRINH

TRUYỆN THÚY-KIỀU HAY VỀ PHƯỢNG DIỆN PHONG TỤC

Vì tập quán lịch sử của nhiều năm, vì hoàn cảnh thích hợp cho từng nước, nên mỗi dân tộc thường có những phong tục riêng, lạ, người ngoài khó trông-tượng và linh-hội đủ. Trong thời cơ đi sứ bên nước Tàu, thi hào Nguyễn-Du tiếp xúc với nhiều tầng lớp xã hội. Vì thế, ông tỏ ra lịch duyệt, mỗi khi nói đến phong tục Trung-Hoa. Ông dùng những chữ hoặc những câu thần tình, đáng phục, đáng thưởng. Ông kể truyện :

Khi Thúc-kỳ-Tâm muốn « tính cuộc vuông tròn » đến mãi « trăm năm » (C. 1331) với Vương-thúy-Kiều, nàng nghĩ xa, muốn đề phòng những sự bất-trắc. Bao nhiêu nó phòng ngừa về trên, dưới, trong, ngoài, của gia đình ý trung-nhân, đều được nàng tạm giải quyết cho êm, duy có « hàm sư tử » (C. 1350) Hà-Đông khiến nàng sợ hơn cả. Nàng nói :

« Cút đầu, luôn xuống mái nhà »

« Giấm chua lại tội bằng ba lửa nòng. » (C. 1351-1352)

Theo tinh thần tổ chức gia đình Trung-Hoa, vợ cả gọi bằng *thê*, là kẻ ngang hàng với chồng, còn vợ lẽ gọi bằng *thiếp*, nghĩa là *tiếp*, thêm vào để giúp đỡ. Bởi thế, địa vị chênh lệch nhau : Một đằng là chủ động một đằng là bị động. Vợ cả chỉ huy với chồng, vợ lẽ phục tùng chồng và vợ cả. Thật đúng : Vợ lẽ « một cô, hai trong. »

Ở mặt phong tục, khi cưới vợ cả, thời có đủ nghi-thức long-trọng, linh-dinh ; còn khi cưới vợ lẽ, thời bất quá chỉ có nghi-thức giản-dị, đơn sơ. Lúc vợ cả về nhà chồng, thời đi đằng hoàng, vào cửa chính (vì là *chính thất*), rồi sống ở phòng giữa. Trái lại, khi vợ lẽ về nhà chồng, thời đi khép nép, vào cửa mé (vì là *phên thất*), rồi sống ở mái hiên hẹp ở nhà nhỏ cất kế bên nhà chính.

Trong vụ lễ nghinh hôn, người thiếp phải « cúi đầu, luồn xuống mái nhà » nhỏ, không được phép giữa mặt lên. Đang khi ấy, đức ông chồng đứng trên ghế hơi cao, cầm chiếc quạt, gõ nhẹ xuống đầu người thiếp, muốn chỉ nghĩa năm quyền điều khiển nàng.

Sau cuộc lễ hương hỏa gia-đường, vợ lẽ còn phải dâng chè quỳ lạy vợ cả. Vợ cả đặt tên (*chị* này, *khác*) cho vợ lẽ để ai nấy gọi theo, chứ vợ lẽ không được xưng hô về phẩm-cách, mệnh-danh là phu nhân của chồng.

Mặt khác, vợ lẽ thường trẻ hơn, đẹp hơn, nên thường bị phong-tục đề sẵn cho bao cảnh dè nén...

Nổi si nhục trong lễ nghinh-hôn mở màn cho nhiều vụ « khéo ghét » và « đánh ghen » sau này, chua như giấm.

Xưa ông tề tướng Phòng-huyền-Linh đã lưỡng tuổi mà vẫn chưa có con nối dòng. Ông không dám cưới vợ lẽ vì ghê vợ cả. Vua Đường-Thái-Tông (627-650), xót giùm cho tình cảnh, và muốn ban một người cung nữ. Tuy nhiên, vua ái ngại, vì nghe bà vợ ông ghen khét tiếng. Vua triệu bà vào cung, đề khuyên dụ; song bà thà chết chứ không ưng. Đề áp bức bà tuân ý thánh, vua buộc bà uống chén thuốc độc pha sẵn. Bà cương quyết uống ngay. Ai ngờ đó chỉ là cốc « giấm chua » đề thử; thế nên, bà không chết. Hiều rằng không thể bắt ép bà, đành bỏ quên câu truyện.

Vì tích đó, « giấm chua » tượng trưng cho niềm ghen ghét của vợ cả đối với vợ lẽ. Niềm ghen ghét này còn khò, còn « tội bằng ba lửa nóng » thiếu đốt; khò « bằng ba » là khò vô cùng, vì theo pháp luật và tâm-lý, phạt ba nghìn không nặng bằng phạt một nghìn nhân với ba.

Không trách được tục ngữ Việt-Nam đã bảo : « *Chết trẻ còn hơn lấy lẽ.* »

DIEM VI

TRUYỆN THÙY-KIỀU HAY VỀ PHƯƠNG DIỆN ÂM NHẠC

Chúng tôi không nói về âm điệu, âm-luồng của lời văn, nhưng chỉ bàn đến âm nhạc cao xa của người trong truyện.

Phần tinh xảo nhất của nghệ thuật Hóa Công là chân, thiện, mỹ. Mô phỏng Hóa Công, nhân loại cũng muốn diễn tả sự thực, ý tốt, vẻ xinh trong nghệ thuật. Âm nhạc là thứ nghệ thuật tinh vi, mà diễm cốt yếu là dùng âm thanh để chuyển đạt cảm tình, ý tưởng, mong lời kéo người nghe, đưa họ vào quả tim, khối óc.

Vương-thủy-Kiều rất sành sỏi về âm-nhạc. Nàng chơi thạo Hồ cầm là chủ tề các thứ đàn khó xử dụng. Nàng đặt cung tãi, viết lời giới, gảy đàn khéo. và hát xướng hay. Bốn việc đó thường đòi hỏi bốn nhân vật khác nhau; nhưng đây, một mình nàng làm cả, mà lại làm như bốn nghệ sĩ vượt bậc. Về nàng, thi hào Nguyễn-Du viết :

« Cung, thương, lầu bạc ngũ âm. » (C. 13)

Xưa những vị thánh nhân ngắm xem vị trí ngũ phương và đo dẫn tiếng của ngũ âm, rồi đặt ra ngũ cung, để phối hợp với ngũ hành, Trung ương thuộc về thổ là tiếng *cung*, tây phương thuộc về kim là tiếng *thương*, đông phương thuộc về mộc là tiếng *giốc* (*giác*), nam phương thuộc về hỏa là tiếng *trúy*, bắc phương thuộc về thủy là tiếng *vũ*.

Ngũ âm : *cung, thương, giốc, trúy, vũ* của Trung Hoa giống như *hồ, xư, xang, xê, cồng* của Mông-Cô và *do, re, fa, sol, la* của Phương-Tây.

Vua Phục-Hy, (2852-2737), chế tạo ra cây đàn cầm. Đề điều hoà, phối hợp với nó, như việc xướng tùy của phu phụ, vua Thần-Nông, (2737-2697), chế tạo ra cây đàn sắt. Đàn cầm bốn dây, có giọng hùng hồn, trung hòa, tổng hợp khí phách, độ lượng của nam tử; đàn sắt năm mươi dây, có giọng êm ái, nhu thuận, tổng hợp tính nhu mì, chiều chuộng của phụ nữ. Khi tấu vào ngũ âm, thì đàn cầm gảy nên tiếng *cung*, giống như tiếng nện mặt đất; đàn sắt gảy nên tiếng *trúy*, giống như tiếng mỏ chim hót; chuông này ra tiếng *thương*, giống như tiếng dụng kim khí; địch thổi ra tiếng *giốc*, giống như tiếng làm kêu sừng; trống đánh ra tiếng *vũ*, giống như tiếng cánh chim đập.

Lúc Thủy-Kiều tái hợp với Kim-Trọng, nàng gảy đàn cho cố nhân nghe. Thi hào Nguyễn-Du tả bài đàn ấy :

« Phím đàn diu-dặt tay tiên,
 « Khóit trăm cao thấp, tiếng huyền gần xa :
 « Khúc đầu dầm-ấm dương hòa !
 « Ấy là hồ điệp hay là Trang-Sinh ?
 « Khúc đầu êm ái xuân tình !
 « Ấy hồn Thục-Đế hay mình đồ quyền ?
 « Trong sao châu rõ duềnh huyền :
 « Ấm sao hạt ngọc Lam-Điền mới đông :
 « Lọt tai nghe suốt năm cung,
 « Tiếng nào là chẳng nào-nùng xôn-xao ?

(C. c. 3197-3206)

KẾT-LUẬN

Ở trên kia chúng tôi đã trình-bày vấn đề **TRUYỆN THÚY-KIỀU** VỚI NGƯỜI NGOẠI-QUỐC. Chúng tôi nói : Người Việt-Nam nên đưa *Truyện Thúy-Kiều* giới thiệu với người ngoại quốc, vì *Truyện* này làm vinh dự cho quốc thể Việt-Nam, vì *truyện* này không phải là cuốn sách xấu, vì người ngoại quốc ưa thích *truyện* này. Đó là 3 lẽ bên ngoài. Còn những lẽ bên trong ? Có nhiều, nhưng chúng tôi thu gọn vào 6 lẽ : Vì *Truyện Thúy-Kiều* hay về các phương diện : Văn chương, Nghệ thuật Triết-lý, Tôn giáo, Phong tục, Âm nhạc,

Tất nhiên, ai trong chúng ta cũng có sẵn tinh-thần ái quốc, muốn cho xứ sở mình được vẻ vang. Tùy theo địa vị, hoàn cảnh, trường hợp, mỗi công dân Việt-Nam có bổn phận làm rạng rỡ tên nước trong khu vực của mình.

Trong khu vực văn hóa, và riêng trong phạm vi văn nghệ chúng ta có nhiều cơ hội tốt đem lại vinh-quang cho nước nhà. Đưa giới thiệu *Truyện Thúy-Kiều* với người ngoại quốc là một việc áp dụng hay. Hiện giờ, quyền sách đó rất được người nước ngoài lưu ý tới.

Tuy nhiên, có điều này đáng lo ngại : Ít nhiều người ngoại quốc chỉ mới hiểu phớt qua về *Truyện Thúy-Kiều* mà đã vội viết bài, dịch

sách, hay diễn thuyết cho người đồng hương của họ xem, nghe, giải trí. Những mâu kiến-thức vụn mảnh, hời hợt kia sẽ làm sai ý *truyện* và làm hỏng lời thơ, khiến cho độc giả đánh sứt giá-trị tác-phẩm kỳ-diệu nhất của Việt-Nam, coi nó như quyển sách tầm thường.

Trong việc này cũng như trong nhiều việc khác, nghĩa vụ của người Việt-Nam là phải cố gắng cho người ngoại quốc những điểm xác đáng, tinh túy, đặc biệt, để mưu lấy vinh-diệu cho xứ-sở và nâng cao trình-độ văn-hóa nước nhà. Thi sĩ và văn sĩ Việt-Nam sẽ giới thiệu *Truyện Thúy-Kiều* với những người ngoại quốc nào đã biết khá giỏi, hay mới biết sơ sài, hoặc chưa biết gì hết.

Nếu nhiều người ngoại quốc chỉ biết phát phơ về *Truyện Kiều* mà đã hàm mộ nó, phương chi nếu được biết rộng sâu hơn, thời họ sẽ ưa chuộng nó đến thế nào....

Trong cuộc trao đổi văn-hóa với những nước ngoài, chúng ta nên khai thác bảo tàng của Việt-Nam, trong đó *Truyện Thúy-Kiều* chiếm một chỗ đáng kể.

THI - CA

XUÂN NHÀN

Một đỉnh trăm-hương tắt một châm,
 Ngày xuân ngào-ngạt, gió đưa trầm.
 Phạt nhìn ảnh đức Vô-lương niệm,
 Thơ đối chum hoa Bất-tử ngâm.
 Thế-sự muốn vùn khuấy một phút,
 Thiều-quang chín chục có bao lăm ?
 Nàng Thơ ! Hãy đề ta nhàn tỵ,
 Ta đã bao xuân rồi ruột tằm !!

ĐÔNG-XUYẾN

NGƯỜI VÀ TA

trong học - thuyết Không - Mạnh

Đời người sướng hay khổ ? Đó là một vấn-đề nhân-sinh đã từng được các nhà triết-học và tôn-giáo chú trọng và giải thuyết nhưng chưa bao giờ được giải-quyết giútt khoát cả.

Một nhà đại-văn-hào Pháp đã phải viết đại khái rằng : bảo rằng đời người là hay, hoặc bảo rằng là dở, đều là vô nghĩa cả. Phải nói rằng đời người vừa hay, vừa dở, vì nó gồm có đủ mùi ngon ngọt, và mặn lạt chua cay, nó giống như vai hề trong vở tuồng của ó. Florian : người thấy dở, kẻ thấy xanh, mà hai người cũng đều thấy rõ cả, vì rằng đời người vừa xanh vừa đỏ và đủ các màu. TỔ-NGUYÊN Đó là điều ha nhất để giải-hòa các nhà triết-học không ngớt tranh luận với nhau...

Luận-diệu trên kê cũng hay, nhưng vẫn chưa có thể chấm dứt được nỗi thắc-mắc của tất cả mọi người.

Các tôn-giáo thời tựa hồ thừa nhận cuộc đời là một quá-trình thống-khò. Bởi bản-chất nhân-sinh là thống-khò cho nên đi tìm khoái-lạc ở đời không phải là chính-đạo của nhân-sinh. Và lại xây dựng khoái-lạc trên các nền-tảng thống-khò, kết quả chỉ là tạo thêm thống-khò, mà những kết-quả lựm được gọi là khoái-lạc đó, quyết không phải là chân khoái-lạc.

Đời người sở-dĩ thống-khò là bởi nhân-sinh hữu-hạn. Đại khái, đời người có hai đại hạn : một là hạn nhân-ngã (giới hạn giữa ta và người), hai là hạn sinh-tử (đời người ngắn ngủi). Tất cả mọi thống-khò trên đời đều do hai cái giới hạn ấy mà sinh ra.

Hạn nhân-ngã [là sự gián-cách, đối-lập giữa ta và người. Trong khoảng vũ-trụ mênh mông, vô cùng vô tận, lại có ta đây. Một « ta » (nhất ngã) sống giữa ức triệu (người) « không phải ta » (phi ngã) ; nếu đời là một cuộc tranh-đấu, thì một « ta », tranh với muôn vàn « không phải ta »

tất nhiên phải thất bại, lại nếu đời là một cuộc phục-vụ, thì một « ta » phục vụ cho muôn vàn « không phải ta », thế tất không xong ! Đó là những điều khổ-não của người đời vậy.

Lão-tử nói rằng : « Nhân chi hữu hạn tại ngã hữu thân, nhược ngã vô thân cánh hữu hà hạn » nghĩa là vì ta có thân mà phải có lo, nếu không có thân thì còn lo gì ! Bởi có thân mà nhận có ta, bởi có thân rồi mới có chết. Cái ta, cái chết đều do thân mà có.

Phật-giáo chủ trương « Vô ngã niết bàn », Gia-giáo giảng thuyết « Thương-tế Thiên-Đương » đều là muốn thoát-ly cái « hữu hạn » của nhân sinh, bằng cách thủ-tiêu cái hữu-hạn ấy mà tìm lối dung-nhập vào cái vô hạn. Dụng ý đó cũng tương-tự với tâm-ý trên của Lão-tử.

Duy có học-thuyết của Không Mạnh chủ trương tìm lối giải thoát ngay trong giới hạn của nhân-sinh mà không cần phải thủ-tiêu cái hữu-hạn đó.

Muốn giải-thoát cái hữu-hạn thì phải cần một cái khả-năng vô-hạn. Nơi con người ta, cái thân-lượng là hữu-hạn mà cái tâm-lượng thì vô-hạn. Vậy nếu từ địa-hạt sinh-mạng tự-nhiên, ta chuyển sang địa hạt tâm-linh, tức là siêu thoát cái hữu-hạn. Vượt ra ngoài cái hữu-hạn ấy, là giải trừ hết mọi thống-khò.

Như trên vừa nói, có thân mới có TA. Vậy TA là một ý tưởng phát-sinh bởi biểu-tượng của cái thân, đối-lập với ý-tưởng không phải ta, là người khác.

Tâm cảm biết có cái thân ấy, và nhân đó cảm biết cái TA đây, cho nên gọi bằng TA, tức là chỉ vào cái thân ấy mà nói. Cái TA đã do thân phát-sinh, thì trong cuộc nhân-sinh thường-thái, nó cũng chỉ là tạm bợ (hữu-hạn) như cái thân kia mà thôi.

Con người ở trên đời, không thể sống độc-lập một mình, mà phải sống chung với đồng loại. Nếu cho cái thân vật-chất trợ-trợ kia là TA mà xử thế, thì không khác gì chàng Robinson phiêu lưu nơi hoang đảo, lủi thủi một (mình) TA.

Sự thực, con người ở đời không phải cô-sinh độc-lập như vậy mà thành TA được. Có TA, tất phải có thân thuộc hay luân-loại của ta. Con người phải sống trong những liên-hệ mà người Á-đông gọi là ngũ-luân và lấy đó làm nhân-bản.

Nếu có người gọi ta bằng cha, ta ắt gọi người ấy bằng con ; nếu có người gọi ta bằng con, ta ắt gọi người ấy bằng cha.

Trong tâm ta đồng thời có cha và con, có anh và em, vợ hay chồng vua hay tôi và bầu bạn. Tại tâm kẻ khác hay là tha-tâm, đồng thời cũng nhận có TA là cha hay con, anh hay em, vợ hay chồng, vua hay tôi và bầu bạn. Cái đạo lý ngũ luân ấy Đức Khổng Tử gọi bằng Nhân. Theo điển tịch thời chữ Nhân 仁 — gồm có chữ nhĩ 耳 là đôi, và chữ nhân 人 là người — nghĩa là người cùng người tương quan, tương đối.

Do nhân-sinh quan đó, mà phạm làm người ắt phải sống thành luân tác đối-nghĩa là ở trong mối liên-thuộc và tương đối mật-thiết với nhau — mới thành người, mà ta cũng phải cùng với mọi kẻ khác sống thành luân tác đối như vậy mới thành TA được.

Những mối luân-thường, liên-đối đó, đều do tâm nhận thấy, chứ không phải do thân. Ví như một luân phụ-tử : không phải những cái thân xác (của người cha và người con) tạo nên, mà chính là do tâm của cha — là từ — và tâm của con — là hiếu — tương cảm tương thông mà thành vậy. Luân-loại khác cũng vậy, đều do tâm khởi kiến.

Ta sở dĩ là TA, không phải do tâm ta đối chiếu với thân ta, mà tất do tâm ta đối chiếu với tâm của luân thuộc ta, tương cảm tương tri mới thành có TA. Như vậy thôi, không phải là do lấy người làm giới hạn mà có TA, mà phải hòa thông với người mới có TA vậy.

Nếu nhận biết được cái TA chân thực ấy, tự nhiên đã phá được cái giới-hạn giữa người và TA.

Đó là cái chân ngã, hay là cái TA thực-tế trong đạo Nhân của Đông-phương. Nó khác xa cái TA « siêu tuyệt » của chủ nghĩa cá nhân ở Tây phương. Ở bên ta, do ảnh hưởng đạo Nhân mà thiên-luân gia đình rất được tôn trọng. Còn Tây phương, vì thiên hướng về tự do cá nhân cho nên đối với những liên-hệ phụ-tử, huynh-đệ, phạm thuộc về thiên luận họ không

tha-thiết lắm. Đã coi thường hai luân-hệ ấy thời giữa phu-phụ, chỉ còn có ý-vị nhân-luân mà thôi. Ở bên họ, sự kết-hợp với nhau thường thiên về xã-hội tính, nghĩa là chỉ căn cứ trên chính-nghĩa và pháp-luật, quyền-lợi và nghĩa-vụ, chứ ít khi dựa trên tình-cảm. Bởi vậy, ái-tình giữa trai và gái, không khác gì tình bầu bạn. Đến khi thành vợ chồng lại cũng bị ràng buộc vào khuôn khổ pháp-ly và quyền-lợi.

Theo quan-niệm Đông-phương mà nhận xét tính-chất người Tây-phương, ta thấy :

Nghĩa > nhân

(Nghĩa = ngã (ta) > nhân 仁 nhân = 人 (người))

Họ muốn bảo-tồn tinh-thần độc-lập của cá-nhân, cho nên e ngại quan-hệ thiên-luân vì quan-hệ này có thể làm thương-tồn lý-trường kia vậy.

Người Đông-phương sống trong luân-thuộc, tựa hồ tồn thất cá-nhân. Kỳ thực, chính nhờ ở trong ngũ-luân mà cá-nhân được hoàn thiện và hoàn thành vậy.

Ta đã làm cha, thời biết con ắt cầu cha « từ ». Nếu ta cảm thấu lòng con thời tự biết thiên-chức của mình làm cha là phải « từ ». Theo quan-niệm cá-nhân chủ-nghĩa mà so đo, thời há chẳng là vì kẻ khác mà hy-sinh mình. Nhưng, nếu ta làm con ta thời cũng cầu phụ-tử. Cho nên, ta làm cha mà năng-tử ấy là « tận kỹ-tâm » nghĩa là làm hết bổn-phận, hết lòng mình, chứ không phải là vì người khác.

Cái đạo-ly đó, đức Khổng-Tử gọi là trung-thứ. Tự xét lòng ta là « trung », suy ra bụng người là « thứ ». Mình và kẻ khác đều là người nói một cách khác thời cùng là TA cả. Lòng ta tức lòng người, lòng người tức lòng ta, lòng và lòng như nhau, không phân biệt, không thay đổi. Cái bản-chất đồng-nhiên (không phân biệt) và thường-nhiên (không thay đổi) của tâm, người Đông-phương gọi nó là « tính ». Ta sở dĩ là TA không phải ở chỗ thân ta cùng người khác-biệt, mà ở chỗ tâm ta cùng người giống nhau. Lại cũng không phải có cái thân ta mà kẻ là có TA mà chính vì có cái tâm-tính của ta mới thành ra TA vậy. Cái TA đây

đá do tâm-tính hay do đạo trung-dụng phát sinh ra, thời ta cố thể thực-hiện và hoàn thành cái TA thực-tế ấy ngay trên địa-hạt tâm-tính chứ không cần phải cầu « siêu quần xuất chúng » như muốn thực-hiện cái ta siêu-tuyệt lý-tưởng của cá-nhân chủ-nghĩa Tây-phương.

Tư-tưởng Tây-phương cận lai gồm có hai xu-hướng : là cá-nhân chủ-nghĩa và toàn-thê chủ-nghĩa, trái ngược nhau, xung đột và mặt sát lẫn nhau.

Quan-niệm tâm-tính đồng-nhiên và thường-nhiên của đạo Trung-dụng đã sai biệt với tư-tưởng của chủ-nghĩa cá-nhân như vừa nói trên lại cũng khác xa tư tưởng của chủ-nghĩa toàn-thê của Tây-phương.

Theo nhân-sinh quan ngũ-luân, thời toàn-thê cũng phải lấy cá-nhân làm căn-bản. Như ta làm cha mà năng-từ tức là biểu-hiệu được tính từ của toàn-thê những người làm cha ; ta làm con mà có hiếu, là biểu-hiệu được sự hiếu của tất cả những kẻ làm con.

Đứng về phương-diện Ta mà nói thời từ-tâm hay hiếu-tâm đó tựa hồ tâm riêng của từng người ; Nhưng đứng về phương-diện nhân-tâm mà nói thời tâm cá-biệt ấy đồng thời cũng là toàn-thê-tâm. Không-Tử gọi bằng Tâm, bằng Nhân, Mạnh-Tử gọi bằng Tính bằng Thiện đều là chỉ cái toàn-thê-tâm kia mà nói.

Đã cùng chung sống trong ngũ-luân thời lòng đây lòng đó (kỳ-tâm-tha-tâm) tương cảm tương thông mà dung thành nhất-tâm. Cái tâm đồng-nhất ấy khoáng đại ra đến vô-tận, miên-diên mãi đến vô cùng. Cho nên cái TA do Tâm gây nên cũng thuộc vô-hạn, vô cùng vậy.

Do ngũ-luân phát sinh tam sự-kiện là : gia (nhà) quốc (nước) và thiên-hạ. Cái bản-ngã (TA) được phát-triển và hoàn-thành trong cái tiến-trình vô-hạn của sự tề-gia trị-quốc và bình thiên hạ. Trong thực-tế, tiến-trình vô-hạn của ba việc ấy được bao-quát trong một việc tu-thân (sự-lý sẽ bàn kỹ trong bài khác).

Bởi vậy cho nên không cần phải xa lánh đoàn-thê vì muốn hoàn-thành chủ-nghĩa cá-nhân và cũng không phải hy-sinh cá-nhân vì muốn hoàn-thành

chủ-nghĩa toàn-thê. Ta sở dĩ thành TA là do cùng với toàn-thê tương thông hợp nhất. Toàn-thê nhân-loại dung-hòa trong đại khối luân-thường, người người tương đối, cá-nhân và toàn-thê tương-quan mà không đối-lập, tương-phản nhau vậy. Thực là vô-hạn mà hữu-hạn, hữu-hạn mà vô-hạn.

Đời người sở dĩ thống-khò là do cái hữu-hạn-tính của cá-nhân. Nay theo nhân-sinh quan ngũ-luân nói trên, thời tất cả mọi cá-thể nhân loại đều dung hợp thành nhất ngã nhất tâm, gây nên cái lý tưởng vô hạn viên mãn. mà trong lý tưởng vô hạn đó, cái hữu hạn tính kia cũng được dung hợp hoàn toàn. Cái hữu hạn nhân-sinh đã giải quyết, thời nhân-sinh thống khô cũng được giải trừ.

Nếu hiểu thấu những nghĩa lý đó, thời ta sẽ thấy đời người như bề rộng thời thênh, một cõi tự do vô hạn, mặc sức ta hoạt động vẫy vùng có gì gọi là thống khô.

Đó là những chân lý của hai bậc đại Thánh nhân Đông phương đối với nhân sinh bất cầu giải thoát mà tự giải thoát, thiết tưởng mọi người đều có thể thực hành và chứng nghiệm được.

THI-CA

MỪNG XUÂN MỚI

*Thời-kết ôn-hòa Xuân đã sang,
Trời Nạm trận ngập ánh huy-hoàng.
Cỏ hoa trăm thực phẩm màu thắm,
Non nước ngàn trùng rộn tiếng vang,
Mừng chúc ngày mai thêm thắng-lợi,
Hoan-hô xuân sớm đượm vinh-quang.
Toàn-dân hân-nức chung hy-vọng,
« Bắc-tiến » xuân xưa, lại mở đường.*

ĐẠM-NGUYỄN

NỀN GIÁO-DỤC MỚI

VỚI HIỆU-ĐOÀN HỌC-SINH

(tiếp theo V.H.N.S. số 37)

Trong khi được hoạt-dộng theo ý-muốn, Freinet đã nghĩ ra phương-pháp ấn-loát ở học-đường. (1)

Theo quan-niệm này, học sinh được tự-do tập làm báo, viết thành bài hân-hoi; nhà trường khiến thợ chuyên-môn giúp-đỡ trong việc xếp chữ và lên khuôn. Không kể sự dùng máy in làm cho chân tay khéo léo, phương sách này còn có nhiều ưu điểm:

— Học-sinh vừa cố viết cho thành văn, vừa có dịp mở rộng kiến-thức; vì muốn biên soạn bài vở nghiêm-nhiên như những cây bút sành sỏi, chúng phải nghiên-cứu, khảo-sát, áp-dụng mọi cách sáng suốt những

PHẠM XUÂN ĐỘ

cứu, khảo-sát, áp-dụng mọi điều học hỏi.

— Chúng được tự-do phát-triển ý-kiến, không phải ần-ức tính tình. Nhân đó, giáo-sư càng hiểu rõ tâm-lý của mỗi trò.

Phải chăng vì vậy, mà các Hiệu-Đoàn, trong khi chưa có máy in, đã thường chép những trương bích báo, hay hơn nữa, đã xuất-bản những tập san về dịp tân xuân.

Các phương-pháp cá-nhân-hóa nền học của Mỹ, cũng đáng cho ta lưu-tâm chú-ý.

Trước hết là đồ-án Dalton. (2) Nhà nữ sư-phạm Helen Parkhurst thấy rằng: trong một lớp, các học-sinh có những tư-chất khác nhau, thành-thủ kẻ thông-minh phải tự tìm-hăm đề cùng theo một đà tiến với anh chị

(1) Imprimerie à l'école

(2) Plan Dalton.

em đồng song, còn kẻ học-lực kém thì không tránh được nỗi tự-ty mặc-cảm. Helen Parkhurst bèn nghĩ ra một phương-sách mới, để bỏ-cứu khuyết-diểm này, và đem áp-dụng nó tại thành-phố Dalton, trong suốt ba năm, từ 1911 đến 1913. Các nguyên-tắc chính, nêu ra, có thể tóm-tắt như sau:

— Lớp học chỉ là những phòng thí-nghiệm. Các học-sinh, không kể tuổi, hợp thành những nhóm, tùy học-lực; chúng được tự-do đi lại, từ phòng nọ sang phòng kia, và có quyền chuyển-trò miễn là nói sẽ.

— Mỗi giáo-sư không dạy riêng một lớp, nhưng chỉ phụ-trách một ngành học. Trừ chủ-nhật và các ngày nghỉ, ông thầy tập-hợp học-sinh của mình mỗi ngày hai lần: buổi sáng để chuyển cho chúng các chi-thị, buổi chiều để kiểm-soát công việc, so sánh kết-quả, và trao đổi ý-kiến, thầy chia chương-trình học-hóa ra từng đoạn, dài ngắn khác nhau, có thể khảo-cứu trong hàng tuần, hàng tháng hay hàng năm, để trao cho mỗi trò tùy sức học và sự hiểu biết. Trước khi phân phát phần việc cho mỗi trò đảm nhận để tự học, thầy hỏi ý-kiến chung, để ai nấy vui lòng nhận lời trước mặt anh em, tức là chịu trách-nhiệm học hết đoạn ấy, trong định-hạn.

— Mỗi buổi chiều, khi kiểm soát, thầy cho điểm và phê-bình công việc đã làm. Ai cũng biết là mỗi người đã học tới đâu. Sách giáo-khoa được thảo soạn kỹ càng, chia chương-trình ra từng mục, lại có các bài tập, các câu hỏi, các bài ôn-tập.

Lối này có lợi, về chỗ mỗi học sinh có thể sức tới đâu, thì học tới đấy; nhưng có điểm đáng tiếc là họ chỉ riêng làm công việc mình không nghĩ đến tình đoàn-thề. Dù sao, Hiệu-đoàn có thể thí-nghiệm phương-sách ấy, trong việc rèn-luyện cho thanh-thiếu niên dự nghiên-cứu. Còn chúng ta không có quyền áp-dụng nó, trong các giờ học, khi chưa có chi-thị của nhà hữu-trách.

Đồ-án Gary (1), do một kỹ-nghệ gia ở Chicago, ông Gary, khởi-xướng, hướng hẳn về thực-dụng, và vì thế, cũng rất phù-hợp với hoạt-dộng của Hiệu-đoàn. Đồ-án cho rằng: thủ-công không những rèn-tập cho con em khéo-léo chân tay, mà còn mở-mang trí-thức của chúng. Vì vậy, Gary

(1) Plan Gary.

khuyến ta để chúng làm vườn, sáng chế các vật dụng, đặt máy điện và sửa chữa bàn ghế. Ngoài ra, Gary tin rằng : các môn học khác cũng chỉ bỏ bớt nếu nó căn-cứ vào thực-tế.

Sau hết, phương-pháp Winnetka được nhà giáo Carleton Washburne, thực-hiện ở ngoại-ô thành-phố Chicago, mục-đích để tôn-trọng cá-tính, và phát-huy những năng-lực riêng-biệt của mỗi cá-nhân. Washburne thấy rằng : cuộc nhân-thế trăm đường nghìn lối, vậy nhà trường không nên hun-đúc con em theo cùng một khuôn-khò, nhưng dùng tất cả các thể-thức, như bích-báo, hội học-sinh, các đoàn thể-thao hay hướng-đạo, để tìm-hiểu sở-trường và nhược-diểm của mỗi trò. Song, riêng về phương-diện này, các triết-nhân đều không đồng ý :

— Thực vậy, trắc-nghiệm thường khảo-sát về một phương-diện duy-nhất như thâm dò trí thông-minh hay ký-ức của mỗi trò. Song, một trí-năng có bao giờ đứng riêng lẻ một mình, lại thường chịu ảnh-hưởng của nội-giới và ngoại-giới, khiến sự khảo-sát bằng khí-cụ kia, dễ thành sai-lạc. Ti-dụ, bảo học-sinh nhắc lại một câu chuyện đã nghe qua, để xét trí nhớ của chúng ; nhưng nhiều khi, chúng đã lơ đãng hay nhọc-mệt trong khi dự-thính, khiến kết-quả của trắc-nghiệm kém phần xác-thực.

— Lại nữa, ai đã quen với trắc-nghiệm, thì dễ tỏ ra có vẻ thông-minh, lanh-lẹn khác thường.

— Và chẳng, trong số học-sinh, có người mạnh-bạo, có kẻ rụt-rè, o-lẹ, thành-thử sự xét-đoán khó lòng được công-minh, hoàn-hảo.

Tóm lại, tuy trắc-nghiệm là một phương-tiện hữu-ích, nhưng nó vẫn không xác-thực bằng những thí-nghiệm tự-nhiên, bằng sự nhận-xét, trong thực-tế, các cử-chỉ của học-sinh.

Trở lên trên, là các thể thức chính trong việc rèn-luyện cá-nhân. Còn các phương pháp xã-hội hóa nền học, thì tuy không có nhiều, nhưng cũng không kém phần quan-hệ. Đó là cách hỗ tương giáo-dục và phương sách tập đoàn. (1)

(1) méthode de l'enseignement mutuel, et travail par groupes.

Về thể-kỳ thứ XVIII, Pestalozzi, (1746-1827), nhà sư-phạm Thụy-sĩ, đã nêu lên phương-pháp hỗ-tương. Rồi vào khoản năm 1798, Bell và Lancaster đem áp-dụng nó trong các học hiệu nước Anh. Thực ra, sở dĩ người ta nghĩ đến sách giáo-huấn này, là một phần lớn tại thiếu giáo-sư, nên cần chọn những học sinh nhiều tuổi nhất và đặc sắc nhất, để thay thế ông thầy mà dạy các trẻ nhỏ, những bài không khó lắm. Nhân đó người ta tổ-chức thành những nhóm học-sinh, để trao cho các giảng-tập viên, tạm thời săn sóc.

Bell tin rằng : bằng sự xếp đặc ấy, toàn thể học sinh trong trường có thể tự bảo lẫn nhau, dưới sự trông nom của một giáo chức duy nhất, Pù sĩ số lên tới mấy trăm người.

Theo thiên-ý của chúng tôi, để thanh-niên nghiệm-nhiên đóng vai giáo sư như vậy, nhất là các lớp trung học, thì thật là quá đáng ; vì mỗi xê một bài để cùng giảng giải, dù về môn học nào, cũng đòi hỏi những kiến-thức và kinh-nghiệm tế-nhị, dồi dào... Khoa sư-phạm Âu-Tây đã có câu : « Dẫu dạy ít, cũng cần phải biết nhiều »... Trong một Hiệu-Đoàn thì khác : ở đó, người ta chỉ chuyên về những điều thực-nghiệm, và thường áp dụng những điều đã học hỏi trong các giờ chính thức, nên đoàn-viên có thể khảo-sát, rồi cùng kiểm thảo để tìm ra chân-lý.

Đó là hỗ-tương giáo-dục ; còn phương-sách tập đoàn, xét ra, còn dễ tổ-chức hơn.

Học-sinh chia ra từng nhóm ít người, mà cùng làm một công việc, trong đó, mỗi cá-nhân đề một phần công-sức và tâm-hồn của mình. Thật là khác hẳn các lớp hợp, trong đó mỗi trò chỉ làm nhiệm-vụ riêng của mình, Đồng thời với các bạn, và dưới quyền điều-khiển giáo-chức, chứ không có sự cộng-tác, hợp-tác.

Lối giáo-huấn này đã được Sanderson hiệu trưởng trường trung-học Orendie, áp-dụng ở Anh, Tolle áp-dụng ở Thụy-sĩ, Roger Cousinet ở Pháp và Petersen ở Đức.

Lập-trường của Cousinet và Petersen đáng cho ta chú ý hơn cả.

Cousinet căn-cứ vào mấy nguyên-tắc như sau :

— Học-sinh tụ-tập thành nhóm 5, 6 người. Mỗi người được tự-do lựa chọn một công việc, để tất cả cùng làm. Mọi người cố gắng giúp vào kết-quả chung ; ai nấy vừa hân hoan để lại dấu tích của mình trong công-tác, vừa vinh-hạnh tham dự một công cuộc tự mình không làm được, nếu đứng lẻ loi, riêng biệt.

— Cousinet cho trẻ tự-do lập đội, tự-do lựa chọn đội-trưởng, và thảo-soạn chương-trình hoạt-động.

Quan-niệm Petersen có phần khác :

a) Petersen ấn-định một thời khóa biểu chặt chẽ, trong đó có những giờ học, giờ hoạt-động chỉ-huy, và giờ tự do hoạt-động.

b) Các bài đều hướng về những ý-chính, giống như trong nguyên-tắc chủ-diêm.

c) Sự tụ-tập thành nhóm luôn luôn thay đổi. Có khi, các đội được thiết-lập từ đầu niên-học. Có khi, học-sinh chỉ tụ-hợp để khảo-sát về một vấn-đề. Lại có khi, họ cùng nhau tụ-tập để tìm hiểu riêng một bài học.

d) Về chương-trình làm việc, thầy có thể tự ấn-định, hoặc chỉ dẫn, để họ cùng nhau thảo-soạn.

e) Petersen còn muốn rằng : hầu hết các đội trong trường nên cộng-tác, để có sự duy-nhất giữa các công-việc học-hỏi.

Sự hội-hợp thành nhóm như vậy để cùng rèn-luyện, và làm quen với đời sống tập-đoàn, có mấy đặc-diêm, mà ai nấy đều công-nhận :

— Thanh-thiếu niên có thể trừ-khử được lòng ích-kỷ. Luôn luôn cộng-tác với bạn, chúng bắt buộc phải nghĩ đến công-việc chung.

— Các nhà sư-phạm phái này còn nhấn-mạnh rằng : người ta cần kiểm-soát sự cố gắng của mỗi phần-tử, để giúp anh em vừa tránh được tình ý-lại, vừa rèn-luyện nhân-cách.

— Lại nữa, phương-sách tập-đoàn còn thay thế uy-quyền của giáo-ctúc, thường không phù-hợp với tính-tình tuổi xanh, bằng uy-quyền của

một nhóm bạn. Trẻ em không e-dè, sợ hãi, như đứng trước mặt thầy. Thực ra, chúng chỉ có thể cử chỉ và thảo-luận một cách tự nhiên, đầy đủ, khi nói với những kẻ ngang hàng.

Tuy nhiên, ít nhiều phụ-huynh học-sinh đã tỏ vẻ thắc mắc về hai phương-diện :

a) Học-sinh được cùng nhau tự do hoạt-động, thì tất có điều thiếu sót, sao bằng khi có giáo-sư luôn luôn kèm theo hướng-dẫn.

b) Ai lười biếng hay chậm chạp sẽ bị lạc-hậu.

Nhưng xét ra, cả hai diêm này không đáng lo ngại. Thật vậy, mục-dịch của phương-sách tập-đoàn là dạy cho tuổi xanh suy xét biết lối xếp đặt ý-tưởng và phô-diễn nên lời. Đó mới là những tập quán đáng quý, mà cách giáo-huấn kể trên có thể hiện chứng được. Lại nữa, những chỗ lệch-lạc, giáo-sư vẫn có dịp sửa chữa khi kiểm-diêm kết-quả chung. Và chẳng (người ta đã nghiệm rằng ; ngay khi thầy giảng dạy, hay hướng dẫn, các trò cũng thường lĩnh-hội được một cách chu-đáo, và vẫn thường có khuyết diêm. Ở cả hai bên, dù thầy đi sát cạnh hay không sự hoàn toàn đều không có. Còn số học-sinh lười-biếng hay chậm chạp, thì càng không đáng cho ta thắc mắc. Thực-nghiệm đã chứng minh rằng : sự hoạt-động của đoàn-thể thu hút tâm-trí của trẻ, để hơn là lời nói của thầy.

Lẽ tự nhiên là trong các giờ chính-thức, các bạn giáo-sư không thể vắng mặt, mà để học-sinh được tự do hoạt-động. Phương-sách tập đoàn chỉ có thể triệt để áp-dụng trong phạm-vi Hiệu-đoàn.

o o

Ở trên đây chúng tôi đã lược kể các phương-pháp chính trong học đường linh-hoạt và nhấn mạnh vào hai chi tiết :

Ta phải canh-tân cách giáo-huấn, như tất cả các nước tiền tiến, và không thể sao không thu nhận những tinh-hoa trong nền giáo-dục mới. Ta đại gì mà không lựa chọn những sáng-kiến xác-thực, ở bất cứ nơi đâu, để bồi bổ, trao-giải nền quốc-học của ta, miễn là Việt-hóa những thể-thức ngoại-lai, để nó phù hợp với hoàn cảnh và tâm lý địa phương. Ngày nay,

không một quốc-gia nào, dù tân tiến đến đâu, mà không luôn luôn mượn những cái hay cái đẹp của người, để mỗi ngày một đổi mới; không một dân tộc nào còn khờ khạc mà tự hào là có thể sống riêng lẻ một mình không trao đổi văn-hóa với ngoại bang. Trí não của ta sẽ cần cội, và trái tim rồi ra cũng trở nên khô héo, nếu cánh bằng không tung bay ngoài ngàn dặm. để quyen gió 4 phương...

— Nhưng, ta chỉ có thể áp-dụng các phương-pháp giáo-dục mới trong một phần rất nhỏ, tại các giờ chính-thức. Vậy, ta cần có hiệu-đoàn, cần hoạt-động ở hiệu-đoàn, để canh-tân khóa sư-phạm, cách-mệnh hóa lễ-lối giảng-dạy. Phạm-vi của hiệu-đoàn thật là rộng-rãi, bao la. Mục-dịch của nó là bổ-túc học-đường về đức trí, thể-dục, và gây cho thanh-niên một tinh-thần quốc-gia, đoàn thể. Phương tiện của nó là cùng học hỏi, cùng hoạt động về văn-nghệ, và cùng rèn luyện theo tập-đoàn. Đó chỉ là những nguyên tắc đại-cương, khái quát, móng mềnh, không có gì là bó buộc như thời khóa-biểu hay chương trình học khóa thường xuyên; trí sáng kiến, tài tháo vát, sự hiểu biết, và tinh thần mới, tha hồ mà tự do vùng vẫy, để thực hiện những kiến thức và kinh nghiệm tối tân... Thực ra, nếu không có hiệu-đoàn, thì có lẽ nhà giáo sẽ chỉ có thể lựa chọn một trong hai đường lối: hoặc bó tay chờ đợi cho tới khi có đủ phương tiện để canh tân cách dạy, hoặc mắc phải náo nhàn tuần, mà coi thường các phương pháp mới. Ta không bao giờ hiểu rõ vai trò của Hiệu-đoàn, sự ích-lợi của Hiệu-đoàn, tính cách bổ-túc của Hiệu-đoàn, bằng lúc ta cố lĩnh hội những cái hay, cái đẹp, trong nền giáo dục mới...

Nay chúng tôi trình bày qua về cách áp dụng các phương pháp giáo dục mới trong Hiệu-đoàn, và phác họa một dự án chương trình hoạt-động, gọi là nêu lên một vài nguyên-tắc chung, để tùy sở Thanh niên và Xã-hội Học đường xét định. Đây chỉ là những chiếc móc sơ sài, để tùy các bạn giáo chức mang ra cắm ở những vị trí xứng đáng, trên những mảnh đất còn hoang vu...

(Còn nữa)



Một vị thiền-sư đã dung-hòa được
Nghệ - thuật và Đạo - lý :

THÍCH - VIÊN - THÀNH

Mật-sơn-Tự là một ngôi chùa ở vào một nơi vắng-vẻ phía sau núi Ngự-Bình. Không giống nhiều chùa khác, chùa Mật-Sơn chẳng rộng lớn, tuy thiếu vẻ nguy-nga tráng-lệ, nhưng có nhiều vẻ đẹp: cái đẹp tiêu-sơ êm-dịu của chốn lâm-tuyền tịch-mịch, cái đẹp mơ-màng huyền-ảo rất thích-hợp với tâm-hồn yên-tĩnh của những ai muốn diệt-trừ phiền-não, đến đây để tìm hiểu đạo-lý cao-siêu mẫu-nhiệm của Đức Như-Lai.

Trước chùa, một dòng suối trong từ núi xa chảy lại, tên gọi *Tây-bát-lưu* (1). Trên suối có bắc ngang một dịp cầu tre nhỏ. Bên cầu, một phiến đá nằm lăn-lóc trên đám cỏ hoang, gần khuất hẳn sau chòm phượng-vĩ, mang mấy chữ Hán rêu phong: *Lược-ước Kiều* (1). Hai bên bờ suối là những khóm lau xanh, những

BỮU-CÀM

bụi trúc vàng và những cành bóng trên dòng nước trong veo.

Ở đây, cảnh vật như tưởng say ngủ, ngoài tiếng thông reo, chim hát, suối đàn, tiếng mõ đều đều hòa nhịp với tiếng tụng-niệm của những vị tăng-già, tiếng chuông trống lúc buổi tối và ban mai, thì tuyệt-nhiên không có một thứ tiếng gì ồn-ào hỗn-tạp xen vào. Bầu không-khí đã trong-trẻo lại trong-trẻo thêm. Sự yên lặng tràn ngập cả không-gian và phủ về u-huyền lên trên cỏ cây, hoa lá.

Hơn 30 năm về trước, chốn này là nơi tu-luyện của Thích-Viên-Thành, một nhà sư có tâm-hồn thi-sĩ, nửa tu Phật nửa tu Tiên. Sư ông đã chịu ảnh-hưởng của hai giáo-thuyết: ảnh-hưởng Phật-giáo là sự từ-bi quảng-dại, bác-sĩ nhân-tử; ảnh-hưởng Lão-giáo là cái tính trầm-mặc, vô-vi, chuộng sự tiêu-dao, khoáng-dạt.

(1) *Tây bát lưu*: dòng nước dề từ bình bát. *Lược ước kiều*: chiếc cầu đơn giản. Những tên này đều do Sư ông Viên-Thành đặt ra.

Thích-Viên-Thành tên thực là Hoài-Tráp, dòng dõi Định-viên Quận-vương (1). Mồ côi cha mẹ từ năm 15 tuổi, Người đã chịu đựng nhiều đau khổ của đời. Năm 19 tuổi, phần vì tủi buồn cho thân thế, phần lại có lòng mộ đạo, nên nhất định xuất-gia, tới thụ pháp với Viên-Giác đại-sư Nguyễn-Khoa Luận tại chùa Ba-La ở làng Nam-phô (Thừa-thiên). Từ đây, mới có pháp-danh là Viên-Thành.

• Năm 22 tuổi, chú tiểu Viên-Thành đi thọ trường kỳ đồ Thủ-sa-di tại một chùa lớn trong tỉnh Phúc-Yên (Bắc-Việt). Năm 44 tuổi thôi ở Ba-La, dựng một túp thảo-am gần núi Ngự-Bình để tu-luyện, và đặt tên cho tỉnh-xá ấy là Tra-am (sau đổi tên là Mật-sơn-Tự).

Từ ngày lên ở Tra-am, được sống giữa cảnh thông reo, suối dề, thanh-khiết êm-dềm, xa nơi trần-tục, Sư ông Viên-Thành bỗng trở nên một thi-sĩ chân-tài. Đã có cái nền tảng vững chắc về Hán-học, lại còn sở trường về Quốc-âm, sư ông đã sáng tác nhiều bài thơ điêu-luyện. Thưở ấy, các mặc - khách tao - nhân hằng mong có dịp được xướng họa với Sư ông.

Tra-am hồi đó chỉ có mái tranh, vách đất. Cách trang hoàng trong am rất đơn-giản nhưng không kém vẻ thanh cao. Chung quanh am trồng toàn những thứ hoa thơm như : mộc, huệ, tường-vi, dạ-lan-hương, bích-đào, tỷ-muội, v.v... Hương hoa thường hòa lẫn với hương trầm tỏa ra một mùi thơm nồng-đượm ngát-ngào.

Ngoài giờ tụng kinh niệm Phật, Thích Viên-Thành lấy hoa và thơ làm cái thú độc nhất của đời mình. Trên tường, kê án sách của Sư ông khi nào người ta cũng thấy dán la-liệt những mảnh giấy hoa-tiên mang nhiều bài thơ tuyệt-tác.

Ngày nay, ở chùa Mật-Sơn có một bức hoành khắc bài thơ chữ Hán của Thích Viên-Thành làm vào mùa thu năm Khải-dịnh thứ 8. (1923) như sau :

(1) Định-viên Quận-vương là con thứ 6 của vua Gia Long.

疎林雨過夕陽時
溪畔橫將竹笛吹
一曲自娛山水綠
此情不與白雲知

Phiên âm :

Sơ lâm vũ quá tịch dương thì,
Khê bợn hoành tương trúc địch xuy.
Nhất khúc tự ngu sơn thủy lục,
Thử tình bất dữ bạch vân tri.

Dịch nghĩa :

Mưa tanh, rừng thưa, lúc bóng tà,
Bên khe tiếng sáo vẳng đưa xa.
Vui thay một khúc cùng non nước,
Tình nợ, mây kia dễ biết ta.

Về thơ Nôm, Sư ông có hai bài hiện giờ còn được nhiều người truyền tụng : một bài xướng họa với nhà chí-sĩ Nguyễn Thượng-Hiền và một bài làm trong một đêm mùa hạ ở Tra-am.

Bài nguyên-tác của Nguyễn Thượng-Hiền :

Hỏi hoa xin mượn mùi hương,
Hỏi trăng xin mượn gương vàng thử soi ;
Hỏi non xin mượn đá ngồi,
Hỏi sông mượn nước tắm chơi sạch mình.

Bài đáp lại của Thích Viên-Thành

Hỏi trăng, trăng chẳng trả lời,
Hỏi hoa, hoa chỉ mỉm cười làm ngơ ;
Hỏi sông, sông lặng như tờ,
Hỏi non, non cứ tro tro với mình.

Bài sau đây Sư ông làm giữa một đêm hè chợt tỉnh giấc :

Mái tinh, song thanh, lúc ngọt mưa,
Mạnh trương phông-phất áng sen đóa.
Tiếng chuông Thiên-mụ canh hầu sáng,
Giác mộng hoàng-lương đã tỉnh chưa ?

Mấy bài thơ trên đủ chứng-minh Thích Viên-Thành là một thi-sĩ có thiên-tài. Thơ điêu-luyện từ hình-thức đến nội-dung, và tuy nhuộm mùi đạo nhưng tình-cảm của thi-nhân thật là phong-phú.

Nhưng tiếc thay, vị thiên-sur biết dung-hòa Nghệ-thuật và Đạo-lý ấy đã « tỉnh giấc phù-sinh » giữa lúc mới 49 tuổi : su-ông ra đời ngày 17 tháng 11 âm-lịch (điệp ngày vía Phật A-di-đà) năm kỷ-mão (1879) và viên-tịch ngày mồng 7 tháng 10 âm-lịch năm Mậu-thìn (1928).

Ngày nay, có ai tưởng nhớ đến su-ông Viên-Thành, tới viếng chùa Mật-sơn (tức là tra-am ngày xưa), hẳn thấy cảnh vật đã đổi thay nhiều, hoa lá cỏ cây có vẻ tiêu-diêu lạnh-lẽo. Ngôi mộ của su-ông nằm sừng-sững một bên góc sân chùa, vì đã dạn-dày mưa nắng nên màu vôi xám hân đi Dòng Tây-bác-lưu vẫn chảy lững-lờ cuốn theo những xác lá rụng. Bên bờ suối, những khóm thông già và những bụi lau khô bờ-phờ rủ tóc trông hơi gió hắt-hiu. Phải chăng cảnh vật cũng có hồn, biết sầu tiếc ngậm-ngờ và ngậm-ngùi nhớ chủ ?

XIN CÁC BẠN LƯU-Ý

— Bài soạn, tranh ảnh và tất cả thư-từ thuộc về tòa soạn, xin gửi thẳng đến Ô. Chủ-bút Văn-hóa Nguyệt-san (266, Đường Công-lý, Saigon).

— Tạp-chí gửi đến các bạn ở xa mà bị thất-lạc, xin biên thư báo tin cho biết, đề chuyên-đặt thư khiếu-nại lên Sở Bưu-Điện và tiện việc điều-tra.

— Bài cò các bạn gửi đến tòa soạn, nếu không đang được, không có lệ trả lại bản thảo.

TRUYỆN CỎ VIỆT-NAM

(Tiếp theo V.H.N.S. số 37)

Giáo-su PHẠM-VĂN-DIÊU

IV.— Ý-NGHĨA TRUYỆN CỎ

3.— Tâm-hồn và đặc-tính dân-tộc

Truyện cỏ nói lên tâm-hồn dân-tộc cỏ xưa. Ấy là một dân-tộc tín-ngưỡng thuyết linh-hồn bất-tử, sùng bái vật thần kính thờ Trời Đất, các bậc tiên-thánh, anh-hùng, quý mền người đức hạnh, tài năng, chuộng thích kẻ khôn ngoan, chê ghét người tham-những hiềm-độc, mai-mĩa, phúng-thích những nét hư tật xấu trong xã-hội. Trên những chậ-vật của một cuộc sống gay-go, trong khung cảnh của xã-hội quân-chủ với thành-kiến đàng-cấp, với óc chuộng danh-lợi, người xưa hằng nuôi mộng làm phú-hộ, mộng chiếm bằng vàng khố-giáp, mộng lấy con gái nhà quan hay nàng công chúa tuyệt-sắc, mộng làm hoàng-hậu, mộng làm anh-hùng cái-thể và nếu bất-mãn trước cuộc đời cay-độc, phú-phàng, chậ hẹp thì mộng thành tiên thành phật đề trường sinh bất tử.

Truyện cỏ chứng thực rằng tâm-hồn Việt-Nam rất phong-phú hồn-hậu, trọn niềm chung-thủy. Những nhân-tố mâu-thuần thường khuynh đến sự hi-sinh đề chan hòa, qui-túc trong một khối hòa-đồng, nhất-quán vĩnh-viễn, và tuyệt đẹp. Mỹ-Châu oan thác, máu đào thề-hiện trong hạt châu Nam-Hải, Trọng-Thủy buồn nhớ người xưa, gieo mình tự-vẫn trong giếng Cò-Loa, cả hai đều chết đề vươn đến chỗ hòa-đồng nhất-quán, và hạt châu Nam-Hải lóng-lánh tỏa ngời trong nước giếng Cò-Loa. Trong truyện Trầu Cau, người em buồn chết hóa thành phiến đá, người anh buồn chết hóa thành cây cau mọc cạnh phiến đá, nàng Lưu Xuân-Phù nhớ thương mà chết hóa thành dây leo quanh cây cau : cả ba đều chết và đi đến chỗ hòa-đồng, nhất-quán. Nghĩa phu-phụ tìm hòa-đồng trong hình ảnh dây trầu bám thân cau mà tình em ruột thịt, tình vợ chồng, tình chị dâu em chồng đã siêu đến hòa-đồng cao

đẹp và trường-cửu : ấy là cái màu đỏ thắm thơm tho của trà, cau, vôi, quện chung cùng nhau.

Có tâm-hồn phong-phú, hồn-hậu, và trọn niềm chung-thủy ấy, luôn luôn đi kèm cho cốt truyện những nét huyền-ảo tốt đẹp, cốt chứa lại những sự thật bề-bàng, khốn-đốn, đề-củng-cố một mối lạc-quan tin-tưởng, bền bỉ, và không hề có khuynh-hướng đem cái bi-đát của con người yếu đuối trước số mệnh ra mà cao cả như tinh-thần Cô Hy-Lạp. Xem như một truyện người tiết-phụ Nam-Xương thì đủ rõ. Chàng Trương ra đi viễn thú lúc vợ nhà có mang, sau sinh một con trai. Lúc chàng trở về, đứa bé không nhận là cha, vì cha nó hằng lệ ban đêm mới đến. Chàng sinh lòng ghen đê người vợ tiết trinh âm thầm đau khổ phải đi trầm mình. Rồi tháng ngày qua, sự thật phải đến. Thế là, một tối kia, dưới ánh đèn, chàng ta bế con, bỗng đứa bé quay đầu về phía tường mà mừng rỡ chào « kìa bố đã về ». Trong khoảnh khắc, chàng Trương kinh hoàng tỉnh ngộ nỗi lầm-lạc trước của mình. Giá câu truyện đến đây chấm dứt, sẽ tăng giá-trị về nghệ-thuật, cái nghệ thuật mô tả sự đột ngột, kinh lạ, dựng lên những nét ly-kỳ. Nhưng tâm-hồn quảng-dại và đức thủy-chung của dân-tộc lại không công nhận cái tình thế ấy, đã đi kèm thêm những nét thần kỳ tốt đẹp, nhân đó, mới tiếp thêm đoạn tả cuộc đời sung-sướng của người tiết-phụ ở dưới Thủy-cung, và việc nàng thấy mặt chồng lần sau cùng.

Còn bao nhiêu truyện cổ nói đến những cảnh nghèo khổ, thương tâm, những cảnh bi đát, nhưng ở phần kết cục, bao giờ cũng tươi sáng để chịu, làm tăng thêm lòng tin-tưởng, làm kích-lệ tâm-hồn của thế nhân hướng vươn đến cõi Đẹp toàn vẹn.

Truyện cổ còn cho thấy rằng có tâm-hồn phong-phú, thủy chung ấy, còn bao quát đến thiên-nhiên, và thế-giới súc-vật, chim muông. Trí tưởng-tượng dồi-dào, tâm-hồn phong-phú còn gặp lại rất rõ-ràng trong những loại truyện này mà các vai trò thường là những hiện-tượng thiên-nhiên biến hình thành người ta hoặc thần linh. (Truyện Sơn tinh và Thủy tinh), hoặc các loại cầm thú mang linh-hồn người (Truyện con công và con quạ, truyện con chèo bẻo, truyện con trâu, truyện con tu-hú, truyện con tôm vàng, truyện

con cò trắng và con cáo (1). Tuy không siêu-việt đẹp đẽ bằng những truyện cổ về tình yêu, về tín-ngưỡng, luân-lý, nhưng loại truyện cổ này là những bài giảng-giải thế-giới tự-nhiên, thần-hóa thiên-nhiên, và tìm hiểu súc vật chim muông, nhân-hóa, thần-hóa súc vật chim muông, nói lên được cái lòng ngưỡng-mộ cổ-sơ, cái óc quan sát tò mò của dân-gian vừa phát-thực, vừa nên thơ, mà sức kêu gọi hứng thú không phải là ít.

Ngoài ra, còn loại truyện cổ khôi-hài, trào-lộng, Mà kiểu khôi-hài trào-lộng vốn là một đặc-tính của dân-tộc ta. Có nhiều truyện cổ giàu hứng vị, đã chứng minh điều đó. Nào là cái lối chơi chữ của các thầy khóa xưa (Truyện Vũ là mưa, Truyện chiêm bao thị chó (2), nào là những ngón lái linh của các ông đồ ngồi dạy học kiểm côm (Truyện tam-dại con gà, Truyện thầy đồ ăn bánh rán (3) nào là hạng hay chữ lòng (Truyện ba anh đốt học làm thơ) cho đến cái nhanh trí vật, và khoát-lát của một số người (Truyện thi vẽ nhanh, Truyện củ khoai và cái cầu (4), đến các thầy pháp, thầy cúng lừa bịp (Truyện thầy phù-thủy sợ ma), thật là những bức hí-họa dí-dóm nhẹ-nhàng, và riêng biệt, không thấy ở kho truyện cổ các nước ngoài.

Về loại này, ta có thể kể thêm những truyền-thuyết đã thuật chung-quanh nhân-vật Cống-Quyền thời Hậu-Lê rất nhiều truyện chế-diệu chua cay đối với vua chúa, quan quyền, sứ thần của Bắc triều và cả đến quí-thầy nữa. Truyện của Cống Quyền kể có một sức quyến-rũ, hấp-dẫn mạnh-mẽ : trí-thức, bình-dân, già cả, trẻ con, trai, gái ai nấy cũng rất thích-thú những chuyện của ông tình-ngịch đối với giai-cấp thống-trị và sứ-giả Trung-hoa là nước đã nhiều phen xâm-lấn và dòm ngó nước ta xưa. Cống Quyền — cũng như Hồ Xuân Hương trong văn-học thành-văn — là hiện-thân của thái-độ bướng-bỉnh của Hồn Thiêng đất nước, của dân-gian yêu-chuông hòa bình với công-lý, và cũng gần như Boceace, Rabelais hay Cervantes nước Việt-nam vậy.

(1) Nguyễn văn Ngọc Truyện Cổ nước Nam, Quyển B, muông chim (2, 3, 4) Nguyễn văn Ngọc — Truyện cổ nước Nam, Quyển A — Người ta.

V.- Ý-VỊ NGHỆ-THUẬT TRUYỆN CỔ

Truyện cổ có một sức kêu gọi hấp-dẫn lạ-lùng làm say mê người nghe, tất-nhiên phải có một ý-vị nghệ-thuật, một giá-trị nghệ-phẩm đặc sắc. Đó là ý-nghĩa của một thoát-ly, những vươn lên, những phép kỳ lạ, nhiệm mầu (chủ-đề nhiệm-mầu) mà cốt thực-tế đã điều-hòa với hoang-dường, sự giao-tế giữa dương-trần và âm-phù, giữa dương-trần và cõi thiên-tiên là một hiện-tượng thường xuyên thích-thú.

Về hình-thức, tuy không có bản văn nhất-định, nhưng mỗi truyện cũng đã được phác họa ra từ lâu, và đã gọt mài thành một hình-thức nhất-định của khẩu-truyền: giọng văn truyện cổ bao giờ cũng dễ dãi, minh-bạch, giản-dĩ; tự-liệu là những chữ thông-thường, thỉnh-thoảng có ít nhiều đoạn tả cảnh song nhất thiết phải ý vị, đậm đà và gọn gàng, vì truyện cổ không thể kéo dài, dằng dai. Phải sát hợp tình, sát hợp cảnh của người nghe: thường là trẻ con — của người kể: là người nhà quê ít thời giờ. Vai trò truyện cổ phải là những vai trò hoạt-động, có tính-nết rạch ròi, không lẫn người nọ với người kia, và cách diễn-tả là lối phác-tả hành vi vai-trò, nhất là tuyệt-đối tránh chêm-dặm những lời giảng-giải dài-dòng, nhạt-nheo, khô khan. Nói một cách khác — nhà văn vô-danh, người kể truyện cổ phải tự xóa mình sau tác-phẩm, sau câu truyện. Lại còn cần phải tự-nhiên, mềm mại, biết chọn lọc giữa cái hỗn-độn, phiền-phức của tình-tiết, để nhặt ra những điều quan-trọng nhất, bao- quát nổi những điều quan-trọng ấy, sao cho tạc hết bằng một giọng văn phù hợp với câu truyện, mà người nghe vẫn không thể nhận ra đó là giọng văn của mình. Bố-cục truyện cổ thuần nhiên là một lối bố-cục theo thứ tự thời-gian, luôn luôn mở đầu bằng hai tiếng « Ngày xưa » kêu gọi, xa xôi, nhưng đặc-biệt là mỗi truyện cổ có một cái nút riêng, tân kỳ, vì thế mà sức dẫn khởi mạnh-mẽ lạ thường. Cái nút của truyện Nỏ thần là: hình-ảnh hạt trai Nam-hải long lạnh trong nước giếng Cô-Loa, cái nút của truyện Trầu Cau là màu đỏ thắm của nước trầu, cau, vôi, cái nút của truyện Tấm Cám là lọ mắm ngon dưới đáy có chiếc sọ người, cái nút của chuyện Trưong-Chi là giọt nước mắt tình vừa rớt xuống tức thì cái chén bồng tan thành nước, cái nút của truyện người tiết-phụ Nam Xương là cảnh nàng cưỡi xe trên mặt nước, xa-giá châu-hầu rạp-rình, đàn-sáo tung-bồng trên sông mà lòng đã lâng lâng siêu thoát giá từ người cõi tục, cái nút của truyện Lưu-Bình và Dương-Lễ là hồi Dương-Lễ gọi Châu-Long ra chào Lưu-Bình...

VI.- TỔNG-KẾT

Cái linh-động sáng-tạo ra truyện cổ có thể xem như là một sức mạnh thiên-nhiên dồi-dào, khác hẳn với cái linh tính tạo ra văn-nghệ, tức là những khuôn sáo, lệ luật của một nghệ-thuật hoàn toàn, như các pho tượng quý trong tủ kính viện-bảo-tàng. Chính cái nghị-lực sống mạnh-mẽ và tuyệt-đối như dòng thác ngàn của dân-tộc đã thúc đẩy sản sinh ra truyện cổ, những văn-phẩm khẩu-truyền nói lên cuộc đời với những giấc-mơ siêu-thoát của người dân Việt-Nam. Cùng với ca-dao truyện cổ có hiệu-lực kêu-gọi là ở điểm đó, và thường-thức truyện cổ — cũng như ca-da — lắm khi còn lý-thú, khoái-trá hơn những khuôn mẫu cố định và giả-tạo trên bàn thờ nghệ-thuật. Ta biết rằng trong sự sáng tạo này kẻ sĩ đã có phần cống-hiến không nhỏ: vì, nhiều nhà nhỏ xưa kia từng có khuy-nh-hướng thoát-ly những khuôn-khò ngọt-ngọt của nho giáo, những qui-luật ngặt nghèo của văn-chương chính-thức, đã ẩn mình trong những danh-hiệu giả-trá, hoặc dấu tên tuổi, để tạo nên bao nhiêu tác-phẩm giá-trị, trong đó, tâm-hồn họ được cởi mở phả bày tự do, mà sau này biến thành lời ca, câu truyện chung của cả mọi người...

Truyện cổ của ta xưa chắc phong-phú lắm lắm, nhưng đã bị thất-lạc nhiều, mà nguyên-nhân chỉ vì quan-niệm văn-nghệ cũ xem thường xem khinh. Tuy vậy, trong những truyện cổ còn lại đến ngày nay, ta còn gặp đủ loại: những truyện có tính cách tín-ngưỡng phong-tục, những truyện nghĩa-hiệp, truyện báo ân, báo oán, truyện rồng, truyện hổ, truyện nói về luân-hễi, truyện các vị chân-nhân, truyện hoang đường diễn-tả hành-trạng phi-thường của người nhà trời, những truyện truyền-kỳ, sự tích các tiên thánh nở như bông hoa rừng dưới ngời bút, hay trên cửa miệng của các nhà văn tự đặt mình ra khỏi cuộc đời, khỏi ước-thức của chế-độ, những truyện bao giờ cũng đẹp đẽ, thường đưa hồn ta lâng lâng đến chín tầng cao. Nhưng dù quái-dàng, hoang đường đến bậc nào, pho truyện cổ vẫn là những bức tranh linh-hoạt phác vẽ rất đúng phong-tục, tín-ngưỡng và không-khí của những thời-đại xưa. Xét nội một việc hiệu chính của Vũ-Quy-nh, Kiều-Phú, và sự biên soạn của Nguyễn-Dữ về truyện cổ trong một đời Lê đã chẳng có một ý-nghĩa xã-hội là gì. Và, chung quanh sự-tích Tú-Uyển với Giáng-Hương, sự tích Liễu-Hạnh, chung quanh những tương-truyền về tung tích bí mật của vị chân nhân

núi Hồng-Lĩnh là Phạm-Viên, trong một đời Lê, lại căn-cứ vào sự thờ cúng những vị bất-tử bột phát từ hồi này (1), ta vẫn nhận rõ được cái phản-ứng của dân gian đối với tâm-trạng núi xương sông máu, luôn luôn bị khủng-bố, bị điều đứng suốt hồi loạn-lạc cuối Trần đầu Lê, nhất là cuộc chiến-tranh nhà Mạc và nhà Lê khoảng ba phần tư sau của thế-kỷ XVI. Con người đau khổ khát-vọng những cuộc đời tiên thánh phi thường và hạnh-phúc tiên-giới vô biên, và tìm thấy trong thế-giới linh-kỳ ấy những tấm gương sáng, những hy-vọng mát-mẻ an lành.

Quả thực, truyện cổ có một *giá-trị tâm-lý*, một *giá-trị xã-hội* rõ rệt (2). Và, mặc dầu không thành một bản-văn cố định, truyện cổ vẫn mang một ý-vị nghệ-thuật, một hình-thức lọc lõi lâu đời mà thành nề nếp văn-chương khâu-truyền, người ta như còn thấy phảng-phất bao trùm lên tất cả một hứng-vị kín đáo, nó là chất thơ tế-nhị của hồn-thiên đất nước. Trong văn-học ta, truyện cổ vẫn là tiêu-biểu cho một xu-hướng riêng biệt, chủ yếu, rộng lớn, cái xu-hướng đi quá sự thực, thoát-ly ra khỏi cái vỏ ngoài làm bằng thành kiến là những khuôn-khô của xã-hội, cái xu-hướng phủ lên trên thực-tế bằng màu sắc thơ-mộng, hư-huyền, quái-dẫn nó là thi-vị của cảm-giác, của tri-giác duy-cảm trong con người (2).

(1) Đến thế-kỷ thứ XVII phát hiện phong-trào tín-ngưỡng thần-tiên, pháp-thuật phù-phép, gọi là Nội-đạo rất thịnh-hành. Nội-đạo có hai trung-tâm lớn ở Thanh-hóa : Ấy là ở làng Từ-quan (tên cũ Từ-minh) thuộc huyện Hoảng-hóa, và ở làng Yên-dông, thuộc huyện Quảng-xương. Tại Bắc Việt. Nội-đạo có hai nơi : là làng Huệ-lai thuộc tỉnh Hưng-yên và Nhật-tảo ở Hải-dương.

(2) Bên Âu-Mỹ, viện nghiên-cứu truyện cổ đã thành một ngành học riêng. Để nhận biết, ta có thể xem những sách như sau : A. Van Gennep. *La Formation des Légendes Flammarion*, 1910 ; — P. Saintyves, *Manuel de folklore* (Paris, Nourry, 1936) ; — A.H. Krappe, *The science of Folklore* (London, Methuen, 1930) ; — E. Cosquin, *Etudes Folkloriques, Recherches sur les migrations des contes populaires et leur point de départ* (Paris, Champion, 1922) ; — P. Saintyves, *Les contes de Perrault et les récits parallèles, leurs origines (coutumes primitives et liturgies populaires)* (Paris, Nourry, 1923) ; — Mélusine, *Recueil de mythologie, littérature populaire, traditions et usages*, Publié par N. Gaidoz et E. Rolland, Paris 1883-1912 ; — Loeffler — Delachaux, *Le symbolisme des légendes* (L'Arche, 1950) v.v...

(3) Con người dùng trí khôn để hiểu, và dùng tri-giác để cảm. Trí khôn có thể hiểu biết và khám-phá ngoại-giới dưới quyền-uy của Ngủ-quan. Còn với tri-giác, con người thông-cảm nội-tâm của nhân-loại hay là ân-giới của Hóa-công.

THẦN LỬA

Ở một vùng kia thuộc đất Chiêm-thành có một ông già rất giỏi về thiên-văn, địa-lý. Lúc sắp lâm-chung ông gọi ba con trai lại dặn rằng :

« Khi ta mất đi các con chớ chôn ta ở nghĩa-địa (1) nhà. Nếu các con quả là hiếu-thảo thì các con cứ khiêng xác ta đi về phương nam, đến nơi nào ta tự ý hạ xuống thì chôn ta ở đó. Các con phải nghe lời ta thì nhà ta mới có tương lai tốt .»

Sau khi cha già mất đi các con vâng lời cha dặn thay nhau khiêng quan-tài lặng lẽ đi về phương nam. Đi đã mấy ngày, hết băng rừng lại vượt đồi leo núi mà chưa thấy điển gì báo hiệu là cha định cho chôn nên tuy người nào người ấy đã mệt nhừ mà không dám kêu ca, cứ kiên nhẫn tiếp tục đi. Mãi đến hôm thứ năm, các con đang đỡ quan tài leo qua một tảng đá lớn thì dây khiêng tự nhiên đứt mất. Xác NGUYỄN-KHẮC-NGŨ ông già hạ ngay xuống giữa một tảng đá cao. Các con cho rằng cha mình định cho chôn ở chỗ ấy nên tìm cách đào huyệt ngay nơi đó nhưng khôn thay, đã rấn quá không làm thế nào mà đào được. Ba con đành bảo nhau cứ để quan tài trên tảng đá rồi lấy đất đắp lên.

Tối đến, ba con lại chia nhau mỗi hôm một người ngủ ở ngoài tảng đá để áp mộ cha, còn thì vào trong xóm ngủ trọ.

Đêm hôm đầu, người anh cả nằm áp mộ thì đến nửa đêm có một con rồng hiện lên bảo rằng :

— Các ông đã chôn cha ông vào đúng miệng tôi làm tôi đau quá. Các ông làm ơn dời mộ đi nơi khác thì tôi sẽ hậu tạ.

Người anh thấy lạ liền bảo :

(1) Ông già theo đạo Hồi nên chết đem chôn chứ không thiêu như người Chăm theo đạo Bà-la-môn.

— Thế Rõng định tạ tôi cái gì?

Rõng trả lời:

— Nếu ông bằng lòng rời đi, tôi sẽ biếu ông một lọ bạc.

Người anh liền hỏi:

— Lọ bạc người để ở đâu?... Nếu tôi rời đi mà ông bay đi mất không đưa lọ bạc thì sao?

Rõng liền chỉ chỗ cho anh ta lấy được lọ bạc nhưng khi lấy được bạc rồi thì anh ta bỏ về mất không chịu rời quan tài đi đâu cả.

Đêm sau người anh thứ hai đi ấp mộ cũng thấy con rỗng hiện lên khẩn khoản xin dời mộ như hôm trước và hứa sẽ tạ ơn bằng một lọ vàng. Nhưng sau khi lấy vàng rồi anh ta cũng chuồn mất.

Đêm thứ ba người em út đi ấp mộ lại thấy rỗng hiện lên xin dời mộ cha và hẹn sẽ đưa ơn một lọ đầy ngọc quý. Anh chàng này không thích giàu sang nên không nhận.

Rõng năn nỉ mãi xin dâng cho một lọ thuốc trường sinh, phàm người nào đã uống vào tất không bao giờ chết cả.

Người em út thích lắm, bèn nhận thuốc; nhưng khi đem bàn với các anh thì hai người kia không chịu. Họ nói làm như thế là trái ý cha. Người em không làm sao được đành lờ đi và cùng hai anh trốn về quê mất. Mộ cha họ vẫn để ngay giữa hẻm rỗng, một địa thế, rất đẹp đối với các nhà địa lý Chiêm-thành. Họ cho rằng ai để đúng đất ấy con cháu sẽ phát đế-vương.

Về làng hai anh được vàng bạc liền làm nhà làm cửa, tậu ruộng vườn sống một đời giàu có. Người em thì vẫn âm thầm cặm cụi làm ăn, lọ thuốc trường sinh chàng đem treo trên xà nhà chờ ngày đem dùng. Một hôm anh ta đi làm vắng, vợ anh ở nhà thấy có cái lọ gì xinh xinh treo ở trên xà nhà mới lấy xuống, mở ra coi. Chị ta thấy trong có thứ nước gì bèn đổ ra tay, thì thấy tay trắng ra trong đẹp lắm. Chị ta nghĩ rằng nếu đem tắm bằng thứ nước này, tất cả người sẽ đẹp lắm, nên đem cả lọ ra vườn ở phía sau nhà mà dội cả vào người. Quả nhiên từ một

thiếu phụ đen đui xấu-xí chị ta đã trở thành một người trắng-trẻo đẹp đẽ vô cùng. Không những mình nàng trở thành đẹp đẽ mà cả mấy cây hành, ngò trồng ở miếng vườn được thuốc tiên tưới vào bỗng vùn vụt lớn lên. Hành cao tới năm thước hai và ngò cao ba thước sáu.

Anh chồng đi làm về thấy vậy lấy làm lạ liền hỏi đầu đuôi, chị ta liền kể lại, Anh ta giận lắm nhưng thấy vợ đột nhiên trở thành sắc nước hương trời như tiên nga giáng thế nên cũng nguôi dần.

Tiếng đồn đến tai vua, vua liền cho đòi vợ chàng vào cung để vua xem mặt. Khi nàng vào tới nơi thì chính vua cũng mê mẩn tâm thần không muốn cho nàng về nữa. Thế là nàng bị giữ ở trong cung để chờ ngày lành tháng tốt sẽ được tấn phong làm hoàng-hậu, dù nàng khốc-lóc van xin đã hết lời. Về phần anh chồng từ khi thấy vợ bị giữ lại trong cung thì tức bực lắm nhưng không làm thế nào được.

Mấy hôm sau anh ta nhớ vợ quá, tìm cách vào thăm nhưng không biết nàng ở đâu mà tới. Anh ta vào đầu nghĩ ngợi để tìm ra một kế khê di có thể giúp mặt nàng. Chợt nhìn ra vườn, thấy ở chỗ vợ tắm ngày xưa có mấy cây hành và ngò to lớn chàng liền nhổ và gánh lên kinh đô vừa đi vừa rao lớn:

— Ai mua hành cao năm thước hai, ngò cao ba thước sáu ra mua:

Chị vợ ở trong hoàng thành nghe tiếng rao biết ngay là chồng mình vì còn nhà nào khác lại có hành và ngò cao như thế được? Chị ta liền gọi vào cung. Hai vợ chồng gặp nhau vui mừng khôn xiết. Hẹn hò như thế được mấy lần thì bị nhà vua nghi ngờ. Ngài truyền cho quân lính hãy thấy người rao như thế thì bắt vào cho ngày tra hỏi. Mấy hôm sau khi chàng vừa đến kinh thành và cất tiếng rao như vậy thì bị quân lính bắt ngay, giải đến trước nhà vua.

Tối hôm ấy nhà vua phần thì muốn gần người đẹp mà không cần ép nàng phải sang hầu, phần thì muốn thử xem có đúng người đẹp thường gặp người chồng cũ ở trong cung mình không, ngài liền đổi quần áo cho người chồng xấu số và nhân lúc đèn mọi nhà đã tắt, ngài lên ra ngoài thành, vừa đi vừa bắt chước rao:

— Ai mra hành 5 thước hai, gỗ ba thước sáu ra mua ?

Quân lính được lệnh truyền liền ra bắt giải vào cung để nhà vua xét xử. Nhà vua thật nói thế nào cũng bị họ gạt đi và cho là kẻ điên rồ. Trong khi ấy anh bán hành đang mặc y phục nhà vua thấy binh lính không nhận ra vua họ liền quát lên rằng :

— Hành làm sao có thể cao năm thước hai, gỗ làm sao có thể cao ba thước sáu được ? Nói láo, tội đáng chém đầu!!! Đã vậy còn dám tự nhận là vua, khi quân tội phải lên đàn hoả.

Nói rồi, anh ta liền truyền quân lính đem ra đàn hỏa đốt. Bọn cung nữ thấy nói có người bán hành bị đốt trên đàn hỏa về kể cho hoàng hậu tương lai nghe. Nàng tưởng rằng chính là chồng mình thật cho rằng nhà vua vì ghen nên kết tội chàng. Nàng hối hận vì chính tại nàng mà chồng bị tội. Nàng chạy vội ra chỗ thiêu tội nhân và khi thấy chồng thấp thoáng trong ngọn lửa này liền nhảy vào đàn hỏa chết theo chồng.

Trong lúc ấy chồng nàng lại tưởng rằng vợ mình yêu thương nhà vua thấy vua chết liền tự tử theo, không đoái tưởng đến mình, người chồng tình xưa nghĩa cũ còn sống sờ sờ ra đó. Chàng giận quá cũng nhảy vào đồng lửa mà chết.

Thế là cả ba đều bị thiêu bởi mớ lửa oan gia. Lúc lửa tàn ba chiếc đầu lâu cùng chụm vào một chỗ như muốn giải thích cho nhau những sự hiểu lầm khiến họ vong thân.

Cũng bởi nỗi oan đó nên trời cho cả ba hiển linh và phong làm thần lửa, ngự trị ở trong bếp các nhà và được mọi người kính trọng thường lễ bái luôn.

o o o

Đọc truyện **THẦN LỬA** trên, tôi lại nhớ đến những truyện cổ của ta như truyện *lọ thuốc trường sinh* và truyện *Vua bếp* mà tôi thường được nghe kể lại trong những ngày còn nhỏ.

I. — LỌ THUỐC TRƯỜNG-SINH.

Ở một làng kia có một nông phu nhà nghèo khổ vô cùng. Anh

ta có một người cha già yếu đã lâu ngày vira mắt. Nhà đã nghèo lại cha chết giữa ngày trời mưa to gió lớn, nước lũ đổ về làm ngập lụt cả cánh đồng. Anh ta không thể mượn ai khiêng giúp đi chôn được nên phải lấy cái chiếu độc nhất trong nhà cuộn thầy cha lại và một mình vác ra nghĩa địa. Chàng may đến một chỗ nước chảy mạnh anh ta trượt chân ngã và xác người cha theo giòng nước trôi đi mất. Anh ta lần mò tìm kiếm mãi nhưng không thấy, anh đành phải bỏ về nhà trong bụng không yên.

Đến đêm tự nhiên anh nằm mơ thấy có một con rồng hiện lên, van xin anh đưa thầy cha đi chôn chỗ khác chứ đừng vào miệng rồng như thế làm rồng đau quá tội nghiệp.

Anh ta hỏi xác cha anh ở đâu thì rồng bảo là hiện đang kẹt ở khe đá ngoài cửa sông, chính nơi đó là miệng rồng.

Hôm sau y lời rồng dặn trong giấc mơ, ra tìm xác cha thì thấy bị kẹt trong khe đá thật. Anh ta liền đưa đi chỗ khác chôn cất cẩn thận.

Đến đêm rồng lại hiện lên cảm ơn và tặng một lọ thuốc trường sinh. Anh ta được thuốc này, coi là của quý đem cất ở trong buồng không cho ai hay cả. Ít lâu sau anh ta lấy vợ. Một hôm trong khi chồng đi làm vắng, vợ ở nhà lục trong buồng thấy lọ nước gì mở ra coi chẳng may nước sóng ra tay nhưng hề nước bắn vào chỗ nào thì chỗ ấy trắng đẹp hẳn ra. Chị ta liền lấy ra cả lọ đem ra sau nhà dội vào người thì thấy trở nên một người đẹp đẽ vô cùng.

Người chồng về đến nhà lấy làm lạ hỏi tại sao thì vợ liền kể sự tình anh ta mới ngã ngựa ra, sờ đến lọ thuốc trường sinh quý giá thì không thấy còn một giọt. Song chuyện đã lỡ rồi chàng cũng chẳng nề máng vợ. Từ bấy hai người yêu thương nhau hơn trước.

Nhưng hạnh phúc đâu có lâu dài! một ngày kia vua ngự giá qua làng đó thấy người đẹp liền cho bắt về cung phong cho làm hoàng hậu. Thế là hai vợ chồng tình nghĩa đang nồng đậm bỗng nay người, trong cung cấm, kẻ chốn lầu tranh vẫn thương vẫn nhớ nhau nhưng biết làm sao được ?

Ít ngày qua, anh ta nhớ vợ quá ra chỗ vợ tắm ngày nào thì thấy mấy cây hành trồng nơi đó đã to lớn khác thường. Anh ta thấy lạ liền nhổ đem và kinh bán. Chẳng ta vừa đi rao :

Đọc bằng đòn gánh,

Củ bằng bình vôi ;

Ai mua hành tôi

Thì thương tôi với...

Người vợ ở trong cung nghe thấy tiếng chõng rao bật cười lên. Nhà vua từ khi bắt được người đẹp về đã mất bao ngày dỗ dành, mở bao cuộc vui, hao tiền tốn bạc mà nàng vẫn buồn không cười lên một tiếng. Nay nhà vua lại thấy chỉ nghe thấy lời rao mà nàng bật cười lên. Ngài liền cho lính gọi người bán hành vào cung rồi bí mật trao đổi quần áo định chính mình làm người đẹp cười thêm chút nữa.

Nhưng khi nhà vua vừa gánh gánh hành ra ngoài thành cất tiếng rao thì chàng nông phu khi ấy đóng vai vua liền hạ lệnh cho bắt mang ra pháp tràng.

Thế là chàng nông phu nghiêm nhiên được làm vua và đoàn tụ cùng người vợ đẹp rất mức yêu chàng.

o o

2 - VUA BẾP

Ngày xưa có hai vợ chồng nhà kia, lúc mới lấy nhau ăn ở rất là hòa thuận. Ít lâu sau người chồng đâm mê cờ bạc rượu chè nên cần nhằn với vợ suốt ngày. Lúc say rồi rồi anh ta không còn biết suy nghĩ nữa, bạ cái gì cầm cái ấy mà đánh vợ, Cực chẳng đã chị vợ phải bỏ nhà ra đi. Đi lang thang mãi, nàng lạc vào rừng, tìm mãi không thấy lối ra, bụng đói dạ khát nên ngất đi lúc nào không biết. Có một người đi săn qua đó trông thấy đưa về nhà cứu sống và hỏi làm vợ.

Nàng phần vì đã chịu ơn phần vì nay không biết đi đâu nữa nên nhận lời. Đôi vợ chồng cũng ăn ở với nhau cũng đầm thắm lắm. Người chồng cũ ở nhà sau khi vợ bỏ đi hồi hận quá. Anh ta thể không uống rượu nữa và đi hết làng này sang làng khác tìm vợ nhưng không thấy. Mấy năm sau một hôm anh ta đi qua khu rừng kia thì trời đã tối

- 72 -

Thấy ánh đèn ở xa xa anh ta tìm tới thì thấy đúng căn nhà người đi săn. Lúc bấy giờ anh ta đi vắng nên gặp vợ cũ ở nhà. Chàng ta mừng lắm, xin lỗi vợ thì nàng khóc kể lẽ sự tình. Câu chuyện chưa tàn thì có tiếng chân người đi săn về. Chị vợ sợ chồng cho là rước trai về nhà nên bảo chồng cũ ra đóng lầy rơm thui ai ngờ lửa bắt vào đồng nên cháy bùng lên, người chồng cũ sợ vợ bị mang tiếng nằm yên không dám chạy nên bị chết cháy. Người vợ thấy cháy đồng rơm nơi mình vừa bảo chồng cũ ra ẩn liền nhảy vào cứu nhưng cũng bị chết cháy theo. Người thợ săn tưởng vợ ngã vào đồng lửa cũng vội vàng nhảy vào cứu và chẳng thoát tay thần lửa.

Truyện hai người đàn ông và một người đàn bà bị chết oan ấy được mọi người truyền tụng và đời sau người ta tưởng nhớ đem thờ trong bếp và gọi là ông Táo hay vua bếp.

o o

Xem những truyện cổ ta và Chàm trên ta có thể lấy ra được một vài nét đặc biệt. Chúng đã trình bày được một phần nào sắc thái của hai dân tộc láng giềng, dù muốn hay không tất đã có nhiều ảnh hưởng tương quan.

— Cũng như hầu hết các dân tộc Á châu và Trung Đông, người Chàm quan niệm rằng con người ta có một liên quan mật thiết với vũ trụ, cho nên thiên văn và địa lý là hai khoa học mà người Chàm hết sức chú ý. Lại giống như khoa địa lý của Trung-Hoa và Việt-Nam người Chàm cũng nhận đất kiểu *hàm rồng* là đất phát đế vương.

— Chiêm thành và Việt-Nam xưa đều là hai nước quân-chủ trong thời kỳ đó các vị anh quân dựng nên nghiệp lớn khiến mọi người còn tưởng nhớ đến nay kể cũng nhiều, nhưng chắc chắn là cũng không hiếm những vị vua hoang dâm tàn ác khiến mọi người chán ghét. Câu chuyện nhà vua háo sắc cướp vợ dân trong hai truyện cổ Việt và Chàm trên đây chứng tỏ rằng việc chống đối chế độ độc tài đã manh nha từ lâu trong xã hội hai dân tộc đó.

Ngoài vài điểm giống nhau trên các truyện trên còn cho ta thấy những cá tính đặc biệt của hai dân tộc nữa :

— Về phương diện luân lý, hai dân tộc đều đề cao lòng hiếu thảo đối

- 73 -

với cha mẹ. Song đối với thần thánh thì luân lý Việt-Nam bắt phải rất mực thờ kính, nên trong truyện người dân nghèo kia, dù biết rằng nếu mà bỏ mình để vào được hàm rồng tất nhà có ngày phát để vương mà đâu có dám trái lời thần (Rồng ở Việt-Nam được coi là linh thú được thờ như thần thánh). Trái lại trong truyện Chàm người ta có thể lừa dối cả thần thánh mà vẫn không bị tội. Điều đó cũng không lấy làm gì làm lạ vì :

Khoa thiên-văn, địa-lý của Chàm từ Trung-hoa du nhập. Người Chàm nhận khoa địa-lý Trung-hoa (nhận kiểu đất hàm rồng) nhưng không nhận sự linh thiêng của con rồng vì người Chàm này theo đạo Hồi hồi sự bắt kính đối với thần thánh ngoại đạo là lẽ thường của người Hồi giáo.

— Về phương diện triết lý, ta thấy truyện cổ của ta nói lên đúng thuyết nhân quả của nhà Phật : Những người tốt ở kiếp này (người thợ săn và hai vợ chồng người kia) sẽ được đền bù ở kiếp khác (làm vua bệ : được phong thần) hay lại được báo ứng nhơn tiền (anh nhà nghèo tốt nét mất vợ thì được làm vua) còn trong truyện Chàm thì chỉ có lý của kẻ gặp thời biểu lộ rõ ràng như việc « cướp giạt vàng, bạc của rồng mà vẫn không bị báo oán gì cả » mà thôi.

— Về nhân sinh, truyện cổ trên của ta tỏ rằng người mình sinh thơ quá đổi, mấy câu rao hàng mà cũng đọc thành mấy câu tứ tuyệt. Trong khi ấy người Chàm rất thực tế và cẩn thận đến cái độ lúc rao còn rao cả phần lễ của những đơn vị đo lường (ba thước hai, năm thước sáu v.v...)

Ở đây chúng tôi không muốn đề cập tới việc xác định ảnh hưởng của hai nền văn hóa Việt, Chàm qua mấy truyện cổ trên đây và xin để độc giả nhận định lấy. Nếu có dịp chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này sau.

TU-TUỞNG ĐẸP

Học-già nên thu liễm tinh thần : ví như lò lửa, để tụ lại thì vừa nóng, vừa sáng mãi, tản ra thì chóng tàn.

HẠ-ĐÔNG-NAM

THÂN-THỂ VÀ SỰ-NGHIỆP HOÀNG-KẾ-VIỆM

Từ ngày thất-thủ kinh-đô,
Tây dăng dấy thép họa đờ nước Nam.
(Ca-dao)

Có thể nói rằng, từ vua Tự-Đức tới Đồng-Khánh, nước ta đã trải qua nhiều biến cố như trong lịch-sử, như vụ nổi loạn của anh em Đoàn-Trung, Đoàn-Trực, vụ truất thí ba vua Dục-Đức, Hiệp-Hòa, Kiến-Phước, những lộng quyền của Trương Thuyết, kinh-thành Phú-Xuân thất thủ v.v... và còn nhiều việc, lắm chuyện lịch-sử xảy ra.

Bởi vậy, chúng tôi xin cố gắng tra cứu, tìm kiếm những tài-liệu dẫn dẫn, đề cống hiến bạn đọc, vì là một điều đòi hỏi nhiều công phu, mong quý bạn tiếp tay giúp đỡ.

Trong buổi ấy, vua Tự-Đức không chịu nhìn xa thấy rộng, canh tân xứ sở, chỉ lo miệt mài mài ganh tị lẫn nhau.

NGUYỄN-QUANG lược-khoá

 theo hư văn, Triều thần Quân Pháp và Y-pha-Nho đem quân chiếm đất nước.

Phong-trào cần-vương khởi phát khắp trong nước, lòng dân oán hận ; Triều-dinh tỏ ra nhu-nhược, nên chúng ta có thể nói rằng, thời ấy, người có công hay đắc tội với tổ-quốc đều được toàn dân trông thấy.

Chúng tôi xin nói tới thân thể và sự nghiệp cụ Hoàng-kế-Viêm — con hùm xám đất Bắc — đã cùng tướng Lưu-vĩnh-Phúc hạ sát tướng Francis Garnier ở Ô Cầu giấy giáp Hanội, để bạn đọc hiểu rõ thêm.

I. — HOÀNG-KẾ-VIỆM TRÊN ĐƯỜNG HOẠN-LỘ

Hoàng-kế-Viêm bút tự Nhật-Trường, hiệu Tùng-An, quê làng Văn-La tổng Long-Đại, phủ Quảng-Ninh, tỉnh Quảng-Binh (Đồng-Hới, Trung-Việt). Thân sinh húy danh là Hoàng-kim-Xán, ngày xưa, đã làm tới chức

Trần Cai Bộ, tức Bồ-Chánh tỉnh Bình-Hòa, nay là Khánh-Hòa.

Hoàng-kế-Viêm sanh trưởng tại Bình-Hòa ngày 21 tháng 7 âm-lịch, Minh-Mạng nguyên niên, tức ngày 21-8-1820 công-lịch.

Năm 18 tuổi, Hoàng-kế-Viêm theo học trường Quốc-Tử-Giám Huế. Và, sau 3 năm, cụ đã giữ chức Quang Lộc Tự Tư Vũ, rồi Hành Tẩu Nội các với cấp bậc Hàn-Lâm-Viện Tu soạn.

Năm 1843, mới 23 tuổi, cụ được làm Phò Mã Đô-úy, sánh duyên với Hoàng-La công-chúa, tự Quang-Tĩnh, con gái thứ 5 của vua Minh-Mạng, chi ruột vua Thiệu-Trị.

Nhưng tình trăng mật chưa được bao lâu, thì công-chúa đã sớm từ trần vì chứng bệnh sản hậu.

Năm 1846, Hoàng tiên sinh giữ chức Lang-Trung Nội-vụ, qua năm 1850, được phép nghỉ 3 năm về quê chạy tang cho từ mẫu sớm qua đời.

Ngày tang hiếu chưa được bao lâu, việc nước đa đoan cần đến nhân tài, nên vua Thiệu-Trị đã phải ra lệnh thả ngấn ngày nghỉ của cụ lại là 3 tháng, để với cụ lại kinh, dặng nhận chức Án-Sát tỉnh Ninh-Bình đầu năm 1852 công-lịch.

Năm 1854, từ Án-sát, cụ được thăng lên chức Bồ-Chánh tỉnh Thanh-Hóa, rồi năm 1859, giữ chức Bồ-Chánh kiêm Tuần-vũ tỉnh Hưng-Yên.

Trên đường hoạn-lộ, người được dân-chúng hoan-nghinh vì đức độ công bằng và bác-ái, chăm lo dạy dân, khai phá ruộng nương, mở mang kinh-tế.

Năm 1861, trong lúc trấn nhậm Hưng-Yên, cụ thấy các đảng phá Tạ-văn-Phụng, Lê-duy-Minh lợm quyền, thu thuế má nặng-nề, dân-chúng than oán, dùng võ lực chiếm lấy Hải-Dương, lòng cụ rất công phẫn.

Tướng Trương-quốc-Dụng được lệnh đem quân tới chinh phạt, bị nguy quân đánh tan rã tại La-Khê, nên một phần lớn đất Bắc, lúc bấy giờ, đã lọt vào tay nguy quân, chỉ còn Hưng-Yên chế ngự Ninh-Bình, cửa ngõ xuống miền Trung là còn trong tay tướng Hoàng-kế-Viêm nắm giữ vững.

Với một quân lực hùng-lậu, Hoàng tướng quân sẵn sàng chờ lệnh

là đánh nguy quân tan vỡ.

Mùa thu năm 1861, nghịch quân sang sông và cố sức đánh Phú Khoái-Châu, thì Hoàng-kế-Viêm lẹ làng rời quân ra khỏi tỉnh Hưng-Yên, để tìm lại nơi cố thủ.

Năm sau, lãnh binh Võ-Tào đem quân lên giao chiến với quân Phụng-Minh, mới lập lại được trật-tự an-ninh ở Bắc-Hà.

o o

Năm 1863, được thăng Tuần-Vũ thiết thọ kiêm Tổng-dốc An-Tĩnh (Nghệ-An và Hà-Tĩnh), cụ liền lo việc mở mang kinh-tế, đào sông Thiết-càng, để thuyền bè mua bán được dễ dàng lưu thông.

Thăng Tổng-dốc thiết thọ năm 1870, cụ được gọi về Triều. Khi về đây, cụ liền dâng sớ can vua Tự-Đức thôi hẳn việc săn bắn ngao du, đề lo việc quốc-gia trong hồi nghiêng ngửa.

Bởi vậy, các Triều thần siêng nịnh, lúc này, cho việc can gián cầm du của họ Hoàng là một điều phạm thượng, nên đã có tiếng vào tiếng ra để hại người.

Nhưng, nhờ có công lao to lớn, và lòng trung-quân ái-quốc của cụ, nên vua Tự-Đức nhìn nhận điều can gián của tiên sinh là hữu lý.

Nói lại, lúc này, tại Bắc-Hà, thứ nhưt các vùng thượng-du Bắc-Kỳ, thường thường lại có những loạn quân bên Tàu như Ngô-Côn, Tô-Từ, Hoàng-sùng-Anh và Lưu-vĩnh-Phúc hay sang đánh phá, cướp bóc lương-dân.

Chúng thường gây hấn lẫn nhau, để tranh giành ảnh hưởng thế lực, bị thiệt hại nhiều hơn hết là tỉnh Bắc-Ninh.

Dưới quyền chỉ huy của Trung-quân Đoàn-công-Thọ và Hiệp-tá Võ-trọng-Bình, quân-đội Nam-Triều khổ công cực nhọc lắm, mới tiêu-diệt được loạn quân một thời gian ngắn.

Thêm vào đó, vua Tự-Đức đặc sai Thị-vệ Châu-khắc-Bàng đem sắc lệnh ra Bắc, mật giao cho Hoàng-kế-Viêm với chức tước Ninh Thái Thống Đốc Quân vụ Đại Thần, thống lãnh toàn quyền văn võ 2 tỉnh Ninh-Bình và Thái-Nguyên.

Sử nói rằng, nhờ có chiến lược của Tàn lý Tôn-thất-Thuyết, nên Hoàng-kế-Việt mới tiến mạnh quân chớp nhoáng và sau 2 ngày giao chiến ác liệt với loạn quân, cụ đã chiếm lại được tỉnh Lạng-Sơn, Tô-quốc-Hán phải buông súng đầu hàng.

Chiến thắng huy hoàng đó đã làm sáng tỏ tên tuổi họ Hoàng và chẳng mấy chốc, cụ được lên chức Hiệp-tá đại-học-sĩ, toàn quyền đảm nhiệm văn ở 3 tỉnh Tuyên-Quang, Thái-Nguyên và Cao-Bằng.

Năm 1872, Hoàng tiên sinh làm chủ hãn được tình hình ở Bắc và bắt sống Đổ-Tích, nên được phong chức Bắc-Kỳ Đại nguyên soái.

Năm sau, cụ lại được đem quân tảo trừ các giặc cỏ ở Tuyên-Quang trung châu Bắc-Kỳ, thì tại vùng sông Thao lại xảy ra những trận giao phong rùng rợn giữa quân Cờ Đen và Cờ Vàng, liên lụy tới dân ta rất nhiều.

II. - NHỮNG CHIẾN-CÔNG OANH-LIỆT CỦA HOÀNG-KẾ-VIỆT.

Nhận thấy Hoàng-kế-Việt là vị tướng tài hữu đức, nên Lưu-vinh-Phúc cho người thân đem thư qua cứu viện, đề mong cùng nhau đánh tan quân Cờ Vàng.

Được quân lực của họ Hoàng về trợ giúp, quân Cờ Đen, chẳng bao lâu, đã đánh tan quân Hoàng-sùng-Anh và các dư đảng này đều phải bỏ chạy tán loạn, về trốn tránh ở miệt Hải-Dương.

Cho nên, Lưu-vinh-Phúc rất mến phục cụ và đề nghị phối hợp 2 quân lực, đề mở rộng chiến lược quân sự dưới bằng hiệu Cờ Đen, đồng mong ngày tàn phá quân Pháp.

Tháng 10 năm 1872, việc bắt hòa Pháp Việt ngày càng thêm, căng thẳng. Thành Hà Nội đã thất thủ sau khi Tổng-Đốc Hoàng-Diệu không chịu mở cửa phải tự-tử, và vô hiệu Nguyễn-tri-Phương tử trận tại đồn Chí-Hòa trong Nam, thêm J. Dupuis lộng quyền xuôi ngược sông Hồng-Hà v.v...

Lúc này, Hoàng-kế-Việt đang giữ chức Tiết-Chế Bắc kỳ Quân vụ Đại Thần, thống lãnh quân lực miền Bắc, có nhiệm vụ tối cao là chống trả sức tấn công của Pháp quân, đề đợi ngày Nam Triều lo nghị hòa.

Cụ lấy Sơn-Tây đặt bộ Tham mưu và mật thiết giao thiệp quân sự với tướng Lưu-vinh-Phúc, đề lo sửa soạn những trận phục kích diệt quân Pháp sau này.

Năm 1874, vua Tự-Đức thêm chức cho cụ là Địch-Trung và Hiệp-tá Đại-học-sĩ, cai-trị 3 tỉnh Sơn-Tây, Tuyên-Hưng-Yên và Quang với chức Thống Đốc Đại thần.

Năm 1875, ta luyện binh mã, cụ đã hoàn-toàn dẹp được các giặc cỏ, trừ diệt loạn quân An-Long, bắt sống tướng Hoàng-sùng-Anh.

Tháng chạp năm Tự-Đức thứ 29, miền Bắc được yên ổn, cụ lo khai thác ruộng nương, cải tiến dân sinh, đắp đê sông Nhị-Hà, mở trường học, và, lấy đất Thúc-luyện châu Phú-An tỉnh Hưng-Hóa, làm nơi giao hảo thân hữu với Trung-Hoa.

Sau đó, cụ được thăng chức Đông-Các-Đại-Học sĩ đầu năm 1878, rồi được lệnh đem quân quét sạch nghịch quân Lý-dương-Tài đang tàn phá Lạng-Sơn, nghe uy danh cụ, đành hối hả rút quân chạy về hồ Ba Bể, rồi tự vận vào năm 1879).

Với chức Trấn Bắc Bình Tây Đại Tướng Quân, Hoàng-kế-Việt là một kiện tướng hữu tài chống loạn quân và chống cả quân Pháp tại miền Bắc, nhưng cụ chống Pháp dưới mạng lệnh nhà vua, dưới lập trường giải phóng dân tộc khỏi ngoại xâm, nên cụ mới chịu buông súng vì nghe theo Triều-Đình đề về Huế cuối đầu năm 1874, Kiến-Phước nguyên niên.

III. - THỜI-THỂ TẠO ANH-HÙNG HAY ANH-HÙNG TẠO THỜI-THỂ ?

Nước Nam có 4 anh-hùng :

Tương gian, Viêm lảo, Khiêm khùng, Thuyết ngu (1).

Trong một tài liệu của Viện Cổ Học Huế (Amis de Vieux Huế), ông L. Sogny có ghi lại những đoạn như sau : « ...năm 1873 tháng 11, sau ngày Hà Nội bị Pháp quân chiếm đóng, tướng Francis Garnier đặc sai Thủy sư đô-đốc Bain đem quân vào giữ thành Hà Nội, thì 2 hôm sau bị quân Cờ Đen đến đánh phá mãnh liệt.

(1) Nguyễn-văn-Tường. Hoàng-kế-Việt, Ông Ich-Khiêm, Tôn-thất-Thuyết.

Tướng Hoàng-kế-Viêm, lúc này, áng binh bất động tại địa đầu miền Trung, bên tả ngạn sông Cả, sai người đem mật thư cho tướng Lưu-vĩnh-Phúc.

Được thư họ Lưu phúc đáp, Hoàng-kế-Viêm liền đem quân lực từ Lào kay qua Mong-cái, nghĩa là toàn quân đội miền Bắc về với quân Cờ Đen đề đồng tiến mạnh từ phủ Hoài-Đức, Từ-sơn vào Gia-lâm, thẳng tới Hà-nội.

Chuẩn úy thủy quân Perrin, trước sức tấn công ò-ạt của đối phương, đành lui quân lại dưới sự yểm hộ của pháo binh Francis Garnier.

Tình hình mỗi ngày mỗi thêm nghiêm trọng khắp nơi trong nước, thứ nhất tại miền Bắc.

Nói lại, dù bị trọng pháo của tướng F.Garnier bắn xối vào, quân Cờ Đen mãi tiến vào Hà-nội, cả một biên người.

Lệnh với nghiêm được ban hành toàn quốc.

Quân Pháp — lính khố đỏ, khố xanh — ôm súng sẵn sàng này cò khi có lệnh ban ra.

Trong buổi này, tướng Francis Garnier buộc lòng phải mời đức giám mục Sohier từ Huế cấp tốc ra Hà-nội với phái đoàn đại diện Nam Triều, đề lo thương thuyết một hiệp-ước Pháp-Việt.

Ngày 21-11-1873, các chiến thuyền tiếp viện của Pháp từ cửa Nam chưa thấy cập bến, thì quân Cờ Đen lại bắt hoạt-động, vì được nghe tin đau đớn cái chết oanh liệt của tướng Nguyễn-tri-Phương bị ngã gục tại chiến trường miền Nam... ».

Ông Gauthier viết trong tạp-chí Cờ-Học Huế, có một đoạn như sau :
«... Chúa-nhựt ngày 21 công-lịch, trời quang mây tạnh. Sau giờ đức giám-mục Puginier làm lễ nhứt tại nhà thờ lớn Hà-nội, quân lính Pháp đang điềm tâm trong thành. Tướng Francis Garnier và các cấp bậc Tá đang dự yến tiệc tại tư dinh, thì viên thông ngôn Việt-Nam báo tin cho hay thành Hà-nội sắp bị tấn công.

Quả thật, loạt súng đầu tiên nổ vang rền, đối phương đột nhập

bốn phía, tràn vào thành như nước vỡ bờ với những tiếng reo la rùng rợn, hải hùng.

Dân chúng chạy tán loạn, quân lính cầm súng giao chiến.

Chuẩn-úy hải quân Perrin đem một tiểu đoàn cố chặn đường Phủ-Hoài và phía Tây nam do trung sĩ Bain canh gác.

Còn tướng F. Garnier chống giữ mặt tiền, phía Đông nam được giáo phó cho Balny chỉ huy trọng pháo.

Nhưng với một chiến thuật bất động, tương đối khắp mặt trận, lúc này, người ta thấy, đối phương ngưng hẳn tiếng súng.

Vì lẽ đó, tướng F. Garnier lại đem một tiểu đoàn xung phong đi tuần sát mặt trận trong đêm tối, chạy dọc theo bờ đê về Phủ-Hoài nửa chừng đường, bị đối phương xông ra, bao trùm cả người ngựa, đâm chết, chặt đầu tướng F. Garnier, và Dagoru, bỏ xác lại, được quân ta đem về chôn tại nghĩa địa.

Phía Đông nam, cố trọng pháo của Balny bắn hết đạn, quân lính phải chạy về tiếp tế trời chết dưới làn mưa đạn của đối phương, nên Balny đã bị địch quân nhào vô giết hại... ».

(Còn nữa)

THI-CA

XUÂN KỶ-HỢI

(Lời Cổ-phong)

*Non nước tung-bình Xuân Kỷ-Hợi,
Dân-chúng vui mừng năm thắng-lợi !
Hoa thơm ngào-ngạt rượu nồng-nần,
Pháo nổ đi-đùng cờ phấp-phới,
Trăm năm thời-tiết cũ xoay vần,
Mượn việc quốc-gia đều tấn-tới,
Tiến nhanh, tiến nhanh, tiến thật nhanh,
Ngày mới, ngày mới, ngày thêm mới !...*

TẾ-XUYỀN

(Tú-tài Hán-Học)

TRIỂN - LÂM HỘI - HỌA

MÙA XUÂN KỶ-HỢI (1959)

TRONG mấy năni vừa qua, đã khá nhiều họa-sĩ lờn lướt ra mắt công-chúng, nhưng chưa từng thấy cuộc trưng-bày họa-phẩm nào có nhiều ý-nghĩa và sức hấp-dẫn hơn là triển-lâm khai mạc từ ngày 10-3-59 tại Phòng Thông-Tin Đô-Thành.

Số 300 bức tranh đủ các loại và các khuynh-hướng, của những vị có tên tuổi cũng như của người chưa được công-chúng biết; — sự tham-gia nhiệt-liệt của các giới, nhất là báo-chí trong sự giới-thiệu hoặc phê-bình: đó là những triệu-chứng đáng mừng cho sự tiến-bộ mạnh mẽ của nghệ-thuật và hơn triển tinh-hoa muôn màu

ĐOÀN-THÊM

mừng cho sự tiến-bộ mạnh mẽ, cho sự tự-do phát

Khán-giả còn nhận rõ sự cố-gắng của ban Tổ-Chức trong việc xếp-đặt và lựa ánh sáng thích hợp cũng như sáng-kiến thâm thập nhận xét của người xem: một phương-pháp thiết-thực để gây một luồng dư-luận vô-tư và khuyến-khích những họa-sĩ đã hưởng-ứng.

o o o

SONG rút kinh-nghiệm ở nhiều cuộc triển-lâm trước, sau khi quan-sát họa-phẩm và theo dõi khán-giả để thăm dò phản-ứng, một số bạn quan-tâm tới nghệ-thuật đã có vài ý-kiến khách-quan với mục-đích tìm hiểu và xây dựng.

Sự hiểu thấu mỹ-thuật đòi hỏi, ngoài trình-độ tri-thức khá cao, một sự hướng-dẫn khá lâu, nhất là đối với ngành hội-họa. Song tiếc rằng đa-số, nếu được giảng-dạy về văn-ohương để biết thường-thức tác-phẩm văn-ngệ,

chưa được hướng-dẫn để có ý-niệm rõ-rệt về họa-phẩm cũng như về âm-nhạc, vì các chương-trình trung-học phổ-thông còn phải dành thời-giờ cho những môn xét ra cần-thiết hơn. Vì thế, danh-họa cũng như âm-nhạc, nếu có tánh-cách cổ-diễn, tân-kỳ hay siêu-việt, chưa được quần-chúng lưu-tâm ưa chuộng.

Một số họa-phẩm có giá-trị, không những chưa được nhiều người thường-thức, đôi khi còn bị hiểu lầm: bức tường rêu mốc hay bộ mặt dãn-deo thế kia, sao mà được mua với giá một vài vạn đồng? Hoặc dụng-ý của nghệ-sĩ, cũng không được thông-cảm: cò cây này, theo tác-giả thì đượm về yêu-đương nồng-thắm, mà lại được nhận là cảnh hiu-quạnh bơ-vo. Còn đa-số khán-giả không biểu-lộ cảm-tưởng gì, bước vào, lướt qua, dừng chân giây phút trước một vài nét mới lạ, rồi đi ra. Vì khó lòng đoán được chủ-ý, tâm-tình, khuynh-hướng và môn-phái của họa-sĩ.

Đâu có phải lỗi khán-giả? Người có học cũng nhiều khi lưỡng-lự phân-vấn không thể phê-phán gì hết, chẳng những ở riêng xứ nhà, mà có lẽ ở ngay các nước tiên-tiến có nền mỹ-thuật xây đắp từ lâu. Các nhà văn, khi viết sách, còn có bài tựa để bản-ý được các độc-giả hiểu rõ; chứ họa-sĩ viết bằng màu sắc, khi huyền-ảo như non nước thần tiên, khi bí-mật như góc rừng đáy biển, dù sao cũng thường vượt qua nhỡn-giới phạm-nhân, hoặc nhìn cảnh-vật qua những tâm-trạng u-minh của đáy lòng hay giấc mộng... Viết văn mà nói bóng còn khó hiểu, huống chi là vẽ theo lối « bóng gió » chứ không y theo thực-cảnh.

Song nghệ-sĩ, đã sáng tác thì cần được hiểu biết; và lại nghệ-thuật ở thế-kỷ thứ XX, không thể còn là thứ đặc-quyền của thiểu-số hữu-tài, nhưng đã thành ra chất bổ dưỡng tinh-thần, cần-thiết cho đại-chúng cấp-tiến. Giữa đại-chúng và giới nghệ-sĩ, cần có sự tương cầu tương ứng, nên phải làm thế nào cho hội-họa cũng như điêu-khắc, âm-nhạc, hay văn-chương, được phổ-biến sâu rộng đến mọi tầng lớp xã-hội.

Để đạt mục-tiêu đó, thiết nghĩ trước hết các họa-sĩ cần soạn những bài, những sách phổ-thông về sự tiến-triển của ngành hội-họa, về các họa-phẩm và họa-sĩ Đông Tây, các trào-lưu, khuynh-hướng qua các thời-đại,

những phương-pháp quan-sát phê-bình sắc màu hình bóng v.v... Ngay ở Âu Mỹ, mặc dầu dân-trí đã cao, hiện nay sự phổ-biến nghệ-thuật còn đương xúc-tiến, và những sách báo nói về hội-họa mỗi ngày một nhiều: có những tập như « L'Art Moderne » (Nghệ-thuật tân-tiến), « Le Jardin des Arts » (vườn Nghệ-thuật), « Connaissance des Arts » (Hiểu biết nghệ-thuật) « The Library of Great Painters » (Tủ sách về các danh-họa), hoặc những cuốn nhỏ về mỗi họa-sĩ « Corot », « Watteau », « Cézanne » v.v... Không kể bao nhiêu bài nghiên-cứu bình-luận ở các tạp-chí văn-học như « Arts et Lettres », « Nouvelles Littéraires », v.v... về các môn phái (Impressionisme, Fauvisme, cubisme, surréalisme, néoplastiques et abstraits). Thường thường, các bức danh-họa được chụp lại, và bên cạnh, có bài giải-thích từng nét từng màu, như ở những cuốn thuộc bộ « Great Painters », hoặc ít ra cũng có dăm bảy câu chú-thích minh bạch.

Có lẽ vì thiếu sự phổ-biến đó mà nhiều họa-sĩ đại-tài không được hoan-ngênh, ngay ở cuối thế-kỷ trước; trái lại, nhờ có sự truyền-bá rộng rãi, như đã kể, nên tranh Van Goh khi xưa không ai mua, hoặc tranh Cézanne phải bán 48 quan, ngày nay được coi là những kỳ-công kiệt-tác, và đấu giá tới hàng mấy chục hay mấy trăm triệu quan, ở Luân-Đôn, Nữ-Uớc hay Ba-Lê, không những được các giới trí-thức ham mê và các nhà phú-hào tranh-giành, còn được giới trộm cướp rình mò chiếm-đoạt như đối với trân-châu bảo ngọc.

Một phương-pháp thứ hai, có thể ích-lợi ngay, là sự giải-thích trước, trong và sau khi trưng bày. Công-chúng cần biết cả tác-giả lẫn tác-phẩm. Vậy thiết-tưởng nên có những bài báo hoặc nói chuyện để giới-thiệu ở đài Phát-thanh, cũng như ở các diễn-dàn, về thân-thể và khuynh-hướng của các họa-sĩ, cũng như về ý-nghĩa và đặc-điểm các bức tranh. Đặc-điểm và ý-nghĩa đó, cần được tóm-tắt bằng dăm mười dòng chữ, dán ngay bên cạnh mỗi bức được bày: như vậy, họa-sĩ không ngại gì mang tiếng phổ-trương, vì phải tuân-điều-lệ bắt-buộc của Ban Tổ-Chức; và rất có thể mạnh-dạn bộc-lộ tâm-tình chí-hướng bằng những lời lẽ bình-dị khách-quan: chắc chắn là sẽ tránh được sự hiểu lầm, và khán-giả, dù chưa được huấn-luyện về nghệ-thuật, cũng có thể căn-cứ vào đó, để liệu phê-bình, xem tài của tác-giả có đạt được ý không?

Sau hết, nếu một họa-phẩm có giá-trị đã được in trên các cuốn lịch treo 1959, thì nên cố-gắng xuất-bản với sự giúp đỡ có thể trông cậy được ở cơ-quan hữu-quyền, một vài tập danh-họa Việt-Nam với những câu chú-giải tường-tận về mỗi bức: như thế có thể phổ-biến một cách rộng-rãi ở trong xứ cũng như ở ngoại-quốc. Song, chính vì muốn lưu ý cả nước ngoài, nên lại cần thoả-mãn một điều-kiện nữa.

o o o

VƯỢT qua triển-lãm hiện nay để bao quát các cuộc trưng-bày từ trước, và nhường lời cho những nhà phê-bình sáng-suốt đối với từng họa-sĩ, một số bạn yêu hội-họa *đứng riêng về phương-diện quần-chúng*, có nguyện-vọng được thấy xuất-hiện một ngày gần đây, với những bút vẽ thần-tinh, một môn-phái danh-họa đặc-biệt Việt-Nam.

Đã đành rằng Mỹ-Thuật cũng như Khoa-học, nhất là ở thời buổi mà các trạng-thái đời sống đi tới sự quốc-tế-hóa, có phạm-vi rộng lớn quá biên-giới quốc-gia, thuộc kho tàng chung của nhân-loại, và đại-khái theo một đà tiến-hóa với những đồng-điểm về kỹ-thuật hay về khuynh-hướng. Nhưng trong thực-tế, nghệ-sĩ cũng như mọi cá-nhân khác, không thể thoát ly hoàn-cảnh, mà ảnh-hưởng đã góp phần cấu-tạo tài-năng. Những tài-năng đó muốn phát-triển toàn-mỹ, cũng như một giống hoa muốn nảy-nở rực-rỡ, phải theo những điều-kiện thiên-nhiên của đất nước; nói một cách khác, phải có dân-tộc-tính.

Những đặc-tính cao đẹp của dân-tộc phải do các vị biệt-tài lần lần khám phá trong khi theo đuổi tuyệt-đích nghệ-thuật; còn phàm-nhân chỉ có thể nhận-định một cách tiêu-cực, nghĩa là chỉ biết thế nào trái dân-tộc-tính, chớ không đủ khả-năng vạch rõ một cách tích-cực những dân-tộc-tính cần có. Coi tranh Đại-Hàn trong tập « Korean Paintings », thì ai cũng thấy giống tranh Tàu, phẳng-phất hình sắc Nhật, nhưng vẫn có những nét, những vẻ, cũng thấy ở đồ điêu-khắc, đồ thêu, đồ mộc, hay kiến-trúc Đại-Hàn, tóm lại, là vẫn có tánh-cách Đại-Hàn, viết ra thì khó tả, nhìn thấy thì cảm được.

Nếu xét theo quan-điểm kể trên, thì thấy nhiều lần, và cả lần này, có một số tranh hợp hay trái với tính-tình chất-phác nhưng tự-nhiên của người thường-dân Việt-Nam (l'homme de la rue).

V. — VIỆT - THƯỜNG

Chữ Việt-thường tuy không được nhiều sách Tàu bàn đến như chữ Giao-chi, nhưng đối với các học-già ta, nó cũng đã gợi ra nhiều ý-nghĩ sai biệt nhau.

Trong quyển *Việt-Nam sử-lược*, ông Trần-trọng-Kim viết : « Sử Tàu chép rằng năm Mậu-thân là năm thứ năm đời vua Đê-Nghiêu (2352 tr. T.L.) đã có người Việt-thường ở phía Nam xứ Giao-chi sang cống con rùa lớn (1) : đến năm Tân-mão (1109 tr. T.L.) đời vua Thành-Vương nhà Chu người nước LÊ-CHI-THIỆP ấy lại sai sứ đem chim bạch-trĩ sang cống, nhà Chu phải tìm người thông ngôn mới hiểu được tiếng và ông Chu-công-Đáng lại chế ra xe chi-nam để đem sứ Việt-thường về nước (2). Vậy đất Việt-thường và Giao-chi có phải là đất của Hùng-Vương lúc bấy giờ không ? »

Nhà bác-học Trương-vĩnh-Ký không nghi ngờ chút nào. Ông viết : « Đời Hùng-Vương, triều-dình nước Nam có giao-thiệp với nước Tàu. Năm 1109 tr. Thiên-chúa, Nam-triều sai sứ sang Tàu... » (Sous le règne des Hùng-

(1) En 2353, un prince ou un ambassadeur des Ue-Chang vint faire sa cour à la capitale de la Chine. C'est le renom de vertu de Yao qui lui fit faire ce voyage, dit l'histoire. Il est bien probable qu'il vint solliciter sa protection contre un ennemi quelconque. Il apporta à Yao l'écaille d'un écureuil tortue sur laquelle paraissaient des caractères antiques. (*Textes historiques*, par L. Wiegier, Tome I, p 37).

(2) Après trois années, des personnes de Youé-tchang vinrent à la cour avec des interprètes, apportant en tributs un faisan blanc, deux faisans noirs, et une dent d'éléphant. Les envoyés s'étaient trompés de route en voulant retourner dans leur pays. Tcheou Kong leur fit présent de 5 chars d'une espèce légère, construits pour indiquer le Sud. Ils montèrent sur ces chars et se dirigèrent au Sud. L'année suivante ils arrivèrent dans leur royaume. Les envoyés s'étant livrés à des divertissements joyeux, au lieu d'arriver dans leur pays, s'étaient éloignés de sa direction ; et bien que le char indiquât toujours le Sud, ils avaient tourné le dos au point qu'il montrait ; mais l'année suivante ils arrivèrent (Chine par M.G. Pauthier)

Những tấm thân ngà ngọc, phơi bày giữa cây cỏ xanh tươi dù có ganh được với Renoir, Manet hay Le Titien chẳng nữa ; — những hình sắc kỳ-di, vuông tròn hay lệch-lạc, lem-nhem xanh đỏ tím vàng, phóng theo chỗi sợn huyền-diệu của Picasso ; — những cảnh cây hình rắn độc vươn mình, những chùm lá tua tủa như giáo mác, không khí rùng-rợn, tương tự như của Rousseau ; — tất cả các tranh thuộc loại đó, có thể được vài nhà chuyên-môn ca ngợi, và đứng ở lập-trường tự-do cá-nhân và tự-do sáng-tác, thì dĩ-nhiên là tác-giả đủ quyền phát-triển tài-năng.

Song đối với ngoại-nhân như người Âu-Mỹ, thì không đáng chú ý, vì họ thừa thấy ở xứ họ rồi, và chỉ tìm kiếm ở đây những tác-phẩm cũng như họa-phẩm có tánh-cách đặc-biệt bản-xứ, để thỏa mãn tính hiếu-kỳ hoặc nhu-cầu nghiên-cứu. Còn theo con mắt Việt-Nam, trước những họa-phẩm đó, dù đẹp thế nào, chúng ta cũng thấy bỡ ngỡ xa lạ, không thấy tâm hồn rung-động : khác nào như khi đọc thơ Baudelaire hay Verlaine, dù có thể hiểu được để chịu là hay, cũng vẫn không thể rung đùi như khi ngâm phú Chu Mạnh-Trình hay thơ Chinh-Phụ, Bích-Câu...

Trái lại, thoạt nhìn những mái tóc thơ ngây cạnh bộ râu bạc với cây bút lông ; những cảnh xay lúa già gạo chồn đồng quê ; những tà áo phát-phơ trên những tấm thân mềm-mại, hay ánh nắng dịu bên ruộng lúa vàng ; mẹ hiền khuôn mặt trái soan ru con trên võng, và hiu-hiu giắc bướm bên thềm, v.v... ; cảnh vật thân yêu, nét bút nhẹ-nhàng, màu sắc khéo điều-hòa, khiến cho khán-giả cảm ngay thấy phong-tao, giản-dị, thanh-đạm, lịch-sự, hồn-nhiên... như khi ngâm Cung-oán hay nghe vẳng khúc ca-đao, nhìn dòng lờ-lững nước sông Thao hay ngắm bông cúc nụ đào ngày Nguyên-Đán : những cảm-giác đó đưa ta trở lại tinh-thần cổ-hữu của nước non Hồng-Lạc.

ĐOÀN-THÊM

TU-TƯỜNG ĐỆP

Làm người nên tự-lập, tự-trọng, không nên bước theo gót người, nói theo miệng người.

LỤC-CUU-YUÊN

Vương, la cour d'Annam était en relations avec celle de Chine. En 1109 avant Jésus Christ, la cour d'Annam envoya une ambassade à l'empire chinois...
Cour d'Histoire annamite).

Trái lại, ông Lê-văn-Hoè quả quyết rằng nước Việt-thường xưa đem công nhà Chu chim bạch-tri là nước *Chiêm-Thành*. Theo ông, Việt-thường là đất Quảng-Binh, Quảng-Trị ngày nay ; mà đất ấy, vua Chiêm-Thành là Chế-Củ năm 1069 sau T.C. bị vua Thánh-Tân nhà Lý đánh thua nên phải nhường lại cho. Thế thì mãi đến năm 1069, Việt-thường còn thuộc về Chiêm-Thành (*Quốc sử đĩnh-ngoại*).

Đi xa hơn nữa, nhà Trung-hoa-học, L. Wiegor trong bộ sách *Textes historiques*, quyển I, trang 116 (bản cũ) cho rằng Việt-thường là xứ Cao-Mên. (1). Theo Ch. Madrolle, Việt-thường ở hạ-lưu sông Hoàng-Hà (2).

Chúng tôi thiết tưởng cũng như về chữ Giao-chỉ, nên phân biệt ra :

- 1^o) Bộ Việt-thường (Quảng-Binh, Quảng-Trị) của nước Văn-Lang.
- 2^o) Nước Việt-thường có từng sai sứ sang Tàu.

Nước Việt-thường này phải ở vào đất Bắc-phần chăng ?

Nếu ta xem kỹ địa-đồ xứ Trung-hoa vào thế kỷ thứ XX trước T.C. nghĩa là còn chia ra nhiều bộ-lạc, nhiều giống dân khác nhau mà trình-độ tri-thức, sanh-hoạt có lẽ còn thấp kém lắm, và tất nhiên không thông hiểu địa-dư bao nhiêu, thì ta không thể nào tin rằng có sứ-giả từ Bắc-Việt lặn-lội vượt biển tèo non đê đến thành *Bình-Dương*, chỗ đóng đô của vua Nghiêu, tận tỉnh Sơn-Tây, phía Bắc sông Hoàng-Hà, và đời nhà Châu lại đến thành *Tây-An*, phía nam sông Vị, tỉnh Thiểm-Tây ngày nay.

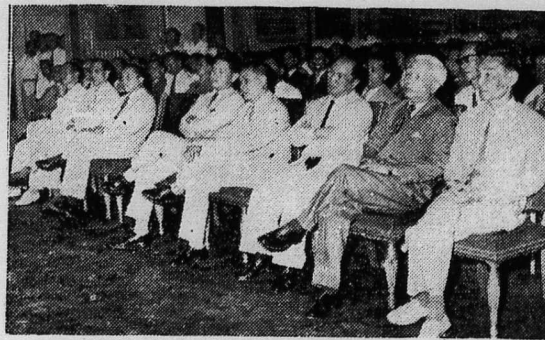
Ngày xưa, nếu có sự giao-thiệp nhau giữa hai nước, nguyên-nhân chẳng qua hoặc vì hai nước ở lân-cận nhau, hoặc vì nước yếu sợ nước mạnh

(1) En 1112 av. J.C., l'empereur Tch'eng déposa le deuil triennal troublé par bien des événements. Il fit sa cour à ses ancêtres, dans le temple de la famille. Il examina les fonctionnaires. Une députation vint du fond du Cambodge pour le saluer (*Textes historiques*).

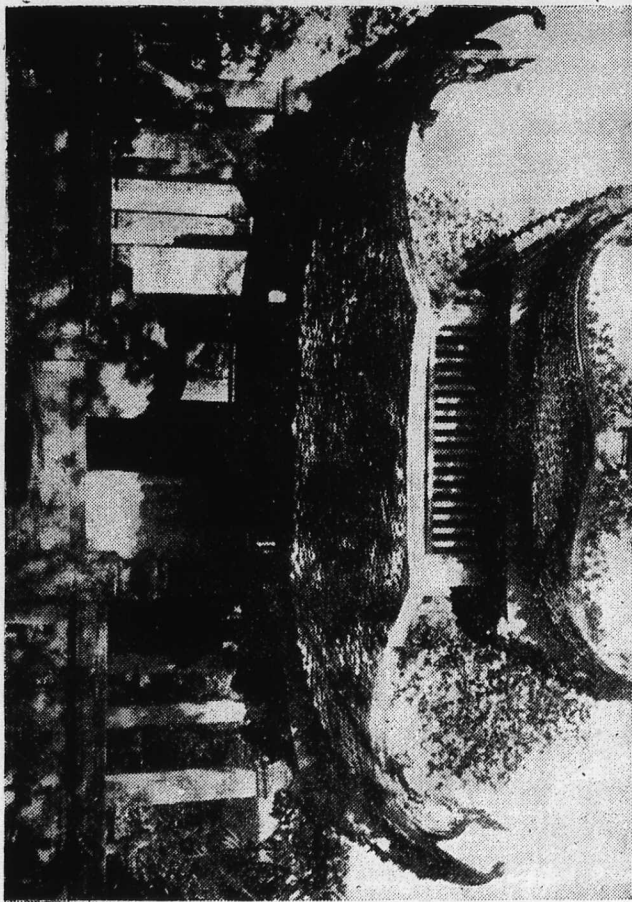
(2) Nous pensons être dans le vrai en disant que Yue-ichang dont on a souvent recherché le site fut autrefois le nom donné au pays du bas Fleuve Rouge (B.E.F.E.O, tome XXXVII, p. 317).



Ông Bộ-Trưởng Quốc-gia Giáo-dục diễn thuyết về
« Chính-sách Giáo-dục tại Việt-Nam »



Quang-cảnh buổi diễn-thuyết
về « Chính-sách giáo-dục tại Việt-Nam »
tổ-chức ở tòa Đô-sảnh Saigon ngày 9-3-1959



xâm-lấn, nên phải sai sứ-giã sang cống-hiến mà thôi. Chớ như đất Bắc-Việt cách xa Sơn-Tây và Thiêm-Tây ngàn trùng thì sao lại có chuyện giao-thiệp nhau được ?

Thế thì phải nghĩ rằng *Việt-thường* ở không xa đất đai Hán-tộc, chớ chẳng phải là xứ Bắc-Việt ngày nay. Đã biết rằng Việt-thường ở phía nam Giao-chi, và Giao-chi ở phía bắc hồ Phiền-Dương và sông Dương-Tử (xem bài trước) thì có lẽ Việt-thường ở phía nam sông Dương-Tử, vùng hồ Phiền-Dương.

Càng khảo xét kỹ địa-dư, lịch-sử miền hồ Phiền-Dương và Động-Đình, ta sẽ càng thấy rằng ý nghĩ trên đây rất hữu lý.

Theo thiên *Vũ-Công* trong kinh *Thư*, do vua Đại-Vũ thuật chuyện trị thủy vào khoảng thế kỷ XX tr. T.C. (sách một phần soạn vào thế kỷ thứ IX tr. T.C.) thì đất Tàu bấy giờ chia ra làm 9 vùng (châu), trong ấy có đất *Kinh* và đất *Dương*, ở phía nam, tính cách như vậy :

10) Đất *Dương*.— Sông Hoài và biên định giới hạn cho đất *Dương*. Bờ hồ P'ong-li (Phiền-dương ?) đã thâu lại, không cho nước chảy lan tràn làm đồng lầy nữa ; nhiều giống chim phiêu-lưu đến đó làm ổ. Có ba con sông chảy ra biển. Nước trong hồ Tchen (Thái-Hồ ?) không tràn bậy ra nữa. Tríc càng mọc thêm nhiều ; cỏ nhỏ và dài, và cây cối mọc lè, cao. Còn đất thì đầy bùn lầy. Ruộng thì hạng chín, thuế hạng bảy, Đồ vật của vùng ấy đem cống là vàng, bạc, đồng, cùng các thứ châu báu, trúc, ngàn da thú, lông chim, vải bỏ do thê-dân các đảo dệt ra. Những giỏ chớ đến đầy tơ lụa sặc-sỡ. Khi nào có dòi, buộc thì mới có chớ đến quít bươi. Vận tải thì đi từ sông Giang (Dương-Tử) ra biển, rồi vô sông Hoài và sông Tứ.

20) Đất *Kinh*.— Núi *Kinh* (Hồ-bắc) và phía nam núi *Hành* chỉ giới hạn của đất *Kinh*. Sông *Dương-Tử* và sông *Hán* sau khi gặp nhau, chảy ra biển. Chín con sông đã định. Sông *Đà* và sông *Tiền* chảy đều đều. Vùng *Vân-Mộng* được trồng tía. Đất bùn lầy. Ruộng hạng tám, thuế hạng ba. Đồ cống là lông chim, da thú, ngà, vàng, bạc, đồng, nhiều cây quý, đá làm cối và châu sa. *Ba Nước* gửi đến cống thứ trúc và gỗ quý. Cỏ thanh mâu thì bỏ lại từng bó. Giỏ chớ đến đầy vải xanh sậm và đỏ, cùng các thứ châu báu. Vùng

cửu-giang (chín con sông) cho rùa lớn. Sản-vật vận tải đến do sông Giang, sông Đà, sông Tiêm, và sông Hán, và chở đường bộ đến sông Lạc, rồi mới tới phía nam Hoàng-Hà (1).

Tóm lại đất *Kinh* là chỗ sông Hán chảy vào sông Dương-Tử còn đất *Dương* là hạ-lưu sông Dương-Tử đến sông Hoài; Kịch-Thư không nói rõ cho ta biết rằng hồ Động-Đình có thuộc về đất Kinh, và hồ Phiên-Dương có thuộc về đất Dương chăng ?

Nhưng ta có thể đoán được rằng thổ-sản và tính-cách của vùng hồ Động-Đình và vùng hồ Phiên-Dương có lẽ cũng giống với của đất Kinh và đất Dương vậy.

Về đất *Kinh* và *Dương* theo Kinh-Thư tả, ta nên đề ý rằng :

- 1°) Đất Dương có nhiều chim.
- 2°) Đất Kinh có rùa lớn đặc-biệt.

Theo *Sử-ký* thì rùa ấy sống ngàn năm. Người ta đốt cái mai của nó thì thấy lộ ra lân nứt, và coi theo đó mà đoán việc kiết hung.

Nếu Việt-thường gồm hồ Phiên-Dương và Động-Đình, hoặc thuộc về vùng ấy thì sự đem cống sứ cho vua Nghiêu một con rùa lớn và cho vua Thành-Vương nhà Châu chim trĩ là một sự tự-nhiên và dễ hiểu lắm. Huống chi kinh *Thư* lại có nói đến « ba nước » năng đem cống trúc và gỗ quý. Thì ra vùng ấy cũng có nước độc-lập. *Việt-thường* có phải là một trong ba nước ấy chăng ?

Điều ta có thể biết chắc chắn là vùng hồ Phiên-Dương có đất *Việt-chương* (Yue-tchang). *Sử-ký* của Tư-mã-Thiên có chép rằng vua Hùng-Cử nước Sở (887-877 tr. T.C.) phong cho người con út *Chấp-Ty* làm vua Việt-chương. Chữ *Việt-chương* và *Việt-thường* tuy người Tàu viết khác nhau, nhưng đọc cùng một cách (Yue-tchang). Có lẽ hai chữ ấy hồi bấy giờ dùng lẫn nhau để phiên âm một tên bản thổ mà thôi. Huống chi một tên nước cũng có thể biến đổi ít nhiều. Thí-dụ như chữ Cao-mên, Cao-man, Cao-miên cũng đều chỉ một xứ, hoặc như Lào hay Lào cũng thế.

(1) *Mémoires historiques* (Tome I, p. 118) *Chine* par M.G. Pauthier, p. 48.

Sử-ký không biết rõ Việt-chương ở chỗ nào, nhưng nói sơ qua rằng lối gần sông Dương-Tử. Theo chúng tôi đã suy tầm thì *Việt-chương* hay *Việt-thường*, chính là ở chỗ thành *Nam-Xương* ngày nay.

Thật vậy năm 508 trước Tây lịch vua nước Ngô (vùng Chiết-giang, Giang-tô ngày nay) có đại thắng một đạo binh nước Sở tại *Dự-chương* (Yu-tchang) mà *Sử* sách đều nói là thành Nam-Xương hiện nay. Mà chữ *Dự-chương* người Tàu đọc gần như chữ *Việt-chương*.

Chúng tôi tưởng nên ước-đoán rằng đất *Việt-thường* (Yue-tchang) cũng gọi là *Việt-chương* (Yue-tchang) sau đổi là *Dự-chương* (Yu-tchang) nghĩa là đất *Nam-Xương* phía nam hồ Phiên-Dương, tỉnh Giang-Tây (bên Tàu) ngày nay.

Đã biết rằng *Việt-thường* ở phía nam Giao-chi, và vùng hồ Phiên-Dương thì Giao-chi phải ở phía Bắc hồ Phiên-dương và sông Dương-Tử, như đã ước-đoán trong bài trước. Hai bài khảo-luận về Giao-chi và Việt-thường này có thể bổ-khuyết lẫn nhau.

(Còn nữa)

NGÀY KỶ-NIỆM HAI BÀ TRƯNG

Độc-lập xưng vương nhớ những ngày,
Là ngày hiến-hách Nhị Trưng đây.
Rùa thù cứu nước gương Mê (1) đó,
Đỡ chị nâng em giống Lạc này.
Bia nổi trụ chìm danh rạn sừ,
Tình sâu sông cạn kiệt ngời tay (2),
Hồn thiêng muốn thươ còn hương khói,
Non nước tránh sao khói lửa đây.

Sa-minh TẠ-THỨC-KHẢI

(1) Mê-Linh

(2) Hai Bà cầm gươm nhảy xuống sông Hát-Giang từ-tiết.

MỘT DANH-NHO ĐỜI NGUYỄN :

VÕ-TRU'Ồ'NG-TOÀN

Tại miền Nam, bậc sư-nho nổi tiếng nhất ở cuối thế-kỷ thứ XVIII, (giữa hồi nhà Nguyễn và Tây-Sơn tranh-hùng) là ông **VÕ-TRƯỜNG TOÀN**. Tờ-tiền đời trước, hoặc nói là người Thanh-kê (Quảng-Đức), hoặc nói là người làng Bình-Dương (Gia-Định). Ông trước thụ-nghiệp ai, hiện chưa rõ uyên-nguyên.

Ông học sâu biết rộng, rất thông-dạt truyện cổ kim. Gặp hồi Tây-sơn khởi-nghĩa, tình-thế trong nước đương hỗn-loạn, ông bèn ăn-trú, mở trường dạy học hàng mấy trăm người. Môn-sinh cao-đệ nhất là Ngô-tòng-Châu, một danh-thần giàu

HOÀI-BÚC

 khí-tiết, đã cùng Võ-Tánh sống thác với thành Qui-nhơn. Thứ đến Trịnh-hoài-Đức, Phạm-ngọc-Uần, Lê-quang-Định, Lê-bá-Phàm, Ngô-nhàn-Tĩnh, Hạng danh-sĩ như ông Chiêu, ông Trúc đều là bậc ần-dật túc-nho; ngoài ra, còn nhiều người khác, không sao kể xiết. Các môn-sinh của ông, vị nào gặp hội gió mây, trong thời trung-hưng triều Gia-Long, đều trở nên những bậc hiền-tài lương-dũng, hoặc biết sát-thân để làm điều nhân, hoặc quên mình để trọn tiết-nghĩa, ai nấy đều có công-nghiệp rạng-rỡ ở đời.

Hồi Nguyễn-vương ngự ở Gia-Định, thường triệu ông tới để hỏi truyện cổ-kim.

Theo bài văn bia do ông Phan-thanh-Giản soạn đề suy-tôn đức-nghiệp của bậc sư-biểu này, Võ-tiên-sinh là bậc cao-tài, học rộng khắp các kinh, và sở trường nhất về bộ Tứ-Thư (1).

(1) Đại-học, Luận-ngữ, Trung-dụng và Mạnh-Tử.

Từng thấy trong sách vở của ông còn sót lại có ghi lời này: «Sách Đại-học một nghìn bảy trăm chữ, tán ra gồm vô-số sự-vật; tóm lại, còn hai trăm chữ; tóm nữa, chỉ còn một chữ; lại tóm nữa, thì một chữ cũng không» (1).

Cái sở-học của ông kỳ-diệu thay, vừa rộng lớn vừa tinh-vi, dấu đem cách học ấy mà đọc nghìn vạn kinh sách nào cũng rõ nghĩa-lý được.

Ông không chịu xuất-chính, nên không được thấy rõ sự-nghiệp về chính-trị của ông.

Đến năm nhâm-tí (1792), ngày mùng 9 tháng sáu, ông mất. Nguyễn-Vương rất thương cảm mến tiếc, truy-tặng huy-hiệu « Gia-Định xử-sĩ Sùng-Đức Võ-Tiên-Sinh » để cho khắc vào bia dựng ở mộ-phần và truy-diệu một đôi liễn :

Triều hữu huân-danh, bán thuộc Hà-phần cụu-học ;

Đầu nam phong-giáo, tề khâm Nhạc-lộc dư-uy.

DỊCH-NGHĨA LÀ :

Những người có huân-nghiệp thanh-danh trong triều, một nửa thuộc hạng cụu-học nơi Hà-phần (2) (tức là học-trò ông) ;

Những ai được hưởng văn-phong giáo-hóa ở miền nam sao Đầu đều khâm-phục dư-uy của thư-viện Nhạc-lộc (3) (ý nói hết thầy môn-sinh đều khâm-phục và chịu ân-đức giáo-huấn của ông).

Và các môn-sinh đều một lòng tôn-kính như phụ-mẫu. Vì thế, về sau, khi Nguyễn-Ánh tức-vị, các vị thượng-thư sáu bộ tại Huế cũng có làm đôi liễn truy-niệm như sau :

(1) Theo tài-liệu ghi trong bài văn bia dựng ở phần-mộ ông và do ông Phan-thanh-Giản soạn.

(2) Hà-phần : Chỉ tên con sông — Cuối đời Tùy, Vương-Thông mở trường dạy học ở miền đó ; học-trò xa gần đến thụ-giáo kẻ hơn ngàn người. Những môn-sinh như Phùng-Huyền-Linh, Ngụy-Trung, Lý-Tĩnh, Trình-nguyên, Đậu-Uy, v.v... đều có thanh-danh hiển-hạ ở đời Đường. ✓

(3) Nhạc-lộc : chỉ tên núi — Ở huyện Trường-sa, tỉnh Hồ-Nam, niên-hiệu Khai-Bào đời Tống, thái-thứ Đàm-châu là Châu-Đông lập thư-viện ở nơi đó ; về sau, những bậc danh-nho Trương-Thức và Châu-từ chọn nơi này để thuyết-giảng về đạo-học.

Sinh tiền giáo-huấn đặc nhân, vô tử như hữu tử ;
Một hậu thanh-danh tại thế, tuy vong dã bất vong.

DỊCH-NGHĨA LÀ :

Lúc sống, dạy dỗ rèn được nhân-tài, không con cũng như có con ;
Khi chết, tiếng thơm lưu ở trần-thế, mất mà chẳng mất.

Sau hồi thái-bình, các môn-đệ của ông tản-lạc mỗi người mỗi nơi, nên không thể biểu-dương tài-đức của tiên-sinh được. Mãi đến triều Tự-Đức năm thứ 5 (1852), được chỉ vua ban-chuẩn, mới lập phường đề tinh-biêu tại làng Hòa-Hưng, huyện Bình-Dương (Gia-Định). Dân làng này còn góp tiền lập đền thờ, và hiến ruộng đề dùng vào việc cúng-tế.

Đến khi xảy ra việc binh lửa giữa Việt và Pháp, ba tỉnh miền Đông (Biên-hòa, Gia-định, Định-trường) do Pháp chiếm đóng, cảnh đền thờ bị tàn-phá, mộ-phần lâu ngày bỏ hoang-phế. Hồi này, ông Phan-thanh-Giản tọa-trần miền Nam dù không phải là môn-đệ của Vô-tiên-sinh, song tránh trường đến cao-đức người xưa, hết lòng sùng-bái coi như bậc sư-bá. Ông Phan không muốn cho năm xương tăn của Vô-tiên-sinh nằm trong phần đất bị xâm-lăng, nên hợp-lực cùng người đồng-quận với bậc sư-nho là Nguyễn-Thông (đốc-học tỉnh Vĩnh-Long), và hội thêm các thân-sĩ, mưu-toan việc đời mộ. Ông gửi tờ thông-tư nhờ ông Phạm-hữu-Chánh, hiến-sứ tỉnh An-Giang hiệp sức vào và giao cho tú-tài Võ-gia-Hội lo việc cải-táng hài-cốt Vô-tiên-Sinh.

Vị đốc-học Nguyễn-Thông đứng làm chủ-tang và đỡ tang-phục chiếu theo lễ tế thầy xưa mà xếp đặt. Việc tang-lễ làm xong, và ngày 28 tháng 3 năm Tự-Đức thứ 20 (Đinh-Mão 1867), đưa di-hài Vô-tiên-Sinh an-táng ở đồng thôn Bảo-Thạnh (1), huyện Bảo-An (tỉnh Vĩnh Long), và luôn thề đem di-hài bà Thục-Thận nhụ-nhân (2) hợp-táng và ấu-nữ đề tông-táng.

Ngôi đất chọn làm phần-mộ dựa vào gò cao và trông ra một vùng

(1) Quê hương ông Phan-Tanh-Giản.

(2) Bà vợ ông Vô-trường-Toán.

cây cối xanh tươi, trước mặt rộng rãi um-tùm, cảnh-trí u-tịch và thanh-tú vô cùng. Trước mộ mười trượng, có lập đền thờ ; trước đền bày trượng có xây phường, đầu đầy an-bài rất chu-đáo,

Cát-táng xong, ông Phan-thanh-Giản lại tâu vua xin ghi tinh-biêu như cũ, xin năm người dân coi mộ và một người phu-trưởng đề lo việc giữ gìn quét tước.

Ông Phan còn soạn một bài văn bia ; bia khắc sẽ dựng ở mộ Vô-tiên-sinh. Gặp lúc tình-thế trong nước biến-chuyên rộn-rập, quân Pháp Ý kéo đến làm rối quá nhiều, thợ khắc bỏ dở công việc. Rồi tháng 7 năm Đinh-Mão (1867), quân Pháp chiếm đóng luôn ba tỉnh miền tây Nam-phần do ông Phan có nhiệm-vụ phải giữ-gìn. Ngậm-ngùi, ông phải tuân-tiết đề đền nợ nước, thế là công việc dựng bia cho Vô-tiên-Sinh phải tạm đình. Mãi đến năm nhâm-thân (1872), một người minh-hương ở Vĩnh-Long là Trương-ngọc-Lang mới lại mượn thợ trùng-tu. Như thế, tính ra từ năm Vô-tiên-Sinh mất (nhâm-tí 1792) đến năm dựng bia xong (nhâm-thân 1872), cách nhau 81 năm (tính theo ta).

o o o

Như trên đã nói, bài văn bia do ông Phan-thanh-Giản soạn năm đinh-mão (1867) đề biểu-dương công-đức một bậc sư-nho triều Nguyễn đã giúp ích ta rất nhiều đề hiểu biết thêm tiểu-sử và tâm-sự người xưa. Dưới đây, xin trích-lục vài đoạn chính trong bài văn bia đó (1) :

« Đạo trời thánh tuy là đồng, mà chỗ hiểu biết của con người do điều thấy điều nghe có khác ; vậy nên người đời sở-dĩ lập-thành được công thật là khó vậy.

« Huống-hở mình sinh ra trong đời không gặp được bậc thánh, không thể gần được bậc hiền. Muốn biết chỗ ẩn-vi, xa rộng, được sáng tỏ, to lớn như mặt nhật mặt nguyệt, như các sông ngòi, thật rất khó-khăn.

« *Ôi ! ngắm non Thất, chỉ mong đi tới đỉnh,*

« *Trông Đâu nam, chân cổ nhón lên sao,*

(1) Viết bằng Hán-văn, do ông Ngọc-Xuyên Ca-văn-Thỉnh dịch.

« Đối với nhà xử-sĩ Võ-tiên-Sinh ở Gia-Định, trụ trụ một tấm lòng thành...

«... Tiên-sinh không khứng ra làm quan, nên đại-khải không thấy được sự-nghiệp. Từ thuở tiên-sinh lấy lối học nghĩa-lý để giáo-hóa, chẳng những đưong-thời đào-tạo được nhiều bậc nhân-tài, mà còn truyền-thuật, giảng-luận trau giồi về sau, cảm-phát đấm hy-sinh tới tính-mạng, xét ra tuy nhờ đức thân-nhân của quân-vương nhuần gội, cố-kết nhân-tâm, nhưng nếu không có công-đức mở mang huấn-dục của tiên-sinh từ thuở trước, thì làm sao có được nhân-tâm như thế!

«... Chúng tôi lo sợ nổi lâu năm, thời buổi đổi thay. sau này người không biết tới để chiêm-ngưỡng, nên kính-cần thuật lại mọi điều và làm bài minh.

« Minh rằng :

« Than ôi ! Tốt thay vì tiên-sinh, Sớ-học kín-đáo, sớ-hành đầy đặn.

« (Bình-sinh hăng) giấu kín chôn lấp trong thâm-tâm điều sáng-suốt, tài lỗi-lạc, tinh-anh,

« (Tiên-sinh khác nào như) một cái chuông to, tùy theo sức người đánh, bỗng phát ra tiếng lớn,

« (Tiên-sinh yêu ta) dạy ta mỗi đạo rộng.

« Kẻ hậu-giác (như ta) nhìn chân người trông cái đạo mà trọn đời ta giữ gìn không thể lúng, ngần mặt trông không thấy hết.

« Càng già lại càng chắc-chắn rõ-rệt.

« (Tiên-sinh) gần bậc ông Hà-Phân (Vương-Thông nhà Tày), ông Lộc-Động (Châu-Hy đời Tống), ta khâm-tâm mà trông cái đạo ấy.

« (Sớ-đi) Sùng-Đức Võ-tiên-sinh còn để cho đời những vinh-quang rực-rỡ, vì tiên-sinh noi theo nhân-nghĩa đạo-đức, tước của trời ban cho ».

Mặt trước mộ-biêu Võ-tiên-sinh, khắc bài văn bia của Phan-thanh-

Giản, còn mặt sau khắc thêm một bài của Đốc-Học Nguyễn-Thông (người đồng-quận với Võ-tiên-sinh), soạn năm Mậu-thìn (1868). Xin lục-đăng sau đây bản dịch của Ngạc-Xuyên Ca-văn-Thỉnh :

« Từ Lương-Khê Phan-tiên-sinh tới cụ Sùng-Đức Võ-phu-tử, khoảng thời-gian không mấy xa.

« Sớ-học của Phan-tiên-sinh lấy chữ « thành » làm chủ-dịch : trước hết, lấy việc trị tính tình làm phương thiết-thực.

« Thời gần đây, tuy các nhà nho chưa xem xét tới sớ-học ấy, nhưng lời giảng-luận xưa kia, câu biên chép còn sót lại của cụ Sùng-đức vẫn còn tiêm-nhiễm trụ trụ trong lòng. Sớ-học của cụ Sùng-đức thật là thiết-thực, uyên-thâm, rất hợp với tư-tưởng thánh-hiền xưa vậy.

« Lương-Khê tiên-sinh soạn bài biếu đề mộ cụ Sùng-đức ba tháng trước ngày tuần-tiết. Đương hồi thiên-hạ gian-nan loạn-lạc, tiên-sinh lo việc tôn-sùng đức-nghiệp cụ Võ-phu-tử. Nhờ bài biếu ấy mà đạo cụ Võ được suy-tôn thêm và ý-nghĩa của thánh-kinh càng thêm sáng tỏ.

« Người cầu học trong đời, một khi thể nhận lời của Lương-khê tiên-sinh, sẽ chăm lo việc chí-tình chí-tính để đi đũa chỗ sáng suốt, tinh thành kín-đáo của đạo học. Chẳng ấy, người không còn làm tục-học, dị-đoan đời đời lòng người, trái lại, được nhiều điều bổ-ích cho tâm-thần người lắm.

« Ở đời, việc thắng-bại, lợi-hại, con người đều có sự-mạng, chớ cái mạch-đạo vẫn trường-tồn vớt vũ-trụ,

« Kia đời xưa có người đương-thời vẫn khuất-thân mà đạo của họ vẫn lưu-hành hậu-thế ; giữa triều-đình thì thấp-thỏi, không danh-vị, không được trọng-vọng, thế mà tự chốn nhà tranh cửa lá, danh-tiết được trọng vì như hàng « thi chức » (thần thi, thần chức), lâu đời càng sáng tỏ lời khen.

« Nay Phan-tiên-sinh đã ra người thiên-cổ mà bậc đồng đạo-hoặc đi xa, hoặc quá-vãng. nên tôi kính-cần biên lại đây để duy-trì việc người trước, hầu sau chừ quân-tử có chỗ tra-khảo được ».

o o o

Xưa nay, thu được nhân-tâm, người đời thường dựa vào uy-thế, tài-năng hay phóng-tiền-tài một cách khôn-khéo nhiệm-mầu, song chưa dễ đã phục được mọi người. Hoặc nhất-thời nhờ về những yếu-tố nói trên, họa may chỉ làm cho người ta khiếp-phục, hay úy-phục mà thôi, thường ra chỉ phục trước mặt, hời-hợt bên ngoài mà không có chí là thâm-thúy cả. Nói một cách khác, chỉ khuất nôi người, nhưng chưa dễ chiếm được lòng người. Muốn khiến thiên-hạ phục mình trước mặt cũng như sau lưng, khiến người đời phải đức-phục hay tâm-phục, cần phải có độ-lượng bao-dung như Trần-thánh-Tôn, Gia-cát-Lượng, có chí-khí anh-hùng như Lê-Lợi, Quang-Trung, có tài-đức nhân-nghĩa như Trần-hưng-Đạo, Lưu-Huyền-Đức, hay có khí-tiết cao-cả, có sở-học uyên-thâm, có công khai đạo huấn-dục như Khổng Mạnh, Chu-văn-An và như Võ-trường-Toàn nói trên đây.

Vì thế, Võ-phu-tử dù khuất thân ở nơi thôn-dã, chuyên-chú đào-luyện tinh-thần đoàn hậu-tiến, không màng chi tới chức-vị của triều-dình mà lúc sinh-tiền, do công « giáo-huấn đấng-nhân », danh-tiết của ông vẫn được trọng vì, gần xa coi là « đầu-nam phong-giáo ». Đến lúc thành người thiên-cô, thanh-danh của ông còn lưu mãi mãi, và đạo học của ông lấy « tri-ngôn đấng-khí » làm trọng vẫn được truyền-tụng. Những kẻ hậu-học có danh-vọng như Phan-thanh-Giản cũng phải một lòng tôn-trọng sùng-bái đối với cao-đức thực-học của ông và còn chịu ảnh-hưởng sâu-sa đối với những câu biên chép còn sót lại của ông.

Nói đến sự trước-tác của Võ-phu-tử, ta rất tiếc chưa đủ phương-tiện tra-cứu hết được, nay chỉ thấy còn lưu-truyền bài phú « Hoài-cổ » của ông. Vậy xin lục-đăng dưới đây để kết-luận bài này và để bạn đọc thấu rõ phần nào tấm lòng chứa-chan đạo-nghĩa thâm-trầm của Sùng-Đức tiên-sinh.

HOÀI-CỔ PHÚ

- 1) Rõ rõ cúc ba thu, ba thu lụn cúc đà tàn héo ;
Hãy hãy sen chín hạ, chín hạ qua sen cũng rã rời.
- 2) Cho hay vức thâm nên còn ; khó biết gò cao hóa bề.
- 3) Quán âm-dương rước khách xưa nay, đã mấy mươi năm ;

Đò tạo-hóa đưa người qua lại, biết bao nhiêu chuyển.

- 4) Nhấp-nháy ngọn đèn trong kính; lênh-dềnh bóng nguyệt giòng sông.
- 5) Đường Ngu (1) ấp tồn (2) rợu ba chung, nhường say nhường tỉnh ;

Thang Vô (3) chính tru (4), cờ một cuộc, thoát được thoát thua,

6) Cửa có không nào khác khóm mây (người tan hợp nhường như bọt nước.

7) Lánh non Thú (5) cam bề ngo-tử (6), hạt con Cò-trúc (7) đã về đâu ?

Luyện linh-dan lo chức trường-sinh, bốn lão Thương-sơn (8) đã bật đầu.

- (8) Mộng tàn nửa gối, bướm Trang-Châu giấc hời mơ-màng ;
Xuân hện mấy canh, quỳn Thục-đế (10) tiếng còn khắp-khởi.

(1) Chỉ vua Nghiêu họ Đào-Đường và vua Thuấn họ Hữu-Ngu.

(2) Ấp tồn : nhún nhường, có lẽ-độ (Vua Đường-Nghiêu nhường thiên-hạ cho Ngu-Thuấn, nên đời sau xưng-tụng là đời « ấp-tồn ».

(3) Vua Thành-Thang diệt trừ vua Kiệt nhà Hạ và dựng nên nhà Thương (sau đời là nhà Ân); vua Võ-Vương diệt trừ vua Trụ nhà Thương và dựng nên nhà Chu.

(4) Chính tru : đánh giết.

(5) (6) và (7) Non Thú : núi Thú-dương — Ngo-tử : chết đói. — Cò-trúc nước Cò-trúc — Bú-di và Trú-tê là hai con vua nước Cò-trúc, nghe tin Võ-Vương đem binh phạt Trụ, cố can vua không được, bèn bỏ lên ăn ở núi Thú-Dương đến chết đói, chứ không thèm ăn thóc nhà Chu, nên đời sau có thơ rằng :

Danh chẳng màng bao, lợi chẳng mê,

Ấy gan hay sắt, hời Di Tê ?

Gặp xe vua Võ, tay cầm lại.

Thấy thóc nhà Chu, mặt ngảnh đi !..

(8) Trần núi Thương-linh (Trung-Hoa) xưa có bốn ông già ở ăn gọi là « Thương-sơn tứ-hạo ». Vua Hán Cao-Tổ cho sứ mời ra làm quan, nhưng 4 vị đều không nhận.

(9) Trang-Chu (tức Trang-sinh) thường hay truyền-bá học-thuyết của Lão-Tử, mộng thấy mình hóa bướm, tỉnh giấc lại thấy mình vẫn là Trang-Chu, mới tự hỏi : « Không biết bướm đã hóa ra Trang-Chu, hay Trang-Chu này hóa bướm? »

(10) Tương-truyền vua nước Thục là Đỗ-Vũ bỏ nước mà đi, sau thác hóa thành chim Đỗ-quyên, nhớ nước, ngày đêm kêu ra-rả không thôi. Trong truyện Thúc-Kiều, cũng có câu : « Ấy hỡi Thục-Đế, hay mình Đỗ-quyên ? »

9) Tha-thiết bấy ! Một gò hoàng-nhượng (1), ngọc lấp hương chôn ;
Áo-nào thay ! Mấy cụm bạch-vân (2), mưa sâu gió thấm.

10) Ngựa trên ai một may một rũi ; (3)

Hươu dưới Tần bên có bên không. (4)

11) Hán-Võ ngọc-đường (5), người ngọc nọ xưa đã theo gió ;

Thạch-Sùng kim-cốc (6), chạ tiền xưa nay đã lấp sương.

12) Lao-xao cõi trần-ai, trường hoan-lạc gấm không mấy lúc ;

Thấm-thoắt con mộng-ảo, đoạn biệt-ly há để bao lâu,

13) Nghìn năm hồn phách Hán anh-hùng, hồn-phách mất, người kia
cũng mất ;

Muôn dặm nước non Đường thồ-vũ, nước non còn, đời ấy đâu còn,

14) Thương hốt thương ! Huyền-quân (7) cung Tần, chim làm tờ tiếng
kêu vắng vắng ;

Tiểu ấy tiểu ! Y-quan (8) đời Tần, biển nên còn cỏ mọc còn xanh.

15) Cung Tùy xưa chim nói liú-lo, mấy độ xuân về hoa sát-lụy ; (9)

Đài Ngô trước hươu nằm ngả-ngón, đời ngàn sương ngọn cỏ đeo sầu.

(1) Hoàng-nhượng : nấm đất vàng. Chỉ nơi nghê-địa.

(2) Rút ý câu trong sách Trang-Tử : « Thừa bử bạch-vân, chi vu dĩ-hương », nghê-địa là : « Cưỡi đám mây trắng kia, mà đến nơi ngự-tọa của Ngọc-Hoàng Thượng đế. — Ý nói : người đã từ-trần, về chốn thiên-cung.

(3) Lấy ý ở truyện Tái-Ông tự-nhiên mất ngựa, gây nên phúc họa liên-tiếp, không sao lường trước được.

(4) Lấy ý ở truyện nhà Tần đề-xông mất con hươu, thiên-hạ đua nhau tranh-đoạt. Con hươu ám-chỉ vào đất nước.

(5) Ngọc-đường : Nhà ngọc. — Chỉ nơi sang-trọng.

(6) Kim-cốc : Thạch-Sùng, người đời Tần, giàu to nổi tiếng trong nước, có lập ra vườn Kim-cốc làm nơi hành-lạc.

(7) Huyền-quân : Dây đàn và ống sáo (Âm-nhạc) — Vua nhà Tần có tiếng là hoang-dâm vô-độ, ngày đêm say mê đàn địch với cung-phí mỹ-nữ, sau mất nước cũng vì thế.

(8) Y-quan : Áo mũ. Đời Tần nổi tiếng vì quan-lại trong triều ngoài quận đều xứng-xính với bộ áo mũ vua ban.

(9) Sát-lụy : chính chữ là sát-lệ, nghê-địa là rõ nước mắt như tưới.

16) Ô-giang đêm thăm hé trắng mảnh, quạnh-quẽ vô chừng họ Hạng ; (1)

Cat-hạ ngày chiều hiu gió mát, phát-phơ ngọn cỏ nàng Ngu. (2)

17) Đài vắng Nghiêm-Lãng, mấy khúc quanh-co sông chảy tuyết ; (3)

Thuyền không Phạm-Lãi, năm hồ lai-láng nước ken mù. (4)

18) Cho hay đời đời ấy lẽ thường ;

Mới biết thảo ngay là nghĩa cả.

19) Lụy rơi non Lịch, Đạt-Thuấn từng đời tình hai thân ; (5)

Sương lọt áo bó, Từ-Khiên lại trọn niềm một thảo. (6)

20) Tông khóc măng, Tường năm giá, nắn nắn lo giữ đạo con ; (7)

Tịch đầu quýt, Cự chôn con, năm năm đua đèn nghĩa cả. (8)

(1) Hạng-Vô, khi gặp đường cùng, bị Lưu-Bang đánh bại. Khi thất-trận, Hạng Vô chạy miết tới bến sông Ô-Giang, ngoảnh lại bên mình chỉ còn có con ngựa Ô-chữu.

(2) Khi Hạng-Vô thất-trận lớn ở Cai-Hạ, vợ yêu là Ngu-Cơ tự-vẫn đề cho Hạng-Vô khỏi bị-rỉn trong lòng, và còn đứng-cảm chống-cự với Lưu-Bang. Sau trên mồ nàng có mọc thứ cỏ thơm ; người ta bèn gọi cỏ này là Ngu-mỹ-nhân thảo (cỏ nàng Ngu).

(3) Nghiêm-Quang, tự Từ-Lãng, không ham danh-lợi, nên sau khi giúp vua Quang-Vũ trung-hung nhà Hán, bèn cáo-quan về núi Phú-Xuân, lấy sự câu cá cây ruộng làm vui.

(4) Phạm-Lãi, sau khi giúp vua Việt-Câu-Tiền khôi-phục lại giang-sơn, bèn từ-quan về tiêu-đạo cùng non nước.

(5) Vua Thuấn cây non Lịch, vì lòng hiếu-đễ đã cảm-hóa được tâm-tính của cha và di ghê.

(6) Mẫn-tử-Khiên đời Chu bị mẹ ghê đối-xử ác-nghiệt, mùa rét chỉ cho mặc một manh áo mỏng, nhưng ông không tỏ vẻ chi là khó chịu oán-hờn.

(7) Mạnh-Tông nước Ngô thấy mẹ ốm thềm ăn canh măng. Trời rét, tìm mãi cũng không thấy dờ măng. Tông cục lòng ngồi khóc bên cây tre, tự-nhiên cây tre này mấy dờ măng. Ông bẻ măng đem về nấu canh dâng mẹ. Bà mẹ khỏi thêm, lại khoẻ như xưa.

Vương-Tường đời Tấn gặp bà kế-mẫu ác-nghiệt đòi ăn cá tươi giữa lúc trời đông giá lạnh. Tường tìm mãi không thấy, quyết-tâm cời trần nằm trên giá để tìm ; tự-nhiên tuyết đóng văng lờ làm hai. Tường bắt được đôi cá chép đem về dâng để chiêu lòng mẹ. Bà kế-mẫu từ đó trở nên hiền-từ.

(8) Lục-Tịch đời Hán, hồi còn ó tuổi, theo cha đi dự tiệc, trộm 2 quả quýt ngon giấu trong tay áo, để đem về dâng mẹ, vì biết mẹ ưa thứ quýt ngon này.

Quách-Cự đời Hán nhà nghèo, thờ mẹ rất hiếu thảo. Thấy mẹ cứ đến bữa phá! bát miếng ăn cho cháu nhỏ (mới lên ba), Cự bèn bèn với vợ đem chén con để mẹ khỏi bị đói lầy. Tối khi đèn tắt chôn con, may sao lại tìm được hũ vàng có ghi chữ « Trời cho ».

21) Trước đèn Trụ mờ gan một tấm, muôn kiếp còn danh để tạc bia ; (1)
Dưới thành Ngô treo mắt đôi trông, nghìn năm hãy người đều sơn gáy (2).

22) Tám trăm dặm xông pha ải bắc, thương họ Hàn chót-chốt lòng
đan ; (3)

Mười chín thu giữ một niềm tây, cảm ông Võ phơ-phơ đầu bạc. (4)

23) Cật Võ-Mục nhuộm thanh bốn chữ (5), tấm trung-thành đã thấu
trời xanh ;

Áo Thiên-Tường ghi đượm hai câu (6), phương trụ-ngĩa chỉ phai
lông đỏ.

24) Trời mồn đất già danh hỡi rặng, lụy non Ngưu nghĩ cũng sụt-sùi ;
Biền khò đá rã tiết nào phai, sử họ Mã chép còn tỏ rõ... (7)

HOÀI-ĐỨC

(1) Vua Trụ nhà Thương say mê Đắc-Kỷ, khiến cho Ti-Cân, một vị đại-thần
trong triều, tức giận tự mổ gan để cảnh-cáo quân-vương.

(2) Ngũ-Tử-Tư, một vị trung-thần nước Ngô, can vua không nên dùng Bá-Hy
là kẻ gian-thần. Vua Ngô đã không nghe, lại quá tin lời gièm pha bực Ngũ-Tử-Tư
phải chết. Họ Ngô xin hãy móc đôi trông mắt mình mà treo ở cửa triều-đường để
coi lũ nịnh-thần hoành-hành tàn-hại đất nước như thế nào ?

(3) Hàn-Dũ đời Đường bài-bác đạo Phật, bị vua Đường-Huyền-Tông không
nghe, đày ra Triệu-Dương.

(4) Tô-Võ đời Hán đi sứ Hung-nô, bị vua xứ này bắt giữ lại, giao cho đi chăn
dê trong 19 năm.

(5) Nhạc-Phi đời Tống (sau được phong làm Võ-Mục-vương) được bà mẹ
ân-cần dạy bảo lúc còn nhỏ, và muốn cho con nhớ mãi về sau, xém trên lưng
bốn chữ « Tinh-trung báo-quốc » (đem hết lòng trung để báo đền nợ nước)

(6) Văn-Sơn tự Thiên-Tường, giữ điều trung-ngĩa đến thác, ghi ở vạt áo
hai câu đề tự phán-khởi lòng mình : « Xã sinh thủ nghĩa » (Chịu đựng giữ nghĩa cả
mà quên thân sống) :

(7) Tư-Mã-Thiên, một sử-gia chân-chính, tác-gia bộ Sử-Ký, được truyền-tụng
ở đời.



CỔ-TÍCH DANH-THẮNG VIỆT-NAM

(Trích-dịch trong Đại-Nam Nhất-Thống-Chi)

(Tiếp theo V.H.N.S. số 36)

ĐỀN NGŨ-CHÍNH-NỮ 吳正女祠

Ở về thành phố phía sau tỉnh thành Thanh-Hóa.

Năm Gia-Long thứ 6 (1807) có Ngô-Thị, tự là Chính-Nữ, người làng
Nguyệt-Viên phủ Hoảng-Hóa, có phong-tu diễm-lệ, tánh-tình đoan-trang. Khi
nhỏ cha mất sớm nhà nghèo, chuyên nghề đi bán tơ lụa, thường đi qua lại trong
thành phố mua bán, trên đê phụng-sự mẹ già, dưới đê cấp-dưỡng cho em. Những
người hào-hữu quyền-thế cũng không dám lấy sự phong-tình chọc ghẹo, duy có
viên Đầu-quản sở Tượng-binh ở trong trấn-thành ái-mộ nhan-sắc của cô rồi
manh sinh lòng bậy. Bữa ấy kêu cô vô sở đề mua tơ, thừa khi vắng người trò
thối hiệp-dâm, cô Chính-nữ không chịu, cắn lưỡi tự-tử, khi ấy cô vừa 21 tuổi.
Viên Đầu-Quản bèn đem xác cô đập dưới tượng-xương (xương nhốt voi). Nhà
họ Ngô tung đi tứ hướng đề

TU-TRAI

 tìm kiếm mà không biết tông-
tích đâu cả. Một đêm nọ, mẹ

TU-TRAI

 cô mộng thấy cô về kêu khóc
mà nói : « Kiếp con là hồng-nhan bạc-phận đề sự lo phiền cho thân-mẫu trong
lúc học đầu, con nay xin mẹ cho em con sung vào tượng-binh, thì có thể
tìm được hài-cốt của con. » Mẹ cô nghe theo lời, bèn làm đơn đến lý-trưởng
xin cho em cô nhập ngũ. Ngày nọ viên Đầu-quản khiến người em cô vào
quét dọn chỗ đóng phân voi, xảy thấy bên đồng phân một dây lụa trên
mặt đất hình như dây lưng của cô. Người em lấy tay moi ra, được vài
tấc thấy xác cô nằm nghiêng, áo quần còn y như cũ, mà diện-mạo như
người còn sống, trông thấy đượm phùng phùng như còn có khí hàm-nộ vậy.
Người em cô đem việc ấy lên quan cáo-giác. Sau khi cứu-xét, thì kết án chỉ
có một tên tượng-binh bị tội đề 3 năm mà thôi. Vì vậy nên linh-hồn của
cô không tan. Mỗi khi nào trăng mờ sao thưa thì thấy có người biến hiện
chân hình đi nổi giữa không-trung trên thành, ai trông thấy đều nhận có mùi
hương ngọt-ngào. Đương thời nhiều người bị tật-bệnh mà bọn tượng-binh

lại bình nhiều hơn, nhưng không chết-chóc gì, duy có tên Đầu-quản và con trai, con gái của y chết cả không còn người nào.

Có khi quan Hiệp-trấn ở tỉnh cũng bị bệnh, ông đem việc mệnh-kiến (?) cáo với quan Tham-hiệp. Quan Tham-hiệp nói : như án-lý chưa thỏa đáng công bình thì họa ma ấy chính ở tôi cùng quan Trấn-thủ và thượng quan vậy. Ông nói vậy mà quả nhiên, nghĩa là 3 ông quan Tỉnh sau đều bị oan-báo cả, nên mấy ông phải lập đàn đề giải-oan. Đương khi ấy thốt-nhiên ở trước đàn có một người nhày ra hét to lên mà nói rằng : « Ta đây là Công-chúa Hoảng-nguyệt (1) Kim-Liên, Thượng-Đế thương ta bị chết oan, nên cho ta cai-quản chúng bay. » Các quan Tỉnh thấy vậy bèn dập tượng cô, đặt giữa trung-gian tượng-xương, năm tối giao cho tượng-binh sở ấy phụng-tự. Qua năm Ất-dậu niên hiệu Đồng-khánh (1885) dời đến chỗ đây.

BẠCH-ÂU-ĐỘNG 白鷗洞

Ở phía tả núi Thần-phù xã Trị-nội, huyện Nga-Son, tỉnh Thanh-Hóa tr ước giáp sông nhỏ, có một hòn núi đứng cao ngất, trong núi có một cái động cao rộng, ở giữa trống, nhân động ấy người ta lập làm ngôi chùa, trong chùa có tượng Phật, ngoài chùa có thiên-môn ngõ xuống Nga-Cảng, thường ngày vọng nghe có những tiếng ca-xướng của tiểu-phu, ngư-phủ, và những tiếng ngân-nga của thiên-kê chung-thanh, thật một giai-cảnh sơn thanh thủy tú vậy. Trong động lại có nhiều dơi nên gọi là hang biển-bức (hang dơi).

Vua Lê-Thánh-Tôn có vịnh thơ :

— Vạn khoảnh bích ba dao nhật ảnh

萬頃碧波搖日影

Muôn vòng sóng biếc dao-động bóng mặt trời

— Nhất hồ lục thảo nhập xuân phong

一壺綠草入春風

Một bầu cỏ xanh gió xuân lọt vào.

(1) Phủ Hoảng-Hóa, làng Nguyệt-Viên.

— Yên vân khinh đạm vi mang ngoại.

煙雲輕淡微茫外

Khói mây lơ-lạt bay dang ở ngoài.

— Hoa vật âm sâm ẩn ước trung

花物陰森隱約中

Hoa cỏ sum-sê ẩn hiện nơi trong.

Trong niên-hiệu Cảnh-Hưng, Trịnh-Dinh thường đến chơi động ấy thấy có bia đá dài một trượng 6 thước khắc một chữ Phật 佛, chữ lớn vài thước, nét chữ cứng-cáp, mà không ghi bia làm ở triều-dại nào. Trịnh-Dinh hỏi không ai biết cả, duy có Lê-quí-Đôn thưa rằng : « chữ đó là của Vua Lê-Thánh-Tôn viết. » Dinh khen Lê-quí-Đôn là người học rộng.

(Còn nữa)

GIÒNG CỬU-LONG

THI-CA

Mệnh-mông,

Trần-ngập mệnh-mông,

Tỏa khói lam chiều gợn mặt sông,

Củn củn, ra, rom, cánh, lá củi,

Bọt, bèo, lau, lạt (1) kéo nhau rong,

Bao la bát-ngát đâu là bến ?

Nhắc-nhờ Hương, Bờ trận lụt đông. (2)

Nổi mũi đờng dài càng chạy mạnh,

Giục lòng, phấn chí khách sang sông.

Cửu-Long

Giòng Cửu-Long,

Bao phen sóng gió woay vắn nước

Vẫn tiến tới ghềnh vẫn giữ trong

23-3-59

HOÀNG-NGỌC-MỀ

(1) Tức là cối.

(2) Hương-Giang và Bờ-Giang.

Thi ca

KỶ. NIỆM HAI BÀ

Tháng Hai mừng sáu, giỗ Hai Bà,
Thắp nén hương ôn sử Việt nhà :
Cờ phất yếm khăn, tan giặc nước,
Nạn trừ lang sói, phúc dân ta.
Cột đồng ái Bắc cảm Giao-chi, (1)
Sóng bạc hồ Tây khiếp Phục-Ba. (2)
Chối-lợi nghìn thu gương ái-quốc,
Treo cao mà ngắm, bẹn quần-thoa. !!

Ngày giỗ Hai Bà 6-2 âm-lịch

ĐÔNG-XUYÊN

(1) Trưng-Vương, sau khi khôi-phục được nước, làm vua được 3 năm, lại bị tướng nhà Hán là Phục-Ba tướng-quân Mã-Viện đánh thua. Mã-Viện thắng trận, dựng một cột đồng trụ ở biên-giới nước ta và nước Tàu (ở Nam-quan ở Lạng-sơn), khắc chữ « Đồng-trụ triết, Giao-Chi diệt », nghĩa là cột đồng này gãy thì nước Giao-chi tiêu-diệt. Dân Giao-Chi qua đó lấy đất ném vào chân cột cho cột khỏi đổ.

(2) Trưng-Vương đánh nhau với Mã-Viện ở hồ Lãng-Đạc, tức Hồ Tây ở Hà-Nội bây giờ.

M.V

Thời-gian vụt như chớp,
Năm trước rồi năm sau...
Người trước không thấy nữa,
Người sau còn đâu đâu...
Mình ta với trời đất,
Đầu xanh với bạc đầu.
Trời đất muôn năm thọ,
Đời ta trăm tuổi mau.
Ngày vui một tác bóng,
Ngày buồn ba mùa thâu.
Thương đời xót thân-thế,
Một bóng bước lên lầu.
Bóng ta cùng bóng nguyệt,
Đêm đêm sầu đối sầu...

S

À

U

PHẠM-VĂN-DIÊU

*

ĐỀ... ẢNH

*Bao lâu rồi nhỉ ? Bóng theo hình,
Giờ, tự đâu đâu, lại có mình ?
Chiều kính mà nên trang bất-tử,
Ra đời không phải giấy khai-sinh !*

Trăm năm sự thể phơ chòm tóc,
Một chút hồn thơ quên mảnh tình.
Họa-các, thi-đàn, ai ấy bạn :
Bức này liệu có đáng treo tranh ?

ĐÔNG - XUYÊN



TIẾC MỘT TÌNH TRĂNG

Nước ơi ! nước chớp trăng vàng,
Xin đừng khua động làm tan mảnh tình.

Khuôn trăng đẹp lắm ai ơi !
Trăng lay khóm trúc, trăng vời mái tranh.
Xa xa chòm lá rung-rinh,
Nhịp cầu lơ-lững, chông-chênh chơi-vời.
Tám trăng muốn về tuyết vời,
Gương trăng óng-ánh như khơi vọng tình.
Tình trăng quyện gió lung-linh,
Cớ sao trăng khuất ? Muốn hình đư-hi !

HOÀNG-NGỌC-MỄ

XUÂN VỀ

Đông qua xuân lại về đây,
Mừng xuân vẫn trẻ như ngày xuân xưa.
Vàng xuân luống nhẽng ngân-ngơ,
Gặp xuân lòng tựa mở cờ từ nay.
Nhìn xuân càng đắm càng say,
Hỏi xuân sao khéo đổi thay lòng người ?
Nàng xuân mỉm miệng hoa cười :
« Gần xa vẫn điểm cảnh trời đông tây.
Cùng trời, cùng nước, cùng mây,
Tạo cho nhân-thế bao ngày thành-thời.
Khiến cho cây cỏ thêm tươi,
Cho hoa thêm sắc, cho người thêm xuân.
Giúp đời thêm vẻ thanh-tân,
Giúp ai ấm-ấm thêm phần trẻ-trung.
Trai khôn đua sức vầy-vùng,
Giúp cho lưu tiếng anh-hùng mai san.
Gái ngoan son phấn tươi màu,
Giúp cho qua được sóng sâu ngại gì.
Xuân còn giúp bạn tương-trì,
Gieo mầm thành-tín, gian-nguy coi thường.
Xuân còn giúp sức bạn đừ-ông,
Mở nguồn hào-hú-ng yêu thương đạt-đào.
Tâm-hồn thêm vẻ thanh-cao,
Lòng thơ ấp-ủ ngọt-ngào hương xuân,
Dù cho thời-tiết chuyển vần,
Bốn mùa dành sẵn tình xuân trong lòng.. »

NGỌC-LÝ.

TỤC « TRẦU CAU » ĐỐI VỚI NGƯỜI VIỆT-NAM

HỒNG-THIÊN NỮ-SI

TRÀI bao nhiêu thế-kỷ, chẳng một người Việt-Nam nào không biết đến sự tích « Trầu Cau ». « Trầu Cau » đã đem lại cho người Việt bao nhiêu ảnh-hưởng tốt đẹp đáng ghi nhớ tôn-sùng.

Tục « Trầu Cau » tương-truyền từ đời Hùng-Vương thứ 4 với một lịch-sử ly-kỳ bi-đát rất là cảm-dộng. Tỏ tiên ta xưa ưa chuộng « Trầu Cau », coi như là món thực-phẩm quý-giá. Những ngày giỗ, tết, cúng vái, cưới hỏi, người ta luôn luôn dùng đến « Trầu Cau », vì nó biểu-hiệu cho sự thành-kính, trong sạch đối với việc lễ-nghĩa và sự thủy-chung trong tình nghĩa vợ chồng.

Đối với các cụ, mỗi khi khách đến chơi nhà là phải có cơm trầu tiếp khách, vì « miếng trầu là đầu câu chuyện », nên trong vườn nhà ai dù lớn nhỏ cũng trồng mấy cây cau và giàn trầu.

Về mùa rét, ăn một miếng trầu, ta thấy thơm thơm âm ấm, lại được bền răng, ít bị sâu.

Ngày nay, theo văn-minh, người ta ít ăn trầu và ít dùng nó trong việc lễ bái, tiếp khách ; tuy nhiên trong việc cưới hỏi vẫn còn dùng đến.

Rồi đây, thời-gian biến đổi theo với trào-lưu tân-tiến, chẳng biết sự tích « Trầu Cau » có còn tồn-tại nữa chăng ? Riêng tôi, tuy chẳng thích ăn trầu, song mỗi khi trông thấy « Trầu Cau », lòng tôi lại bàng-khuâng tưởng đến nơi quê hương xa thẳm, có những mái nhà êm ấm xinh xinh, những hàng cau xanh mát, yên vui chung sống với những người thân yêu cốt nhục, và những buổi chiều mùa đông xa xưa, tôi đã bao lần ngồi bên cạnh mẹ hiền, bỏ những quả cau nhỏ xanh xanh, tôi đã từng gãi những cồi trầu đỏ thắm cho bà tôi, đề rồi nghe bao nhiêu truyện cổ-tích vui hay huyền-bí mà bà tôi đã kể lại với bao giọng thương yêu chan-chứa.

Ngày nay, bao độ xuân về, tôi chẳng được trông thấy cảnh cũ người xưa, hồn quê vơ-vẩn, buồn giờ truyện xưa, nhớ đến sự tích « Trầu, cau », nên đem diễn lại mấy vần nô-m-na quê-kịch, gọi là mua vui trong buổi xuân về.



SỰ TÍCH « TRẦU CAU » DIỄN-CA

*Hoa xuân đỏ thắm bên thềm,
Gió xuân lay động bức rèm bên song.
Thân-thơ tựa chốn khuê-phòng,
Sợi gương kim-cổ tác lòng vấn-vương.
Quyển vàng lần giờ tiếng chuông,
Truyện xưa ghi dấu Hùng-Vương đời truyền.
Nước nhà thịnh-trị dân yên,
Giang-son gấm vóc rồng tiên đời đời.
Triều-thần lại có một người,
Họ Cao sinh được hai trai nổi dòng,
Giống nhau một cách lạ-làng,
Như hai giọt nước cùng chung một nguồn.
Xa nhau một phút cũng buồn,
Anh em hòa-thuận luôn luôn chẳng rời.
Sớm khuya kính-sử đui mài,
Tuổi xuân thoát đã đời mười trăng tròn.
Mẹ cha cưới hạc về non,
Muốn cho sớm được linh-hồn siêu-thang.
Nghĩ rồi Tâm mới bảo Lang,*

Tim thầy Đạo-sĩ cúng dâng lễ thường.
Ai hay duyên nợ đã vàng,
Ba sinh âu hẳn lừa hương kiếp nào.
Thầy sinh một gái má đào,
Khi ra canh cửi, khi vào vá may.
Mây tầm mắt phương xinh thay,
Miệng hoa cười dễ đắm say lòng người.
Vườn xuân chưa hé then cài,
Chưa ai « bán sê », chưa ai « đồng-sàng ».
Duyên may gặp gỡ hai chàng,
« Bắc thang lên hái hoa vàng » từ đây.
Rượu nồng chưa nhấp đã say,
Tình xuân ấp-ủ ai hay nổi lòng.
Nhưng là e-ấp ngại-ngùng,
Thuyền-quyển có một, anh-hùng thì hai.
Nên chàng phải quyết một bài,
Làm sao phân-biệt ai người là anh ?
Dụng-tình dọn bữa cơm canh,
Cơm thì hai chén, đũa rành một đôi.
Vô-tình đâu biết người coi,
Chàng Lang so đũa đưa mời anh Tân.
Nàng coi tấp-tễnh mừng thầm,
Cùng cha mẹ mới tỏ phân sự tình.

(Còn tiếp)

HỒNG-THIÊN NỮ-SĨ



TIẾNG DỊCH ĐỒNG QUÊ

Ngọc-địch ngân vang khắp ngã đường,
Càng nghe nào-nuốt mới sâu vương.
Đồng quê man-mác niềm mong đợi,
Non nước đìu-hiu nỗi nhớ thương.
Tiếng hạc bay ngang bờ tịch-mịch,
Giọng hò trôi dọc bến thê-lương,
Biết bao rẻo-rắt, lời tâm-sự,
Trát hận u-hoài, oán lữ-hương.

MAI-OANH NỮ-SĨ



ĐÊM MƯA

Mưa rơi tầm-tã đêm thâu,
Giọt mau rơi nặng mái lầu đìu-hiu,
Mệnh-mông trần nổi cô-liêu,
Nghe sa muốn hạt như tiền-tan hờn.
Mưa rơi lạnh cả nỗi buồn,
Mưa rơi, gọi ướt đêm trường vắng tanh.
Những ngày tuổi trẻ xuân xanh,
Ôm nhau mà khóc trước màn mưa rơi !
Ước xưa, vọng cũ rụng-rời,
Bỗng về sùi-sụt lòng người thêm đau.
Mưa rơi không ướt rơi sâu,
Sóng mờ đêm vắng nhịp cầu tương-tu.

XUÂN - VIỆT
(Tao-phùng)

TIẾNG DÀN

VŨ-ĐỨC-TRINH

Đàn bầu buông tiếng ngân nga ;
Một dây gảy khéo chấp ba dây thường.
Đàn lòng tấu khúc yêu đương,
Êm hơn nhạc khí vấn vương tay trần.

Đêm thanh, đàn nguyệt tí tít,
Phát ra trăm bản nã nê, rung rung.
Hằng-Nga ở cách muôn trùng !
Có nghe chàng tiếng thúy chung tơ lòng ?

Phong cầm thổi tiếng reo vang,
Làm vui nhà thánh cao sang khôn lường.
Tiếng người hòa gió tám phương,
Hát vui tại Chúa thiên đường, quý hơn.

Dương cầm thánh thót, kêu bong,
Như gieo nghìn điệu tiếng trong phim ngà.
Tiếng hồn hát khúc bao la,
Chuyến rung trời đất, mận mà, tinh anh.

THE SOUNDS OF WOODEN, STRINGED, METALLIC, MUSICAL INSTRUMENTS

By VŨ-ĐỨC-TRINH

A monochord releases vibrating sounds ;
One chord adroitly plucked surpasses three common chords.
The harp of heart, playing love melodies,
Is mellow than musical instruments tangled in worldly (1) hands.

On a serene night, a moon-shaped guitar (2), sounding softly and unhastingly,
Gives forth a hundred grievous, tremulous pieces.
Lady-Moon (3) ! dwelling a myriad distances away,
Do you hear faithful (4) sounds of the heart's silken strings ?

An organ, breathing out resonant sounds of huzza,
Gladdens a holy edifice, immeasurably noble.
A man's voices, mingled with the winds of the eight compass points,
Singing agreeably to the ears of the God of paradise, are more precious.

A piano cadencedly sounds with detached notes,
As if sowing a thousand airs of sounds in ivory keys.
The voices of a soul, singing extensive melodies,
Shake the sky and earth, are warm, subtly intelligent.

1. Worldly : In Vietnamese, literally, « dusty ».
2. A moon-shaped guitar : A guitar having a resonance box similar to the moon.
3. Literally, a « Perpetually Beautiful » Fairy in the palace of the moon.
4. Faithful : In Vietnamese, literally, « before and after. » or « from the beginning to the end ».

DỊCH THƠ CHỮ HÁN

TẶNG HỮU THÍ-TRÚNG TAM-NGUYÊN

添 幾 吟 無 邊 翠 雲	江 山 回 首 重 來 路	七 旬 仙 酒 碧 桃 春	四 世 家 文 黃 榜 綠	甲 子 吾 年 更 有 君	渭 川 北 捷 今 誰 敵	雄 鋒 萬 我 絕 驚人	三 鼓 桐 場 三 冠 軍	雲 池 進 士 揚 琳 書 贈
---------------------------------	---------------------------------	---------------------------------	---------------------------------	---------------------------------	---------------------------------	-----------------------------	---------------------------------	--------------------------------------

DỊCH-ÂM

Tam cô từ trường tam quán-quân,
 Hùng-phong ác-chiến tuyệt kinh nhân.
 Vị-Xuyên thử tiếp kim thù địch,
 Giáp-tí ngô niên cánh hữu quân.
 Tứ thế gia-văn hoàng băng lục,
 Thất tuần tiên tửu bích đào xuân.
 Giang-san hời thủ trùng-lai lộ,
 Thiêm ký ngấm biều quá Thủy-Vân.

Văn-trì Tiến-sĩ
DƯƠNG-LÂM

DỊCH-NGHĨA

Mừng Bạn thi đỗ Tam-Nguyên (1),

Khua trống ba hồi nhất cả ba,
 Thép vẫn siêu bạt vía người ta.
 Vị-Xuyên khoa trước, chưa ai kịp,
 Giáp-tý năm nay, có bác mà...
 Hoàng-báng bốn đời nhà vốn sẵn,
 Tiên-đào bảy chục cụ chưa già.
 Quan-san ngành lại con đường cũ,
 Non Thủy đề thêm mấy vắn a!

ĐẠM-NGUYÊN

sao-lục và điền quốc-âm

(1) Cụ nghệ Dương-Lâm mừng bạn là cụ Yên-Đồ Nguyễn-Khuyên thi trúng Tam-Nguyên



LÃO-TỬ

ĐẠO-ĐỨC-KINH

QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH

(Tiếp theo V.H.N.S. số 37)

NGHIÊM TOÀN dịch thuật

XL

無 有 蒸 之 動 反 四
 有 物 用 弱 者 十
 生 生 天 者 禮 樂
 於 於 下 道 之

DỊCH ÂM

TỬ THẬP CHƯƠNG.

Phân dã đạo chi động, nhược dã đạo chi dụng. Thiên hạ vạn vật
 sinh ư hữu, hữu sinh ư vô.

DỊCH NGHĨA

CHƯƠNG BUN MƯƠI

Trở về (1) là động của Đạo. Yếu mềm là dụng của Đạo
Muôn vật dưới trời sinh ra từ cái Có ; cái Có sinh ra từ cái Không.

CHÚ GIẢI

Chữ và câu khác nhau tùy theo các bản :

Thiên hạ vạn vật 天下萬物 : Bản Phó Dịch chép là : « *Thiên hạ chi vật* 天下之物 ». Các bản khác, có bản chép là : « *Thiên địa vạn vật* 天地萬物 ».

Phản 反 : 1.— Trái, lật lại (*phúc* : 覆) ; đối lại với chữ *chính* 正.
Bên kia mặt phải gọi là mặt trái.

2/a.— Trở về. Tỷ dụ như trong câu : « *Tất yếm tửu nhục nhi hậu phản* 必饗酒肉而後反 = ắt no say rượu thịt rồi mới về. » (Mạnh-tử, Ly-Lâu hạ, chương XXXIII.)

2/b.— Lộn trở về, quay trở lại, với ý nghĩa *tuần hoàn* 循環 (theo thứ tự mà xoay vần). (Theo Cao Hanh)

Động 動 : Động. Nói bất cứ vật gì chuyển biến, dời dời từ hình thức địa vị này sang hình thức địa vị khác, hoặc tự sức mình hoặc do sức ở bên ngoài.

Phản 反 *Đạo* 道 *chi* 之 *động* 動.

Theo nghĩa *phản* là trở về, câu này ta có thể hiểu như sau : « cao ấy thấp làm nền, sang lấy hèn làm gốc, có lấy không làm dụng, thế nghĩa là *quay trở về*. Nếu mọi vật đời đời đều biết vốn do tự cái *không* thì có thể chuyển khắp không ngừng, cho nên mới nói : « *Trở về là cái động của Đạo.* » (theo Vương Bật).

(1) Hoặc cũng có thể dịch là : « Trái (lật lại) là động của Đạo. » Xin xem phần chú giải.

Thực vậy, tất cả trong vũ-trụ chỉ là một cuộc tuần hoàn vô cùng vô tận. Khi muôn vật quay về yên tĩnh tuyệt đối thì Đạo lại bắt đầu khiến chúng chuyển dịch, trở sang thế động, lộn vào đời sống, và cứ như thế mãi. Muôn vật « trở về » cái *không*, cái *tĩnh* chính là thuận theo đường lối vận hành của Đạo để Đạo có thể lại làm cho chúng phát sinh từ chỗ *Không* có, *Lặng yên*.

Lão-tử rằng : « *Viễn* viết phản : xa là trở về » (2), ý nói muôn vật biến đổi đến cùng ắt phải lộn lại cái *không*, mà cái *động* của Đạo, nghĩa là sức xung kích đầu tiên Đạo truyền cho muôn loài, chính bắt nguồn ngay từ chỗ chúng quay về phi-thực-tại. Nếu chúng không quay về phi-thực-tại, Đạo làm sao có thể cho chúng tái hiện, khiến chúng tuần hoàn biến đổi, vậy nên động của Đạo *vốn gốc ở trở về*.

Hoặc theo nghĩa *phản* 反 là trái, đối lập với chữ *chính* 正, ta lại cũng có thể hiểu rằng :

Đạo tự nhiên không có đối đãi, chính phản, mặt phải mặt trái, vì bản thể của Đạo vốn yên tĩnh hư vô ; kịp đến khi Đạo chuyển từ *trống không*, *yên lặng* sang có *thực-tại*, luôn luôn biến dịch tuần hoàn, mới bắt đầu có chính phản, phải trái... cùng nhau đối đãi.

Đạo đã sinh ra cái có với trời đất, muôn vật, ắt tương đối kèm theo, thay vào tuyệt đối : có *ên* phải có *hư*, có *sống* phải có *chết*, có *sang* phải có *hèn*, có *cao* phải có *thấp*... từng cặp từng cặp lật qua lật lại, luân lưu đời đời, mà ta cũng không thể tìm hỏi đến cùng cực, chẳng qua « *lật trái lại* » chỉ là cái « *động* của Đạo » tự nhiên.

Nhược 弱 : Yếu, suy.

Dụng 用 : Công dụng.

Phần bản chất, bản năng tự nhiên, tự có, hằng còn của Đạo gọi là *Thê*. Đem thi hành ra gọi là *Dụng*.

(2) « ... *Tự* chi viết *Đạo*, *cường* vị chi danh viết *đại*, *đại* viết *thê*, *thê* viết *viễn*, *viễn* viết *phản* 字之曰道, 強爲之曰大, 大曰逝, 逝曰遠, 遠曰反 = đặt tên chữ cho nó là Đạo, gượng ép vì nó, gọi tên là Lớn ; Lớn là Đi, Đi là Xa, Xa là Trở lại. » Xin xem chương XXV.

Nhược dã, Đạo chi dụng.

Thê Đạo vốn không hư yên tĩnh, đến khi động ấy là Đạo đã chuyển sang dụng. Đạo lúc nào cũng lấy mềm yếu làm chủ (3) vì trong công cuộc biến hóa tuần hoàn của muôn vật, hễ cứng rắn khôe mạnh tất nhiên không thủ thắng mà trái lại thường còn bị bẻ gãy; Đạo có mềm yếu uyển chuyển như nước (4) mới không ngưng trệ và mới thông suốt đi được, không biết tới đâu là cùng.

Vật có khí huyết nên sinh ra bụng tranh giành. Trái lại, Đạo ứng làm con mát (5) vì chuộng vô vi; Đạo dung dưỡng làm lợi cho muôn loài (6) và lại không ganh đua, nên mới bảo rằng « lấy yếu làm dụng. »

Chính vì chủ ở mềm yếu nên Đạo dài lâu, bền vững; chứ nếu cứng mạnh, Đạo đâu có thể tồn tại được? Mềm yếu là cách dùng Đạo, theo Đạo đề mong tới Đạo, Sao vậy? Vì ta đã hiểu quay về hư không, yên lặng là gốc của động, cho nên ta giữ lòng trống rỗng, chí khí thuần hòa. Lòng trong trẻo, chí khí ôn nhu, ta cứ thế tiến mãi lên, tự nhiên sẽ đạt tới Đạo-thê hư tĩnh hoàn toàn, và đó là thuật dưỡng sinh đệ nhất,

Trong khi muôn vật và loài người sinh ra, lớn lên, trở thành cứng mạnh, khoe khôn cậy khôe, cùng nhau tranh đua trong cuộc sống đề đi mau vào con đường hủy diệt, nếu ta biết bên trong « chạy lòng », bên ngoài mềm mại, ta mới mong dần dần quay về gốc Đạo bằng cách giữ vẹn Thiên-chân.

Hữu 有 (7) : Có.

Ở đây Hữu là danh tướng của Mẹ sinh muôn vật. Chữ Hữu trở diệu dụng của Đạo khi động, tức là Thực-tại.

Vô 無 (8) : Không.

(3),(4) Xin xem các chương VIII, XLIII và LXXVIII

(5) Xin xem chương X

(6) Xin xem chương VIII

(7),(8) Về hai chữ Hữu và Vô này, xin xem lại chương I.

Ở đây Vô không phải là không tuyệt đối, không có gì hẳn, mà là danh tướng của nguồn gốc đầu tiên trước khi sinh trời đất. Chữ Vô trở Phi-thực-tại, tức là bản thể của Đạo tịch tịch, lặng yên.

Thiên hạ vạn vật sinh ư hữu, hữu sinh ư vô.

Muôn loài trong trời đất đều sinh ra từ cái Có; cái Có bắt đầu ở cái Không, lấy Không làm gốc; muốn giữ cho cái Có được trọn vẹn, ắt phải quay trở về cái Không, (theo Vương-Bật).

Đạo vốn không mùi vị, thanh âm, không sắc, không hình nên bản-thể của Đạo gọi là Vô; cái bản-thể ấy động tức là Có, mà đã Có rồi động mãi không ngừng tự nhiên từ cái Có đầu tiên muôn vật sẽ sinh ra; sinh rồi diệt, diệt rồi sinh, từ Có lộn về Không, để rồi lại Có, đắp đổi tuần hoàn, đây chính là diệu-dụng vô cùng của Đạo.

ĐẠI Ý KIỂM TỔNG BÌNH

Chương này rất quan-trọng vì cho chúng ta một định-nghĩa đại-cương về Đạo với cái động tức là cái dụng của Đạo từ có quay trở về không đề rồi lại sinh ra có; diệu dụng vô cùng ấy chủ ở mềm yếu chứ không chủ ở cứng mạnh tranh giành.

Trời đất muôn vật hóa sinh đều bởi Đạo chuyển động gây thành. Dụng bắt nguồn từ Thê, Động bắt nguồn từ Tĩnh, Thực-tại bắt nguồn từ Phi-Thực-tại, Có sinh ra từ Không; nhưng Có và Không ở đây chỉ là hai vẻ của cái Một sâu kín mầu nhiệm khôn lường, tức là Đạo vậy./.

TU-TƯỚNG ĐỆP

— Đối với người đời xưa mà chịu thua kém, là không có chí; đối với người đời nay mà không bao dung, là không có lượng.

LƯU-CAO

NGƯỜI VIỆT ĐẦU TIÊN

ĐÁ TỚI NƯỚC MỸ

TRONG khi phong-trào xuất-ngoại đang bành-trướng và những thanh-niên tuấn-tú nước nhà đã vượt bao núi cao biển rộng để học-hỏi những điều mới lạ ở các nước Tây-Phương, nhất là Mỹ-quốc, chúng tôi thiết-tưởng nên nhắc lại cuộc du-trình kỳ-thú của một người Việt-Nam đầu-tiên đã viếng nước Mỹ.

Người Việt-Nam này tên là BÙI-VIỆN, sinh-quán làng Trình-Phổ, tổng An-hồi, huyện Trục-Định (nay đổi là phủ Kiến-Xương), thuộc tỉnh Thái-Bình (Bắc-Việt). Theo dõi nghiệp bút nghiên, ông và người em là Bùi-Phùng-đều đỗ Tú-Tài năm Giáp-Tý (Tự-Đức thứ 17, 1864); qua năm Đinh-mão (1867), người em đỗ Cử-Nhân trước, còn ông thì đến năm Mậu-Thìn (1868) mới thi đỗ Cử-Nhân.

Năm ấy, ông rời quê nhà vào Huế, tập văn tại quốc-tử-giám và ở trọ nhà Tế-tửu Vũ-duy. Trong thời-gian này, ông HƯƠNG-GIANG Thanh, tức là Trạng-Bồng. Tri bộ Lễ, người rất mến được biết Lê-Tuấn, Tham-tài đức của nho sĩ họ Bùi.

Hồi đó ở Bắc-Việt, có những biến-loạn do bọn Cờ Đen của Lưu-Vĩnh-Phúc và Cờ Vàng của Hoàng-sùng-Anh gây ra, cho nên vua Tự-Đức mới phái Lê-Tuấn ra Bắc dẹp loạn. Ông này quê ở Trung-Việt không hiểu gì nhiều về tình-hình Bắc-Việt nên phải mang Bùi-Viện theo làm Cố-văn.

Nhờ có Bùi-Viện giúp sức nên không bao lâu Lê-Tuấn thân được nhiều kết-quả tốt và cũng nhờ đó mà Triều-dình biết tới tài cao chí lớn của Bùi-Viện.

Sau đó ít lâu, Bùi-Viện được Doãn-Uần, đương giữ chức Nam-Định doanh-diễn sứ, giao cho mở máng Ninh-Hải tức Hải-Phòng ngày nay. Bùi-Viện đã thành-công và năm 1873 được cử ra nước ngoài nghiên-cứu tình-hình và mưu việc cứu nước.

I. — BÙI-VIỆN XUẤT-NGOẠI

CÔNG việc ông đảm-nhiệm thật là nặng-nề và nguy-hiêm vì thời ấy đâu có sẵn tàu thuyền như bây giờ. Trước khi từ-giã để-đỏ trên con thuyền nhỏ, sóng gió bập-bành, Bùi-Viện đã ghi lại mấy vần thơ như sau :

愧負明朝士
Quý phụ minh triều sĩ,
翻從海國遊
Phiên tòng hải quốc du.
屏山紅日近
Bình sơn hồng nhật cận,
菟嶺白雲浮
Côi lĩnh bạch vân phù.
身世剛常重
Thân thế cương thường trọng,
梯航跋跡悠
Thê hang bạt thiệp du.
皇靈風浪帖
Hoàng linh phong lãng thiếp,
秋水一行舟
Thu thủy nhất hành chu.

DỊCH NÔM

Hổ tiếng người đời thánh,
Bàng miền vượt biển khơi.
Vùng hồng non ngự đợi
Mây trắng núi Côi phơi,
Cương thường thân gành vách,
Sóng gió bước chơi vơi,
Phúc chúa trời yên ổn,
Dòng thu thẳng nẻo bơi.

(Bản dịch của Phan-Trần-Chức)

Tỏ lòng ái-mộ bày tôi hiền, vua Tự-Đức đã dành cho Bùi-Viện một buổi lễ bái biệt trọng-thê tại Thúy-Vân-Sơn và không quên dặn ông nên thận-trọng trong cách xử-sự dưng đề ngoại quốc cười chê.

Thúy-Vân-Sơn, hay là Túy-Vân-Sơn là một trong hai mươi thắng tích của chốn Thần-Kinh do vua Thiệu-Trị phân hạng và ca tụng với 20 bài thơ, trong ấy lẽ tất nhiên là có bài nói về « Vân-Sơn thắng tích » mà chúng tôi xin đăng nguyên-văn và phiên-âm dịch nghĩa ra sau đây :

Vân-Sơn thắng tích

積翠巖岫不計春

Tích thúy toàn nguyên bất kế xuân.

Xanh tươi cao vợi không biết có từ đời nào.

蚪龍隱伏列嶼岫

Đầu long ẩn phục liệt lân tuân.

Những con rồng rắn ẩn núp trong chỗ sâu thâm.

惠風鐘度幽林響

Huệ phong chung độ u lâm hưởng.

Gió đưa tiếng chuông vang trong rừng rậm.

空谷香羅法海津

Không cốc hương la pháp hải tân.

Mùi hương của hoa trong hang trống bay ra đến bờ biển.

樹憑慈雲浮碧落

Thụ luyến từ Vân phù bích lạc.

Cây cối duyên luyến mây lành đứng giữa thiên không.

徑穿僧屐雜紅塵

Kính xuyên tăng kích tạp hồng trần.

Giác của sư tăng đi trong kính-lộ lộn với hồng trần.

聖緣普濟成歸善

Thánh duyên phổ tế thành qui thiện.

Thánh-duyên phổ độ cho chúng sinh đều đi về đường thiện.

佛蹟增光自有因

Phật tích tăng quang tự hữu nhân.

Phật tích nơi đây càng thêm quang minh là có nguyên-nhân.

(Bản dịch của Tu-Trai-Thị)

Từ già nước nhà được chừng 10 ngày Bùi-Viện đã tới Hương-Cảng sau bao ngày chịu sóng gió ngoài biển khơi, trên con thuyền mong manh. Lúc này Hương-Cảng đã ở trong tay người Anh khai-thác và là nơi các tàu biển ngoại-quốc tới lui tấp-nập.

Hương-Cảng là một thành phố mới, nên không thiếu một tiện-nghĩ gì. Bùi-Viện đã được mắt thấy tai nghe nhiều sự kỳ lạ. Trong lòng vị nho sĩ họ Bùi này ra những ý nghĩ mới mẻ là mong sao nước nhà bằng người và cần phải trau-giồi kiến-thức của mình tại nơi này, nơi tụ-hợp của các chính khách ngoại-quốc.

Ông tìm đủ mọi cách đề giao-du cùng một số nhân-sĩ Trung-hoa ở ngay Hương-Cảng và từ Quảng-Đông tới và cũng trong sự giao-du này mà Bùi-Viện đã gặp vị lãnh-sự Hoa-Kỳ.

Ngay từ buổi đầu, sự liên-lạc đã diễn ra trong bầu không khí thân-mật và hai người diễn-tả ý-tưởng của mình qua tiếng Trung-Hoa vì trước khi lên đường qua Hương-Cảng, Bùi-Viện đã nói được chút ít tiếng này, hơn nữa trong thời gian lưu-trú xứ người, ông đã được dịp học nói thông thạo Hoa-ngữ. Sự gặp gỡ này cũng là một việc mà Bùi-Viện không ngờ tới, phải chăng là do thiên mệnh ?

Bùi-Viện phỏng vấn rằng ngoài Âu-Châu ra, còn có Mỹ-Quốc là một nước giàu có và hùng-mạnh, có thể giúp nước Việt-Nam giành độc-lập, và kiến-thiết xứ-sở. Không bỏ lỡ cơ-hội, Bùi-Viện tỏ bày cho lãnh-sự Mỹ biết hiện tình của nước nhà và mục-dịch ông xuất-dương để làm tròn bổn-phận với tổ quốc vì : « Quốc-Gia hưng vong, thất phu hữu-trách ».

Biết Hoa-Kỳ trước kia cũng đã phải khổ công tranh đấu giành độc-lập, Bùi-Viện càng tin-tưởng vào sự giúp đỡ của người bạn đã cùng cảnh cùng thuyền, nên khi được biết Tổng-Thống Grant là người đã đem lại nền

thịnh-vượng cho Hoa-Kỳ, nhờ một chương-trình canh tân rộng lớn, Bùi-Viện ngờ ý muốn qua Hoa-Kỳ một phen xem sao ; vì như ông đã nhận-định trông vào sự giúp đỡ của Trung-Quốc thì nước này đã kiệt-quệ lắm rồi, hơn nữa ngoại-tướng Lý-hồng-Chương cũng đang ở trong tình cảnh « ố không mang nổi mình ố thì cọc rêu sao mà khênh cho được » !

Đề thực-hiện mộng qua du-lịch Hoa-Kỳ vì quốc-sự, mùa đông năm gặp-gỡ người bạn Hoa-Kỳ, Bùi-Viện thẳng đường đi Nhật-Bản.

Từ Hương-Cảng chẳng bao lâu thuyền đã đến Hoàn-Tân (Yokohama) và sau một thời gian nghỉ ngơi tại Phù-Tang tam đảo, Bùi-Viện thẳng đường đi Cựu-Kim-Son (San Francisco).

II. — BÙI-VIỆN ĐẶT CHÂN LÊN MỸ-QUỐC

BƯỚC chân đến thành phố thuộc phía tây Hợp-Chúng-Quốc, Bùi-Viện theo sự chỉ-dẫn của người bạn lãnh-sự tìm kiếm vài kẻ thân-tín để thăm rồi thẳng đường lên Hoa-Thịnh-Đốn. Kể cuộc hành-trình của Bùi-Viện cũng lắm gian-nan vì đặt chân lên một nước xa lạ, đường lối không biết, ngôn-ngữ bất đồng mà lại còn tìm cách để yết-kiến Tổng-Thống Grant thực không phải là điều dễ vậy. Tuy nhiên với tài-năng của ông, Bùi-Viện đã đạt được kết quả mình theo đuổi. Tính dốt ngón tay ông đã lưu lại Hoa-Thịnh-Đốn đến một năm tròn và cũng đề giải buồn trên đất lạ, ông đi thăm nhiều thị-trấn khác của Hoa-Kỳ. Cuộc du-lịch này thực bổ-ích cho ông vì ông được dịp nhận-xét thật kỹ-lưỡng những phong-tục cùng tập-quán mới, khác hẳn với Việt-Nam và trước sự tiến-bộ của nền khoa-học Hoa-Kỳ, ông càng thấy mình có trọng trách khi trở về phải mang lại một vài thắng-lợi cho tổ-quốc.

Chờ đợi mãi và cũng do sự vận-động của người bạn Mỹ ở Hương-Cảng, Bùi-Viện đã được Tổng-Thống Ulysse Simpson Grant (1822-1885) thân tiếp một cách nồng hậu. Tổng-Thống Mỹ hứa sẽ giúp đỡ, vì nhận thấy tham-vọng của người Âu-Châu ở Á-Đông quá rõ ràng, nhưng điều làm cho Tổng-Thống ngần-ngại là cuộc viếng thăm của Bùi-Viện không chính-thức vì không có quốc-thư. Thủ-tục ngoại-giao này rất cần-thiết vì Tổng-Thống Grant căn-cứ vào đâu để giúp đỡ một nước nhược-tiểu ?

Thấy quốc-thư là điều cần thiết, Bùi-Viện cáo từ Tổng-Thống Mỹ

trở về nước và hứa sẽ qua lần nữa với quốc-thư hẳn hoi ; nhưng tiếc thay khi Bùi-Viện trở lại Hoa-Kỳ lần thứ hai thì gặp nhiều sự khó-khăn do chính tình của Hoa-Kỳ hồi bấy giờ, không cho phép Hoa-Kỳ trực-tiếp giúp đỡ nước Việt-Nam được.

Hy-vọng của Bùi-Viện tan như mây khói, sự thất-vọng tràn-ngập tâm-hồn, Bùi-Viện lên đường về cố-quốc. Nếu chuyển đi lần trước có quốc-thư có lẽ cục-diện nước Việt-Nam thời đó có lẽ đã thay đổi hẳn.

Lại về Hoàn-Tân, Bùi-Viện được may mắn gặp người bạn sứ thần cũ, nhưng mặc dầu được bạn sốt-sắng giúp đỡ, Bùi-Viện cũng không làm được gì với vị Tổng-Thống, nên đành đáp tàu về nước, mang theo một mối sầu vô-hạn.

Đề ghi lại những cảm-tình lai-láng với người bạn Hoa-Kỳ, cả hai đã ngâm-vịnh với nhau trước khi ly-biệt.

Bài Đường-luật của Bùi-Viện như sau :

驪酌橫濱九月秋

Ly chúc Hoàn Tân cứu nguyệt thu,

南雲回首正悠悠

Nam vân hồi thủ chính du du.

波濤夢醒生新興

Ba đào mộng tỉnh sinh tân hưng,

水土懷深憶舊遊

Thủy thổ hoài thâm ức cựu du.

歌舞層臺今海國

Ca vũ tầng đài kim hải quốc,

繁花人物古蓬洲

Phồn hoa nhân vật cổ bồng châu.

為歡自昔還為別

Vi hoan tự tích hoàn vi biệt,

仙侶何年共泛舟

Tiên lữ hà niên cộng phiếm chu.

DỊCH NÔM

Tháng chín Hoàn-Tân nháp chén chời,
Trời Nam ngoảnh lại đạ khôn người.
Ba đảo hiêng mới tan hồn mộng,
Đất nước tình xưa tít dặm khơi.
Lầu các coi chừng nay đổi mới,
Bờng hồ riêng thú đã bao đời.
Vui vầy ngại nỗi khi chia rẽ,
Thuyền đó bao giờ lại thả bơi.

(Bản dịch của Phan-Trần-Chúc)

Sứ-thần Mỹ có mẹ là người Trung-Hoa nên am-thông Hán-học, đã họa lại như sau :

橫橋柳色漸離秋
Hoành Kiều liễu sắc tiệm ly thu,
握手分程萬里悠
Võ thủ phân trình vạn lý du.
Ác thủ phān trình vạn lý du.
舊約花城鹿遠訪
Cựu Ước Hoa thành ưng viễn phỏng,
奇逢仙島更携遊
Kỳ phùng tiên đảo cánh huê du.
月梁客意非三日
Nguyệt lương khách ý phi tam nhật,
湖海君心有四州
Hồ hải quân tâm hữu tứ châu.
料得明朝相憶處
Liệu đắc minh triều tương ức xứ,
重洋雲水各孤舟
Trùng dương vân thủy các cô chu,

DỊCH NÔM

Sắc liễu cầu Hoàn sắp hết thu,
Cầm tay chia ngã dặm xa sầu,
Hoa-thành ước cũ nên thăm hỏi,
Tiền-đảo tình nay hết bậu lầu.
Ý khách vẫn-vơ từ mấy độ,
Lòng người man-mác đã bao lâu
Sáng mai nhớ chỗ xa nhau nhỉ,
Riêng là thuyền con vượt bể sầu.

Dời cửa bè Hoàn-Tân, Bùi-Viện lại theo đường về cố-quốc và tới cửa Hàn. Dùng đường bộ, ông ta về Huế tàu vua Tự-Đức rõ sự thế ra sao. Thất bại về ngoại giao, về đến cố-quốc ông lại tiếp được tin mẹ mất và khi ông xin về thụ tang, vua Tự-Đức cũng hiểu công đức của ông có ban rằng :

朕於子未有親恩義子乃以國安
乃保家安深圖遠慮鬼神當亦鑒之

« Trẫm ư tử, vị hữu thân ân nghĩa. Tử nãi dĩ quốc an ;
nãi bảo gia an. Thâm đồ viễn lự, quý thần đương diệc giám chí »

Dịch nghĩa là :

« Trẫm với người tuy chưa có ân nghĩa gì cả mà đã coi việc nước như việc nhà không quản xa xôi, lo lắng. Quý thần tất cũng biết vậy ».

III. — BÙI-VIỆN TỒ-CHỨC HẢI-QUÂN VIỆT-NAM

HIỆN tình nước nhà hồi đó vẫn không có gì là thay đổi. Ở Bắc-Hà sự loạn-lạc vẫn không hết lại một lần nữa Bùi-Viện ra công góp phần vào việc nước. Mặt dầu đã ngăn cảnh mù cao áo dài, nhưng vì giấc mộng cầu-cứu Hao-Kỳ đã thất-bại, nên ông cũng đành chịu tuân theo số-mệnh.

Được phong là Thương-Chính Tham-Biện, ông đã nghiên-cứu kỹ càng vấn-đề dẹp bọn tâu ô thường dùng thuyền đi ăn cướp các thương thuyền

trên mặt bề. Về phương-diện này, có lẽ ông là người đầu tiên đã nghĩ đến việc thành-lập một lực-lượng hải-quân hùng-hậu khả-dĩ đề bẹp địch. Đội Tuần dương quân dưới quyền chỉ-huy của Bùi-Viện đã được dân chúng mến yêu, vì toàn-thê đều được huấn-luyện thông thạo. Cũng vì vậy nên nhà vua lại phong cho ông thêm một chức nữa khá cao-quý là Tuần-Tài Nha Chánh quân-đốc, một chức ngày nay tương-tự như Đô-Đốc Hải-quân Kiêm hàng-hải và thương-mại.

Nói về cách tổ-chức của Bùi-Viện về thủy-quân thời đó thì Tuần dương quân có hai đoàn chính là :

1) *Thanh-đoàn* gồm toàn người Tàu và tướng Tàu chỉ-huy. Đoàn này lập ra có mục-đích lấy độc trị độc vì quân một toàn là những hải-khẩu quy phục, nghề đi biển của họ sành sỏi hơn và họ biết cách đánh các đám giặc tàu-ô một cách hữu hiệu.

2) *Thủy-Dũng* gồm toàn người và tướng Việt chỉ huy. Hai đoàn này đều chịu mệnh-lệnh của tướng-lãnh chỉ huy người Việt. Song song với hai thủy đoàn này, Bùi-Viện còn lập thêm một lực-lượng hải-quân gồm có 200 chiến thuyền đặt dưới quyền chỉ huy trực-tiếp của ông và nhiệm-vụ đã được quy-định rõ ràng như sau :

« Đội hải quân này sẽ đi tuần khắp miền duyên hải nước ta ; đồng thời họ phải làm cả ba việc : vận tải lương tiền của nhà nước, hộ-vệ cho các nhà buôn và trừ-diệt những giặc biển hiện đương hoành hành ở biển Đông-Hải »

(Trích bản điều-trần của Bùi-Viện đệ lên vua Tự-Đức)

Lương bổng của thủy-quân, Bùi-Viện cũng có chia ra rõ ràng từng bậc trên dưới khác nhau đại khái như sau :

- Chánh và tòng cửu phẩm mỗi tháng 15 quan.
- Chánh và tòng bát phẩm mỗi tháng 18 quan.
- Chánh và tòng thất phẩm mỗi tháng 20 quan.
- Chánh và tòng lục phẩm mỗi tháng 22 quan.
- Chánh và tòng ngũ phẩm mỗi tháng 25 quan.
- Chánh và tòng tứ phẩm mỗi tháng 30 quan.

Các cấp dưới, lương bổng tuy kém, nhưng vẫn đầy đủ :

— Điền tỳ	25 quan
— Xuất đội	22 quan
— Đội-Trưởng	20 quan
— Thư lại	12 quan
— Thủy binh thượng hạng.	6 quan + 2 phương thóc 1
— Thủy binh Trung hạng	4 quan + 1 phương gạo 2
— Thủy binh hạ hạng	2 quan + 1 phương gạo.

Khi đội Tuần-dương-quân thành-lập xong phải giao-chiến với địch ngay và cũng bị thiệt-hại nhỏ lúc đầu. Các chiến-sĩ tử-trận của lực-lượng do ông tổ-chức đều được chôn cất rất trọng-thê và các quả-phụ được Triều-đình nâng đỡ.

Ông tự tay thảo văn tế và khi đưa linh-cửu. các thủy-quân đi kèm, vô khí tuốt trần trông sáng ngời và rất uy-nghi !

Trong bài văn tế có những câu như sau, khiến ta thấy tuy cách gần một thế-kỷ mà Bùi-Viện đã có những sáng-kiến thu-phục lòng người bằng chiến-tranh tâm-lý :

*Người sống ở đời,
Tiếng thơm là trọng.
Chết mà phát nghĩa,
Chết cũng như sống,
Thủy dũng đoàn ta,
Hào-hiệp cùng lòng...*

.....
*Nói đến hai anh,
Lòng riêng rầu-rĩ.
Vài tuần rượt cướp,
Một mối tình sâu.
Hồn thiên phách sáng,
Chứng giám cho nhau.
Ô hô ! thượng hưởng !*

Nếu cứ theo đà trên, có lẽ chẳng bao lâu nước ta sẽ có một lực lượng thủy quân đáng kể, nhưng tiếc thay ngày mồng một tháng 11 năm Tự-Đức thứ 31 (1878), Bùi-Viện chết một cách bất ngờ. Tin đó như tiếng sét nổ làm triều-đình Huế vô cùng bối-rối. Vua đã trông cậy vào tài đức của ông nay mất ông chẳng khác nào triều-đình mất một cánh tay đắc-lực. Lòng thương tiếc của người đồng thời đã ký-thác trong những câu đối viếng như sau :

他 生 或 未 忘 家 國
Tha sinh hoặc vị vong gia quốc
壯 志 空 懣 付 海 山
Tráng chí không lân phó hải sơn.

(Nguyễn-tu-Giản)

Dịch ra là :

Kiếp sau chưa dứt niềm nhà nước,
Chí lớn đành đem gửi biển non.

Nội-các tham-biện Bùi-Dị cũng có câu đối phúng như sau :

春 聲 猶 草 燈 前 疏
Thôn thanh do thảo đặng tiền sớ,
濟 志 難 酬 海 外 遊
Tế chí nan thù hải ngoại du.

Dịch ra là :

Thoi thóp sớ dặng còn đèn lại,
Vẫy vẫy trí lớn vội đem đi.

Theo Phan-Trần Chúc tiên sinh thì Bùi-Viện tuy mất nhưng sự nghiệp của ông đáng làm gương cho hậu thế soi chung. Ra làm quan căn nhà của ông vẫn chỉ là một căn nhà tranh bé nhỏ và sau mười năm tận-tụy với quốc-gia đề rồi, căn nhà đó vẫn không được tu-bổ chút nào, đồ nát siêu-veo dưới cơn gió bão. Đức tính liêm-khiết của ông thật đáng ghi vào sử sách muôn đời.

Ngồi tài tở-chức thủy-quân, ông là người Việt-Nam đầu tiên qua Hoa-Kỳ, tuy sứ-mệnh không thành nhưng cũng đã khiến một cường quốc biết đến Việt-Nam. Sự đáng kể hơn cả là hồi đó các phrong-tiện chuyên chờ hầy còn thô-sơ mà ông đã thực-hiện được một chuyến đi vĩ-đại như vậy thật là một thành công rực-rỡ vì nó đã mở đường cho sự bang-giao thân-hữu giữa Việt-Nam và Mỹ-quốc.

HƯƠNG-GIANG

LU'ỚC-KHẢO VỀ TRUYỆN TÀU

PHẦN THỨ NHẤT

Từ những tích ngựa hay, lựa rút trong truyện Tàu

NHỮNG ai đọc Tam-Quốc, không lạ gì với ngựa Xích-Thố. Trước vốn của tướng Lữ-Bổ, sau về tay Quan Vân-Trường. Quan một ngày ruổi-dung ngàn dặm, lướt qua năm ải chém đầu sáu tướng dễ ợt một phần cũng nhờ sức ngựa hay. Khảo qua bộ Trọng-Tương Văn-Hán, thấy kể thêm rằng sáu tướng ấy nguyên tiền kiếp là bộ-hạ của Hạng-Vương, bởi ham trước hầu ham giàu sang, đành đem thủ-cấp Hạng nạp cho Hán Bái-Công, cho nên qua đời Tam-Quốc, Diêm Vương bắt đầu thai làm sáu tướng canh thủ năm ải, để cho Quan Vân-Trường, tức là hậu thân của Hạng-Võ, có dịp chặt đầu kẻ đáng kiếp làm tội phần chúa.

Trận đánh với **VƯƠNG-HÔNG-SÊN** Huê-Hùng, trước khi ra chiến-trường, nhân mùa lạnh nên Tào-Tháo sai hâm rượu thưởng oai. Quan không vội uống, để chén rượu trên bàn, bay ngựa ra trận tiền, phong mạo xuất chúng. Huê-Hùng như gà gập rần, trong nháy mắt, Quan đã xách đầu về nạp, chén rượu hâm còn ấm. Chuyện có thật như vậy chăng? Bấy lâu người đọc truyện nhớ khen tài Quan tốt chúng mà quên sức thần bốn vó ngựa phi thường, tội nhứt là không một tiếng khen óc tướng-tượng đời-dào của nhà cầm bút! Còn trận trảm Nhan-Lương, trận tru Văn-Xú, hai chiến-công bất hủ cũng do ngựa thần trợ-lực. Khi Quan còn ở nhờ Tào, hai chị gàn chơn thêm Lưu Hoàng-Thúc bật vô âm tín. Tào muốn mua lòng, cấp mỹ-nữ, Quan không động, cấp vàng bạc, Quan cũng không màng. Tào ban ngựa Xích-Thố, Quan sụp-lạy : « Từ đây chuyện thiên lý tầm huynh không khó nữa ! » Về sau, Quan qui thần, Xích-Thố bỏ ăn chết theo chủ, hương khói ngàn năm chưa dứt, chuyện ngựa thần quả thú vị thay !

o o o

LU-bị có ngựa Địch-Lô. Địch-Lô dưới mắt da dòn sâu như đường nước mắt chảy, Sách gọi « luy tào ». Thêm trên trán có chòm lông trắng như để tang. Sách lấy làm kỳ. Địch-Lô trước là ngựa của Trương-Võ, Lưu-Bị giết Trương võ, đem Địch-Lô về dâng anh họ là Lưu-Biểu, Thái-Thú trấn Kinh-Châu. Mưu-sĩ Khoái-Việt giỏi khoa mã-tướng, mặt râu cùng Biểu đó là ngựa hễ, nên trả về Lưu-Bị, để ngựa hại chủ, mình khỏi mang tiếng về sau... Lưu-Biểu y kế, nhưng mưu-sĩ Y-Tịch muốn tấn ơn Bị bèn đem hết tự sự học lại cho Bị nghe. Bị cười rằng : « Sống thác có mạng, sợ chi con ngựa quen ! » Khí-phách thay lời nói ấy !

Cách ịch lâu, Thái-Mạo là tướng của Lưu-Biểu, muốn ám hại Lưu-Bị. Giả bày tiệc tiệc lớn chờ dịp ra tay. Lưu-Bị sớm biết mưu sâu nửa tiệc lên bỏ về, thót lên lưng Địch-Lô, phóng nước đại định về Tân-Giã. Lưu-Bị đơn thân độc mã, không tùy tùng, hệ-vệ cũng không ngờ. Sau lưng thì giặc dữ Thái-Mạo hầm-hềm theo bên gót. Chạy tới một khe lớn, truyền gọi Đàn-Khê. Thôi chết rồi, tới lui đều nguy hiểm, đợi chạy vòng bờ khe thì đủ ngày giờ Thái-Mạo theo kịp còn gì. Lưu-Bị chỉ còn nước liều mạng, quất roi liền tay trên đầu ngựa, miệng hô hoảng : « Địch-lô hại ta ! Địch-Lô hại ta ! » Ngựa đau quá, hét một tiếng lớn, co giò phóng tới trước. Chừng Lưu-Bị mở mắt, coi lại đã qua khỏi Đàn-Khê. Thái-Mạo chạy tới, lắc đầu, bụng nói : « Quả Lưu-Bị mạng lớn. Đàn-Khê rộng làm vậy, mà Địch-Lô qua khỏi, không phải ngựa tầm thường ! »

Đọc đến đây, tưởng sách mã-tướng đã sai. Dè đâu, về sau cũng con Địch-Lô, Lưu-Bị vì mến tài đem tặng cho đệ-nhị quân-sư là Bàng-Thống. Đến trận Lạc-Phụng-Ba, Thống làm mưu địch bị chết cháy dưới ngàn muôn mũi tên lửa của Trương-Nhiệm. Con ngựa báo đời Địch-Lô cũng chết theo.

Viết đến đây, để triết-lý chút chơi, nhà kể truyện gọi Địch-Lô là giống ngựa kén chủ. Phải có đức-độ lớn, phải thật-cao tay ấn như Lưu-Bị, họa chăng kiếm chế được Địch-Lô ; nhược bằng đức kém tay ấn không già (gương Bàng-Thống còn đó), trách nào Địch-Lô chẳng hóa ra đồ bất-trị, ra đồ sát chủ. Nhà kể truyện nhớ đến đàn bà đẹp cũng như nhớ đến ô-tô đất tiền, cho rằng hai món ấy quả không khác thứ ngựa hay.

Giỏi tay cương, giỏi kiếm tay lái, thì mó thứ nào cũng được ; bằng liệu mình cương lái còn non-nớt, khuyên đừng lấp-lửng, không khéo Địch-Lô thì đá, ô-tô thì cho xuống hố có ngày !

o o o

CŨNG trong Tam-Quốc, có tích nhà Ngụy, khi họ Tào, sắp đổ nổi lên họ Tư-Mã. Trẻ đồng-dao hát « Khả phòng Tam Mã đồng tào ». Phe họ Tào vẫn luôn luôn theo dõi câu hát báo điềm, nhưng lại quên lửng những bọn cha con Tư-Mã Ý trong triều. Về sau, Ý, Sư, Chiêu, càng ngày càng lộng, lấn áp họ Tào không khác năm xưa, Tào-Tháo, Tào-Phi hiệp cháu con nhà Hán. Việc tuy không ăn thua đến chuyện ngựa, nhưng cũng xin ghi cho đủ tài-liệu về bộ « Mã ».

o o o

XUỐNG đến đời Tùy, trong bộ Thuyết-Đường, kể chuyện danh-tướng danh-mã nhớ không sao xiết, nay tưởng nêu ra vài tích điển-hình là vừa. Như :

— Tần Thúc-Bảo có con Huỳnh-Biểu-Mã, toàn thân lông vàng như ô kén ;

— Ngũ-Vân-Thiệu có con truy-phong thiên-lý-mã, sức chạy như gió ;

— Huất-trì Cung có con ngựa sắc đen huyền gọi Bảo-Nguyệt Ô-Chùy.

Ông vua Đường Lý Thế-Dân là người thích ngựa nhưt, vì có máu Hung-Nô do bên ngoại ; nhưng nhà viết truyện lại cố ý sơ sót. Phải đọc và tra-cứu qua sách Tây mới rõ.

Thuyết-Đường nhắc một lần Thế-Dân dạo ngựa xây gặp tướng Huất-trì Cung lúc ấy còn theo phe nghịch. Huất-trì ruợt Thế-Dân chạy trốn, Thế-Dân nhờ sức ngựa nhảy khỏi Hồng-nê-giang, đủ thời giờ cho Tần Thúc-Bảo đến kịp cứu giá.

Lần khác Thế-Dân dạo chơi trong hoa-viên Lạc-Dương-Thành. Có Phò-Mã em vua Thế-Sung là Đôn Hùng-Tín, trông thấy đuổi theo quyết giết. Từ Mậu-Công chạy tìm người cứu giá, gặp Huất-trì-Cung, bảy giờ

đầu Đuờng, đang tắm ngựa dưới sông. Huất-trì mình trần, ngựa lại không yên, thế mà đánh lui Hùng-Tấn lập một chiến-công oanh-liệt. Thế Dân nhớ ơn mãi nên về sau cho tạc tích này trên lăng-mộ. Còn nhớ trong một cuốn sách Pháp-văn khảo về mỹ-thuật đời Đuờng, nhà học-giả trú danh René Grousset có in ảnh danh-mã dưới chừa «Ngựa và mã-phu» (1). Lối năm 1950, Grousset tiên-sinh có ghé Viện-Bảo-tàng Sài-gòn, nhơn được ân-hạnh hầu chuyện tôi có hỏi người tích ngựa chạm trên lăng-mộ Đuờng Thái-Tôn có phải chăng để nhắc chuyện Huất-trì cứu giá tại Tấn-Dương. Ông Grousset tỏ ý lấy làm lạ sao nơi cõi xa-xăm như Việt-Nam ta, lại có người thăm dò tỷ mỉ những chi-tiết nhỏ-nhặt đến thế. Người hện phen sau nếu tái bản bộ sách kia sẽ thêm vài lời đính ngoa. Nhưng nay Grousset đã là người thiên cổ.

Đáng tiếc hơn nữa là tấm bia đá chạm tích danh-mã trên lăng Đuờng Thái-Tôn nay không còn ở nước Trung-Hoa và hiện nằm trong một viên bảo-tàng Mỹ, chúng qui vì tại con cháu Đuờng-nhân đã quá duy-vật, trọng tiền vàng hơn mảnh đá có lối điêu-khắc ngàn năm xưa.

Cũng đời Tùy, tích danh-tướng Thượng-Sur-Đồ cũng đáng kể:

Thượng-Sur-Đồ một mình có đến bốn món báu-vật:

— một cái mào có cần ngọc Mã-Linh-Châu, khi ra trận ban đêm chiếu sáng thay đèn;

— một thất-linh-giáp, có kết bảy cái vây bằng vàng, đang đêm biết khua động báo điềm nếu có gian-tế toan trộm hay thích khách;

— một cây đèn-lư-thương, trong cán có chỗ chứa nước ngọt, và lưôi thương có tấm thuốc độc, thích nhẹ miễn có máu đủ làm chết người. (Ba món báu-vật này khiến người đời nay nhớ đến đèn đội đầu của thợ săn đêm, giáp-phục có gắn chuông tự-động và sáng-kiến của cây bút máy sau này).

— Nhưng báu-vật thứ tư mới là huyền-diệu nhất. Đó là con ngựa tên gọi « Phong-lôi-báo » hoặc « Hồ-lôi-báo », truyện tả : đầu ngựa, lông hùm,

(1).— Cheval et palefrenier. Bas-relief en pierre du tombeau de l'empereur T'ai-tsong des Tang (mort en 649).— La chine et son art par René Grousset, librairie Plon, page 149.

đuôi sư-tử. Hồ-lôi-báo có một chòm lông trên đỉnh đầu (hay dưới cổ?), khi ra trận nếu gặp giặc quá đông người hoặc tài cao hơn mình thì chủ ngựa Hồ-lôi-báo nắm chòm lông giật mạnh, con Hồ-lôi-báo sẽ hét lên một tiếng như sấm vang, những ngựa tầm thường sẽ khiếp vía công gò quăng chủ xuống đất, mặc tình chủ ngựa Hồ-lôi-báo giết tha tùy ý. (Nếu có giống ngựa này, các tay tuyệt-phích dễ làm độ lăm).

Bốn món báu của Thượng-Sur-Đồ sau đều về tay Tần-Thúc-Bảo. Khôi, giáp và thương, giữ được y nguyên, duy con ngựa báu bị Trình-giào-Kim giật nhỏ lông tài, khiến chỉ còn hét được có bốn phen nữa để giải nguy cho chủ:

— Phen nhất, hét một tiếng giúp Tần-Thúc-Bảo đánh ngã đồng-kỵ;

— Phen nhì giúp Thúc-Bảo vang danh lúc tranh võ-trạng tại Dương-Châu. Truyện tả đoạn này nghe xôm lăm: truyện nhắc lại có anh tướng Cao-ly tên Tả-Hùng cưới con ngựa khác thường gọi Một-vĩ-cu. Tả-Hùng ra thí võ đánh không lại Ngũ-Vân-Thiệu, bèn giả thua quạy ngựa bỏ chạy, Vân-Thiệu rượt theo, Tả-Hùng chờ cho ngựa Vân-Thiệu gần kề, bèn vỗ đầu con Một-vĩ-cu. Ngựa Một-vĩ qui hai chân trước, hét lên một tiếng, tự nhiên có một chùm lông đuôi rất dài mọc ra tức khắc, quất lẹ một cái, Vân-Thiệu không kịp đề-phòng, người ngựa đều té lăn cù, Tả-Hùng chực sẵn đâm chết. Thúc-Bảo nóng lòng, phóng ngựa ra quyết trả thù cho bạn. Nửa chừng Tả-Hùng giở mủng cũ... không dè Hồ-lôi-báo tài cao hơn, bị quất trúng đầu đau quá, vùng hét lên một tiếng: Một-vĩ-cu kính-hải té lăn ném Tả-Hùng xuống đất, Thúc-Bảo lờ một giận, hèn Tả-Hùng bay theo hèn Ngũ-Vân-Thiệu xuống Âm-ti. Một-vĩ-cu cũng bị giết luôn, uống quá!

— Hồ-lôi-báo còn hét một tiếng thứ ba cứu Thúc-Bảo tại Mỹ-lương-châu trong trận Thúc-Bảo đại chiến Huất-trì Cung.

— Phen thứ tư và phen chót, lúc quá hải chinh Đông, con của Thúc-Bảo là Tần-Hoài-Ngọc cũng nhờ Hồ-lôi-báo ré lên cứu khỏi tay giặc dữ.

(còn nữa)

CÂU CHUYỆN PHIẾM ĐẦU NĂM

HAY LÀ

CHIỀU THỨ TƯ CỦA VŨ-TRỤ

N.T. TƯƠNG

Gửi bạn Kinh-Kha — Chợt lớn.

Thư của bạn, tiếc thay tôi chưa được quen biết, đã nhờ đúng ngày ông Táo lên châu Trời đem lại cho tôi những câu hỏi ? « học búa ».

Rất phục tài của bạn khi quả quyết rằng Diệp Chi, Thuần, Nghi Ba là bút-hiệu của tôi, nhưng không ai mách thì sao bạn lại biết nội cả địa-chỉ?

Lần sau xin bạn cho địa-chỉ để trả lời riêng. Lần này đặc-biệt trả lời ngõ vì vấn-đề bạn nêu ra không phải chỉ riêng làm mình bạn khác khác, mà biết bao người khác nữa. Chính tôi cũng như bạn đã nhiều lần tìm kiếm mong hiểu được cái « chiều thứ tư của vũ-trụ » nhưng thử thật nó vẫn mơ hồ lắm.

Xin chiều ý bạn đề cập đến cái « chiều thứ tư » ấy, không hi-vọng làm bạn hài lòng đâu, nhưng mong sẽ có bạn khác cũng lưu tâm đến vấn-đề, chỉ dẫn cho chúng ta.

Còn về phần bạn, nếu thực là Kinh-Kha, thì ắt hẳn đã tìm thấy một con đường kỳ-diệu nào đưa bạn từ thời Chiến-Quốc đến với cái thế-kỷ thứ XX này, con đường ấy chúng tôi không ai biết, phải chăng nó nằm ngay trong cái chiều thứ tư kia ?



CÁI CHIỀU THỨ TƯ QUEN THUỘC,

MÔI khi nghe nói đến chiều thứ tư của vũ-trụ, vẫn có nhiều người ngạc-nhiên : Sự vật chỉ có ba chiều : ta thường mệnh danh là ngang, dọc và cao, nay lại xuất-hiện một chiều thứ tư thì đặt nó vào đâu ?

Trước hết, xin giới-thiệu với bạn một yếu-tố ảnh-hưởng đến trị giá trong ba chiều của sự-vật : đó là thời gian.

Một vôi nước mỗi giờ chảy được 1 mét khối nước, trong 100 giờ tất được 100 mét khối, Mỗi mét khối đá sẫm có 3 chiều nhưng 3 chiều của 100 mét khối ắt hẳn phải có một trị giá lớn hơn 1 mét khối nhiều lắm.

Có thể coi thời gian là một chiều thứ tư không ?

Tôi lại xin dẫn một thí-dụ dưới đây :

Muốn định vị-trí của một điểm trên một diện-tích, ta chỉ cần có hai ung hoành tuyến (coordonnées) là đủ, trong không gian thì cần thêm một tung hoành tuyến thứ ba nữa. Điều này chúng ta ai cũng đã từng biết. Nhưng thử hỏi : như thế đã đủ để tìm một vật nằm trong cái không gian ba chiều này chưa ?

Nếu là một tĩnh vật thì đủ rồi, nhưng đối với một vật biết cử động hay vì một duyên-cớ gì bị xô-dịch thì không đủ. Thực thế, muốn đến thăm một người bạn mà tìm đúng phố, đúng số nhà, đúng tầng gác và đúng số phòng cũng chưa chắc đã gặp, vì còn phải đến đúng lúc người đó có nhà mới được. Vậy thì muốn ấn-định vị-trí của một vật có thể xô dịch cần phải 4 tung hoành tuyến, và thời gian đã hiển-nhiên là cái chiều thứ tư rồi vậy.

Cái chiều thứ tư này có phạm oái-oăm lắm, nên đã tự bao nhiêu thế-kỷ, làm cho con người phải bù đầu rối trí.

Có người cho rằng ta đứng yên mà thời gian thì trôi đi, có kẻ lại cho rằng thời gian là cái chiều thứ tư của vũ-trụ, tức là giống như một con đường giải vô tận, trên đó ta cùng cả cái thế-giới có chuyển động và có sống chết này đương đều đặn xô-dịch.

Kinh-nghiệm hằng ngày lại bắt ta công nhận rằng : muốn đi nhanh về tương lai cũng không được, muốn ngược lại về dĩ vãng cũng không xong, còn như đứng lại một nơi nào trên con đường thời gian ấy cũng chẳng ai làm nổi nốt.

Đối với thời gian, như vậy, ta đã mất hết tự chủ, không được thông-dong chuyển dịch như trong ba cái chiều kia.

XÊ-DỊCH TRONG THỜI-GIAN

Chưa hề làm được, không có nghĩa là không bao giờ làm được. Vậy ta cứ thử tưởng-tượng có kẻ xô dịch được trong thời gian cũng như trong không gian, thì kẻ đó sẽ thấy gì ?

Trước hết phải minh-định hai lối quan-niệm :

Hoặc cho rằng sự vật ta nghiệm thấy đây (tức là cái « ta » cùng tất cả vũ-trụ) chỉ có một. Trong trường hợp này ta có thể tự ví như người hành khách, còn toàn thể vũ-trụ là cái toa tàu hỏa nó chứa đựng ta ở trong, cả toa tàu lẫn ta đều đều chuyển dịch từ cái hướng « dĩ vãng » sang hướng « tương lai » của con đường thời gian. Nếu ta đi lại dĩ vãng, tức là đi ngược chiều với con tàu vũ trụ, thì tất nhiên nó sẽ vụt đi, bỏ rơi ta lại một mình với thời gian, nghĩa là quanh ta chỉ là hư vô mà thôi. Còn nếu ta chạy vượt lên tương lai, ta cũng sẽ lại rơi vào một tình-trạng tương tự, nghĩa là quanh ta cũng lại chỉ là hư vô. Nhưng rồi cũng sẽ có lúc con tàu vũ-trụ đuổi kịp và ta lại lọt vào như ta hiện đang sống đây.

Hoặc giả ta cho rằng vũ-trụ cùng cái « ta » này thực ra không phải là một, mà là vô vàn vũ-trụ cùng vô vàn cái « ta » khác nhau rải-rác trong những phần cực nhỏ, những « tiểu kiếp » trong thời gian vô tận. Như vậy, tức là quan-niệm rằng đời sống của ta cũng như của vũ-trụ giống một cuốn phim chiếu bóng, mỗi tấm hình của cuốn phim là một tiểu-kiếp bất khả-phân, trong đó cũng có đủ cả vũ-trụ và nhân-vật. Còn ta thì cũng có phần như người ngồi xem chiếu bóng, bao giờ cũng chỉ được biết có cái cảnh-vật của hình đang chiếu, tức là của hiện tại. Trong lúc ta sống ở hiện tại, tức như ta đang xem hình chiếu, thì sự vật trong dĩ vãng cũng như trong tương lai, không phải là đã mất, hay là chưa có chẳng qua ta không còn thấy, hay chưa được xem mà thôi vậy.

Nếu giả-thuyết trên mà đúng thì đến đây có thể chấm hết đoạn nói về thời gian.

Nhưng cũng không có gì chứng tỏ rằng giả-thuyết dưới không thể đúng được, và cũng không có gì cấm ta tưởng-tượng ra con người « đi lại tự do » trong thời gian của thuyết này.

MỘT VỊ THẦN

Con người tự do xê-dịch trong thời gian ấy sẽ quyền phép không kém một vị thần.

Thực vậy, kể đó trước hết biến hiện thất thường, đang ngồi đây mà bỗng biến đâu mất, không cử động chi hết. Cử-động chỉ cần để xê-dịch trong cái không gian 3 chiều thôi, đang này kể ấy lại xê-dịch trong thời gian kia, họ chỉ đột nhiên lui lại cái « lúc » chưa ngồi trước mặt bạn, là tất nhiên sẽ biến mất ngay.

Sau nữa họ có thể « phân thân » một cách dễ dàng như Tề-Thiên Đại-Thánh trong truyện Tây-Du. Còn gì dễ dàng hơn, đối với họ, là đi vào dĩ-vãng và tương-lai, mời một số « tiên thân », « hậu thân » của họ đến ra mắt ta cùng một lúc trong cái hiện tại này ?

Tất nhiên họ có thể rờn với cái chết vì chỉ cần ngừng lại với thời gian là họ sẽ mãi mãi hưởng một cái xuân vô tận.

Lịch-sử có thể nhờ họ mà sống lại một cách cực-kỳ giản-dị : còn nhà khảo cổ nào giỏi hơn họ nữa ? Muốn khảo-sát về một thời-đại xa-xăm nào đó, họ chỉ có việc đi lui về thời đó, hòa mình vào cuộc sống đương thời, rồi lại trở về hiện tại, rất có thể đem theo một vài vật của thời ấy làm tang chứng nữa !

Họ cũng lại biết trước vận-mệnh của ta một cách vô cùng chính-xác, vì một khi dạo chơi vào tương lai họ sẽ thấy rõ trong đó ta sẽ ra sao, đề rồi về kể lại vanh-vách cho ta biết...

Biết việc trước sau, ẩn-hiện bất thường, phân thân ra khắp chốn, không bao giờ già chết, há chẳng phải là những đặc-tính của một vị thần ư ?

Nếu ông bạn Kinh-Kha có thể mãn-nguyện với cái chiều thứ tư là thời gian, thì đến đây thiết tưởng cũng đã quá nhàm rồi, vì với một chữ « nếu » ta sẽ đi xa không biết đến đâu là cùng tận.

Ác thay, khi đặt câu hỏi, ông bạn lại nhắc đến cái đường cong của vũ-trụ khiến cho bài này chưa thể đến đây đã chấm dứt.

CÁI CHIỀU THỨ TƯ KỶ-DIỆU

Học thuyết Einstein cho biết rằng đường cong mới là đường có nhiều nhất trong vũ-trụ. Đường thẳng chỉ là một trường-hợp đặc-biệt hình học của Euclide luận về các đường thẳng và những mặt phẳng lý-tưởng cũng chỉ là một trạng thái đặc-biệt của hình học nói chung mà thôi.

Theo học-thuyết này thì vũ trụ 3 chiều trong đó chúng ta đang sống, có một đường cong chung. Những khối vật-chất như các tinh-tú, làm cho đường cong đó bị méo đi phần nào và gây ra dẫn-lực-giới (champ de gravitation), chẳng khác gì một hòn đá rơi trên tấm vải căng làm cho nó trũng xuống, và khiến cho mọi vật rơi trên tấm vải đều lăn đến chỗ trũng ấy tưởng chừng như chính hòn đá đã hút các vật đến với nó vậy.

Về tấm vải thì ta hiểu được ngay, vì mặt phẳng có 2 chiều, nó bị trùng về một chiều thứ 3 mà ta vốn cũng đã biết. Nhưng xét về vũ-trụ thì cực kỳ khó hiểu. Không gian đã có 3 chiều rồi, nay nó lại bị trùng xuống thì tất phải trùng vào một chiều thứ tư mà chúng ta không ai nhìn thấy, xét thấy, (mà cũng không hình dung nổi nữa !).

Cái chiều thứ tư, trong đó vật chất « đào những hố sâu » ấy, có phải là thời gian không ? Thực khó mà trả lời. Theo Einstein thì không gian và thời gian không phải là 2 trị giá riêng biệt, trái lại, chúng hợp thành một toàn thể bất khả phân, một « không-thời gian » (continuum espace-temps), vậy ta chỉ có thể cho là cái chiều thứ tư ấy nằm trong « không-thời gian » kia mà thôi.

TA CÓ THỂ PHỦ-NHẬN CÁI CHIỀU THỨ TƯ ẤY KHÔNG ?

Một người mù từ khi lọt lòng mẹ, nếu nghe ta ca tụng màu sắc của bức tranh, thử hỏi họ làm sao mà « tưởng tượng » được về huy-hoàng của bức tranh ấy ?

Đối với cái chiều thứ 4 kỳ diệu kia, ta cũng chẳng khác chi anh mù. Nhưng không phải vì người đó không nhìn thấy mà có quyền cho rằng màu sắc không có, cũng như ta không phải vì không hình dung được mà có quyền phủ-nhận cái chiều thứ tư của vũ-trụ. Trái lại, các nhà bác-học còn tin rằng rất có thể một ngày kia ta sẽ có những chứng cứ về một chiều thứ năm, thứ sáu v.v... nào đấy nữa !

Kề ra thì cái vũ-trụ-quan của con người, cứ sau mỗi bước tiến, lại thêm phần phức-tạp, óc con người càng phải mệt nhọc lắm mới quan-niệm được dần được, nhưng biết sao, vũ-trụ đâu có đơn giản như ta muốn.

Truyện Tây-Du kể rằng : Tề-Thiên Đại-Thánh đấu phép với Phật, dâng vản đi không biết bao nhiêu lâu, tới chỗ có năm cây cột vĩ-dại chống lấy trời, đến khi tinh dậy mới biết là năm ngón tay của Phật. Câu chuyện tất nhiên là hoang-đường, nhưng nó phản-ảnh phần nào cái quan-niệm đơn-sơ của thời xưa, coi đất như cái nền và trời như cái mái, cũng có cột chống cần thận !

Nếu ở thời xưa mà ta quả quyết rằng mặt đất vô-biên nhưng hữu-hạn (illimité mais fini) thì tất chẳng một ai tin, vì họ vẫn còn bị cái quan-niệm mặt đất phẳng (theo kiểu Euclide) làm cho lầm lạc. Nếu họ

biết rằng thực ra mặt phẳng ấy chỉ là một phần nhỏ của một bề mặt cong, trên một trái cầu vĩ-dại, thì họ tất hiểu ngay.

Chúng ta hiện cũng đang bị một thành-kiến tương-tự đánh lạc lối suy-luận.

Nhà toán học trứ danh người Đức David Hilbert có nói :

« Đã bao nhiêu lâu người ta tin rằng vũ-trụ vô tận. Đây là một sự lầm lẫn do hình học Euclide đã đem lại cho ta, cùng với bao nhiêu điều mà hình học ấy coi là «hiển nhiên», chẳng hạn như : hai đường thẳng song hành có thể kéo dài mãi vô cùng tận mà không gặp nhau. Vô cùng tận... Thực không còn có cái quan-niệm nào đáng cho ta xét-nghiệm lại kỹ càng hơn là cái quan-niệm này !... Khoa-học hiện đã đặt lại vấn-đề, nó không còn căn cứ trên những thuần-lý vu-vơ đề rồi rơi vào chỗ bế-tắc nữa, nó bám sát lấy những lý-luận diễn đạt những định-luật thực-nghiệm. Tất cả những kết-luận đã có đều chứng tỏ rằng vũ-trụ có đủ tính-chất của một trái cầu : nó vừa hữu hạn vừa vô biên !!

Như ta đã biết, cái mặt phẳng hai chiều trên trái cầu sở dĩ vô biên (tức là đi mãi cũng không có gì chẵn) nhưng hữu hạn là vì nó được cong trong một chiều thứ ba. Nay cái vũ-trụ này đã có được ba chiều mà cũng lại vừa vô-biên vừa hữu-hạn, thì ta rất có quyền nghi rằng nó cũng là một loại cầu đặc-biệt, cong trong một chiều thứ tư nào đấy. Chỉ có một điều là không biết chắc nó có phải giống một trái cầu không hay lại như một chiếc yên ngựa chẳng hạn ?... (Theo định nghĩa của Gauss thì trái cầu có độ cong dương (courbure positive), yên ngựa có độ cong âm, còn bề mặt rất phẳng thì không có độ cong (courbure nulle).

Tuy không hình dung nổi nó cong thế nào nhưng các nhà bác học cũng đã tính được khối lượng của toàn thể vũ trụ là 106×10^{47} tấn, đường kính của nó (nếu nó như trái cầu) là 20 tỷ năm ánh sáng còn đường vòng lớn nhất trên cái trái cầu kỳ dị ấy sẽ được 63 tỷ năm ánh sáng.

Nói một cách khác, nếu ta phát ra một tia sáng cực kỳ mạnh mẽ ở trên Bắc Cực, thì sau 63 tỷ năm chu du khắp một vòng vũ-trụ, tia sáng ấy sẽ trở lại cho người ở Nam Cực trông thấy nếu trong cuộc hành trình dài ghê-gớm

này nó không bị vật gì chặn lại và nếu khi nó trở về thì trái đất cũng đã quay lại chỗ cũ.

KHÔNG HÌNH DUNG NỒI, NHƯNG CÓ THỂ « BIẾT » MỘT CHIỀU THỨ TƯ KHÔNG ?

Kề ra thì cái chiều thứ tư không phải là mới lạ gì. Trong toán-học người ta có thể đề cập đến không biết bao nhiêu chiều khác nữa, trong đó có cả những « chiều lẻ » kỳ dị hơn nhiều. Nói khó khăn thực ra chỉ là khi ta muốn hình dung chúng mà thôi.

Bạn ngồi buồn lấy 2 cm (2 phân mét) nhân với 2 cm có được 4cm². Tôi hình dung nó bằng một hình vuông trên mặt giấy, cạnh 2 cm. Bạn lại nhân với 2cm một lần nữa thành 8 cm³. Lần này tôi đã phải công phu hơn một chút, đi cắt một thoi gỗ vuông vắn, mỗi cạnh 2cm. Nhưng bạn vẫn tiếp tục nhân mãi thành 16 cm⁴, 32 cm⁵, 64cm⁶ .. v.v.. một cách dễ dàng, còn tôi thì đành thúc thủ, không biết những cái « khối » cm⁴, cm⁵, cm⁶ v.v. kia hình thù nó ra sao.

Đã thế bạn còn tinh nghịch tính $\sqrt{\text{cm}^3}$, $\sqrt{\text{cm}^{17}}$ chẳng hạn thành cm^{3/2}, cm^{17/4}. Những « diện tích » 1 chiều 1/2 và « khối » 4 chiều 1/4 này, ai là người hình dung cho nổi ?

Nhưng thôi, ta hãy quay trở về với cái khối cm⁴ kia.

Tất nhiên không nên hấp tấp cho là vô lý, vì, than ôi, biết bao cái vô lý đối với cổ nhân nay đã trở nên hữu lý. Xưa kia, ai tin được rằng chúng ta bám quanh một trái cầu phía trên của kẻ nọ lại là phía dưới của kẻ ở đối chích diêm (antipode) ? Ai đã dám cho rằng các tinh-tú vĩ-dại kia lại có thể lao đi với những tốc độ kinh khủng hàng bao vạn cây số một giờ ? Ai dám quan niệm rằng năng lực « động » lại mà thành được vật chất ? Ai dám tin rằng sức nóng cũng có.. trọng lượng ? v.v..

Nhưng đầu sao ta cũng cứ « cảm » thấy cái chiều thứ tư ấy không có. Tại sao ? chỉ vì trong cái không gian ba chiều này ta chẳng biết đặt vào đâu một cái tung hoành tuyến thứ tư mà thôi vậy.

Nhưng không cho được một chiếc xe hơi vào căn phòng nhỏ hẹp của bạn, bạn có thể vì thế mà cho rằng không có xe hơi chăng ?

Bạn không bao giờ lên rừng, đi xem hát xiếc hay lên sở thú, có thể vì không trông thấy mà dám cho rằng không có hổ, báo chăng ?

Bây giờ tôi xin lấy một thí dụ, trong đó xin dùng tên tất KG₂, KG₃, KG₄... để chỉ những không gian 2, 3, 4... chiều, cho tiện.

Ta rút tưởng-tượng có một hạng người, cực kỳ mỏng, dẹt, bò sát trên mặt một trái cầu lớn. Đối với họ, bề mặt của trái cầu là *tất cả vũ trụ rồi*, cơ thể của họ không cho họ thấy được cái gì ở chiều cao hết. Thế là, tuy trong thực tại, trái cầu vẫn nằm trong một KG₃ nhưng vì cách cấu tạo đặc biệt của cơ thể, họ tưởng rằng chỉ có mặt trái cầu tức là KG₂ mới có thực mà thôi, còn đều là « vô lý » tuốt ! Ta thấy họ lầm lạc hiển nhiên, chỉ vì ta là con người của KG₃, cấu tạo theo KG₃, cổ hơn họ 1 chiều cao.

Ngoài ra, có chán cái ta không thấy được mà vẫn thường ngày sử-dụng một cách rất thông thuộc, không mấy may áy náy. Chẳng hạn như một điểm, một đường thẳng theo hình học Euclide. Đây chỉ là những hình « lý tưởng », vì làm gì có một điểm nhỏ đến không có chiều lớn, một đường thẳng mảnh đến không có chiều dày ? Mắt ta không thấy nổi những hình ấy, thế mà khi ở nhà trường khi vào đời, chẳng bao giờ ta không dùng đến chúng trong sự suy luận.

Xét như thế thì thực quả không có một lý do vững chắc nào cho phép ta phủ nhận cái chiều thứ tư, cũng như những chiều thứ 5, thứ 6.. vân vân.

ĐỀ « BIẾT » CÁI CHIỀU THỨ TƯ

Tưởng nên bắt đầu tự đầu.

Trong một KGO, ta sẽ chịu không thể vẽ được một hình nào, trừ ra cái diêm lý tưởng của Euclide. Nếu ta định đặt vào đấy một diêm mực chẳng hạn sẽ không thể được, vì nhỏ mấy cũng phải có bề lớn, tức là có hai chiều và chấm mực cũng phải nằm trên một bề mặt của một vật thể *tất phải* có 3 chiều. Chính cái chấm mực ấy cũng không thể không có bề dày được, tức là chính nó cũng đã có ba chiều. Như vậy cái không gian không có chiều nào nào không chứa đựng nổi một chấm loại ấy.

Trong KGI, ta đã có thể vạch được một đường thẳng, nhưng đường thẳng ấy cũng lại lý tưởng nốt vì cùng một lẽ như trên,

Trong KG₂ ta dùng những đường thẳng lý tưởng vẽ ra các hình trên

một mặt phẳng cũng lý tưởng, vì chưa có được bề dày. Hình giản-dị nhất là một hình tam giác đều (triangle équilatéral).

Trong KG3 ta dễ dàng có được một khối. Cái khối này không cần có tính chất lý tưởng gì nữa, mà đã hiện nhiên trong thực tại như chiếc bút, cái tẩy, quyển sách v.v.. Khối giản-dị nhất là một khối 4 mặt đều (tétraèdre régulier), tức là một khối giới hạn bằng bốn mặt đều nhau, mỗi mặt là một tam giác đều.

Còn trong KG4 ?...

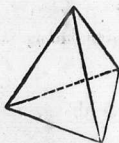
Trước khi đi xa hơn nữa, xin ghi lấy 2 nhận xét :

1).— *Diện tích* (thuộc KG2) có những đường thẳng, cong (vật thuộc KG1) làm giới hạn. Khối (thuộc KG3) lại do những diện tích (vật thuộc KG2) làm giới hạn. Vậy thì những khối đặc biệt bốn chiều (thuộc KG4) sẽ do những khối ba chiều (thuộc KG3) giới hạn.

2).— Muốn vẽ hình một diện tích, ta có thể lấy 1 đoạn thẳng (KG1) và một điểm trong chiều thứ hai, rồi vẽ những đường thẳng nối điểm này với hai đầu đoạn thẳng. Muốn vẽ một khối bốn mặt đều, ta lấy một hình tam giác đều (KG2) và một điểm ở chiều thứ ba, rồi cũng nối điểm này với các góc của tam giác. Nay muốn vẽ một khối bốn chiều tất nhiên ta lại lấy một vật của KG3 (chẳng hạn khối bốn mặt đều) và một điểm trong cái chiều thứ tư kia, rồi nối điểm ấy với các góc của vật trong KG3.

Thí dụ :

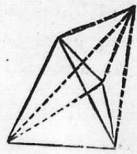
ĐOẠN THẲNG : một
vật trong KG1



KHỐI TỨ DIỆN : một
vật trong KG 3



DIỆN TÍCH TAM GIÁC :
một vật trong KG2



VẬT KHÔNG CÓ TÊN
trong KG 4

Thú thật với các bạn rằng những hình thuộc KG1, KG2, KG3, tôi xem hiểu liền, nhưng cái hình KG4, tôi vẫn thấy hình như nó thuộc về KG3. Tại sao vậy ?

Nguyên do như sau :

Mặt phẳng tờ giấy vốn chỉ có 2 chiều. vì thế mọi hình 1 hay 2 chiều vẽ trên đó ta rất dễ hiểu. Đến khi vẽ một vật thuộc KG3 ta đã vấp những sự khó khăn, không phải ai cũng vẽ được, chứng cứ là trẻ bé không vẽ nổi vật có chiều sâu, trong khi nó vẫn nguệch ngoạc các hình có 2 chiều rất sớm. Sở dĩ như thế là vì trên một bề mặt mà, bắt ta phải hình dung cả một chiều sâu nữa, cần có một kỹ thuật đặc biệt.

Còn mắt ta khi nhìn một vật gì liền thu hình vật ấy trên võng mạc (rétine). Hình trên võng mạc chỉ có 2 chiều, tại sao ta lại có được cảm giác của chiều sâu ? Đó là vì cơ thể ta đã quen tiếp-xúc với cái không gian ba chiều này rồi nên đã quen căn cứ vào những sự méo mó của khía cạnh sự vật mà « luận » ra được chiều sâu. Cái công phu suy luận ấy (effort d'interprétation) đã quá quen và dùng đến thường ngày, nên trở nên một linh-khiếu, một bản-năng của ta, không còn một ai để ý đến nữa.

Nguyên-tắc viễn thị (loi de la perspective) chẳng qua chỉ là nguyên-tắc giúp người họa sĩ tái tạo trên mặt giấy những khía cạnh méo mó. đề một khi được thu hình trên võng mạc, nó cũng sẽ gây cho người xem những cảm-xúc tương tự như khi họ xem một vật thực.

Xét như thế, không phải bức tranh đã cho ta được chiều sâu, mà chính là cái khả năng suy luận của cơ thể ta giúp ta « thấy » cái chiều sâu ấy. Nói tóm lại, sự vật ba chiều biến thành một hình ảnh hai chiều trên võng mạc cơ thể ta đã suy luận mà bổ túc cho nó thêm một chiều thứ ba. Nếu ta đòi cơ thể bổ túc tới hai chiều thì nó sẽ đành thúc thủ, vì điều này vượt quá khả năng của nó.

Chính vì thế này mà một khi ta tước của sự vật đi mất hai chiều thì con mắt ta không thể lĩnh hội được nữa. Thực thể hình ảnh một chiếc nhà chẳng hạn mà ta tước mất chiều cao, chiều sâu, thì chỉ còn có mỗi một

chiều tức là một đoạn thẳng. Có ai nhìn vào một đoạn thẳng mà luận được đây là hình một căn nhà hay một quả núi ?

Nay ta trở lại cái hình vẽ bốn chiều trên kia, sẽ thấy ngay rằng : trên mặt giấy hai chiều, ta đã đương nhiên trước mắt của nó hai chiều rồi làm sao nhà lính hội được ?

Tất có bạn sẽ nói : Thế thì ta dùng vật khối ba chiều để « vẽ » hình cái vật bốn chiều kia. Như vậy chỉ bớt có một chiều, mắt ta tất sẽ « thấy ».

Điều này cũng lại không thể được nốt vì :

1.— Mắt ta đã có biết cái chiều thứ 3, đã có tiếp xúc với nó rồi, nên trong tranh mới luận ra nó được. Chiều thứ 4 kia ta đã tiếp xúc một lần nào đâu mà hồng luận nổi ?

2.— Muốn vẽ một vật có chiều sâu trên giấy còn phải biết nguyên tắc viễn thị. Nay vẽ một vật có chiều thứ tư trên vật ba chiều thì thử hỏi ai đã biết cái nguyên tắc viễn thị đặc biệt về chiều thứ tư ?

3.— Dù dùng vật 3 chiều « vẽ » nổi vật 4 chiều đi nữa, thì hình ảnh của nó trên võng mạc cũng vẫn chỉ có 2 chiều thôi, nghĩa là đẳng nào cũng vẫn thiếu mất hai chiều !

Vậy ta nên từ bỏ hy vọng một ngày kia hình dung ra cái chiều thứ tư ấy.

Tiếp tục theo lối suy luận của toán học, ta thấy :

Trên một bề mặt thuộc KG2 ta có thể vẽ vô vàn những hình có cạnh đều nhau : tam giác đều, hình vuông, hình đa giác với 5, 6, 7, 8,... N cạnh đều nhau, không biết đâu là giới hạn nữa. Trong KG3, ta chỉ có thể tạo được có 5 vật có những mặt đều nhau mà thôi, đó là những khối với 4, 6, 8, 12 và 20 mặt đều. Trong KG4, ta chỉ có thể có được 6 vật đều, chúng được giới hạn bằng 5, 8, 16, 24, 120 hoặc 600 khối, mỗi khối 3 chiều có 4 mặt đều, Vật cuối cùng ấy sẽ có 120 góc, 720 cạnh, 1200 tam giác đều Sang đến KG5, KG6 v.v.. thì số vật « đều » như ta quan niệm sẽ không có mấy nữa.

Bây giờ ta thử ước đoán cái trái cầu kỳ dị theo kiểu Einstein xem sao (hypersphère) :

Các hình tròn đều có một đặc-tính chung là chu-vi gồm những điểm cách đều một trung-tâm (équidistants du centre).

Trong KG2 (mặt phẳng) thì chu vi ấy thuộc về KG1 tức là một đường cong.

Trong KG3 (hình khối : trái cầu) thì chu vi ấy đã thuộc về KG2, tức là một mặt cong.

Trong KG4 (hypersphère) chu vi ấy tất phải thuộc về KG3 tức là một không gian cong vậy. (espace courbe).

Hiểu theo lối này, ta tuy không hình dung nổi, nhưng cũng cứ tạm cắt nghĩa là : trái cầu theo kiểu Einstein nằm trong không gian 4 chiều, trung tâm của trái cầu ở trong cái chiều thứ 4, còn chu vi của nó tức là cái vũ-trụ ba chiều chúng ta đang sống đây. Cái vũ-trụ này, đối với ta, thực là hết như cái bề mặt trái cầu đối với con người bẹt dí : ta đi về hướng nào chẳng nữa rút cục cũng lại trở về chỗ cũ, có khác tí chút là con người bẹt dí chỉ đi được trong hai chiều, còn ta thì xê-dịch trong ba chiều mà thôi.

TIẾP-XÚC VỚI CÁI CHIỀU THỨ TƯ

Xin nói ngay rằng : cuộc tiếp-xúc này chỉ được tương-tượng theo sự suy-luận của ta. Sau đây các bạn sẽ thấy đó cũng là một điều may, vì nếu thực sự ta tiếp xúc với cái chiều thứ tư ấy thì quả là nguy hiểm vô cùng.

Các nhà bác học, (chẳng biết họ làm thế nào) đã tính được rằng : trong KG3 bề mặt trái cầu là $4\pi.R^2$ và khối lượng : $\frac{4}{3}\pi.R^3$ thì sang KG4 nó biến thành : $2\pi^2.R^3$ và $\frac{1}{2}\pi^2.R^4$; Con số Pi của ta bất biến nay đã thành π^2 !

Trong KG3 hai mặt phẳng cắt nhau theo một đường thẳng. Sang KG4 chúng chỉ cắt nhau theo... một điểm mà thôi ; Trong KG3 một khối bị một mặt phẳng cắt theo một tiết diện, tiết diện ấy là một bề mặt. Sang KG4 chúng chỉ cắt nhau theo một đường thẳng ! Cơ cục này thì sang KG4 chắc chúng ta đành chết đói : con dao của ta cắt vào khoanh độ chẳng làm rời ra được miếng dò nào hết, vì nó chỉ khía được có một vết thẳng mà thôi !

(Còn tiếp)



UNESCO VÀ VIỆC THẨM-ĐỊNH

HỖ-TƯƠNG GIÁ-TRỊ VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY (1)

Bài của JACQUES HAVET

Dịch-giải: THIÊN-PHƯỚC

TRONG tất cả các vấn-đề cần-thiết cho sự hợp-tác hòa-bình giữa các dân-tộc và sự thông-nhập văn-hóa, thiết tưởng không có vấn-đề nào được Unesco chú-ý đặc-biệt hơn là vấn-đề hiểu biết lẫn nhau của Đông-phương và Tây-phương. Trên những địa-hạt khác của nền bang-giao quốc-tế, người ta thấy sự kết-chặt văn-hóa giữa các dân-tộc thường không có đủ khả-năng để cứu-vãn những cuộc tranh-chấp khần-yếu về chánh-trị; hay ngược lại nhờ sự giao-hào cô-truyền lâu ngày mà các dân-tộc đã đi đến sự hiểu biết rất dễ-dàng một cách tự-nhiên. Trái lại, muốn phát-triển liên-lạc điều hòa giữa các dân-tộc Đông-phương và Tây-phương, cần đặt ra trước hết vấn-đề tâm-lý, văn-hóa và tín-ngưỡng.

Hiểu biết và thẩm-định.

Cứ theo cô-truyền thì người ta trình-bày một cách quá đơn-giản và nguy-hại rằng Đông-phương và Tây-phương là hai bộ mặt (luôn-luôn bề-túc nhau mà luôn-luôn cách-biệt nhau) của nền văn-minh; ý-kiến này thường được chính các quốc-gia liên-hệ tán-thành, làm chần-nản những mối cảm-tình đã có thể kết-hợp họ với nhau.

Tuy-nhiên, lịch-sử đã bắt-buộc các quốc-gia phải sống chung với nhau thành một thế-giới thống-nhất, và các dân-tộc phải « hiểu biết nhau » (với tất cả ý nghĩa của tiếng ấy) để xây-dựng bằng mọi sự trao-đổi và tất cả

(1) Tài-liệu do Trung-tâm Thông-tin của Bộ Giáo-dục (UNESCO) cung-cấp — Article fourni par le Centre d'Information du Département de l'Education (UNESCO).

thiện-chí, một vũ-trụ tinh-thần cộng-đồng làm cho cuộc sống chung có hiệu quả hơn. Loài người không còn có quyền không biết đến nhau nữa. Chúng ta phải chọn giữa sự tranh-cấp và sự hiểu-biết. Chủ-trương của Unesco là xây-dựng giữa người với người những nền-tảng của các mối liên-lạc phong-phú đó.

Ngay từ lúc mới thành-lập, Unesco đã cố gắng giúp-đỡ thiết-lập hòa-bình bằng cách tạo nên một bầu không-khí thông-cảm giữa các dân-tộc có nền văn-hóa cô-truyền cách biệt nhau và đã dành một phần hoạt-động quan-trọng để hòa-hợp Đông-phương với Tây-phương. Các hoạt-động ấy, tuy cùng chung một xu-hướng, nhưng chưa được điều-khiển chặt-chẽ theo một mục-tiêu có định-nghĩa rõ-ràng. Còn cần-phải phân-tách và đưa ra ánh-sáng tất cả cứu-cánh, tinh-thần, phương-pháp, cùng phương-tiện của một hành-động có mạch-lạc để mưu-đo một sự hiểu-biết rộng-rãi hơn giữa Đông và Tây. Cho nên từ năm 1954 người ta nhận thấy cần phải thay-thế vô-số nỗ-lực rời rạc ấy bởi một hệ-thống hoạt-động do Unesco xếp-dặt theo chiều-hướng thúc-đẩy mọi sáng-kiến khả-đi tăng-gia hiệu-lực của nó.

Khi ghi vào chương-trình tổ-chức một « dự-án quan-trọng liên-quan đến sự thẩm-định hồ-tương các giá-trị văn-hóa Đông-Tây », kỳ đại-hội nhóm tại Tân-Đê-Li năm 1956 không có mục-dịch nào khác hơn là lo tập-trung các hoạt-động của Unesco và đảm-nhiệm sự liên-tục của nó.

Đề đi đến sự thành-công của chương-trình dài hạn này, Unesco đã được một ủy-ban tư-vấn quốc-tế giúp-đỡ ý-kiến, trong đó gồm có đại-diện các nền văn-hóa Đông-Tây. Chính Ủy-ban này đảm-nhiệm việc định-nghĩa rõ-ràng tinh-thần và kiểu-mẫu của dự-án quan-trọng nói trên. Trong kỳ đại-hội lần thứ hai, Ủy-ban đã phân-tách tường-tận các chướng-ngại tâm-lý làm ngăn-trở sự thông-cảm giữa các dân-tộc Đông-Tây; và Ủy-ban còn đề-xướng hai biện-pháp sau này:

- 1°) Cương-quyết chống mọi thành-kiến và sai-lầm của đôi bên;
- 2°) Đi sâu vào hoạt-động có mục-dịch nâng cao tinh-thần con người lên trên các ám-thị thường ngày và tức-thời.

Cần phải đặt lại các sự-kiện văn-hóa và xã-hội trên đà tiến-hóa chung của lịch-sử, trong khuôn-khò các mối bang-giao liên-khu, và đứng vào triển-

vọng kinh-tế và xã-hội của nó.

Mấy ý-kiến trên đây giải-thích rõ-ràng nhan-đề của dự-án quan trọng này. Không những chỉ cần phổ-biến những tư-tưởng tế-nhị của từng giống dân — (những cái dành riêng cho một nhóm người chuyên-môn mới linh-hội được) — hay chỉ nói dông dài về các thời-đại xa xưa của lịch-sử, mà trái lại, cần phải phát-triển những gì có thể giúp các dân-tộc thông-cảm với nhau thật sự, để cho tư-tưởng của mỗi người thêm dồi-dào hầu xây-dựng một đời sống nhân-loại đúng với ý-nghĩa của nó.

Các danh-từ của Đông-phương và Tây-phương, Unesco không muốn ghép cho chúng nó một ý-nghĩa địa-dư rõ-ràng, vì mọi biên-giới tuyệt-đối sẽ quá giả-tạo trước sự thông-nhập văn-hóa của loài người; hơn nữa, trong mỗi vùng còn có vô số lần ranh nội-địa. Một bên là các nền văn-minh lớn ở Á-châu với những chi-nhánh hiện-tại của nó; bên kia là các biến-thiên của văn-hóa Âu-châu. Chỉ mấy nhận xét tổng-quát nói trên cũng đủ quy-định các sự-khien của một vấn-đề bao-hàm cả thế-giới hiện đang sống với nhiều cở-lệ hết sức cao-siêu và hết sức linh-động. Do đó những cuộc điều-tra kỹ-thuật của Tây-phương đã đặt ra cho mỗi quốc-gia nhiều vấn-đề mà từ trước chưa ai nghĩ đến, tùy theo trình-độ trang-bị của mỗi nước.

Đến đây chúng ta đã vào trung-điêm của vấn-đề và đang đứng trước mối băn-khoăn của sự thâm-định hồ-tương. Có gì lấy làm ngạc-nhiên khi nhận thấy các dân-tộc Đông-phương chỉ xem Tây-phương như một vị-thần Prométhée, chỉ biết có quyền-lực vật-chất mà xao lãng các giá-trị tinh-thần? Và ngược lại, dưới mắt người Tây-phương, Đông-phương chỉ biết chú trọng tuyệt-đối đến những sự-khien của linh-hồn, mà không đủ khả-năng đề tồ-chức và cải-thiện đời sống ở thế-gian này? Ảo-tưởng quá thực thà và đặt trên căn-bản sai-lầm, nhưng có thể giải-thích được dễ-dàng. Chúng ta hãy nói thêm rằng ở thế-giới ngày nay, Đông-phương vẫn còn im hơi bật tiếng mãi-mãi nếu không có một hành-động quả-quyết để quân-bình thế bất lợi của nó, do tình-trạng thiếu phương-tiện diễn-tà gây ra. Ta rất dễ hình-dung các nỗi thất-vọng mà hoàn-cảnh bất lợi ấy có thể đem đến cho người phương Đông. Trái lại, Tây-phương thì quá dồi-dào phương-tiện diễn-tà và truyền-tin cho đến nỗi không thể nào kiểm-soát được các phương-tiện đó. Cho nên họ đã

tự đưa ra nhiều hình ảnh làm kinh-ngạc cả thế-giới Đông-phương mà không còn cách gì đính-chính được nữa.

Khi dùng đến danh-từ « *thâm-định hồ-tương* », Unesco có ý nhấn mạnh tính-cách quan-trọng của tình-trạng bất-cần này. Thâm-định tức là đã hiểu-biết rõ-ràng. Nhưng thâm-định cần phải có cảm-tình để làm cho sự giao-dịch giữa loài người thêm nồng-hậu và tránh khỏi phải làm mỗi cho sự hiểu lầm luôn luôn tái-diễn. Còn ý-nghĩa « *hồ-tương* » là gọi lên sự bình đẳng hoàn-toàn, được mọi người công-nhận: kính-trọng hồ-tương và khoan-hồng thật sự. Muốn hiểu-biết lẫn nhau, trước hết phải cố-gắng giúp-đỡ phương-tiện cho Đông-phương để làm cho các dân-tộc khác biết đến họ và thấy rõ các giá-trị thực-tại của họ. Còn đối với việc thâm-định hồ-tương, mục-dịch của dự-án quan-trọng là đặt ra cuộc đàm-luận và hợp-tác giữa các dân-tộc: trên phương-diện này của Tồ-chức, nỗ-lực của Unesco phải đồng-đều cho cả đôi bên.

Hoạt-động dự-trù

Chương-trình của dự-án này được phát-triển trên ba phương-diện căn-bản:

- phương-diện nghiên-cứu và sưu-tầm căn-bản:
- phương-diện giáo-dục,
- phương-diện đời sống văn-hóa của đại-chúng.

Tuy-nhiên, cốt-yếu không phải là ưu-đãi các cuộc sưu-tầm có tính-cách bác-học: nhiều địa hạt khác của chương-trình Unesco sẽ trừ-liệu việc này. Ở đây nhằm việc khai-thác mỹ-mãn các cuộc khảo-cứu đó để đào-tạo những người không phải là chuyên-viên, những người của đại-chúng.

Các buổi *nói chuyện* và các cuộc *gặp-gỡ tri-thức* đã được tồ-chức để phân-tách và thâm-cứu các giá-trị văn-hóa cùng các điều-kiện để thâm-định nó: yếu-tố tôn-giáo, khoa-học các vấn-đề triết-lý và đạo-đức, các vấn-đề trao đổi.

Những thiên *khảo-cứu* và những *ấn-phẩm về khoa xã-hội-học* nhằm việc trình-bày với quần-chúng một sự hiểu-biết rõ ràng về tình-trạng tiến-hóa hiện-thời của các xã-hội Đông-phương và về cuộc biến-thiên các giá-trị

cổ-truyền của nó ; các phương-thức truyền-đạt những giá-trị văn-hóa từ nền văn minh này qua nền văn minh nọ được cứu xét trên nhiều trường hợp cụ-thể.

Một cuộc điều tra có hệ-thống đang tiến-hành để thiết-lập một bảng kê-khai các tác-phẩm tổng-hợp quan trọng khả dĩ cung-cấp cho quần chúng một ý-tưởng xác-thực và mới mẻ về các nền văn-minh lớn nhất như bách-khoa toàn-thư, lịch-sử tổng-quát, các thiên khảo-cứu so-sánh... và để tìm những khuyết-điểm cần được bổ-túc trong các ngôn-ngữ.

Người ta dự-định, trong những năm tới, xúc-tiến một cuộc điều-tra về cách giảng-dạy các văn-học-sử cận-đại, cung-cấp du học-bông nhằm việc đào-tạo thêm nhân-viên phiên-dịch có khả-năng diễn-tả trong ngôn-ngữ Tây-phương cái tinh-thần ở những tác-phẩm vĩ-đại của các nền văn-học Đông-phương, nâng-đỡ những trường đại-học quan-tâm đến sự thâm-cứu và trình bày các giá-trị văn-hóa.

Trong địa-hạt giáo-dục, người ta đặt ra trước nhất vấn-đề các chương-trình giáo-khoa : vì đã quá nặng-nề nên khó nói rộng được nữa. Ủy-ban tư-vấn quốc-tế phụ-trách về chương-trình, phải nghiên-cứu cách dạy cho học-sinh những khái-niệm căn-bản ở các nền văn-minh lớn mà không vì thế làm cho học-sinh phải cần-cù quá sức. Sách học và dụng-cụ giáo-khoa phải được cải-thiện để tăng phần thâm-định hồ-tương các giá-trị văn-hóa : đó là mục-tiêu của một chương-trình đang được thiết-lập và sắp đem ra bàn cãi tại Đông-Kinh, trong một hội-nghị gồm các giáo-chức và tác-giả sách giáo-khoa Đông-Tây.

Unesco cũng khuyến-khích các nước hội-viên, trong việc dạy văn-hóa nước nhà, nên dùng sách giải-trí thích-hợp với thanh-niên ; và Unesco sẽ đem các sách ấy cho những nước khác dùng. Theo tinh-thần này, Unesco còn dự-định phát-hành những loại sách có tính-cách tổng-hợp để cho giáo-viên và học-sinh dùng. Unesco cũng nghiên-cứu vấn-đề đào-tạo giáo-viên, cố-gắng làm cho các khóa-tập sự sư-phạm lãnh-hội rõ-ràng tính-cách quan-trọng của vấn-đề liên-lạc giữa Đông-phương và Tây-phương.

Trong các trường-học tham-gia hoạt-động của Unesco, người ta đem ra thí-nghiệm những phương-pháp sư-phạm phù-hợp với Dự-án quan-trọng ; và các cuộc trao-đổi kinh-nghiệm được khai-thác triệt-đề. Các đoàn-thể giáo-chức quốc-tế hưởng-ứng chương-trình vĩ-đại này bằng cách diễn-thuyết, trao-đổi, sáng-chế học-cụ thích-hợp hơn.

Và trong lĩnh-vực bao-la của công-tác hoạt-động thanh-niên và giáo-dục kẻ trưởng-thành, Unesco giúp-đỡ các đoàn-thể tổ-chức những cuộc hội-hợp và tập-sự giữa các nhà lãnh-đạo Đông-Tây, sáng-chế dụng-cụ, phát-triển trao-đổi giữa hội-viên, và cố-gắng hết-sức để truyền-bá giá-trị văn-hóa vùng này qua vùng nọ.

Một chương trình phiên-dịch các đại tác-phẩm văn-học cổ-kim của Đông-Phương và Tây-phương được bành-trướng để tác-động trực-tiếp vào đại-chúng, Nhiều tập ảnh được phát-hành để mọi người biết rõ các tuyệt-tác của nghệ-thuật bị quên lãng. Và nhiều cuộc triển-lãm lưu-động xuyên qua các quốc-gia hội-viên được thiết-lập để trình-bày các phong-tác mỹ-nghệ thuộc những thời-đại quan-trọng : như gần đây người ta vừa trình-bày nghệ-thuật thủy-thái-họa (thủy mặc màu) của Đông-phương và Tây-phương. Đồng-thời, Unesco còn chuẩn-bị ấn-hành những phim-ảnh và sách rẻ tiền giúp đại-chúng biết qua nghệ-thuật mà không tốn-kém nhiều. Mọi cuộc trao-đổi giữa các bảo-tàng-viện được khuyến-khích để bù-đắp những thiếu-sót quan trọng của Đông-phương cũng như của Tây-phương. Năm tới, Unesco sẽ phát-hành hai loại sách bình-dân để giúp độc-giả có dịp so-sánh các nhận-xét tổng-quát của mỗi loại về nền văn-học hay nghệ-thuật của từng dân-tộc ở phương Đông.

Các phương-tiện thông-tin quan-trọng đều được Unesco đặt biệt chú-ý. Unesco sẵn-sàng cung-cấp cho các ký-giả và cho các đài phát-thanh những bài báo và bài phát thanh kiểu-mẫu cùng những tin-tức căn-bản. Unesco cũng khuyến-khích họ trao-đổi và cộng-tác với nhau, thực-hiện chương-trình phóng-sự và âm nhạc so-sánh. Unesco còn phổ-biến danh-sách các phim chiếu bóng hoặc truyền hình chọn-lọc để truyền-bá sự thâm-định xác-thực về giá-trị văn-hóa Đông-Tây ; Unesco cũng tổ-chức trưng-bày tranh ảnh. Ngay từ năm nay, một quyền sách liên-quan đến sự thâm-định hồ-tương văn-hóa Đông-Tây sẽ được phát hành rộng-rãi.

Và nhân dịp kỳ Đại-hội sắp tới, vào tháng 11, sẽ có một cuộc triển-lãm về tính-cách liên-thuộc giữa các nền văn-hóa tổ-chức trong bảo-tàng-viện Cernuschi tại Ba-Lê. Về sau sẽ có một cuốn phim ghi chép lại cuộc triển-lãm ấy.

Đó là vài nét hoạt-động của Unesco có mục-đích trình-bày với đại-chúng một cách linh-động và xác-thực những giá-trị văn-hóa lâu đời và ít

được ai biết đến. Đề tập-trung sự hoạt-dộng này, Unesco khuyến-khích các quốc-gia hội-viên mở nhiều chiến-dịch — chẳng hạn như « Tuần-lễ thông-cảm giữa Đông Tây » và giúp-đỡ phương-tiện cần-thiết hầu tổ-chức những chiến-dịch đó.

Nhưng động-lực then-chốt của chương-trình quan-trọng này có lẽ là sự tiếp-xúc trực-tiếp giữa nhân-loại, tạo ra nhờ các cuộc hội-hợp, cuộc nói chuyện, cuộc tập-sự, cuộc du-thuyết cùng các học-bồng và trợ-cấp du-lịch mà Unesco đã dành cho các chuyên-viên xã-hội-học để họ khảo-cứu sâu rộng mọi nền văn-minh, cho các giáo-chức để họ thu - thập kinh-nghiệm trực-tiếp về các nền văn-minh mà họ giảng-day hay hoạt-dộng cho giáo-dục ngoài học-đường.

Trong việc quản-trị chương-trình học-bồng này, Unesco cố-gắng tăng-gia các cuộc tiếp-xúc giữa những cá-nhân có tư-cách hay hoạt-dộng ảnh-hưởng đến trào lưu tư-tưởng và dư-luận quần-chúng trong xứ họ.

Đây là những nét đại-cương của thành-phần chương-trình sắp được cố-gắng thực-hiện trong 10 năm tới. Lời hiệu triệu của Unesco với các nước hội-viên và các Tổ-chức quốc-tế không thuộc phạm-vi chánh-quyền không phải không có tiếng dội. Hiện giờ người ta có thể dự đoán một cách thuận lợi sự phát-triển của chương-trình này. Và lại những kinh-nghiệm thu được trong khi thực-hiện chương-trình đôi khi có thể đưa đến sự tu-chỉnh nội-dung cụ-thể của nó. Nhưng mục-dịch cuối cùng của chương-trình chắc chắn không vì thế mà thay đổi.

Trong lĩnh vực biến-thiên vô hạn của dư-luận và thái-độ nhân-loại, người ta nên có một quan-niệm chính đáng như thế nào trước sự hữu-hiệu của một chương-trình thuộc loại này ? Chúng ta không nên hy-vọng có sự cách-mệnh tức thời trong trí-giác con người và trong các tục-lệ hiện-hành. Nhưng ít ta chúng ta có thể hy-vọng rằng cuối hạn 10 năm, nhiều tập-quán mới sẽ được tạo ra, một đường lối mới sẽ được khai-thông, nhiều chương-trình đại quy-mô sẽ được phát-động trong các nước và đại-chúng cùng các giới chuyên-nghiệp sẽ có được nhiều dụng-cụ tốt hơn, nhiều hơn, để đạt đến sự hiểu biết chính-xác về các nền văn-hóa khác nhau. Chúng ta tin rằng các nước hội-viên và các cơ-sở công, tư sẽ giữ vững cùng tăng cường các mối liên-lạc đã có, và sẽ tiếp-tục sự cộng-tác từng được Unesco thúc-đẩy. Chúng ta cũng tin-tưởng rồi đây các cơ-hội may mắn sẽ được liên-kết tại để tạo ra một chủ-nghĩa nhân-vị thay mới và nói rộng trong đó những nền văn-hóa riêng-biệt mỗi xứ, như đã từng trao đổi lẫn nhau, sẽ đồng thời tồn - tại và hòa-hợp với nhau.

CÀM SÁT

PHIÊN ÂM

Cạm sát vô đoan ngữ thập huyền ?
Nhất huyền nhất trụ tứ hoa niên.
Trang-sinh hiểu mộng mê hồ-diệp,
Vọng để xuân tâm thác đồ-quyên.
Thương-hải nguyệt minh châu hữu lệ,
Lam-diền nhật noãn ngọc sinh yên.
Thử tình khả đổi thành truy ức,
Chi thị đương thời dĩ vọng nhiên.

LÝ-THƯƠNG-ÂN

DỊCH-NGHĨA

Cạm sát vì đâu mấy chục huyền ?
Năm mươi huyền như mấy mươi niên.
Trang-sinh mộng sớm say hồ-diệp !
Thục-để lòng xuân gửi xác quyên !
Trong lúc lệ sa châu Bắc-hải,
Âm khi khói nhả ngọc Lam-diền.
Tình kia nhắc nhớ làm chi nữa ?
Chi tại mình xưa trót nhãng quên.

TÔ-NAM NGUYỄN-ĐÌNH-DIỆM

Tòa soạn VĂN-HÓA NGUYỆT.SAN

NHA VĂN-HÓA (Bộ Quốc-gia Giáo-dục)

266, Đường Công-Lý — Saigon

Điện-thoại : 24.633



Chủ-nhiệm : NGUYỄN-KHẮC-KHAM

Chủ-bút : THÁI-VĂN-KIỆM

Quản-lý : BÙI-ĐÌNH-SAN

Ấn-Quán : BÌNH-MINH

149 Đường Yên-dò,
Saigon



A. - TIN TRONG NƯỚC

1. - HỘI-NHỊ ĐỊA-PHƯƠNG HẢI-DƯƠNG-HỌC TẠI SAIGON

— Ngày 1-4-59, Hội-nghị các chuyên-viên về Hải-dương-học vùng Đông-Nam-Á nhóm họp tại Saigon, dưới sự bảo-trợ của Tổ-chức Văn-hóa Liên-hiệp-Quốc, đã làm lễ khai-mạc tại Hội-trường Diên-Hồng, dưới quyền chủ-tọa của ông Trần-hữu-Thế, Bộ-Trưởng Bộ Quốc-gia giáo-dục.

Người ta nhận thấy sự hiện-diện của các đại-biểu Trung-hoa Dân Quốc, Đại-Hàn Dân-Quốc, Nam-Dương, Nhật-Bản, Mã-lai, Phi-luật-Tân, Thái-lan và Việt-nam Cộng-hòa và các chuyên-viên của Tổ-chức Văn-hóa Liên-hiệp-Quốc, Tổ-chức Lương-nông Quốc-tế và «Scripps Institute».

Đến dự phiên-họp này cũng có các vị Bộ-trưởng, các đại-diện ngoại-giao đoàn và rất đông nhân-vật Việt-nam và ngoại quốc.

Ô. Lennart Mattsson, Giám-độc Trung-tâm hợp-tác khoa-học của tổ-chức Văn-hóa Liên-hiệp-Quốc ở Đông-Nam-Á đã nhấn mạnh về vai trò

quan-yếu của Hải-Dương-Học; và lược-trình những cố-gắng của tổ-chức Văn-hóa Liên-hiệp-Quốc và ngành Hải-Dương-Học trong mấy năm vừa qua.

Tiếp đó, ông Trần-hữu-Thế, Bộ-Trưởng Quốc-gia giáo-dục đứng lên đọc diễn-văn khai mạc, và đã nói:

«... Hội-nghị địa-phương hải-dương-học, mặc dầu với phạm-vi giới-hạn của nó và cũng nhờ tánh cách giới-hạn, tất-nhiên là cụ-thể và thực-tế, sẽ chắc chắn góp phần không nhỏ vào sự thiết-lập những nền móng cho một sự cộng-tác chặt-chẽ giữa những Quốc-Gia Đông-Nam-Á...».

2. - VIỆC BẢO-VỆ NHỮNG SẢN-PHẨM VĂN-HÓA QUỐC-GIA

Theo Sắc-lệnh số 34-GD ngày 14 tháng 2 năm 1959 của Tổng-Thống Việt-nam Cộng-hòa, nay cấm không cho mang ra ngoài lãnh-thổ Quốc-gia Việt-nam các sản-phẩm văn-hóa quốc-gia, nếu không được Tổng-Thống Việt-nam Cộng-hòa cho phép. Được coi là sản-phẩm văn-hóa, các động-sản hay bất-động-sản có giá-trị lịch-sử vì bản-thể của nó như là: mỹ-thuật phẩm, sách vở cổ hay những sưu-tập quan trọng, các bản sao ảnh vi-ảnh đúng bản chính; những loại sản-phẩm kể trên bất luận chủ-nhân là ai hay căn nguyên ở đâu.

Đơn xin phép xuất-cảng một sản-phẩm có tính cách văn-hóa quốc-gia phải gửi tới viện Khảo-cổ để nghiên-cứu về phương-diện chuyên-môn và đệ trình Tổng-Thống thẩm-định.

3. - TỔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA ĐÃ TIẾP-KIỆN ĐỨC HỒNG-Y GIÁO-CHỦ AGAGIANIAN.

Sáng 16-2-59, hồi 10 giờ, Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa đã tiếp kiến tại Dinh Độc-Lập, Đức Hồng-Y Giáo-Chủ Agagianian, Quyền Tổng-Trưởng Thánh-bộ Truyền giáo tại Tòa Thánh La-Mã, Đặc-Sứ Đại-diện Đức Giáo-Hoàng Gioan XXIII tại Đại-Hội Thánh-Mẫu Toàn-Quốc Việt-Nam.

Trong buổi tiếp kiến này, bên cạnh Tổng-Thống, người ta nhận thấy có Ngoại-Trưởng Vũ-văn-Mẫu.

Cùng đi với Đức Hồng Y Giáo Chủ Agagianian tới yết - kiến Tổng-Thống, có các vị trong Phái đoàn đại - diện Tòa - Thánh và Đức Giám-mục G. Caprio, Khâm-Mạng Tòa - Thánh tại Việt-Nam.

4.— THIẾT-LẬP MỘT TIÊU-TRUNG-TÂM VĂN-HÓA ĐỨC TẠI SAIGON

— Kể từ ngày 1-3-1959, tòa Lãnh-sự Cộng-hòa Đức đã thuê một căn nhà số 42, Đường Hồng-thập-tự, với ý - định đặt ở đó một tiêu trung-tâm văn - hóa Đức, mục - đích là để tìm hiểu và thắt-chặt tình thân - ái giữa 2 dân-tộc. Sẽ mở những lớp học tiếng Đức, đặt một thư-viện, tổ - chức những cuộc diễn-thuyết về khoa - học, mỹ-thuật, hay chiếu phim.

5.— GIẢI THƯỞNG VĂN-CHƯƠNG NĂM 1959 DO VĂN-HÓA VỤ BỘ THÔNG-TIN TỜ-CHỨC

« Tiếp theo Giải-thưởng Văn-chương 1957, Văn-Hóa-Vụ Bộ Thông-tin sẽ dành một ngân-khoản 320.000đ.00 để cấp giải-thưởng Văn-chương năm 1959.

« Một Hội-đồng gồm những nhà văn có thành-tích sẽ đọc xét tất cả các tác-phẩm, thuộc các loại sau đây, xuất-bản trong thời-gian từ 1-1-1958 đến 1-10-59 để lựa chọn cấp giải thưởng.

Các tác-phẩm phải viết bằng Việt-văn.

Những tác-phẩm thuộc các loại sau đây sẽ được chọn :

1) Tiêu-thuyết — 2) Khảo-cứu — 3) Kịch — 4) Thơ.

« Để giúp đỡ Văn-Hóa-Vụ trong việc sưu-tầm, trân trọng yêu cầu các tác-giả, các nhà in gửi lại Văn-Hóa-Vụ (15, Đại-lộ Lê Lợi Saigon) hai cuốn của mỗi tác-phẩm đã xuất-bản và sẽ xuất-bản, trong thời gian từ 1-1-1958 cho tới 1-10-1959.

6.— THI LỊCH STANVAC

— Ban Giám-đốc hãng dầu Stanvac tổ chức một cuộc thi các họa-phẩm dùng in lịch Stanvac 1960. Các họa-phẩm dự-thi có thể là phong cảnh hoặc nhân-vật liên-hệ tới Việt-Nam và có ý nghĩa cho mỗi tháng hoặc mỗi mùa (sơn dầu, sơn nước, pastel hay gouache).

Giải thưởng gồm có giải nhất 25.000đ, giải nhì 15.000đ, và 10 giải thưởng-lệ mỗi giải 2000đ.

Họa-phẩm dự-thi phải gửi tới phòng PR Hãng dầu Stanvac, 8 đại-lộ Thống nhất Saigon, trước 12 giờ trưa thứ hai 25-5-1959, hạn chót.

Muốn biết thêm chi-tiết, xin liên-lạc thẳng với địa-chỉ kể trên.

7.— BUỔI DIỄN-THUYẾT VỀ «CHÁNH-SÁCH GIÁO-DỤC TẠI VIỆT-NAM»

Trong khuôn khổ những buổi diễn-thuyết hàng tháng do Liên-Đoàn Công-Chức Cách-Mạng Quốc-Gia tổ-chức, Ông Trần-hữu-Thế, Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục, đã thuyết-trình hôm 9-3-59 về đề tài «chánh sách giáo-dục tại Việt-Nam», ở Tòa Đô-Chánh Saigon.

Dự thính buổi diễn-thuyết này có rất đông thính giả, trong số có Ô. Ô. Lâm-lê-Trinh, Bộ-Trưởng Nội-Vụ kiêm Chủ-tịch Liên-Đoàn Công-Chức Cách-Mạng Quốc-Gia, Trần-chánh-Thành, Bộ-Trưởng Thông-Tin và Thanh-Niên, Vũ-quốc-Thông, Phó Chủ-tịch Quốc-Hội kiêm Giám-Đốc Viện Quốc-Gia Hành-Chánh, Trần-ngọc-Liên, Tổng Ủy-Trưởng Hợp-Tác-Xã và Nông-Tín, Nguyễn-phú-Hải, Đô-Trưởng và nhiều nhân-vật khác tại Thủ-đô.

Sau khi nhấn mạnh rằng cần phải có một chính-sách giáo-dục minh-bạch để hướng-dẫn và thống-nhất loạt động, hầu đem lại kết quả cuối cùng, ông Bộ-Trưởng giải-thích những mục-tiêu thiết-yếu của nền Giáo-dục.

(Bài diễn-thuyết có đăng trong số này)

8.— MẤY BUỔI DIỄN-THUYẾT KHÁC VỀ VĂN-HÓA

— Dưới sự bảo-trợ của Hội Việt-Nam nghiên-cứu và Liên-Lạc Văn-Hóa Á-Châu, tối hôm 2-1-59, hồi 18 giờ, ông Nguyễn-văn-Trung, Giảng-sư về Triết-học tại Trường Đại-Học Huế, đã nói chuyện về «Văn-đề văn-hóa hiện nay của Việt-Nam», tại trường Văn-khoa Đại-học Saigon.

Theo diễn-giả thì vấn đề là phải làm cho nền văn hóa cổ-truyền của Việt-Nam thích ứng với những điều-kiện hiện tại, hướng về con đường có

thể tạo nên một sự thông-cảm lẫn nhau giữa Việt-Nam và các nước khác trên Thế-giới.

— Tối hôm 19-2-59, Bác-sĩ Richard Abbott Gard, Cố-vấn trong Cơ-quan Viện-trợ Văn-hóa Á-Đông (Asia Foundation), đã nói chuyện về đề tài «*nền giáo-lục theo Phật Giáo*», tại giảng-đường Trường Đại-Học Sư-Phạm Saigon.

Diễn-giã cho biết rằng Phật-giáo là một giáo-lý nhân-sinh đặt nền-tảng trên những khái-niệm chính-thống, và nền giáo-lục Phật-giáo căn cứ theo ba điểm : 1) Phật ; 2) Dharma, tức nhân quả ; 3) Sangha, tức hành đạo

— Tối 24-2-59, bác sĩ Richard A. Gard đã nói chuyện tại Trụ-sở Hội-Việt-Nam Nghiên-Cứu Liên-lạc Văn-Hóa Á-Châu, ở số 201 đường Lê-văn Duyệt, Saigon, về đề tài : «*Những mối liên-lạc văn-hóa giữa Tây-Phương và Đông Phương*». Phân tách các yếu-tố lịch-sử về những mối liên-lạc nói trên, cùng thái-độ và những nguyện-vọng của các dân-tộc Á-Châu, Bác-sĩ Gard đã nêu ra nhiều ý-kiến xây-dựng về vấn đề này.

— Hồi 10 giờ sáng 26-2-59 vừa qua, tại rạp Viên-Trường ở tỉnh-lỵ Mỹ-Tho (Định-Tường), ông Trương-công-Cửu, Khoa-trưởng trường Đại-học Sư-phạm Saigon, đã thuyết trình đề tài «*Giải-phóng toàn diện con người*».

Buổi thuyết-trình được đặt dưới quyền chủ-tọa của ông Tỉnh-trưởng Định-Tường với sự hiện-diện của đại-diện các cấp Dân Quân Chính, toàn thể công-chức trong tỉnh, đại diện các đoàn-thể chánh-trị, tôn-giáo, hiệp-hội, các vị thân-hào.

Trên một tiếng đồng hồ, diễn-giã đã đưa ra nhiều lý-thuyết về tâm-lý học cũng như về triết-học và nêu ra nhiều dẫn-chứng cụ-thể trên thế giới hiện nay.

— Tối hôm 4-3-59 tại trụ-sở Pháp-Văn Đông-Minh-Hội ở Saigon, Giáo-sư Olov Jansé một nhà khảo cổ Hoa-Kỳ, danh-dự hội-viên trường Viễn-Đông Bác-Cổ, đã nói chuyện về đề tài : «*Việt-Nam, nơi gặp gỡ giữa các dân-tộc và các nền văn-minh*».

Giáo-sư Olov Jansé đã thuật lại những cuộc khảo-cứu mà ông đã thực-hiện trong nhiều năm tại Việt-Nam, dưới sự bảo-trợ của Trường Viễn-Đông Bác-Cổ và Viện Đại-học Harward (Hoa-Kỳ), đã trình bày lịch-sử cuộc gặp gỡ giữa các dân-tộc và các nền văn-minh tại Việt-Nam.

Sau buổi nói chuyện, có chiếu phim về những di-tích của các nền văn-minh thời cổ ở Việt-Nam, mà Giáo-sư Olov Jansé đã từng khám phá ra được.

9 — TRIỂN-LÂM HỘI-HỌA MÙA XUÂN KỶ-HỢI

Vào 6 giờ chiều ngày 10-3-1959, tại Phòng Thông-Tin Đô-thành Saigon, ông Bộ-Trưởng Thông-Tin và Thanh-Niên đã cắt băng khánh thành cuộc triển-lãm hội-họa mùa xuân Kỷ-Hợi do Văn-hóa-vụ tổ-chức với sự tham gia của 75 họa-sĩ gồm trên 200 họa-phẩm.

Tối dự có đại-diện ngoại-giao đoàn các nước bạn với sự hiện-diện của các vị Bộ-Trưởng trong Chính-phủ và một số đồng quan khách.

Phòng triển-lãm này mở cửa từ 10-3-59 đến 25-3-59.

Những họa-phẩm trưng bày tại đây đã được một số đông khán-giả nhiệt-liệt hoan-nghehnh (xin xem bài phê-bình về cuộc triển-lãm đó có đăng trong số báo này).

10.— GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

Văn-Hóa nguyệt-san đã nhận được những sách mới sau đây của tác-giả hoặc của các nơi xuất-bản gửi tặng. Xin trân-trọng cảm tạ quý-vị và ân-cần giới-thiệu với bạn đọc thân mến :

— *Les origines du Clergé vietnamien* do Linh-mục Nguyễn-hữu-Trọng trong nhóm Tinh-Việt Văn-đoàn soạn thảo rất công phu. Trong cuốn sách khảo-luận này, tác-giả nhấn mạnh vai trò quan-trọng của các giáo-sĩ, và giáo dân Việt-Nam, trong cuộc gây-dựng Giáo-Hội Việt-Nam và đã cung cho sử-học Việt-Nam nhiều tài-liệu quý-giá nhất về phương-diện giáo-sử và mối liên-lạc với giáo-hội Tây-phương. Sách dày 286 trang, giá bán 85đ, do nhà Tinh-Việt

(232/19, Đường Hiền-Vương Saigon) xuất-bản nhân dịp lễ kỷ-niệm 300 năm thiết-lập hai tòa Giám-mục đầu tiên ở Việt-Nam (1659-1959).

— *Japan, its land, people culture* do Ủy-hội quốc-gia Unesco Nhật-Bản gửi tặng.

Sách dày trên 1000 trang, ấn-loát và trình-bày mỹ-thuật, tài-liệu và tranh ảnh phong-phú, rất bổ-ích cho sự khảo-cứu về xứ Phù-Tang.

— *Pháp-văn lớp đệ ngũ* (tập nhất) do ô. Vũ-quý-Mào và Ngô-đức-Kính hợp soạn. Cuốn sách giáo-khoa này gồm những chủ-điểm về sự biến-động của thời-tiết, soạn rất có phương-pháp và đúng theo chương-trình hiện hành của Bộ Quốc-gia giáo-dục. Ngoài những bài tập-đọc, lựa chọn rất cẩn-thận lại có những bài âm-đọc bằng văn vần, những bài học văn-phạm, ngữ-vựng, những bài chính-tả chuẩn-bị, tập văn, phiên-dịch, phân-dịch, v.v... Sách in sáng-sủa và trình bày trang nhã, dày 160 trang, giá bán 38đ.

— *Đời phi-công* do Trung-Tá Nguyễn-xuân-Vinh (bút-hiệu Toàn-phong) sáng-tác là một tập tùy-bút gồm những tâm-thư do một sinh-viên phi-công Việt-Nam trong 3 năm tập sự ở Pháp và Ma-Rốc gửi cho một bạn gái ở quê nhà. Ngôi bút duyên-dáng của tác-giả đã khéo gợi những rung-cảm thành thật của những bạn có duyên-nợ trên đường mây gió bao la. Sách in rất sáng-sủa mỹ-thuật, dày 180 trang, giá bán 35đ. do nhà Tố-Như xuất-bản và nhà Trường-Thi (26, Đường Võ-Tánh, Saigon) phát hành.

B. — TIN NGOÀI NƯỚC

1. — MỘT TỔ-CHỨC HẢI-DƯƠNG-HỌC THẾ-GIỚI DO LIÊN-HIỆP-QUỐC BẢO-TRỢ

Hôm 15-2-59, Viện khoa-học quốc-gia Mỹ đã tuyên-bố tán thành việc thiết-lập một tổ-chức Hải-dương-học thế-giới, dưới quyền bảo-trợ của Liên-Hiệp-Quốc, và ký-kết một thỏa-ước quốc-tế về việc kiểm-soát và khám phá đáy biển.

Viện khoa-học Mỹ cũng khuyến cáo chấp-thuận một chương-trình tăng-gia gấp đôi công-kuộc nghiên-cứu hải-dương-học trong 10 năm tới.

2. — ĐẠI-HỘI Y-HỌC Á-CHÂU TẠI NHỰT

Hội các y-sĩ Nhựt cho biết hôm 11-2-59 rằng đại-hội y-học Á-Châu đầu tiên sẽ mở tại Nhựt vào ngày 31 tháng ba tới đây.

3. — ĐẠI-BIỂU VIỆT-NAM TẠI HỘI-NHỊ SINH-VIÊN QUỐC-TẾ (PEROU)

Tại Hội-nghị Sinh-viên Quốc-tế kỳ thứ 8 mới đây vừa nhóm họp tại La Canture (Pérou) ngày 15-2-59 Phái đoàn Việt-Nam Cộng-Hòa đã được bầu vào hai Ủy-Ban của Hội nghị.

Trong phiên họp khai mạc, Phái đoàn Việt-Nam đã được bầu vào Ủy-ban gồm có 7 nhân viên phụ-trách việc xem xét thẩm quyền của các Phái đoàn tham-dự Hội-nghị; và sau đó, Phái đoàn Việt-Nam lại được cử vào Ủy-ban Kiểm-soát gồm 9 nhân viên có nhiệm-vụ bầu Ủy-Ban Chấp-Hành và hoạch-định chương-trình hoạt-động trong năm nay.

Hội-nghị nói trên đã khai mạc hôm 15-2-59 và đã nhóm-họp đến cuối tháng hai vừa qua.

81 Phái-đoàn đại-diện 68 quốc-gia và 14 tổ-chức quốc-tế đã tham-dự Hội-nghị.

Phái đoàn Việt-Nam Cộng-Hòa do Bà Nguyễn-khoa-Thi, hướng-dẫn và gồm có cô Phạm-bạch-Tuyết và ông Phạm-ngọc-Hai.

4. — MỘT KIẾN-TRÚC-SƯ VIỆT-NAM VỪA ĐOẠT GIẢI HÀN-LÂM VIỆN MỸ-THUẬT PHÁP

Theo một nguồn tin của Hãng Thông-Tấn Pháp A.F.P cho biết thì năm nay Hàn-Lâm-Viện Mỹ-Thuật Pháp đã tặng giải kiến-trúc Paul Bigot (120.000 phật lạng) cho ông Võ-Toàn, một kiến trúc-sư Việt-Nam, từng thụ giáo hai kiến-trúc sư Expert Dengler và Leconte.



